

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC THỊNH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG XÃ PHÚC THỊNH

-----*****-----



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG,
HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ô ĐẤT ĐG-8
Địa điểm: xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội

Hà Nội, tháng năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC THỊNH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG XÃ PHÚC THỊNH

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HẠ
TẦNG KỸ THUẬT Ô ĐẤT ĐG-8

Địa điểm: xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội

CHỦ DỰ ÁN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ-HẠ
TẦNG XÃ PHÚC THỊNH



GIÁM ĐỐC
Đào Ngọc Huân

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ENPRO



GIÁM ĐỐC
Đinh Việt Hùng

Hà Nội, tháng năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC BẢNG	7
DANH MỤC HÌNH	10
MỞ ĐẦU	11
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN	11
1.1. Thông tin chung về dự án	11
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật	13
1.3.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng.....	13
1.3.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch thành phố	13
2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM	14
2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.....	14
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.....	20
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	20
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP ĐTM	21
3.1. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	21
4. CÁC PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	23
5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM.....	26
5.1. Thông tin về dự án.....	26
5.1.1. Thông tin chung.....	26
5.1.2. Quy mô, công suất.....	26
5.1.3. Công nghệ sản xuất	27
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	27
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	27
5.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, khí thải.....	27
5.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại.....	28

5.3.3. Tiếng ồn và độ rung	28
5.3.4. Các tác động khác	29
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	29
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ đầu tư: Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án.....	33
CHƯƠNG 1 THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	35
1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	35
1.1.1. Tên dự án.....	35
1.1.2. Tên Chủ đầu tư	35
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án.....	35
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.....	38
1.1.4.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.....	38
1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.....	38
1.2.1. Các hạng mục công trình chính.....	39
.....	57
1.2.2.2. Hạng mục công trình phụ trợ trong quá trình thi công xây dựng	76
1.2.3. Các hoạt động của dự án	77
1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và BVMT	78
1.2.5.1. Thoát nước mưa	78
1.2.5.2. Thoát nước thải	79
1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN.....	80
1.3.1. Giai đoạn thi công của dự án.....	80
1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG.....	94
1.6. TIẾN ĐỘ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN	100
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án.....	100
1.6.2. Tổng mức đầu tư	101
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	101
CHƯƠNG 2 ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	102
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	102
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	102
2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa hình	102
2.1.1.2. Đặc điểm địa chất.....	102
2.1.1.3. Điều kiện khí hậu, khí tượng.....	105
2.1.1.4. Đặc điểm thủy văn và địa chất thủy văn	109

2.1.1.5. Các hiện tượng địa chất động lực công trình.....	111
2.2. HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	111
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường	111
2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học	115
2.3. NHẬN DẠNG CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG, YẾU TỐ NHẠY CẢM VỀ MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	116
CHƯƠNG 3 ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	117
3.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG.....	118
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	118
3.1.1.1. Các nguồn tác động liên quan đến chất thải.....	118
3.1.1.2. Các nguồn tác động không liên quan đến chất thải.....	123
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn GPMB	129
3.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG.....	134
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	134
3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn thi công xây dựng có liên quan đến chất thải.....	135
3.2.1.1.1. Đối với bụi và khí thải.....	136
3.2.1.1.2. Đối với nước thải.....	148
3.2.1.1.3. Đối với chất thải rắn và CTNH	156
3.2.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn xây dựng không liên quan tới chất thải.....	160
3.2.1.3. Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án giai đoạn thi công xây dựng	173
3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện giai đoạn xây dựng	175
3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi và khí thải phát sinh.....	175
3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải	177
3.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu đối với rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, CTNH	179
3.2.2.4. Biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải	182
3.2.2.5. Các công trình, biện pháp BVMT phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng	192

3.3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH.....	195
3.4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	195
3.4.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và dự toán chi phí cho các công trình bảo vệ môi trường.....	195
3.4.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.	196
3.5. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ NHẬN DẠNG, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO	196
CHƯƠNG 4.....	202
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	202
CHƯƠNG 5 CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	203
5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	203
5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	206
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....	207
1. KẾT LUẬN	207
2. KIẾN NGHỊ.....	208
3. CAM KẾT.....	208

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

A

ATVSTP : An toàn vệ sinh thực phẩm

B

BCH : Ban chỉ huy
BHYT : Bảo hiểm y tế
BOD : Nhu cầu oxi sinh hóa
BQLDA : Ban quản lý cơ sở
BTC : Bộ Tài chính
BTNMT : Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVTV : Bảo vệ thực vật
BXD : Bộ Xây dựng
BNN&PTNT : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

C

CNMT : Công nghệ môi trường
COD : Nhu cầu oxi hóa học
CTNH : Chất thải nguy hại
CTR : Chất thải rắn
CCN : Cụm công nghiệp

D

DO : Nồng độ oxy hòa tan

Đ

ĐTM : Đánh giá tác động môi trường

H

HTXL : Hệ thống xử lý
HST : Hệ sinh thái

K

KBTTN : Khu bảo tồn tự nhiên
KHQLCT : Kế hoạch quản lý chất thải
KHQLMT : Kế hoạch quản lý môi trường
KK : Không khí
KTTV : Khí tượng thủy văn
KT-XH : Kinh tế - xã hội

N

NĐ : Nghị định
NTSH : Nước thải sinh hoạt
NN&PTNN : Nông nghiệp và phát triển nông nghiệp

P

PCCC : Phòng cháy chữa cháy

Q

QCVN : Quy chuẩn Việt Nam
 QĐ : Quyết định
 QL : Quốc lộ
 QLDA : Quản lý cơ sở
 QLMT : Quản lý môi trường

X

XDCT : Xây dựng công trình
 XLNT : Xử lý nước thải.

S

SS : Chất rắn lơ lửng
 SCR : Song chắn rác

T

TCKT : Tiêu chuẩn kỹ thuật
 TCVN : Tiêu chuẩn Việt Nam
 TP : Thành phố
 TSP : Tổng hàm lượng bụi lơ lửng
 TSS : Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng
 TT : Thông tư
 TNHƯ : Trách nhiệm hữu hạn
 TNMT : Tài nguyên và môi trường

U

UBND : Ủy ban nhân dân

V

VOC : Chất hữu cơ bay hơi

W

WHO : Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh sách nhân sự tham gia thực hiện lập báo cáo ĐTM	22
Bảng 1. 1: Các mốc khống chế theo chỉ giới đường đỏ được phê duyệt của Dự án	35
Bảng 1. 2: Tổng hợp khối lượng phá dỡ, đất đào đắp phục vụ thi công dự án	80
Bảng 1. 3: Tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động thi công nền mặt đường và hệ thống HTKT của dự án	81
Bảng 1. 4: Các máy móc thiết bị thi công phục vụ thi công sử dụng nhiên liệu dầu diesel	89
Bảng 1. 5: Tuyến đường chở nguyên liệu chính cung cấp cho dự án	93
Bảng 1. 6: Bảng sinh khối của 1m ² loại thảm thực vật	122
Bảng 2. 1. Nhiệt độ trung bình tháng năm 2019 – 2023	106
Bảng 2. 2. Độ ẩm không khí trung bình tháng trong năm.....	106
Bảng 2. 3. Tổng số giờ nắng trung bình của các tháng trong năm.....	107
Bảng 2. 4. Tốc độ gió trung bình tháng từ năm 2019 - 2023 (Trạm Láng – Hà Nội)	108
Bảng 2. 5. Lượng mưa trung bình năm 2019 đến năm 2023 (mm).....	109
Bảng 2. 6: Kết quả phân tích hiện trạng môi trường không khí xung quanh dự án ...	111
Bảng 2. 7: Kết quả phân tích mẫu nước mặt gần dự án	112
Bảng 2. 8: Kết quả phân tích các chất ô nhiễm có trong đất tại dự án	114
Bảng 3. 1: Bảng nhận diện và phân loại nguồn tác động, quy mô tác động môi trường trong giai đoạn GPMB của dự án	118
Bảng 3. 2: Khối lượng phá dỡ các hạng mục công trình.....	119
Bảng 3. 3: Bảng tổng hợp chất thải phát sinh trong hoạt động phá dỡ GPMB	120
Bảng 3. 4: Tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng	121
Bảng 3. 5: Bảng khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị	123
Bảng 3. 6: Thiệt hại do chiếm dụng vĩnh viễn đất sản xuất nông nghiệp	126
Bảng 3. 7: Các rủi ro, sự cố do quá trình tháo dỡ tuyến đường dây điện.....	128
Bảng 3. 8: Đánh giá khả năng tác động gây mất điện, mất nước, mất đường truyền thông	128
Bảng 3. 9: Bảng nhận diện và phân loại nguồn tác động, quy mô tác động môi trường trong giai đoạn thi công dự án	135
Bảng 3. 10: Khối lượng đào đắp các hạng mục thi công	137
Bảng 3. 11: Hệ số phát bụi từ hoạt động thi công	137

Bảng 3. 12: Tổng lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, phá dỡ (kg)	138
Bảng 3. 13: Nồng độ bụi phát sinh do đào, đắp, xúc bốc, vận chuyển	138
Bảng 3. 14: Nồng độ bụi phát sinh từ nguyên vật liệu thi công.....	139
Bảng 3. 15: Số lượng xe vận chuyển trong giai đoạn thi công	139
Bảng 3. 16: Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải.....	139
Bảng 3. 17. Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô 16 tấn vận chuyển gây ra ...	140
Bảng 3. 18: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô 10 tấn vận chuyển gây ra	140
Bảng 3. 19: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm theo chiều cao và khoảng cách tính toán trong giai đoạn thi công nền đường và HTKT.....	141
Bảng 3. 20: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm theo chiều cao và khoảng cách tính toán trong giai đoạn thi công cầu.....	141
Bảng 3. 21: Tải lượng ô nhiễm bụi, khí thải đối với các loại máy móc tham gia thi công các hạng mục công trình dự án.....	143
Bảng 3. 22: Kết quả dự báo nồng độ ô nhiễm bụi, khí thải từ ống xả của các trang thiết bị, máy móc thi công	143
Bảng 3. 23: Dự báo tải lượng bụi phát sinh do vận chuyển và bốc dỡ vật tư.....	144
Bảng 3. 24: Tỷ trọng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn kim loại	145
Bảng 3. 25: Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong công đoạn hàn.....	145
Bảng 3. 26: Tải lượng ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt a (g/người/ ngày)	149
Bảng 3. 27: Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm chính trong NTSH giai đoạn thi công	149
Bảng 3. 28: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải từ hoạt động thi công	151
Bảng 3. 29: Lưu lượng mưa giai đoạn thi công	153
Bảng 3. 30: Ước tính lượng phát sinh nước mưa chảy tràn qua công trình.....	154
Bảng 3. 31: Tải lượng ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn trong 1 ngày.....	154
Bảng 3. 32: Thành phần đặc trưng của rác thải sinh hoạt.....	157
Bảng 3. 33: Khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công các hạng mục công trình của dự án.....	159
Bảng 3. 34: Mức ồn điển hình của các thiết bị, phương tiện thi công ở khoảng cách 2m	160
Bảng 3. 35: Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công theo khoảng cách.....	161
Bảng 3. 36: Tác động của tiếng ồn ở các mức khác nhau đến sức khỏe con người ...	163
Bảng 3. 37: Mức rung của các phương tiện thi công	163
Bảng 3. 38: Biện pháp thanh thải mặt bằng khi dự án thi công xong.....	191
Bảng 3. 39: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án trong giai đoạn GPMB, thi công xây dựng.....	195
Bảng 3. 40. Nhận xét mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá	198

Bảng 5. 1: Chương trình quản lý môi trường	204
Bảng 5. 2: Nội dung giám sát môi trường không khí trong giai đoạn thi công.....	206

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1: Vị trí của Dự án.....	37
Hình 3. 1: Mặt bằng bố trí công trường thi công của dự án.....	175
Hình 3. 2: Nhà vệ sinh di động sử dụng trong giai đoạn thi công Dự án	178

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

Công cuộc chuyển đổi kinh tế – xã hội nước ta sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước trong những năm gần đây thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các khu đô thị cũng như các nhóm nhà ở trong cả nước. Mặt khác sự phát triển xây dựng nhà ở lại tạo điều kiện cơ sở vật chất cho sự đổi mới và phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Trong quá trình cải tạo xây dựng và phát triển nhà ở nhằm đáp ứng yêu cầu trên chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, một trong những khó khăn đó là sự yếu kém, thiếu đồng bộ về mạng lưới công trình cơ sở hạ tầng công trình, chính sách xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ các khu đô thị tại Hà Nội.

Thực hiện kế hoạch phát triển Thủ đô Hà nội năm 2000 – 2020, trong những năm qua Nhà nước và Thành phố đã quan tâm đầu tư xây dựng và mở rộng, nhất là từ khi thực hiện chính sách đổi mới và chuyển sang nền kinh tế thị trường. Nhiều trục đường chính của thành phố đã được cải tạo mở rộng và xây mới như trục đường 1A, đường 6, đường vành đai 3, vành đai 4..., nhiều khu nhà ở mới được hình thành như Sài đồng, Cầu Bươu, Việt Hưng.

Tuy nhiên, song song với việc đời sống kinh tế của mọi tầng lớp dân cư được cải thiện điều kiện ở của nhân dân Thủ đô ngày càng nâng cao. Trong điều kiện dân số nội thành tăng nhanh, việc cải thiện điều kiện ở tại chỗ chưa thể đáp ứng được, dẫn đến sự phát triển xây dựng tự phát ồ ạt đã xảy ra trong các năm qua ở Hà nội, phá vỡ quy hoạch đô thị và càng làm cho hệ thống cơ sở hạ tầng các khu đô thị, bị quá tải. Để việc xây dựng nhà ở tại Thủ đô được thực hiện có trật tự, đúng quy hoạch, đảm bảo cho các khu dân cư đô thị mới được trang bị hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ như đường giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, trường học, nhà trẻ, khu cây xanh, công viên giải trí... góp phần cải thiện một cách cơ bản điều kiện chỗ ở của nhân dân Thủ đô, Thành phố Hà nội cho phép nghiên cứu quy hoạch xây dựng các khu nhà ở mới như nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Hiện nay tại thành phố Hà Nội đang triển khai các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đang mang lại những hiệu quả to lớn về nhiều mặt cho sự phát triển quỹ đất, quỹ nhà của thành phố. Dự án GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9 cũng hướng tới mục đích đó.

Dự án GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9 nhằm tạo quỹ đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, tạo kênh huy động nguồn vốn đầu tư nhằm phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; Đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, khớp nối đồng bộ giao thông và hạ tầng kỹ thuật với khu dân cư hiện có, phát triển khu dân cư mới theo hướng đô thị hoá, hiện đại, văn minh và giải quyết nhu cầu về đất ở của nhân dân.

- **Quy mô đầu tư**

Căn cứ Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND xã Phúc Thịnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9”. Quy mô đầu tư dự án bao gồm: giải phóng

mặt bằng, san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước PCCC, cấp điện, bó ống kỹ thuật, khu cây xanh, mặt nước, hệ thống chiếu sáng,...

- **Loại hình dự án**

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng mới.

- **Căn cứ lập báo cáo ĐTM**

Dự án đầu tư mới, thuộc dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công có tổng mức đầu tư khoảng 595.691.000.000 đồng (dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng);

Dự án không thuộc Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Dự án là dự án nhóm II, thuộc đối tượng quy định tại số thứ tự 5 (có yếu tố nhạy cảm về môi trường là chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa 2 vụ từ 5 ha trở lên), mục II, Phụ lục IV của Nghị định 05/2025/NĐ-CP → Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Căn cứ Khoản 3, Điều 35, Luật BVMT số 72/2020/QH14: Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM trình UBND cấp tỉnh phê duyệt. Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội nên dự án do Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

Cấu trúc và nội dung của báo được trình bày theo quy định tại mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- **Phạm vi nghiên cứu của báo cáo ĐTM bao gồm:**

- Giải phóng mặt bằng.
- San nền.
- Hệ thống giao thông.
- Hệ thống thoát nước mưa.
- Hệ thống thoát nước thải.
- Hệ thống cấp nước PCCC.
- Hệ thống cấp điện.

- Hệ thống bó ống kỹ thuật.
- Khu cây xanh, mặt nước.
- Hệ thống chiếu sáng.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật

1.3.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng

- Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030 và định hướng đến 2050; tại Điều 1, Mục I, khoản 3 có thể hiện mục tiêu cụ thể là các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát. Tại Mục II, khoản 1, một trong các nhiệm vụ chiến lược của mục tiêu nêu trên là phát triển kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh với việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; kiểm soát ô nhiễm, phát triển các mô hình khu dân cư, tuyến đường... kiểu mẫu, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp; duy trì và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

- Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, có thể hiện một trong các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường là thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững trong đó quan tâm việc thực hiện đô thị hóa bền vững, phát triển đô thị gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát triển các mô hình khu dân cư, tuyến đường... kiểu mẫu; xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp; duy trì và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Như vậy, việc triển khai Dự án sẽ góp phần phát triển và mở rộng các tuyến đường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung.

Do đó, dự án đầu tư là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

1.3.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch thành phố

- Theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Điều 1 thể hiện mục tiêu: Xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển bền vững, có

hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển hài hòa giữa văn hóa, bảo tồn di sản, di tích lịch sử, với phát triển kinh tế, trong đó chú trọng kinh tế tri thức và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh theo hướng liên kết vùng, quốc gia, quốc tế.

Như vậy, Dự án triển khai sẽ hoàn thiện kết nối giao thông đi lại của 05 xã Vĩnh Ngọc, Xuân Canh, Cổ Loa, Uy Nỗ, Việt Hùng với các khu vực khác của huyện. Điểm đầu của dự án được nối tiếp với đường AH14 và điểm cuối kết nối với tuyến đường từ đường sắt Hà Nội – Lào Cai đến Khu công nghiệp Đông Anh tạo trục đường giao thông đi lại cho người dân huyện, hạn chế ùn tắc giao thông.

- Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tại Mục II, III Điều 1, với quan điểm của quy hoạch là định hướng phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, bền vững, hiện đại, dễ tiếp cận, thuận lợi, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và mục tiêu là xây dựng kế hoạch đầu tư hệ thống giao thông vận tải theo các giai đoạn, xác định các dự án ưu tiên, từ đó làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Như vậy, việc triển khai Dự án phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của thủ đô Hà Nội và đáp ứng nhu cầu đi lại, hạn chế sự ùn tắc lên các tuyến đường giao thông trong khu vực.

2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM

2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án lập dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

a. Căn cứ lập ĐTM

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b. Căn cứ có liên quan

b1. Các văn bản Luật

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 13/08/2008 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 44/2019/QH14;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 18 tháng 1 năm 2024; hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2024;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV ngày 27/11/2023, có hiệu lực ngày 01/07/2024

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019; có hiệu lực ngày 01/01/2020.

- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 28/6/2024; có hiệu lực ngày 01/01/2025;

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018, có hiệu lực ngày 01/01/2020;

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

b2. Nghị định

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết

một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải.

- Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 26/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/09/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b3. Thông tư

- Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT về quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;
- Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Hướng dẫn xác định một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Hướng dẫn xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/09/2021 của Bộ xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 19/2016/TT - BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế về hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động;

- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/2/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

- Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử, điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

- Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 18:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

- Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh” (QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất).

b4. Nghị quyết, Quyết định

- Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 6/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;

- Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: thu tiền thuê đất; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê; thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Danh mục các công trình thủy lợi phân cấp quản lý;

- Quyết định số 4720/QĐ-BCT ngày 02/12/2016 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt hợp phần I Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035;

- Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 7/9/2013 của UBND TP Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;

- Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b5. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng nước:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng không khí:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng đất:

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến độ rung, tiếng ồn:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất thải:

- TCVN 6705:2009 - Chất thải rắn không nguy hại - Phân loại;
- TCVN 6706:2009 - Chất thải rắn nguy hại - Phân loại;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác liên quan:

- QCVN 07:2016/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- TCVN 13606:2023 - Cấp nước Mạng lưới đường ống và công trình;
- TCVN 13602:2023 - Cấp nước Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài;

b6. Các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM

- Sổ tay hướng dẫn lập ĐTM tập 1, tập 2 do Cục thẩm định và đánh giá tác động môi trường biên soạn (hiện nay là Vụ thẩm định và đánh giá tác động môi trường);
- Sổ tay đánh giá tác động môi trường có sự tham gia của cộng đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2012;
- Lê Thạc Cán, Đánh giá tác động môi trường, phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn, NXB Khoa học kỹ thuật, 1995

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

Quyết định số 6630/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 02/12/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài, tỷ lệ 1/500-Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3 (đường Võ Nguyên Giáp);

Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND xã Phúc Thịnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Báo cáo thuyết minh nghiên cứu khả thi của Dự án;
- Các bản vẽ liên quan của dự án;
- Các kết quả phân tích môi trường nền khu vực dự án do Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp Môi trường Enpro thực hiện: Do việc tiến hành đo đạc, lấy

mẫu trong thời gian lập dự án nên các số liệu này là có cơ sở. Vị trí, thông số, tần suất, thời gian đo đạc, khảo sát và lấy mẫu các hạng mục này được trình bày chi tiết tại chương 2, phần Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường vật lý, trong đó sơ đồ vị trí khảo sát chất lượng môi trường được trình bày kèm tại Chương 2.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP ĐTM

3.1. Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường

Để thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh, đơn vị được giao là chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường để tiến hành nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá và lập báo cáo ĐTM. Báo cáo ĐTM được trình Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội thẩm định, phê duyệt. Dựa trên cơ sở quy định của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, sửa đổi, bổ sung tại thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, báo cáo ĐTM dự án được tiến hành theo các trình tự sau:

- + Bước 1: Nghiên cứu Dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án.
- + Bước 2: Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực Dự án.
- + Bước 3: Khảo sát, đo đạc và phân tích chất lượng môi trường khu vực Dự án.
- + Bước 4: Xác định các nguồn tác động, đối tượng và quy mô tác động. Phân tích và đánh giá các tác động của Dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội.
- + Bước 5: Xây dựng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường của Dự án.
- + Bước 6: Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án.
- + Bước 7: Tổng hợp báo cáo ĐTM của Dự án và trình cơ quan chức năng thẩm định.

Các thông tin liên quan đến cơ quan tư vấn lập báo cáo ĐTM

3.2. Danh sách những người trực tiếp tham gia đánh giá tác động môi trường

1) Đơn vị chủ trì thực hiện lập báo cáo ĐTM

Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh

Đại diện: Ông Đào Ngọc Huân

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: thôn Cổ Dương, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

2) Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp môi trường Enpro

Người đại diện: Ông Đinh Việt Hùng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thửa đất 218-1 Tờ bản đồ 06, Làng Nghĩa, Tổ 8, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội, Việt Nam.

3) Danh sách nhân sự tham gia thực hiện lập báo cáo ĐTM

Các nhân sự tham gia lập báo cáo ĐTM được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Danh sách nhân sự tham gia thực hiện lập báo cáo ĐTM

STT	Họ và tên	Học hàm /Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
I	Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh				
1	Đào Ngọc Huân	Giám đốc	Chủ trì		
2	Nguyễn Thành Trung	Cán bộ quản lý dự án	Cung cấp hồ sơ, tài liệu dự án		
II	Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp môi trường Enpro				
1	Đinh Việt Hùng	KS. Công nghệ kỹ thuật môi trường	Giám đốc	Trực tiếp chỉ đạo công tác lập báo cáo, tham mưu về nội dung báo cáo	
2	Nguyễn Thị Lan	ThS. Khoa học môi trường	Chuyên viên tư vấn môi trường	Viết phần mở đầu, Chương 1 và tổng hợp nội dung báo cáo	
3	Thân Thị Anh	Ths. Khoa học môi trường	Chuyên viên tư vấn môi trường	Viết chương 3, 4 đánh giá, đưa ra biện pháp giảm thiểu chương 3	
4	Nguyễn Văn Tâm	KS. Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	Chuyên viên tư vấn môi trường	Viết chương 3	

4. CÁC PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Bảng 0.3. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
I	Các phương pháp ĐTM		
1	Phương pháp liệt kê	Liệt kê kèm theo mô tả nội dung, khối lượng và quy mô các hạng mục của dự án được triển khai trong từng giai đoạn: Chuẩn bị, thi công và vận hành của dự án. - Liệt kê các đối tượng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và các vấn đề môi trường liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. - Liệt kê các tác động môi trường, liệt kê các đối tượng bị tác động và các vấn đề môi trường liên quan đến từng hoạt động của dự án.	- Chương 1: Liệt kê, mô tả các hạng mục của dự án và các vấn đề liên quan. - Chương 2: Liệt kê, thống kê số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và các vấn đề môi trường liên quan khác. - Chương 3: Liệt kê, nhận dạng nguồn gây tác động và đối tượng bị tác động đối với từng hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và vận hành dự án.
2	Phương pháp đánh giá nhanh	- Đánh giá các hoạt động, dự báo về tải lượng, nồng độ ô nhiễm đối với các nguồn chất thải hoặc tiếng ồn, rung động. + Đối với môi trường không khí sử dụng hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa kỳ (USEPA). + Đối với tiếng ồn, độ rung sử dụng hệ số ô nhiễm của Ủy ban BVMT U.S và Cục đường bộ Hoa Kỳ tính toán mức độ ồn, rung của phương tiện, máy móc thiết bị thi công theo khoảng cách. Từ đó đưa ra tác động đến đối tượng xung quanh. + Nước thải phát sinh tính toán theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ Về thoát nước và xử lý nước thải.	Chương 2: Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, sức chịu tải môi trường khu vực dự án. - Chương 3: Đánh giá, so sánh các kết quả tính toán dự báo ô nhiễm môi trường so với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		+ CTR xây dựng phát sinh trong quá trình thi công tính toán theo Giáo trình Quản lý chất thải, Tập 1 CTR – Trần Hiếu Nhuệ. - Đánh giá dự báo về mức độ, phạm vi, quy mô bị tác động dựa trên cơ sở định lượng theo hệ số ô nhiễm từ các tài liệu.	
3	Phương pháp mô hình hóa môi trường	- Sử dụng mô hình Sutton để tính toán, dự báo nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động giao thông để xác định nồng độ trung bình của các chất ô nhiễm phát sinh từ các nguồn thải bụi. - Sử dụng các mô hình toán học tính toán về khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.	- Áp dụng tại Chương 3- mục 3.1.1 và mục 3.2.1, tiểu mục tác động đến môi trường không khí của báo cáo để tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong môi trường không khí từ đó làm cơ sở đánh giá tác động và đưa ra biện pháp giảm thiểu. - Áp dụng tại chương 3 của báo cáo.
II	Các phương pháp khác		
1	Phương pháp thống kê	Áp dụng trong việc xử lý các số liệu của quá trình đánh giá sơ bộ môi trường nền nhằm xác định các đặc trưng của chuỗi số liệu tài nguyên - môi trường thông qua: Điều tra, khảo sát, lấy mẫu ngoài thực địa và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm, xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường không khí, nước, đất, tiếng ồn. Sau đó so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường bắt buộc do BTNMT và các Bộ, ngành liên quan ban hành.	Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong Chương 2 của báo cáo.
2	Phương pháp điều tra, thu thập số liệu và khảo sát thực địa; tham vấn cộng đồng	- Điều tra khảo sát thực địa để xác định đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh dự án có khả năng chịu tác động trong quá trình thi công và hoạt động của Dự án. Đồng thời trong quá trình điều tra, khảo sát hiện trường, xác định vị trí	- Chương 1: Mô tả vị trí dự án trong mối tương quan với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội. - Chương 2. Mô tả về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực dự án - Chương 6 của báo cáo

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		lấy mẫu môi trường làm cơ sở cho việc đo đạc các thông số môi trường nền. - Điều tra về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của dự án. - Tham vấn cộng đồng: Cung cấp cho cộng đồng các thông tin cần thiết để hiểu rõ về Dự án, những tác động tiêu cực của việc thực hiện và những biện pháp giảm thiểu tương ứng; thông báo tới cộng đồng những lợi ích khi Dự án được thực hiện; tiếp thu ý kiến phản hồi của những người bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương nơi thực hiện Dự án; điều chỉnh nội dung của báo cáo ĐTM trên cơ sở đóng góp và ý kiến của cộng đồng về Dự án để phù hợp với thực tế tại địa phương.	
3	Phương pháp lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm	Lấy mẫu các thành phần môi trường của dự án thực hiện tại hiện trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm. - Các phương pháp lấy mẫu và phân tích được thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp, được giải trình chi tiết tại chương 2 của báo cáo.	Chương 2. Đánh giá về hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án.
4	Phương pháp phân tích hệ thống	là phương pháp quan tâm, nghiên cứu các nội dung, thông tin liên quan đến dự án, các số liệu đã thu thập, cập nhật được, các kết quả phân tích thu được từ quá trình đo đạc tại thực địa và phân tích trong phòng thí nghiệm. Từ kết quả nghiên cứu này để đưa ra đặc điểm các tác động đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Phương pháp này được sử dụng tại Chương 1 và chương 3 của báo cáo

STT	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		trong từng giai đoạn triển khai khác nhau của dự án.	
5	Phương pháp so sánh	Các kết quả đo đạc, phân tích môi nền đều được so sánh với các QCVN có liên quan nhằm đánh giá hiện trạng môi trường. Ngoài ra, các kết quả tính toán, dự báo ĐTM cũng được so sánh với các QCVN có liên quan để đưa ra các kết luận cần thiết.	Phương pháp này được sử dụng chủ yếu tại Chương 2, Chương 3 của báo cáo.

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Phú Thịnh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh.

- Vị trí, ranh giới:

- Ranh giới của khu đất tiếp giáp:

+ Phía Bắc, phía Tây giáp khu dân cư hiện trạng.

+ Phía Nam giáp dự án “GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-8”

+ Phía Đông giáp đường Võ Nguyên Giáp (Nhật Tân – Nội Bài).

5.1.2. Quy mô, công suất

Căn cứ Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND xã Phúc Thịnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9”. Quy mô đầu tư dự án bao gồm: giải phóng mặt bằng, san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước PCCC, cấp điện, bó ống kỹ thuật, khu cây xanh, mặt nước, hệ thống chiếu sáng,...- Loại hình dự án: Dự án nhóm B. Dự án đầu tư xây dựng mới, cấp hạng đường chính đô thị.

- Mục tiêu đầu tư:

Hiện thực hóa các quy hoạch đã được phê duyệt; Xây dựng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại; Đảm bảo khớp nối đồng bộ HTKT theo quy hoạch, khớp nối đồng bộ khu dân cư hiện có và các khu đô thị mới;

Hiện thực hóa trực động lực phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô theo đúng định hướng của Trung ương và Thành phố;

Khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

5.1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án không trực tiếp sản xuất tạo ra sản phẩm.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Dự án “GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9” được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 33,0 ha.

- **Các hạng mục chính của dự án sẽ được xây dựng bao gồm:**

Giải phóng mặt bằng.

San nền.

Hệ thống giao thông.

Hệ thống thoát nước mưa.

Hệ thống thoát nước thải.

Hệ thống cấp nước PCCC.

Hệ thống cấp điện.

Hệ thống bố ống kỹ thuật.

Khu cây xanh, mặt nước.

Hệ thống chiếu sáng.

- **Các hoạt động của dự án**

- Hoạt động giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động san nền, hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

- **Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)**

Căn cứ vào điểm c, khoản 1, điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4, điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong ranh giới phạm vi dự án có yếu tố nhạy cảm là dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên (diện tích thu hồi khoảng 24,11ha), các yếu tố nhạy cảm còn lại không nằm trong ranh giới dự án.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, khí thải

a/ Nước thải

- Giai đoạn GPMB, thi công xây dựng:

- Hoạt động của công nhân thi công phát sinh nước thải sinh hoạt trong các ca làm việc với lưu lượng khoảng 2,7 m³/ngày (tổng số có 01 công trường/02 đội thi công). Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (đặc trưng bởi BOD và COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật gây bệnh.

- Hoạt động vệ sinh bánh và thùng xe các phương tiện vận chuyển tại các công trường thi công phát sinh nước thải xây dựng với lưu lượng khoảng 4,87 m³/ngày thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS).

- Giai đoạn vận hành: Không có.

b/ Khí thải

- Giai đoạn GPMB, thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa; đào đắp, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đổ đất đá loại, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình của Dự án,... Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

5.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại

a/ Chất thải rắn

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 12 kg/ngày thi công (hoạt động của công nhân trong ca làm việc, công nhân không ăn ở tại công trường). Thành phần chủ yếu bao gồm các loại bao bì, giấy, vỏ chai lọ thải bỏ,...

- Chất thải rắn phát sinh với khối lượng khoảng 7.532 tấn từ hoạt động phá dỡ với thành phần chủ yếu là bê tông, gạch vỡ,...; khoảng 110 tấn sinh khối từ hoạt động phát quang với thành phần chủ yếu là gỗ, cành lá; khoảng 66.837,47 tấn đất đỏ thái; chất thải di dời mộ: 3,8 ÷ 6,4 tấn.

- Giai đoạn vận hành: Không có.

b/ Chất thải nguy hại

- Giai đoạn GPMB, thi công xây dựng: Hoạt động sửa chữa nhỏ máy móc, thiết bị thi công và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 30,45 kg/quá trình. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, dầu nhiên liệu thải, vỏ thùng sơn.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

5.3.3. Tiếng ồn và độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động phá dỡ, thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và độ rung; có khả năng ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

- Giai đoạn vận hành: Không có

5.3.4. Các tác động khác

- Các tác động khác trong giai đoạn thi công xây dựng:
 - Dự án chiếm dụng đất làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, xã hội của các hộ dân.
 - Chiếm dụng khoảng 3.781 m² đất ở của khoảng 33 hộ, trong đó có khoảng 20 hộ phải di dời tới nơi ở mới làm ảnh hưởng tới đời sống vật chất, tinh thần của các hộ dân.
 - Chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 104.960,23 m² đất nông nghiệp đang được người dân, các hộ gia đình canh tác, sản xuất (trong đó diện tích đất trồng lúa khoảng 103.700 m² đất trồng lúa, còn lại 1.260,23 m² là đất trồng cây lâu năm) ảnh hưởng tới sinh kế, thu nhập, mức sống của người dân có đất bị thu hồi;
 - Việc chiếm dụng đất (trong đó có đất kênh mương, đất trồng lúa), hoạt động hoàn trả kênh mương có khả năng gây gián đoạn khả năng tiêu thoát nước, nguồn cấp nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động canh tác, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án và lân cận.
 - Dự án di dời 318 ngôi mộ làm ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tâm linh của các hộ gia đình bị ảnh hưởng.
 - Dự án di dời các cột điện trung, hạ thế; đường ống cấp nước, hệ thống viễn thông, làm ảnh hưởng đến sản xuất, vận hành và sinh hoạt cộng đồng.
 - Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.
- Tác động khác trong giai đoạn vận hành: Không có

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

5.4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại công trường, (nhà vệ sinh di động dung tích khoảng 5.000 lít, mỗi nhà vệ sinh có 02 khoang) để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt trong ca làm việc của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.
- Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.
- Bố trí tại công trường thi công (tổng số có 01 công trường) xây 01 hố 3 ngăn (ngăn tách dầu, ngăn lắng cặn, ngăn chứa nước trong thể tích lần lượt là 4 m³; 2m³; 2 m³. Tổng là 8m³) để thu gom và lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh bánh xe và mặt ngoài thùng xe các phương tiện vận chuyển tại công trường thi công. Tại ngăn 01 bố trí vật liệu để tách dầu là vải hút dầu SOS-1. Dầu mỡ từ nước thải rửa xe sẽ được giữ lại trên vải hút dầu SOS-1. Nước thải sau khi tách lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích làm ẩm vật liệu thi công, đất đá loại trước khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

Quy trình: Nước thải từ hoạt động vệ sinh bánh xe và mặt ngoài thùng xe các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → bể lắng 03 ngăn → tái sử dụng vệ sinh dụng

cụ, làm ẩm vật liệu, đất đá loại trước khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

- Nước mưa chảy tràn:

- + Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào mương thoát nước.

- + Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với quy hoạch thoát nước của khu vực.

- Giai đoạn vận hành: Do không phát sinh nước thải nên không có các công trình thu gom, xử lý nước thải.

5.4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Phun nước làm ẩm, che chắn khi phá dỡ;

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước tưới ẩm thường xuyên vào những ngày không mưa với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; vệ sinh bánh xe và mặt ngoài thùng xe các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường; đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Giai đoạn vận hành: Do không phát sinh bụi và khí thải nên không áp dụng các biện pháp giảm thiểu; không có các công trình xử lý bụi, khí thải

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 05: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

5.4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bố trí 1 cụm gồm 03 thùng rác để thu gom chất thải rắn sinh hoạt (thùng rác dung tích 60 lít) có nắp đậy để chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được bố trí tại khu vực cổng ra vào dự án. Định kỳ hàng ngày sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ được vận chuyển đến đổ tại Bãi đổ thải Nguyên Khê.

- Đối với đất thừa từ hoạt động thi công công trình hạ tầng kỹ thuật: Sử dụng toàn bộ để đắp nền đường.

- Chất thải từ các bể phốt nằm trong công trình phá dỡ được thu gom, vận chuyển đi xử lý bởi đơn vị có chức năng thông qua hợp đồng với Chủ Dự án.

- Đối với chất thải rắn từ hoạt động di dời mộ: Chất thải phát sinh trong toàn bộ quá trình thực hiện cải táng được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải thông thường theo quy định tại Thông tư số 21/2021/BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về vệ sinh trong mai táng, hỏa táng.

- Giai đoạn vận hành: Do không phát sinh chất thải rắn nên các biện pháp giảm thiểu sẽ không được áp dụng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các giai đoạn của Dự án đều được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

5.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Thu gom toàn bộ CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và lưu chứa trong các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ và lưu giữ trong các kho chứa CTNH tạm thời tại công trường thi công diện tích 10 m², có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Kho bố trí 05 thùng chứa riêng biệt dung tích khoảng 60 lít/thùng có dán nhãn cảnh báo.

- Giai đoạn vận hành: Không có do không phát sinh chất thải nguy hại.

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên;

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Giai đoạn vận hành: Không có

5.4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

5.4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Không có

5.4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Không có

5.4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công xây dựng.

- Thực hiện đúng các quy trình kiểm soát chất lượng bao gồm các hạng mục khảo sát trước khi thi công, phương án thi công, bản vẽ thi công; Gia cố/ chằng néo

trong quá trình lắp dựng nhằm đảm bảo sự cân bằng ổn định của cột trong quá trình lắp dựng.

- Đảm bảo an toàn điện trong quá trình thi công, tránh phóng điện, chập cháy. Bố trí khu vực chứa nhiên liệu ở vị trí phù hợp, cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát ra tia lửa, lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây cháy nổ (như các kho chứa nhiên liệu xăng dầu...). Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, kiểm tra tại các khu vực chứa nhiên liệu để phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các nguy cơ xảy ra cháy nổ. Trang bị các phương tiện chữa cháy; đảm bảo các trang thiết bị đó luôn ở trong điều kiện sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố. Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ.

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động: Sử dụng nhân lực đã được đào tạo về an toàn thi công và an toàn điện. Người làm việc được trang bị đầy đủ với các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết. Trang bị thiết bị liên lạc để liên hệ cứu hộ khi cần thiết.

- Đối với di dời đường ống xăng dầu đã chiến: Xác định rõ tuyến ống, độ sâu chôn ống, đặc điểm địa hình để chủ động kiểm soát rủi ro sạt lở hoặc va chạm cơ giới; Thực hiện hút kiểm tra hơi dầu còn tồn dư (nếu có) bằng thiết bị đo chuyên dụng trước khi cắt, tháo ống; ...

- Giai đoạn vận hành: Không có

5.4.4.4. Các công trình, biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật; đền bù đất và cây trồng trên đất theo đơn giá tại thời điểm kiểm đếm chi tiết, đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân bị ảnh hưởng; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đền bù và hỗ trợ khác bằng mức chênh lệch chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm giữa thửa đất nông nghiệp có đặc điểm tương đồng về vị trí, khả năng sinh lợi, điều kiện xã hội với thửa đất nông nghiệp liền kề; hỗ trợ đối với đất nông nghiệp vườn, ao liền kề thửa đất ở không được công nhận là đất ở ngoài việc được bồi thường theo giá đất của loại đất tại vị trí theo đúng quy định; hỗ trợ khác bằng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp;

- Thực hiện hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất với mức hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 nhân khẩu theo quy định tại Điều 20 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thực hiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 109 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024.

- Đối với việc di dời các mồ mả có chủ, thực hiện thông báo sớm thời gian thực hiện cho thân nhân các ngôi mộ thuộc đối tượng phải di dời để tiến hành các lễ nghi cần thiết; bồi thường, hỗ trợ kinh phí hợp lý cho việc di dời, vận chuyển và chôn lấp mộ mới; thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 15, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày

15/7/2024.

○ Đối với việc di dời các mồ mả vô chủ: thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc di chuyển các mồ mả vô chủ. Sau thời gian thông báo, trường hợp vẫn không xác định được người nhà của mồ mả vô chủ, thực hiện việc di chuyển các mồ mả vô chủ về các nghĩa trang tại địa phương.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do di dời cơ sở hạ tầng:

○ Chủ dự án sẽ di dời, hoàn trả bằng công trình theo đúng thỏa thuận với các đơn vị chủ sở hữu hệ thống điện, viễn thông, nước, thông tin liên lạc đường sắt và công trình thủy lợi;

○ Trong quá trình triển khai, Chủ dự án sẽ phối hợp với các đơn vị chủ sở hữu đảm bảo hoàn trả đầy đủ và đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của công trình hoàn trả.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông và kinh tế - xã hội:

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với cư dân, cán bộ công nhân viên; phổ biến, quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự, không gây mất đoàn kết với cư dân xung quanh; phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công; không vận chuyển quá tải tránh rơi vãi vật liệu ra đường gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông, làm hư hại đến tuyến đường; tu sửa các đoạn đường bị hư hỏng do hoạt động của Dự án (nếu có).

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ đầu tư: Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án

5.5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện chương trình quản lý môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt và thực hiện báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 6/2/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

Chủ dự án sẽ thực hiện kế hoạch quản lý môi trường dưới sự giám sát, kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.

5.5.2. Giám sát môi trường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

(1). Giám sát môi trường không khí

Nội dung giám sát môi trường không khí giai đoạn thi công thể hiện tại bảng sau:

Bảng 2: Nội dung giám sát môi trường không khí trong giai đoạn thi công

1	Vị trí	Do dự án thi công theo hình thức cuốn chiếu nên vị trí cụ thể của điểm giám sát khí thải trong thi công dự án được xác định theo mũi thi công
2	Số lượng	01 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO ₂ , SO ₂ , tiếng ồn, độ rung
4	Tần suất	03 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh; - QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

		- QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

(3) Giám sát chất thải rắn

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản có liên quan.

(4). Giám sát khác

Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng; giám sát việc hoàn nguyên môi trường các vị trí công trường sau thi công, giám sát an toàn lao động.

CHƯƠNG 1 THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1.1. Tên dự án

GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9.

1.1.2. Tên Chủ đầu tư

- Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh

+ Đại diện: Ông Đào Ngọc Huân Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ: thôn Cổ Dương, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2029.

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

Dự án “GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9” do Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh làm chủ đầu tư. Khu đất dự án có các vị trí tiếp giáp được xác định như sau:

+ Phía Bắc: Giáp đường QL 23B;

+ Phía Nam: Giáp khu ruộng trồng rau;

+ Phía Đông: Giáp khu ruộng trồng rau và hoa màu.

+ Phía Tây: Giáp đường gom ven đường Võ Nguyên Giáp.

Các mốc không chế theo chỉ giới đường đỏ được phê duyệt của Dự án theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 như sau:

Bảng 1. 1: Các mốc không chế theo chỉ giới đường đỏ được phê duyệt của Dự án

Bảng tọa độ ranh giới dự án			
STT	Tên mốc	X(m)	Y(m)
1	1	2340248.62	584941.40
2	2	2340257.50	584963.54
3	3	2340229.55	585042.68
4	4	2340209.40	585130.04
5	5	2340208.22	585135.17
6	6	2340207.52	585137.86
7	7	2340206.67	585140.50
8	8	2340196.20	585170.16
9	9	2340193.52	585174.20
10	10	2340189.26	585176.52
11	11	2340174.60	585183.54

Bảng tọa độ ranh giới dự án			
STT	Tên mốc	X(m)	Y(m)
12	12	2340163.70	585195.62
13	13	2340159.93	585200.49
14	14	2340154.07	585202.40
15	15	2340154.21	585232.40
16	16	2340097.62	585232.67
17	17	2340096.49	585244.19
18	18	2340094.71	585247.16
19	19	2340091.33	585247.87
20	20	2340086.27	585246.97
21	21	2340073.30	585232.78
22	22	2339739.20	585234.35
23	23	2339684.20	585234.61
24	24	2339533.22	585235.32
25	25	2339482.72	585235.56
26	26	2339274.36	585236.54
27	27	2339237.36	585236.71
28	28	2339153.87	585237.10
29	29	2339117.52	585237.27
30	30	2339117.19	585168.74
31	31	2339116.56	585034.90
32	32	2339116.10	584941.40
33	33	2339551.20	584941.40
34	34	2339661.89	584941.40
35	35	2339910.04	584941.40
36	36	2340020.89	584941.40
37	37	2340098.16	584941.40
38	38	2340181.38	584941.40

(Nguồn: Bản vẽ chỉ giới đường đỏ của Dự án)



Hình 1. 1: Vị trí của Dự án

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

1.1.4.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

Hiện trạng khu vực bao gồm các loại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất chuyên trồng lúa nước, đất nghĩa trang, đất giao thông, đất thủy lợi và đất nuôi trồng thủy sản, cơ cấu sử dụng đất cụ thể như sau:

Bảng hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án

STT	Mã Loại đất	Loại đất	Diện tích thu hồi (ha)
1	LUC	Đất chuyên trồng lúa nước	24,11
2	BHK	Đất trồng cây hàng năm khác	4,70
3	DGT	Đất giao thông	1,25
4	DTL	Đất thủy lợi	0,52
5	NTD	Đất nghĩa trang	0,91
6	TON	Đất tôn giáo	0,56
7	NTS	Đất nuôi trồng thủy sản	0,95
Tổng			33,0

- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

+ Hiện trạng công trình:

Trong khu vực lập quy hoạch chủ yếu là ruộng canh tác nông nghiệp và kênh mương tiêu thoát nước.

+ Hiện trạng đất đai:

Khu đất nghiên cứu có diện tích khoảng 33,0ha, trong đó chủ yếu là đất ruộng canh tác;

Đất kênh mương, kênh tưới và kênh tiêu nước

Đường giao thông nội đồng và đường liên xã.

- Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

Cách ô đất dự án khoảng 100m về phía Bắc là khu ruộng và một phần dân cư

thôn Cổ Dương.

Cách ô đất dự án khoảng 120m về phía Đông Nam là khu dân cư thôn Trung Oai.

Tiếp giáp phía Tây, Tây Nam ô đất dự án là tuyến đường Võ Nguyên Giáp.

Trong ô đất dự án có chùa Linh Yên.

1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

1.1.6.1. Mục tiêu của dự án

Hiện thực hóa các quy hoạch đã được phê duyệt; Xây dựng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại; Đảm bảo khớp nối đồng bộ HTKT theo quy hoạch, khớp nối đồng bộ khu dân cư hiện có và các khu đô thị mới;

Hiện thực hóa trực động lực phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô theo đúng định hướng của Trung ương và Thành phố;

Khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.6.2. Loại hình, quy mô, công suất của dự án

a. Loại hình của dự án

- Dự án thuộc loại hình Dự án xây mới.
- Cấp công trình: nhóm B

b. Quy mô, công suất của dự án

- Căn cứ Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND xã Phúc Thịnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9”. Quy mô đầu tư dự án bao gồm: giải phóng mặt bằng, san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước PCCC, cấp điện, bố ống kỹ thuật, khu cây xanh, mặt nước, hệ thống chiếu sáng,...

1.2. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Các hạng mục chính của Dự án bao gồm:

3.5.1. Thiết kế san nền:

a. Căn cứ, Nguyên tắc thiết kế :

Căn cứ để tiến hành thiết kế:

Căn cứ vào địa hình hiện trạng của khu vực.

Bản đồ thông tin chỉ giới đường đỏ dự án: GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9. Do phòng kinh tế xã Phúc Thịnh cấp.

Tuân thủ theo Bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên tắc thiết kế san nền:

Thiết kế san nền với sự liên hệ chặt chẽ giữa các giai đoạn đảm bảo khối lượng công tác đất là kinh tế nhất.

Thiết kế đảm bảo hướng san nền tuân theo hướng thoát nước chung của thành phố, thoát nước mặt theo hướng gần nhất, nhanh nhất.

b. Nội dung thiết kế

Hướng dốc san nền tuân thủ theo quy hoạch, và hướng thoát chung của khu vực.

Phạm vi san nền: Khu đất xây dựng có tổng diện tích nghiên cứu khoảng 17,56ha. Việc san lấp mặt bằng ở đây chỉ được tiến hành trong các lô đất thuộc phạm vi dự án, còn trong phạm vi các đường giao thông không được san lấp. Cao độ các đường giao thông sẽ được khớp nối vào cao độ san nền, đảm bảo thoát nước tốt.

Cao độ và độ dốc san nền: Cao độ thiết kế san nền phải phù hợp với thiết kế các vùng xung quanh và đường nối vào, đảm bảo tuần suất không ngập lụt là $P=1\%$, phù hợp với quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt.

Cao độ đường đồng mức thiết kế cao nhất là 12,00m.

Cao độ đường đồng mức thiết kế thấp nhất là 10,30m.

Hướng dốc dốc từ lô ra xung quanh, thoát vào hệ thống thoát nước dọc đường và đổ ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Cao độ san nền hoàn thiện lấy theo phương pháp nội suy. San nền theo đường đồng mức thiết kế với độ chênh cao giữa 2 đường đồng mức ΔH từ 0,05m, độ dốc san nền từ 0,5%. San nền bằng cát đen đạt độ chặt $K=0,90$. Khối lượng tính toán san nền được thực hiện bằng phương pháp lưới ô vuông kích thước ô 10x10m.

Yêu cầu độ chặt nền đắp theo TCVN 4054 (Tiêu chuẩn đầm nén theo TCVN 4201-2012)

Vật liệu sử dụng để đắp nền thiết kế là cát đen. Yêu cầu vật liệu cát đắp san nền theo Tiêu chuẩn Việt nam TCVN 4447-2012.

Vật liệu san nền: dùng cát đen hoặc đất, riêng các ô cây xanh tận dụng đất bóc hữu cơ để đắp.

Trước khi tiến hành san nền phải tiến hành đào bỏ lớp đất hữu cơ, đất bùn không phù hợp trên bề mặt. Chiều dày bóc bỏ đất yếu được quyết định căn cứ vào số liệu khảo sát địa chất công trình.

c. Tính toán khối lượng

Đắp cát thành từng lớp dày 20-30cm, tưới nước, lu lèn đạt K90 ở từng lớp rồi mới đắp tiếp các lớp sau cho đến khi đạt cao độ thiết kế.

Tính toán khối lượng san nền theo phương pháp lưới ô vuông với kích thước ô lưới 10x10m. Công thức tính toán khối lượng như sau:

$$V = H_{tb} \times F$$

Trong đó : V : Khối lượng ô lưới (m³)

HTB : Cao độ thi công trung bình (m)

F : Diện tích ô lưới (m²)

3.5.2 Thiết kế đường giao thông:

a. Quy mô và cấp hạng đường

Tiêu chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3592-2022: “Đường đô thị – yêu cầu thiết kế”. Theo đó, các tuyến đường trong khu quy hoạch: Đường chính khu vực, đường khu vực, đường phân khu vực, đường nhóm nhà ở, vào nhà với các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu sau:

Toàn bộ dự án gồm 02 tuyến đường chính khu vực, 01 tuyến đường khu vực, 02 tuyến đường phân khu vực và 01 tuyến đường nhóm nhà ở, vào nhà (đường nội bộ).

Một số tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản ứng với đường cấp khu vực và đường cấp nội bộ: (QCVN 07-4:2023/BXD)

STT	Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu	Đơn vị	Đường chính khu vực (cấp khu vực)	Đường khu vực (cấp khu vực)	Đường phân khu vực (đường nội bộ)	Đường nhóm nhà ở, vào nhà (đường nội bộ)
1	Tốc độ thiết kế	Km/h	50-60	40-50	40	20-30
2	Số làn xe tối thiểu	làn	4	2	2	2
3	Bề rộng 1 làn xe	m	3,5	3,5	3	3

STT	Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu	Đơn vị	Đường chính khu vực (cấp khu vực)	Đường khu vực (cấp khu vực)	Đường phân khu vực (đường nội bộ)	Đường nhóm nhà ở, vào nhà (đường nội bộ)
4	Bề rộng vỉa hè tối thiểu	m	3	3	2	2
5	Độ dốc ngang mặt đường	%	1,5	1,5	1,5	1,5
6	Bán kính cong nằm tối thiểu giới hạn	m	80	60	60	30
7	Bán kính cong nằm tối thiểu thông thường	m	100	75	75	50
8	Bán kính cong nằm tối thiểu không siêu cao	m	1000	600	600	350
9	Tầm nhìn dừng xe tối thiểu	m	55	40	40	30
10	Tầm nhìn ngược chiều tối thiểu	m	115	80	80	60
11	Tầm nhìn vượt xe tối thiểu	m	275	200	200	150
12	Độ dốc siêu cao tối đa	%	6	6	6	6
13	Độ dốc dọc tối đa	%	6	7	7	8
14	Chiều dài tối thiểu đối dốc	m	80	70	70	50
15	Bán kính đường cong đứng lồi:	m	800 1200	450 700	450 700	250 400

STT	Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu	Đơn vị	Đường chính khu vực (cấp khu vực)	Đường khu vực (cấp khu vực)	Đường phân khu vực (đường nội bộ)	Đường nhóm nhà ở, vào nhà (đường nội bộ)
	Tối thiểu giới hạn Tối thiểu thông thường					
16	Bán kính đường cong đứng lớn: Tối thiểu giới hạn Tối thiểu thông thường	m	700 1000	450 700	450 700	250 400
17	Chiều dài đường cong đứng tối thiểu	m	40	35	35	25

b. Thiết kế bình đồ

Vị trí tuyến tuân thủ theo quy hoạch đã được duyệt; Tìm các tuyến đường được định vị tại các điểm đầu, cuối và điểm giao nhau giữa tìm các tuyến đường, đỉnh đường cong.

Bảng thống kê các điểm khống chế			
Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000		Ghi chú
	X	Y	
C2	2340626.07	584648.92	
C3	2340187.36	584584.58	
C3'	2340212.68	584589.11	
C4	2339711.64	584487.02	
C22	2339711.63	584865.90	
C23	2340147.38	584865.90	
K7	2339711.64	584790.90	
K8	2340158.04	584790.90	
L7	2340411.27	584618.18	
P56	2339711.64	584682.50	

P57	2339947.84	584790.90	
P58	2339989.56	584543.89	

c. Thiết kế mặt cắt ngang tuyến đường

Tuyến 1 (đường phân khu vực): Chiều dài tuyến $L=233,56\text{m}$, bề rộng nền đường $B=13,0\text{m}$, mặt đường rộng $7,0$, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng $3,0\text{m}$.

Tuyến 2 (đường chính khu vực): Chiều dài tuyến $L=431,1\text{m}$, bề rộng nền đường $B=25,0-30,0\text{m}$, mặt đường rộng $14-19\text{m}$, dải phân cách giữa rộng $1,0\text{m}$, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng $5,0\text{m}$.

Tuyến 3.1 (đường chính khu vực): Chiều dài tuyến $L=329,29\text{m}$, bề rộng nền đường $B=25,0\text{m}$, mặt đường rộng $14,0\text{m}$, dải phân cách giữa rộng $1,0\text{m}$, vỉa hè mỗi bên rộng $5,0\text{m}$.

Tuyến 3.2 (đường khu vực): Chiều dài tuyến $L=446,4\text{m}$, bề rộng nền đường $B=20,5\text{m}$, mặt đường rộng $10,5\text{m}$, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng $5,0\text{m}$.

Tuyến 4 (đường phân khu vực): Chiều dài tuyến $L=99,13\text{m}$, bề rộng nền đường $B=17,0\text{m}$, mặt đường rộng $7,0\text{m}$, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng $5,0\text{m}$.

Tuyến 5 (đường nội bộ, nhóm nhà): Chiều dài tuyến $L=359,53\text{m}$, bề rộng nền đường $B=12,0\text{m}$, mặt đường rộng $6,0\text{m}$, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng $3,0\text{m}$.

d. Thiết kế nền đường

Các nguyên tắc thiết kế nền đường:

Nền đường phải đảm bảo luôn luôn ổn định toàn khối;

Đảm bảo đủ cường độ, cùng với kết cấu áo đường tạo thành một kết cấu nền mặt đường tổng thể chịu tác động của tải trọng các phương tiện qua lại;

Ổn định về mặt cường độ: đủ sức chống lại các tác nhân gây phá huỷ nền đường, làm giảm cường độ, giúp cho nền đường được bền vững lâu dài.

Nền đường được đắp bằng cát đảm bảo độ chặt theo quy định.

Độ chặt đầm lèn quy định cho lớp đất đỉnh nền đường dày 50cm đối với đường cấp khu vực và dày 30cm đối với đường cấp nội bộ dưới đáy áo đường phải đảm bảo độ đầm chặt $K=0,98$ với trị số $\text{CBR} \geq 6$ và đảm bảo mô đun đàn hồi $E_0 \geq 42\text{Mpa}$. Phần hè đường được đắp cát với độ chặt $K=0,90$.

Đào bỏ lớp đất bề mặt, đất hữu cơ, bùn (đất không thích hợp) dày trung bình 0,3-0,5m.

e. Kết cấu áo đường:

Các nguyên tắc thiết kế:

Mặt đường được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường phố khu vực, đường phố nội bộ quy trình thiết kế áo đường mềm 22 TCN 211-06 và TCCS 38:2022/TCĐBVN áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

Mặt đường phải thiết kế đảm bảo êm thuận bền vững dưới tác động của tải trọng xe và mọi điều kiện thời tiết. Kết cấu sử dụng phải tạo điều kiện có thể áp dụng các công nghệ tiên tiến, cơ giới hoá và đạt chất lượng cao trong thi công mặt đường.

Lựa chọn phương án kết cấu mặt đường mềm. Kết cấu này có ưu điểm là mặt đường rất êm thuận tạo cảm giác dễ chịu cho người sử dụng phương tiện giao thông, rất phù hợp với tính chất phục vụ của đường đô thị và đặc biệt là đối với các khu ở.

Kết cấu áo đường áp dụng cho các tuyến:

- Các thông số tính toán:

+ Cường độ mặt đường yêu cầu : $E_{yc} = 120 - 155 \text{Mpa}$

Kết cấu mặt đường làm mới áp dụng cho đường chính khu vực (KC1): đạt $E_{yc}=155\text{Mpa}$.

- + BTNC 12.5 dày 5cm
- + Tưới nhũ tương dính bóm 0,5Kg/m²
- + BTNC 19 dày 7cm
- + Tưới nhũ tương thấm bóm 1kg/m²
- + CPDD loại I dày 25cm
- + CPDD loại II dày 30cm
- + Rải vải địa kỹ thuật
- + Cát đầm chặt K98 dày 30cm
- + Nền đường cát đầm chặt K95.

Kết cấu mặt đường tăng cường (KC1A) trên đường cũ:

- + BTNC 12.5 dày 5cm
- + Tưới nhũ tương dính bóm 0,5Kg/m²
- + Bù vênh BTNC 19
- + Tưới nhũ tương dính bóm 0,5Kg/m²

Kết cấu mặt đường làm mới áp dụng cho đường khu vực (KC2): đạt Eyc=120Mpa.

- + BTNC 12.5 dày 4cm
- + Tưới nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m²
- + BTNC 19 dày 6cm
- + Tưới nhũ tương thấm bảm 1kg/m²
- + CPĐD loại I dày 15cm
- + CPĐD loại II dày 25cm
- + Rải vải địa kỹ thuật
- + Cát đầm chặt K98 dày 50cm
- + Nền đường cát đầm chặt K95.

Kết cấu mặt đường làm mới áp dụng cho đường phân khu vực, đường nội bộ vào nhà (KC3): đạt Eyc=120Mpa.

- + BTNC 12.5 dày 4cm
- + Tưới nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m²
- + BTNC 19 dày 6cm
- + Tưới nhũ tương thấm bảm 1kg/m²
- + CPĐD loại I dày 15cm
- + CPĐD loại II dày 25cm
- + Rải vải địa kỹ thuật
- + Cát đầm chặt K98 dày 30cm
- + Nền đường cát đầm chặt K95.

Kết cấu mặt đường tăng cường (KC3A) trên đường cũ:

- + BTNC 12.5 dày 4cm
- + Tưới nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m²
- + Bù vênh BTNC 19
- + Tưới nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m²

(Kiểm toán kết cấu xem chi tiết trong phần Phụ lục Kiểm toán kết cấu áo đường).

f. Kết cấu lát hè, bó vỉa, đan rãnh:

Kết cấu lát hè: KC4

- + Gạch bê tông vân đá dày 4-5cm
- + Vữa xi măng M100 dày 2cm

- + Bê tông xi măng M150 dày 8cm
- + Lớp bạt dứa
- + Lớp đắp cát đầm chặt K90.

Kết cấu bó vỉa:

Hai bên mép đường dùng bó vỉa lát kích thước 26x18cm BTXM giả đá M300, rãnh đan bằng BTXM giả đá M300 kích thước 30x50x6cm. Ở những vị trí hạ hè cho người đi bộ, sử dụng viên vỉa vuôt nổi và viên vỉa 18x22cm BTXM giả đá đặt chìm. Theo thiết kế mẫu hè đường đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội).

g. Thiết kế bó gáy hè, tường chắn

Bó gáy vỉa hè được xây bằng gạch xây KN VXM M75 có chiều cao 30cm trên lớp bê tông đệm móng M100 dày 10cm trong phạm vi ranh giới giữa khu vực san nền với mép hè của tuyến đường giao thông.

Những vị trí giáp ranh giới dự án có chênh cao đào đắp, thiết kế tường chắn xây gạch KN VXM M75, mặt ngoài trát vữa xi măng mác M75 dày 2cm, bê tông xi măng lót móng mác 100.

h. Thiết kế tổ chức giao thông, cây xanh:

Vạch sơn

Thiết kế đầy đủ hệ thống vạch sơn theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

Vạch sơn trên tuyến được dùng loại sơn vàng phản quang sơn trực tiếp lên mặt đường lớp BTN hoàn thiện đảm bảo kỹ thuật và có bề dày theo quy định. Các vạch sơn được sử dụng trên tuyến bao gồm các loại vạch sơn được phân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ 41:2024/BGTVT như sau:

- + Vạch số 1.1, 1.2: Vạch phân chia hai chiều xe chạy (vạch tim đường);
- + Vạch 2.1: Vạch phân chia các làn xe chạy cùng chiều;
- + Vạch số 3.1a, 3.1b: Vạch sơn mép đường xe chạy;
- + Vạch 4.1, 4.2: Vạch kênh hóa dòng xe chạy;
- + Vạch 5.1: Vạch dẫn hướng rẽ trái qua phạm vi nút giao;
- + Vạch 7.1: Vạch dừng xe;
- + Vạch 7.3 vạch cho người đi bộ;

- + Vạch sơn giảm tốc;
- + Vạch 9.3: Vạch chỉ hướng.

Biển báo

Biển báo trên tuyến được sử dụng các loại biển báo chỉ dẫn và hiệu lệnh tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ 41:2024/BGTVT và được bố trí tại các nút giao và dọc trên tuyến có tác dụng báo hiệu cho người điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên tuyến biết được sắp đến nơi giao và phải tuân thủ theo hiệu lệnh của biển nhằm đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông trên tuyến.

Ô trồng cây

Trồng cây xanh tạo bóng mát dọc theo vỉa hè hai bên đường. Sử dụng một loại cây trong danh mục 15 loại cây được thành phố cho phép như: Thành mát, Muồng hoàng yến, Bằng lăng nước, Hoàng Lan, Sến (Cơm nguội), Sấu, Sao đen, Chẹo, Long não, Lát hoa, Vàng anh, Muồng nhật, Giáng Hương, Nhội. Cây xanh trồng mới phải có đường kính thân (tại vị trí cách mặt đất 1.3m) $\geq 20\text{cm}$ với chiều cao và tán cây đảm bảo không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông, chiều cao phát triển 6-8m. Thân cây thẳng phân cành cao, dáng cân đối không sâu bệnh.

Ô trồng cây trên đường được bố trí dọc trên hè trung bình 6-10m bố trí 01 ô, trồng cây cách mép bó vỉa phía đường 0,96m. Bồn gốc cây được xây dựng bằng viên BTXM giả đá kích thước 10x15x130cm, kích thước lòng rộng 1,2 x 1,2m.

3.5.3. Thiết kế thoát nước mưa:

a. Nguyên tắc thiết kế:

Phù hợp với tình hình hiện trạng, các quy hoạch được duyệt, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng.

Các tuyến cống thoát nước mưa ngoài việc đảm bảo thoát nước mặt cho khu vực nghiên cứu còn đảm bảo tiêu thoát nước cho các khu vực lân cận.

b. Giải pháp thiết kế:

Hệ thống thoát nước mưa khu vực nghiên cứu được tính toán thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải.

Các tuyến cống được tính toán đảm bảo thoát nước triệt để không chỉ cho các lưu vực nằm trong khu vực nghiên cứu mà còn đảm bảo thoát nước cho các lưu vực nằm ngoài khu vực nghiên cứu được xác định theo quy hoạch.

MLTNM thiết kế theo mạng riêng.

MLTNM được thiết kế tự chảy, độ dốc thiết kế lấy theo quy phạm hiện hành.

Trên MLTNM bố trí các công trình kỹ thuật mạng lưới như: giếng thăm, giếng kiểm tra nhằm tiện việc kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng trong quá trình vận hành, quản lý. Khoảng cách các giếng này đặt theo yêu cầu quy phạm và thực tế trong khu vực. Việc bố trí các tuyến cống thoát nước được kết hợp chặt chẽ với các công trình ngầm khác trong khu vực nghiên cứu.

Tính toán thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo phương pháp cường độ giới hạn và được thiết kế theo công thức :

$$Q = q \times C \times F \text{ (l/s)}$$

Trong đó:

- + Q – lưu lượng tính toán (l/s)
- + q – Cường độ mưa tính toán (l/s.ha).
- + C – Hệ số dũng chảy: 0,6
- + F – diện tích lưu vực (ha)

q đơn vị được tính theo công thức $q = \frac{A(1 + C \lg P)}{(t + b)^n}$

Trong đó :

- q – Cường độ mưa (l/s/ha)
- P – Chu kỳ lặp lại của mưa (năm)
- t – Thời gian mưa (phút)

A, C, b, n : Hằng số khí hậu phụ thuộc vào điều kiện mưa của địa phương .

Khu vực dự án thuộc địa phận Hà Nội do vậy các hằng số được lấy như sau :

$$A = 5890; C = 0.65; b = 20; n = 0.84.$$

Thủy lực cống được tính theo công thức : $Q = Av$; $v = c \sqrt{Ri}$

Trong đó :

- Q – Lưu lượng tính toán m³/s
- v – Vận tốc tính toán trung bình m/s
- A – Diện tích mặt cắt ướt m²

R – Bán kính thủy lực phụ thuộc vào hình dạng tiết diện ống : m2

i – Độ dốc đáy ống

c – hệ số Sezi

Đọc theo các tuyến cống thoát nước cứ 20 – 30m lại bố trí một ga thu trực tiếp để thu nước mặt đường.

Khoảng cách giữa các ga thăm, ga thu thăm sẽ bố trí tùy thuộc vào khẩu độ cống và vị trí của các ga thu nước mặt, khoảng cách trung bình từ 20 – 30m.

Giải pháp thiết kế

Cụ thể hướng thoát nước như sau:

- Hệ thống thoát nước mưa của dự án sử dụng cống tròn, cống hộp bê tông cốt thép M300 đúc sẵn trong nhà máy với khẩu độ các cống như sau: D400, D600, D800, D1000, D1500, BxH=1.0x0.8m, BxH=1.5x1.5m, BxH=3.0x2.5m
- Tuyến 1: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT D800 đi ở mép phải tuyến đường. Hướng thoát nước từ cuối tuyến về đầu tuyến thoát về hệ thống thoát nước mưa của tuyến 2. Do quy hoạch chưa được hoàn thiện nên tạm thời thoát về mương đá xây hiện trạng ở cuối tuyến.
- Tuyến 2: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch sử dụng cống hộp khẩu độ BxH=1.0x0.8m D8 đi ở mép trái tuyến đường. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến. Do quy hoạch chưa được hoàn thiện nên tạm thời thoát về hệ thống thoát nước mưa của tuyến 1.
- Tuyến 3: Tận dụng hệ thống thoát nước hiện trạng của tuyến đường. Bổ sung thêm ga thu nước mặt, ga thu thăm kết hợp.
- Tuyến 3.1: Tận dụng hệ thống thoát nước hiện trạng của tuyến đường. Bổ sung thêm ga thu nước mặt, ga thu thăm kết hợp.
- Tuyến 3.2: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch sử dụng cống tròn khẩu độ D1000, D1500 đi ở mép phải tuyến đường. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, thoát vào hồ quy hoạch ở phía nam dự án.
- Tuyến 4: Tận dụng rãnh thoát nước hiện trạng kích thước BxH=1.0x1.0m đi ở mép phải tuyến đường. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, thoát vào hệ thống thoát nước mưa của tuyến 3.2
- Tuyến 5: Đoạn đầu tuyến từ cọc DT5 đến cọc TD1 sẽ tận dụng rãnh hiện trạng kích thước BxH=0.6x0.8 đi ở mép phải tuyến đường. Hướng thoát nước từ cuối tuyến về đầu tuyến, thoát vào hệ thống thoát nước mưa của tuyến 4. Đoạn sau từ cọc TD1 về cuối tuyến sẽ thiết kế thoát nước mưa theo quy hoạch sử dụng cống tròn khẩu độ D600, D800. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, thoát vào hồ quy hoạch

ở phía nam dự án

- Hoàn trả mương thủy lợi: Hoàn trả tuyến mương thủy lợi bằng giải pháp kết cấu mương gạch xây đi nổi kích thước $B=0.8\text{m}$, đoạn qua đường thiết kế sử dụng cống hộp $B \times H=0.8 \times 1.0$, đoạn đi trên hệ dulong rãnh ngầm kích thước $B=0.8\text{m}$

(Chi tiết thể hiện trong tổng mặt bằng thoát nước mưa)

c. Cầu tạo cống và ga đầu nối:

Cầu tạo cống:

Cống hộp, cống tròn BTCT đúc sẵn lắp ghép, tải trọng dưới đường HL-93.

Cầu tạo ga thăm, ga thu thăm

Ga thăm, ga thu thăm được bố trí dọc theo các tuyến cống thoát nước tại các vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng, để thu nước mặt cũng như đảm bảo công tác duy tu nạo vét sau này. Khoảng cách giữa các ga là từ 30-50m tùy thuộc vào đường kính cống và thực tế

Cầu tạo ga thăm, ga thu thăm: thân ga, đáy ga bằng bê tông cốt thép M250 đổ tại chỗ. Tấm đan bằng BTCT M250 đúc sẵn. Nắp ga bằng composite đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế EN124, tải trọng cấp D 400KN. Cốt thép sử dụng thép theo TCVN 1651-2018. Bên dưới móng ga sử dụng BTXM M150 lót móng.

Các ga thu trực tiếp có cầu tạo như sau:

Cầu tạo ga thu trực tiếp: thân ga, đáy ga bằng bê tông cốt thép M250 đổ tại chỗ. Nắp ga bằng composite, hoặc vật liệu tương đương, chịu tải trọng cấp C250KN, theo tiêu chuẩn thiết kế EN124. Cốt thép sử dụng thép theo TCVN 1651-2018. Bên dưới móng ga là lớp đá dăm đệm đầm chặt dày 10cm.

Cầu tạo mương xây hoàn trả:

Tường mương xây gạch đặc không nung VXM M75, trát thành mương VXM M75 dày 2cm. Giằng mương BTCT M250 đá 1x2, văng chống BTCT M250 đá 1x2 dày 10cm. Đáy mương BTXM M150 đá 2x4, dưới móng đệm đá dăm dày 10cm. Cốt thép sử dụng thép theo TCVN 1651-2018.

3.5.4. Thiết kế thoát nước thải:

a. Nguyên tắc thiết kế:

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế đảm bảo nguyên tắc tự chảy, phù hợp với tình hình hiện trạng, quy hoạch được duyệt, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng

Thiết kế mạng lưới cống thoát nước thải:

- Tuyến 1: Thiết kế hệ thống rãnh BTCT khẩu độ B=0.4 và B=0.6 đi trên hè trái tuyến để thu nước thải nhà dân. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến thoát về mương đá xây hiện trạng ở cuối tuyến.

- Tuyến 2: Thiết kế hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT khẩu độ D400 đi trên hè phải tuyến. Do quy hoạch chưa được hoàn thiện nên tạm thời sẽ bịt đầu cống ở cả 2 đầu.

- Tuyến 3: Đoạn từ đầu tuyến đến cọc H2, thiết kế hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT khẩu độ D300, D400 đi trên hè hai bên tuyến đường. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, thoát về hệ thống thoát nước thải của tuyến 3.1. Đoạn từ cọc H2 về cuối tuyến, thiết kế hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT khẩu độ D400 đi trên hè phải tuyến. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, thoát về hệ thống thoát nước thải của tuyến 3.1

- Tuyến 3.1: Thiết kế hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT khẩu độ D400, D500 đi trên hè hai bên tuyến đường. Do quy hoạch chưa được hoàn thiện nên tạm thời sẽ bịt đầu cống.

- Tuyến 3.2: Thiết kế hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT khẩu độ D400 đi trên hè phải tuyến. Do quy hoạch chưa được hoàn thiện nên tạm thời sẽ bịt đầu cống.

- Tuyến 4: Thiết kế hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch sử dụng cống tròn BTCT khẩu độ D300 đi trên hè trái tuyến. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, thoát về hệ thống thoát nước thải của tuyến 3.2.

- Tuyến 5: Thiết kế hệ thống thoát nước khẩu độ B600 kết hợp tận dụng rãnh B300 chìm hiện trạng. Hướng thoát nước nửa đầu tuyến theo rãnh B300 chảy vào rãnh hiện trạng B=0.7 rồi chảy về tuyến 4. Nửa cuối tuyến sẽ thoát về rãnh ngầm hiện trạng.

Khoảng cách ga thăm trung bình từ 20 m đến 30m.

b. Kết cấu cống, rãnh, ga:

Kết cấu cống, rãnh:

Cống tròn BTCT D300, D400, D500, rãnh gạch xây B400, B600, cống dưới đường ô tô dùng loại tải trọng HL-93, cống trên hè dùng loại tải trọng 3×10^3 Mpa (đoàn người đi bộ).

Kết cấu ga thăm cống :

Cổ ga, thân ga, đáy ga bằng BTCT mác M250 đổ tại chỗ. Tấm đan bằng BTCT mác M250 đúc sẵn. Nắp ga bằng composite cấp B 125KN, được sản xuất theo tiêu chuẩn EN124. Cốt thép sử dụng thép theo TCVN 1651-2018. Chiều cao ga được thay đổi theo chiều cao tổng của ga và có thể được thay đổi căn cứ vào trí ga thăm thực tế tại hiện trường.

Kết cấu ga thăm rãnh:

Ga thăm rãnh, tấm đan BTCT M250, thân ga xây gạch VXM M75, nắp ga bằng composite, tải trọng cấp B 125kN.

3.5.5. Thiết kế cấp nước:

a. Nguyên tắc thiết kế:

Xây dựng hệ thống cấp nước đồng bộ hoàn chỉnh trên cơ sở phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch phân khu.

Đảm bảo cấp đủ đến tất cả các đối tượng dùng nước.

Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy.

b. Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật:

Hiện trạng đã có hệ thống điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước, cấp nước, đường giao thông chạy bao quanh dự án.

Trong dự án chưa có hệ thống điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước, cấp nước, đường giao thông.

c. Nguồn nước

Nước cấp cho khu tuyến ống trong dự án được lấy từ nguồn nước do công ty nước sạch số 2 Hà Nội quản lý.

Hệ thống cấp nước được lấy nguồn lấy nguồn cấp từ các điểm đầu nối cụ thể tại 2 điểm:

+ Điểm đầu 1: Đầu tại cọc DN1 lấy nguồn nước từ đường ống HDPE D315 hiện có trên trục đường Vân Trì cắt qua dự án.

+ Điểm đầu 2: Đầu tại cọc DN2 lấy nguồn nước từ đường ống HDPE D110 hiện có trên trục đường Vân Trì cắt qua dự án.

d. Tính toán quy mô dùng nước

Stt	Thành phần cấp nước	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Lưu lượng CN (m3/ngđ)
I	Nhu cầu cấp nước sinh hoạt (Q1)			36
	Tính theo công thức			
	$Q1 = (q1 * NI * k1) / 1000$	(m3/ngđ)		
	Trong đó :			
	+q1: tiêu chuẩn dùng nước cho mỗi người trong một ngày đêm	(lít/ng.đ)	180	

Stt	Thành phần cấp nước	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Lưu lượng CN (m3/ngđ)
	+N1: tổng số dân	(người)	200	-
	+k1: Tỷ lệ dân được cấp nước	(%)	100	
II	Nhu cầu dùng nước cho công cộng, thương mại dịch vụ (Q2)			1083.39
	Tính theo công thức			
	$Q2 = (q2 * F2) / 1000$	(m3/ngđ)		
	Trong đó :			
	+q2: tiêu chuẩn dùng nước tính theo m2 sàn dịch vụ trong một ngày đêm	(lít/m2)	5	
	+F2: tổng diện tích sàn	(m2)	216,677.0	
	+N4: tổng số học sinh, giáo viên	(người)	0	
IV	Nhu cầu dùng nước cho tưới cây, rửa đường (Q4)			104.88
	Tính theo công thức			
	$Q4 = Q_{tc} + Q_{rd}$			
1	Tổng lưu lượng nước cấp cho tưới cây:			86.84
	Tính theo công thức			
	$Q_{tc} = (q5 * F5) / 1000$	(m3/ngđ)		
	Trong đó :			
	+q5: tiêu chuẩn dùng nước tính theo m2 trong một ngày đêm	(lít/m2)	3	
	+F5: tổng diện tích	(m2)	28,947.0	
2	Tổng lưu lượng nước cấp cho tưới, rửa đường			18.0
	Tính theo công thức			
	$Q_{rd} = (q6 * F6) / 1000$	(m3/ngđ)		
	Trong đó :			
	+q6: tiêu chuẩn dùng nước tính theo m2 trong một ngày đêm	(lít/m2)	0.5	
	+F6: tổng diện tích	(m2)	36,082.0	
V	Lượng nước thất thoát, dự phòng (Q5)			122.4
	Tính theo công thức			
	$Q5 = 10\% (Q4)$	(%)	10	1346.7
VI	Tổng nhu cầu nước sử dụng nước (Qtb)			
	Tính theo công thức			
	$Q_{tb} = Q4 + Q5$			
VII	Nhu cầu cấp nước chữa cháy (Qcc)			108
	Tính theo công thức			
	$Q_{cc} = q_{cc} * N$			

Stt	Thành phần cấp nước	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Lưu lượng CN (m3/ngđ)
	Trong đó :			
	+qcc : Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy cho 1 đám cháy	(lít/s.đám)	10	
	+N : Số đám cháy xảy ra đồng thời	đám	1	
VIII	Tổng nhu cầu nước sử dụng nước ngày cao điểm (Qng.max)			1616.0
	Qng.max = Kng.max*Qtb			
	Trong đó :			
	+Qtb: Tổng nhu cầu sử dụng nước ngày trung bình			
	+Kng.max: Hệ số không điều hòa ngày		1.2	
	Tổng (làm tròn)	m3/ngđ		1616

e. Giải pháp thiết kế

Tuyến ống cấp nước phân phối:

Tuyến ống được thiết kế bằng ống nhựa HDPE với đường kính DN110, tiêu chuẩn ISO 4427:2019, PN 10bar. Ống nhựa HDPE cực kì bền bỉ, không bị ăn mòn và gỉ sét bởi các loại hóa chất, không bị lão hóa bởi nhiệt độ và tia cực tím, chịu được độ va đập rất tốt, lại có độ uốn dẻo nên chịu được tải trọng cao.

Toàn bộ tuyến được thiết kế theo quy hoạch.

Tuyến ống nằm trên hè, cách chỉ giới đường đỏ trung bình lớn hơn 1 mét, độ sâu đặt ống trung bình đến đỉnh ống >0.7m, đảm bảo theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023.

Những vị trí ống HDPE qua đường sẽ thiết kế ống lồng thép đen để bảo vệ ống.

Tại các vị trí có sự đổi hướng dòng chảy (tê, cút) xây bê, đổ bê tông gối đỡ.

Thiết kế 1 hố xả cạn ở cuối tuyến.

Cấp nước chữa cháy :

Bố trí trụ cứu hỏa cách tường nhà, công trình đảm bảo tối thiểu lớn hơn 1m.

Các trụ cứu hỏa được đặt trên vỉa hè gần các ngã giao nhau của đường ô tô và đặt các họng lớn hướng ra đường ô tô, khoảng cách trung bình các trụ khoảng ≤ 120m.

Hệ thống chữa cháy là hệ thống áp lực thấp, là hệ thống chung cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy.

Áp lực chữa cháy: Bảo đảm trong trường hợp dung nước lớn nhất có cháy xảy ra không nhỏ hơn 10m cột nước.

(Chi tiết xem phương án thiết kế trong bản vẽ kèm theo).

f. Lắp đặt ống

- Tiến hành định vị tuyến ống theo bản vẽ thiết kế, kiểm tra ống, phụ kiện trước khi lắp đặt;

- Việc lắp đường ống phải bảo đảm độ kín khít của các mối nối ống, các mặt bích nối hàn phải bảo đảm đường hàn, nối bu lông phải bắt chặt, nối chèn đay tấm nhựa cần xảm theo đúng yêu cầu. Cần thực hiện tốt các giải pháp chống dẫn nở của ống. Từng đoạn ống làm xong phải thử nghiệm theo quy trình, phải thử áp lực. Nếu chưa đạt yêu cầu, phải bổ cứu, chỉnh sửa cho đạt.

- Đường ống kín sẽ giảm tổn thất nước và bảo đảm chất lượng nước, không bị ô nhiễm do bùn hoặc sinh vật xâm nhập đường ống.

- Nghiệm thu hệ đường ống phải tuân thủ quy trình thử nghiệm áp lực đường ống theo quy định.

3.5.8. Thiết kế chiếu sáng

a. Tiêu chuẩn thiết kế:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07-7 : 2023/BXD về Các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình chiếu sáng - ban hành theo thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây Dựng.

Quy phạm trang bị điện ban hành kèm quyết định số 19/2006/QĐ-BCN.

Tiêu chuẩn thiết kế điện: Theo Quy phạm trang bị điện - phần II Hệ thống đường dây dẫn điện -11TCN-19-2006.

Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị TCVN 13608:2023.

Căn cứ Tiêu chí kỹ thuật đối với đèn điện LED sử dụng trong chiếu sáng công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội tại văn bản số 8298/SXD-MT ngày 21/9/2016 của Sở Xây dựng Hà Nội.

b. Giải pháp kỹ thuật cho hệ thống chiếu sáng:

b.1 Tính toán lựa chọn chiếu sáng:

Theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13608:2023 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và QCVN 07-7-2023;BXD với các tuyến đường đơn, chiều cao của đèn nhỏ hơn hoặc bằng chiều rộng của tuyến đường, do đó có thể lựa chọn kiểu bố trí đèn một bên đối với tuyến đường rộng 10,5m, 7m và 6m, bố trí đèn hai bên đối với đường trục rộng 15m.

Chỉ tiêu thiết kế: Đoạn đường có chiếu sáng được xác định là đường giao thông cấp đường phố cấp đô thị, phải đảm bảo không nhỏ hơn các giá trị theo bảng sau:

Bảng 1 - Yêu cầu chiếu sáng các loại đường cho xe cơ giới

Cấp đường	Đặc điểm	Độ chói trung bình (L_{tb}), cd/m^2	Độ đồng đều độ chói chung, (U_o)	Độ đồng đều độ chói dọc, (U_d)	Độ tăng ngưỡng tối đa, (TI) %	Tỷ số độ rọi hệ đường (SR)
A. Đường cao tốc đô thị	Tốc độ cao, lưu lượng lớn, không có phương tiện thô sơ	2,0	0,4	0,7	10	0,5
B. Đường trục chính, đường chính, đường liên khu vực đô thị	Có dải phân cách	1,5	0,4	0,7	10	0,5
	Không dải phân cách	2,0	0,4	0,7	10	0,5
C. Đường cấp khu vực có hoạt động buôn bán	Có dải phân cách	1	0,4	0,6	15	0,5
	Không dải phân cách	1,5	0,4	0,6	15	0,5
D. Đường cấp khu vực	Môi trường ánh sáng hai bên hè đường:					
	- sáng	0,7	0,3	0,4	20	0,5
	- tối	0,5	0,3	0,4	20	0,5
E. Đường cấp nội bộ		0,3	0,3	0,4	20	0,5

Bảng tính toán

Ta có công thức tính chiếu sáng tuyến 2, 3.1: Là tuyến đường chính khu vực

$$\Phi_{bđ} = (R.L_{tb}.l.e.k)/\eta$$

Trong đó: $\Phi_{bđ}$ = Quang thông của bóng đèn cần chọn (Lumen)

+ Độ chói trung bình trên mặt đường : $L_{tb} = 1,5 \text{ Cd/m}^2$ (Tuyến đường liên khu vực Chọn theo bảng 1 QCVN 07-7:2023/BXD)

+ Độ rộng đường: $l = 7,5\text{m}$

+ Khoảng cách cột: $e = 30\text{m}$

+ Hệ số sử dụng đèn: $\eta = 0.4$ (theo TCVN 13608 :2023).

+ Hệ số dự trữ $k = 1.5$ (theo TCVN 13608 :2023)

+ Tỷ số giữa độ rọi và độ chói trung bình: $R = 14$ (xác định theo TCVN 13608 :2023)

+Ta có phép tính:

$$\Phi_{bđ} = ((14 \times 1,5 \times 7,5 \times 30 \times 1.5) / 0.4) / 2 = 17.719(\text{lm})$$

+ Chọn loại đèn đường bóng Led 150W, 220V/50Hz, lắp trên các cột đèn đường cao 11m để chiếu sáng trong khu vực.

Ta có công thức tính chiếu sáng tuyến 3.2: Là tuyến đường khu vực

$$\Phi_{bđ} = (R.Ltb.l.e.k)/\eta$$

Trong đó: $\Phi_{bđ}$ = Quang thông của bóng đèn cần chọn (Lumen)

+ Độ chói trung bình trên mặt đường : $Ltb = 0.7 \text{ Cd/m}^2$ (Tuyến đường liên khu vực Chọn theo bảng 1 QCVN 07-7:2023/BXD)

+ Độ rộng đường: $l = 10,5\text{m}$

+ Khoảng cách cột: $e = 30\text{m}$

+ Hệ số sử dụng đèn: $\eta = 0.4$ (theo TCVN 13608 :2023).

+ Hệ số dự trữ $k = 1.5$ (theo TCVN 13608 :2023)

+ Tỷ số giữa độ rọi và độ chói trung bình: $R = 14$ (xác định theo TCVN 13680 :2023)

Ta có phép tính:

$$\Phi_{bđ} = ((14 \times 0.7 \times 10.5 \times 30 \times 1.5) / 0.4) / 2 = 11576(\text{lm})$$

Chọn loại đèn đường bóng Led 100W, 220V/50Hz, lắp trên các cột đèn đường cao 11m để chiếu sáng trong khu vực.

Ta có công thức tính chiếu sáng tuyến 1, 4: Là tuyến đường nội bộ

$$\Phi_{bđ} = (R.Ltb.l.e.k)/\eta$$

Trong đó: $\Phi_{bđ}$ = Quang thông của bóng đèn cần chọn (Lumen)

+ Độ chói trung bình trên mặt đường : $Ltb = 0.3 \text{ Cd/m}^2$ (Tuyến đường nội bộ Chọn theo bảng 1 QCVN 07-7:2023/BXD)

+ Độ rộng đường: $l = 7\text{m}$

+ Khoảng cách cột: $e = 30\text{m}$

+ Hệ số sử dụng đèn: $\eta = 0.4$ (theo TCVN 13608 :2023).

+ Hệ số dự trữ $k = 1.5$ (theo TCVN 13608 :2023)

+ Tỷ số giữa độ rọi và độ chói trung bình: $R = 14$ (xác định theo TCVN 13680 :2023)

Ta có phép tính:

$$\Phi_{bđ} = ((14 \times 0.3 \times 7 \times 30 \times 1.5) / 0.4) / 2 = 3307.5(\text{lm})$$

Chọn loại đèn đường bóng Led 80W, 220V/50Hz, lắp trên các cột đèn đường cao 8m để chiếu sáng trong khu vực.

Ta có công thức tính chiếu sáng tuyến 5: Là tuyến đường nội bộ

$$\Phi_{bđ} = (R.Ltb.l.e.k)/\eta$$

Trong đó: $\Phi_{bđ}$ = Quang thông của bóng đèn cần chọn (Lumen)

+ Độ chói trung bình trên mặt đường : $L_{tb} = 0.3 \text{ Cd/m}^2$ (Tuyến đường nội bộ
Chọn theo bảng 1 QCVN 07-7:2023/BXD)

+ Độ rộng đường: $l = 6\text{m}$

+ Khoảng cách cột: $e = 30\text{m}$

+ Hệ số sử dụng đèn: $\eta = 0.4$ (theo TCVN 13608 :2023).

+ Hệ số dự trữ $k = 1.5$ (theo TCVN 13608 :2023)

+ Tỷ số giữa độ rọi và độ chói trung bình: $R = 14$ (xác định theo TCVN 13680 :2023)

Ta có phép tính:

$$\Phi_{bđ} = ((14 \times 0.3 \times 6 \times 30 \times 1.5) / 0.4) / 2 = 2835(\text{lm})$$

Chọn loại đèn đường bóng Led 80W, 220V/50Hz, lắp trên các cột đèn đường cao 8m để chiếu sáng trong khu vực.

b.2 Bố trí chiếu sáng:

Hệ thống chiếu sáng cần phải đảm bảo yêu cầu chiếu sáng, hài hòa với cảnh quan xung quanh làm tăng thêm vẻ đẹp của tuyến đường, đồng thời đảm bảo đồng bộ với các tuyến đường tiếp giáp của khu vực bên cạnh.

- Tuyến 2, 3 và 3.1:

+ Là tuyến đường chính khu vực, chiều rộng tuyến đường 15m có dải phân cách giữa 1m, lòng đường thiết kế là 7m/ 1 bên, hè rộng 5m. Trên cơ sở tính toán bố trí đặt cột đèn so le 02 bên vỉa hè. Sử dụng cột đèn cao 11m, cần vươn 1,5m, bóng đèn sử dụng bóng đèn LED công suất 150W có hiệu suất sáng 120-130 (Lm/W), khoảng cách giữa các đèn là 30m.

+ Tại điểm đầu nút giao với đường Vân Trì, Sử dụng cột đèn cao 14m, bóng đèn sử dụng bóng đèn pha LED công suất 200W.

+ Có 01 cột chiếu sáng nằm vào nút giao với đường gom Võ Nguyên Giáp dịch chuyển lên vỉa hè cách vị trí hiện có khoảng 4,5m, tận dụng lại cột, bóng, thay mới dây khoảng cột qua đường sử dụng dây cáp tương đương dây hiện có.

- Tuyến 3.2: Là tuyến khu vực, chiều rộng tuyến đường 10.5m, lòng đường thiết kế là 10.5m, hè rộng 5m. Trên cơ sở tính toán bố trí đặt cột đèn 01 bên vỉa hè. Sử dụng cột đèn cao 11m, cần vươn 1,5m, bóng đèn sử dụng bóng đèn LED công suất 100W có hiệu suất sáng 120-130 (Lm/W), khoảng cách giữa các đèn là 30m.

- Tuyến 1,4: Là tuyến đường nội bộ, chiều rộng tuyến đường 7m, lòng đường thiết kế là 7m, hè rộng 3m. Trên cơ sở tính toán bố trí đặt cột đèn 01 bên vỉa hè. Sử dụng cột

đèn cao 8m, cần vươn 1,5m, bóng đèn sử dụng bóng đèn LED công suất 80W có hiệu suất sáng 120-130 (Lm/W), khoảng cách giữa các đèn là 30m.

+ Tại tuyến 1 có 01 cột S5T3/9 chiếu sáng nằm vào nút giao đường gom Võ Nguyên Giáp dịch chuyển lên vỉa hè cách vị trí hiện có khoảng 12,5m, tận dụng lại cột, bóng, thay mới dây khoảng cột qua đường sử dụng dây cáp tương đương dây hiện có. Giữa khoảng cột S5T3/9 và S5T3/10 dựng bổ sung 1 cột chiếu sáng cao 10, đèn led 100W.

- Tuyến 5: Là tuyến đường nội bộ, chiều rộng tuyến đường 6m, lòng đường thiết kế là 6m, hè rộng 3m. Trên cơ sở tính toán bố trí đặt cột đèn 01 bên vỉa hè. Sử dụng cột đèn cao 8m, cần vươn 1,5m, bóng đèn sử dụng bóng đèn LED công suất 80W có hiệu suất sáng 120-130 (Lm/W), khoảng cách giữa các đèn là 30m.

Tim cột đèn chiếu sáng cách mép đường ~ 0,7m, khoảng cách các cột đèn trung bình khoảng 30m, chi tiết trong các bản vẽ thiết kế mặt bằng.

Ghi chú: Khoảng cách giữa cột đèn và cây xanh từ 1m-2m theo quy định Thông tư 20/2005/TT-BXD, vị trí bố trí cột đèn không được trước cửa nhà dân.

b.3. Phương án cấp nguồn

- Tuyến 1 dự kiến đấu nối vào cột S5T3/9. Công suất khoảng 1,69 kW.

- Tuyến 3, 3.1 dự kiến đấu nối vào cột hiện trạng (tại tuyến đường Vân Trì). Công suất khoảng 4 kW.

- Các tuyến cong lại lấy nguồn từ các TBA hiện có trong phạm vi.

- Cấp cấp nguồn cho các đèn chiếu sáng được cấp nguồn từ tủ điều khiển chiếu sáng làm mới.

- Toàn bộ cáp trục sử dụng cho hệ thống chiếu sáng dưới đường, trên cầu là cáp lõi đồng cách điện khô, bọc 2 lớp cách điện bằng nhựa PE liên kết ngang XLPE, và phủ lớp nhựa PVC: 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC với tiết diện cáp theo thiết kế, luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D65/50, đoạn qua đường cáp được luồn thêm ống thép mạ kẽm OT-D88.3 cùng với dây đồng trần M10.

- Mỗi đèn trên một cột được cấp nguồn từ cửa cột bằng một dây riêng. Dây từ cửa cột lên đèn là dây điện lực 3 ruột đồng vỏ bọc 2 lớp PVC: 0,6/1kV Cu/PVC/PVC 3x1,5 mm² (P-N-E). Không cho phép sử dụng loại dây chỉ bọc 1 lớp PVC, trong quá trình thi công có thể làm xước dây gây chập chập bên trong cột.

b.4. Phương án điều khiển:

- Hệ thống chiếu sáng được cấp nguồn và điều khiển từ các tủ điện chuyên dùng cho chiếu sáng, có công tơ đo đếm điện năng (sẽ được điện lực cung cấp). Việc điều khiển đóng cắt hệ thống chiếu sáng được thực hiện bằng các chuyển mạch tự động theo chế độ:

- Chế độ buổi tối: Bật toàn bộ đèn

- Chế độ đêm khuya: Tiết giảm công suất.
- Chế độ ban ngày: Tắt toàn bộ số đèn.
- Chế độ điều khiển cụ thể tuân theo chế độ quản lý của đơn vị quản lý điện chiếu sáng địa phương quản lý

b.5. Phương án đi cáp và dây dẫn:

Toàn bộ cáp điện sử dụng cho hệ thống chiếu sáng được tính chọn tiết diện trong chế độ phụ tải tối đa, buổi tối bảo đảm điện áp cuối tuyến đảm bảo mức hoạt động của đèn Led, dòng điện phát nóng không vượt quá dòng điện làm việc cho phép của cáp, trong chế độ đêm khuya, bảo đảm độ sụt áp tại đèn cuối tuyến không thấp hơn điện áp làm việc tối thiểu của đèn led.

- ***Phương pháp đi cáp***

Cáp đi trong nền đất, vỉa hè hoặc dải phân cách được luồn trong ống nhựa xoắn chôn trực tiếp trong đất ở độ sâu 0,7m, bên trên có rải lưới bảo hiệu cáp.

Các phương pháp đi cáp:

- + Cáp ngầm chiếu sáng đi trong nền đất, vỉa hè hoặc dải phân cách được luồn trong ống nhựa HDPE. Tại các vị trí cột, ống nhựa được luồn vào móng từ hai phía đến tim cột qua mặt bích đế và có dây chờ kéo cáp.
- + Đối những đoạn cáp qua đường thì cáp sẽ được luồn trong ống thép mạ kẽm OT-D88.3 và được chôn sâu 1m theo Quy phạm điện lực.
- + Việc đấu nối được thực hiện trong cửa cột. Cáp lên đèn phải được cố định sao cho cầu đấu dây trong đèn không phải chịu lực kéo gây ra do trọng lượng của cáp.
- + Cáp trên cầu: Cáp chạy dọc cầu được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D85/65 (khối lượng ống nhựa xoắn HDPE D85/65 do bên cầu tính).
- + Cáp cấp nguồn cho đèn gầm cầu được đấu nối từ cột đèn chiếu sáng trên cầu gần nhất trên tuyến và được luồn trong ống ruột gà lõi thép bọc nhựa DN32 đi ngầm trong bê tông trụ cầu rồi đi nối dưới đáy dầm cầu, cố định bằng colie ôm cáp và được đấu nối bằng hộp đấu nối cáp.

Cáp trực cấp nguồn được đấu nối được thực hiện trong cửa cột bằng bảng điện cửa cột và cầu đấu 3 pha. Cắm cắt, nối cáp ở giữa 2 khoảng cột; cáp lên đèn cũng phải nối với cáp trực tại cửa cột, cắm đầu nối trong cột.

Cáp lên đèn phải được cố định sao cho cầu đấu dây trong đèn không phải chịu lực kéo gây ra do trọng lượng của cáp.

Tại các vị trí đường ống luồn cáp vướng công hay các công trình trên tuyến, đơn vị thi công chiếu sáng phối hợp với các đơn vị thi công khác đặt sẵn ống chờ luồn cáp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tránh phải đào đắp nền nhiều lần.

- ***Tính toán tiết diện dây:***

Theo TCVN 9207:2012 Đặt đường dây điện trong nhà ở và công trình công cộng

- + Bảng 9: Độ sụt áp cho phép: Độ sụt áp cho phép của hệ thống chiếu sáng từ điểm đấu nối điện là từ phân phối hạ áp trạm biến áp là $\Delta U\% \leq 5\%$

Thông số chi tiết tiết diện cáp của các lộ được thể hiện trong phụ lục tính toán

b.6. Yêu cầu đối với vật tư – thiết bị

- **Cột thép liên cần cao 8m, vưon 1,5m**
 - Cột thép bát giác liên cần cao 8m, vưon 1,5m)
 - Phần thân cột được chế tạo từ một tấm thép liên không hàn nối ngang thân.
 - Vật liệu làm cột, cần: SS400, CT42, CT51 hoặc các mác thép tương đương phù hợp TCVN 5709:2009
 - Các chi tiết hàn phù hợp tiêu chuẩn AWS D1.1, TCVN 10309:2014 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
 - Toàn bộ cột được mạ nhúng kẽm nóng đảm bảo mỹ quan và có độ bền cao theo tiêu chuẩn: ASTM A123, TCVN 5408:2007 hoặc tiêu chuẩn tương đương
 - Cột có cửa thao tác để đầu nối cáp, dây dẫn và thiết bị đóng cắt bảo vệ; có bích để cột để liên kết với khung móng bằng thép đặt sẵn trong móng cột.
- **Cột thép liên cần cao 11m, vưon 1,5m**
 - Cột thép bát giác liên cần cao 11m, vưon 1,5m)
 - Phần thân cột được chế tạo từ một tấm thép liên không hàn nối ngang thân.
 - Vật liệu làm cột, cần: SS400, CT42, CT51 hoặc các mác thép tương đương phù hợp TCVN 5709:2009
 - Các chi tiết hàn phù hợp tiêu chuẩn AWS D1.1, TCVN 10309:2014 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
 - Toàn bộ cột được mạ nhúng kẽm nóng đảm bảo mỹ quan và có độ bền cao theo tiêu chuẩn: ASTM A123, TCVN 5408:2007 hoặc tiêu chuẩn tương đương
 - Cột có cửa thao tác để đầu nối cáp, dây dẫn và thiết bị đóng cắt bảo vệ; có bích để cột để liên kết với khung móng bằng thép đặt sẵn trong móng cột.
- **Cột thép 14m:**
 - Cột thép cao 14m + lọng được chế tạo từ thép CT3 được mạ kẽm nhúng nóng có độ bền cao theo tiêu chuẩn ASTM A123. Thân cột dày 5mm
 - Vật liệu làm cột, cần: SS400, CT42, CT51 hoặc các mác thép tương đương phù hợp TCVN 5709:2009
 - Các chi tiết hàn phù hợp tiêu chuẩn AWS D1.1, TCVN 10309:2014 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
 - Cột được chia làm 2 đoạn để thuận tiện cho công tác vận chuyển.
 - Cột có cửa thao tác để đầu nối cáp, dây dẫn và thiết bị đóng cắt bảo vệ; có bích để cột để liên kết với khung móng bằng thép đặt sẵn trong móng cột.
- **Khung móng**
 - Cột thép được lắp đặt trên khung móng trong bê tông móng cột.
 - Khung móng cột thép được chế tạo thành các khối cố định bằng sự liên kết các thanh thép tròn $\Phi 24$. Khung móng được tạo ren có chiều dài ren là 100mm hoặc lớn hơn.
 - Toàn bộ ren khung móng cột được mạ kẽm, chiều dài mạ > chiều dài ren

- Vật liệu khung bu lông móng thép 35
- **Đèn Led chiếu sáng đường phố LED 150W**
- Dải điện áp hoạt động: 220V-240V-50/60Hz
- Công suất định mức: 150W
- Hệ số công suất: $\geq 0,95$
- Quang hiệu danh định: $\geq 135\text{LM/W}$
- Chống sét lan truyền: $\geq 10\text{kV}$
- Tuổi thọ $\geq 60.000\text{H}$
- Nhiệt độ màu: $4000\text{K} + 5\%$ (ánh sáng trung tính tự nhiên)
- Nhiệt độ làm việc -5 độ C đến 65 độ C
- Chỉ số hiển thị màu: $\text{CRI} \geq 70 \%$
- Cấp cách điện: CLASS 2
- Chỉ số chống bụi nước phản quang: $\geq \text{IP66}$
- Lực chống va đập: $\geq \text{IK08}$
- Thân đèn làm bằng nhôm hợp kim đúc áp lực cao (màu ghi, đen...)
- Bộ phận quang học bằng thấu kính chuyên dụng, góc chiếu bán rộng.
- Đèn được lập trình tiết giảm tự động 5 cấp công suất: 4 giờ đầu tiên đèn hoạt động 100% công suất, 2 giờ tiếp theo đèn hoạt động 70% công suất, 4 giờ tiếp theo đèn hoạt động 50% công suất, 1 giờ tiếp theo đèn hoạt động 70% công suất, thời gian còn lại đến lúc tắt đèn hoạt động 100% công suất)..
- **Đèn Led chiếu sáng đường phố LED 100W**
- Dải điện áp hoạt động: 220V-240V-50/60Hz
- Công suất định mức: 100W
- Hệ số công suất: $\geq 0,95$
- Quang hiệu danh định: $\geq 135\text{LM/W}$
- Chống sét lan truyền: $\geq 10\text{kV}$
- Tuổi thọ $\geq 60.000\text{H}$
- Nhiệt độ màu: $4000\text{K} + 5\%$ (ánh sáng trung tính tự nhiên)
- Nhiệt độ làm việc -5 độ C đến 65 độ C
- Chỉ số hiển thị màu: $\text{CRI} \geq 70 \%$
- Cấp cách điện: CLASS 2
- Chỉ số chống bụi nước phản quang: $\geq \text{IP66}$
- Lực chống va đập: $\geq \text{IK08}$
- Thân đèn làm bằng nhôm hợp kim đúc áp lực cao (màu ghi, đen...)
- Bộ phận quang học bằng thấu kính chuyên dụng, góc chiếu bán rộng.
- Đèn được lập trình tiết giảm tự động 5 cấp công suất: 4 giờ đầu tiên đèn hoạt động 100% công suất, 2 giờ tiếp theo đèn hoạt động 70% công suất, 4 giờ tiếp theo

đèn hoạt động 50% công suất, 1 giờ tiếp theo đèn hoạt động 70% công suất, thời gian còn lại đến lúc tắt đèn hoạt động 100% công suất).

- **Đèn Led chiếu sáng đường phố LED 80W**

- Dải điện áp hoạt động: 220V-240V-50/60Hz
- Công suất định mức: 80W
- Hệ số công suất: $\geq 0,95$
- Quang hiệu danh định: $\geq 110\text{LM/W}$
- Chống sét lan truyền: $\geq 10\text{kV}$
- Tuổi thọ $\geq 60.000\text{H}$
- Nhiệt độ màu: 4000K + 5% (ánh sáng trung tính tự nhiên)
- Nhiệt độ làm việc -5 độ C đến 65 độ C
- Chỉ số hiển thị màu: $\text{CRI} \geq 70\%$
- Cấp cách điện: CLASS 2
- Chỉ số chống bụi nước phản quang: $\geq \text{IP66}$
- Lực chống va đập: $\geq \text{IK08}$
- Thân đèn làm bằng nhôm hợp kim đúc áp lực cao (màu ghi, đen...)
- Bộ phận quang học bằng thấu kính chuyên dụng, góc chiếu bán rộng.
- Đèn được lập trình tiết giảm tự động 5 cấp công suất: 4 giờ đầu tiên đèn hoạt động 100% công suất, 2 giờ tiếp theo đèn hoạt động 70% công suất, 4 giờ tiếp theo đèn hoạt động 50% công suất, 1 giờ tiếp theo đèn hoạt động 70% công suất, thời gian còn lại đến lúc tắt đèn hoạt động 100% công suất).

- **Đèn chiếu sáng pha LED 200W**

- Công suất: 200W
- Hiệu suất phát quang lớn: $\geq 120\text{LM/W}$
- Quang thông đèn: $\geq 24000\text{Lm}$
- Nhiệt độ màu: 4000K + 5% (ánh sáng trung tính tự nhiên)
- Chỉ số hiển thị màu: $\text{CRI} \geq 70\%$
- Điện áp 154-242V. Tần số 50-60Hz.
- Hệ số công suất nguồn: $\geq 0,95$
- Nhiệt độ làm việc: -30°C đến 50°C
- Tuổi thọ: $\geq 50000\text{h}$ Ta=35°C (B50/L70)
- Chỉ số chống bụi nước phản quang và điện: $\geq \text{IP66}$
- Cấp bảo vệ: Class I
- Lực chống va đập: $\geq \text{IK08}$
- Chống sét lan truyền SDP lên tới 10 KV
- Bộ đèn có khả năng tự động tiết giảm công suất DIMMING 5 cấp
- Thân đèn được làm bằng nhôm đúc ép áp lực cao.

- Đèn có kiểu dáng công nghiệp, linh hoạt trong việc thay đổi công suất, thuận tiện trong công tác thay thế, bảo dưỡng khi cần.

- Tuân thủ theo quy định tại văn bản số 8298/SCD-MT ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Sở xây dựng Hà Nội về việc: tiêu chí kỹ thuật đối với đèn điện LED sử dụng trong hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố.

- **Bê tông móng cột**

- Sử dụng đồng nhất bê tông móng cột mác 150, cấp phối theo định mức, bao gồm nguyên liệu chủ yếu : Xi măng PC40, đá dăm 1x2, cát vàng

- Bê tông móng cột được trộn và đúc ngay tại chỗ. Sau khi đổ bê tông móng 72h mới lắp đặt các thiết bị khác lên khung móng.

- **Rãnh cáp**

- Cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn D65/50 sau đó được đặt sâu dưới lòng đất.

- Cáp ngầm qua đường được luồn trong ống nhựa xoắn D105/80 sau đó được đặt sâu dưới lòng đất.

3.5.9. Thiết kế bãi đỗ xe, ô cây xanh, kè hồ cảnh quan

- Các ô quy hoạch P-2.2.1 (S=2402m²), CXTP1-2.2.1 (S=5061m²), CXTP2-2.2.1 (1818m²), CXTTP3-2.2.1 (S=397m²), P-2.2.2 (S=3167m²), CXTTP-2.2.2 (S=5527m²), CXTTP-2.3.3 (S=11314m²), MN-2.3.3 (S=8215m²), CX-2.3.2 (S=17636m²), P-2.3.2 (S=1688m²) đầu tư hoàn thiện theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt. Bao gồm các hạng mục như san nền, mặt đường bãi xe, hoàn thiện cây xanh, mặt nước, đường dạo,...

- Các ô quy hoạch CCTP-2.2.1 (S=15265m²), CCTP-2.2.2 (S=28512m²), CCKV1-2.3.1 (S=27330m²), CCKV2-2.3.1 (S=10422m²) chỉ san nền tạo mặt bằng.

3.5.10. Thiết kế cấp điện

a- Tình hình cấp điện hiện tại:

- Hiện tại phạm vi trong dự án GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9 có các hạng mục điện như sau:

a.1. Hiện trạng tuyến trung thế:

- Hiện có tuyến ĐDK 22KV thuộc lộ 471 E1.1 từ cột 19 đến cột 21; Lộ 474 Từ cột 25 đến cột 28; Lộ 479E1.23 từ cột 61 đến 62 (Cột cầu dao 31); Lộ 479E1.23 Từ cột 67 (Cột cầu dao 47) tới cột 68; Lộ 478E1.1 Từ 44 (Cột cầu dao 5A) đến TBA Xóm Trữ 3 và Từ c ột 44 (Cột cầu dao 5A) đến cột 5 tới cấp điện cho trạm biến áp Vân Nội 1;

a.2. Hiện trạng tuyến hạ thế:

* Trạm biến áp Thổ Bảo 2:

- Trên tuyến ĐDK 0,4kV xuất tuyến sau TBA Thổ Bảo 2 cấp điện cho dân cư: Từ cột XB 5.3- XB 5.4; XB 5.3 – XB 5.3A3; XB 8.3 - XB 8.7; ... đi dọc theo tuyến đường nằm trong phạm vi xây dựng dự án.

* Trạm biến áp Vân Nội 5

-Trên tuyến ĐDK 0,4kV xuất tuyến sau TBA Vân Nội 5 cấp điện cho dân cư: Từ cột xuất tuyến VN5 –XT đến cột VN5 – 10A; VN5-9A1; VN5-12; VN5-11.3... đi dọc theo tuyến đường nằm trong phạm vi xây dựng dự án.

* Trạm biến áp Vân Nội 2.

- Trên tuyến ĐDK 0,4kV xuất tuyến sau TBA Vân Nội 2 cấp điện cho khu dân cư từ cột VN2 – 7 đến cột VN5-6A; Cột VN2-9; Từ Cột VN5-9A3 đến cột VN5-9A. ... đi dọc theo tuyến đường nằm trong phạm vi xây dựng dự án.

* Trạm biến áp Xóm Chũ 3.

- Trên tuyến ĐDK 0,4kV sau TBA Xóm Chũ 3: Từ cột Xuất tuyến đến cột XC3-5A; cột XC3-4. ... đi dọc theo tuyến đường nằm trong phạm vi xây dựng dự án.

a.3. Hiện trạng Trạm biến áp:

- Trạm biến áp Vân Nội 5, Trạm biến áp Xóm Chũ 3 nằm trong phạm vi của dự án cần phải di chuyển.

b- Phương án di chuyển và cấp điện:

b.1 : Di chuyển tuyến điện trung thế (Xem bản vẽ mặt bằng di chuyển cấp điện) cụ thể:

- **Tháo dỡ và di chuyển hạ ngầm tuyến ĐDK 22KV thuộc lộ 471 E1.1:**

- Dựng mới cột bê tông ly tâm tại 2 vị trí: 02 cột bê tông ly tâm NPC.I-20-190-15 tại vị trí 19M và 02 cột bê tông ly tâm NPC.I-16-190-13 tại vị trí 20M và lắp đặt bộ cầu dao phụ tải theo 2 vị trí trên.

- Hạ ngầm đoạn cáp từ cột 19M tới cột 20M lộ 471 E1.1 đến cột 20 M cáp ngầm sử dụng là mã hiệu là: 12.7/22(24kV) Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x240mm², cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 195/150, đi ngầm trong đất chiều dài khoảng 371,5m.

- Di chuyển đầu nối cáp nổi hiện trạng với cáp hạ ngầm tại cột 19M và 20M.

- Tháo dỡ thu hồi cột và dây từ cột 19 -20 hiện trạng.

- **Tháo dỡ và di chuyển hạ ngầm tuyến ĐDK 22KV thuộc lộ 474 E1.1:**

- Dựng mới cột bê tông ly tâm tại 2 vị trí: 02 cột bê tông ly tâm NPC.I-20-190-15 tại vị trí 25M và 02 cột bê tông ly tâm NPC.I-16-190-13 tại vị trí 27M lắp đặt bộ cầu dao phụ tải theo 2 vị trí trên.

- Hạ ngầm đoạn cáp từ cột 25M tới cột 20M lộ 471 E1.1 đến cột 27 M cáp ngầm sử dụng là mã hiệu là: 12.7/22(24kV) Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x240mm², cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 195/150, đi ngầm trong đất chiều dài khoảng 421m.

- Đầu nối cáp nổi hiện trạng với cáp hạ ngầm tại cột 25M và 27M.

- Tháo dỡ thu hồi cột và dây từ cột 25 -27 hiện trạng.

- **Di chuyển hạ ngầm tuyến ĐDK 22KV thuộc Lộ 479E1.23:**

- Tại vị trí cột 62M dựng mới 02 cột bê tông ly tâm NPC.I-16-190-13 và lắp bộ cầu dao phụ tải LBS kiểu kín chuyển từ cột 62 sang và tại vị trí 67M dựng 02 cột bê tông ly tâm NPC.I-16-190-13 và lắp mới bộ cầu dao phụ tải kiểu hở.

- Lắp đặt 02 hộp nối cáp ngầm 22kV tại vị trí cột 62 và 67 hiện trạng

- Lắp đặt đoạn cáp ngầm từ vị trí hộp nối vị trí cột 62 lên 62M m và từ vị trí hộp nối cáp 67 lên vị trí 67M ,cáp ngầm sử dụng là mã hiệu là: 12.7/22(24kV) Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x240mm².

- Di chuyển, đấu nối dây điện nổi hiện trạng với đoạn cáp ngầm tại vị trí cột 62M và cột 67M.

- Tháo thu hồi cột và vật tư tại cột 62 và 67 hiện trạng.

- **Di chuyển hạ ngầm tuyến ĐDK 22KV thuộc Lộ 478E1.1**

- Lắp đặt hộp nối cáp trung thế 22kV tại vị trí cầu dao 5 (Cột 44 ĐDK 22KV thuộc Lộ 478E1.1), và tại vị trí chờ để đấu nối dự án ĐG8.

- Hạ ngầm tuyến cáp 22kv từ hộp nối cáp vị trí cầu dao 5 đến vị trí trạm biến áp Xóm Chử 3 vị trí mới. Cáp ngầm sử dụng là mã hiệu là: 12.7/22(24kV) Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x240mm², cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 195/150, chiều dài khoảng 485m.

- Hạ Ngầm cáp từ tủ RMU Trạm biến áp Xóm Trữ 3 (Vị trí mới) đến Hộp nối cáp 22kV chờ để đấu nối dự án ĐG8, sử dụng cáp ngầm 12.7/22(24kV) Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x240mm², cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE 195/150 chiều dài khoảng 326 m.

- Tháo thu hồi dây và cột trong dự án ĐG 7.

b.2. Phần hạ thế 0.4kV:

Di chuyển, hạ ngầm tuyến điện hạ thế (Xem bản vẽ mặt bằng di chuyển điện) của ĐG7 cụ thể như sau:

b.2.1 Tuyến trạm biến áp Thố Bảo 2 :

- **Lộ 1:**

Giữ nguyên hiện trạng lộ 1

- **Lộ 2:** Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ cột 5.2 đến cột 8.7, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 193 m.

- Lắp đặt 07 tủ Pilar tại các vị trí như trên bản vẽ mặt bằng thiết kế cáp điện ĐG7

- Di chuyển đấu nối hoàn trả công tơ vào tủ Pilar.

- **Lộ 3:** Tháo dỡ thu hồi dây AC và hạ ngầm cáp từ cột 5.2 đến cột 5.4, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 64 m.

- Lắp đặt đấu nối đầu cáp tại các vị trí cột XB 5.4 ;

b.2.2 Tuyến trạm biến áp Vân Nội 5 :

- **Lộ 1:** Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến cột VN5-9A2, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 300 m.

- Lắp đặt mới 05 tủ Pilar để đấu nối hoàn trả công tơ.

- Đấu nối hoàn trả Công Tơ vào Tủ Pilar lắp đặt mới.

- Dựng mới 02 cột bê tông ly tâm 8.5m tại vị trí VN5-9A1M

- Lắp đặt lại đoạn dây AC 4x70mm từ cột VN5-9A1M đến VN5-9A2 chiều dài 24,5m.

- Lộ 2: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến cột VN5-10A, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 294 m.

- Lắp đặt mới 05 tủ Pilar để đấu nối hoàn trả công tơ.

- Đấu nối hoàn trả công tơ vào tủ Pilar lắp đặt mới.

- Lộ 3: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến Tòa nhà quản lý Chợ , sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 142 m.

- Lộ 4: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến cột VN5-11, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 235 m.

- Lắp đặt mới 08 tủ Pilar để đấu nối hoàn trả công tơ.

- Đấu nối hoàn trả Công Tơ vào 08 Tủ Pilar lắp đặt mới.

- Lộ 5: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến cột VN5-11.3, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 324 m.

- Lắp đặt mới 02 tủ Pilar để đấu nối hoàn trả công tơ.

- Đấu nối hoàn trả Công Tơ vào Tủ Pilar lắp đặt mới.

- Dựng mới 02 cột bê tông ly tâm 8.5m tại vị trí VN5-11.3M.

- Lắp đặt đấu nối lại đoạn dây AC 4x120 mm từ cột VN5-11.3.1 đến VN5-11.4 chiều dài 39m.

- Lộ 6: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến cột VN5-12, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 312 m.

- Lắp đặt đầu cáp tại các vị trí cột VN5-12.

- Lộ 7: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Vân Nội 5 vị trí mới đến cột VN5-11.3, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 324 m.

- Lắp đặt đấu nối lại đoạn dây AC 4x120 mm từ cột VN5-11.3M đến VN5-11.4 chiều dài 39m.

b.2.3 Tuyến trạm biến áp Xóm Chũ 3 :

- Lộ 1: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Xóm Chũ 3 vị trí mới đến cột XC3-5A và cột XC3-4, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 196 m.

- Lắp đặt mới 05 tủ Pilar để đấu nối hoàn trả công tơ.

- Đấu nối hoàn trả công tơ vào tủ Pilar lắp đặt mới.

- Lắp đặt đấu nối đầu cáp tại các vị trí cột XC3-5A.

- Dựng mới 02 cột bê tông ly tâm 8.5m tại vị trí XC3-3AM.

- Lắp đặt đầu nối lại đoạn dây AC 4x120 mm² từ cột XC3-3AM đến XC3-4A chiều dài 31,5m.

- Lộ 2, 3, 4 : Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC và hạ ngầm cáp từ TBA Xóm Chũ 3 vị trí mới đến cột XC3-4, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài mỗi lộ khoảng 67 m.

- Lắp đặt đầu nối lại đoạn dây AC 4x120 mm² từ cột XC3-3AM đến XC3-4A chiều dài mỗi lộ 31,5m.

b.2.4 Tuyến trạm biến áp Xóm Chũ 2 :

- Lộ 1: Tháo dỡ thu hồi cột, dây từ cột XC2-3B đến vị trí cột VN5-12. Dịch chuyển dây AC và hạ ngầm cáp từ cột XC2-3B đến vị trí cột VN5-12, sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng: 100,5 m.

- Lắp đặt mới 03 tủ Pilar để đầu nối hoàn trả công tơ.

- Đầu nối hoàn trả công tơ vào tủ Pilar lắp đặt mới.

- Lắp đặt đầu nối đầu cáp tại các vị trí cột XC3-3B và VN5-12;

b.2.4 Tuyến trạm biến áp Vân Nội 2 :

- Lộ 1: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC từ cột VN2-7 đến vị trí cột VN5-6A, VN2-9, và chuyển và hạ ngầm cáp từ cột VN2-7 đến cột VN5-9A1M sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 46,5 m.

- Lắp đặt mới 01 tủ Pilar để đầu nối hoàn trả công tơ.

- Đầu nối hoàn trả công tơ vào tủ Pilar lắp đặt mới.

- Lắp đặt đầu nối đầu cáp tại các vị trí cột VN5-9A1M và VN2-7;

- Lộ 2: Tháo dỡ thu hồi cột, dây AC từ cột VN2-7 đến vị trí cột VN2-9, và chuyển và hạ ngầm cáp từ cột VN2-7 đến cột VN5-9A1M sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng 46,5m.

- Lắp đặt đầu nối đầu cáp tại các vị trí cột VN5-9A1M và VN2-7;

- Lộ 3: Tháo dỡ thu hồi, hạ ngầm lắp đặt lại dây AC từ cột VN5-9A2 đến vị trí cột VN5-9A:

- + Hạ ngầm cáp từ VN5-9A1M cột đến cột VN5-9A sử dụng cáp ngầm hạ áp 0,6/1KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x120mm² chiều dài khoảng: 27m

- + Lắp đặt lại cáp nối AC từ cột VN5-9A2 đến cột VN5-9A1M chiều dài khoảng 24,5m

- + Lắp đặt đầu nối đầu cáp tại các vị trí cột VN5-9A2 ;

b.3. Trạm biến áp:

b.3.1- Trạm biến áp Vân Nội 5 CS400KVA-22/0.4kV:

- Trạm biến áp Vân Nội 5 là trạm biến áp treo nằm trong đất dự án cần phải di chuyển lên vỉa hè, để đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn, trạm biến áp sau khi di chuyển được thiết kế kiểu trạm 1 cột trụ thép hợp bộ.

- ***Sơ đồ nối điện chính***

Trạm được bố trí thành 2 khối độc lập: Khối thiết bị đóng cắt trung thế và Khối máy biến thế - tủ hạ thế. Cụ thể như sau:

* Phía trung thế:

- 01 tủ trung thế (RMU) 24kV-630A- $\geq 12,5$ kA/s, gồm 3 ngăn:

+ 02 ngăn cầu dao phụ tải 24kV-630A- $\geq 12,5$ kA/s (01 ngăn cho cáp nguồn đến, 01 ngăn dự phòng). Tại ngăn nguồn đến trang bị 1 bộ thiết bị chỉ báo sự cố (FPI), để chỉ thị sự cố ngắn mạch và chạm đất thông qua đèn Led hiệu suất cao trên mặt trước của bảng điều khiển. Thiết bị chỉ thị báo sự cố được cấp nguồn kép (từ cảm biến và từ pin), có cổng ra cho hệ thống SCADA.

+ 01 ngăn máy cắt 24kV-200A-20kA/s kèm hệ thống Role bảo vệ hợp bộ để đóng cắt bảo vệ máy biến áp.

+ Tủ RMU cách điện chân không hoặc khí SF₆, có đồng hồ chỉ thị áp lực khí, có điện trở sấy.

- Cáp đầu nối từ tủ RMU đến MBA sử dụng cáp 24kV Cu/XLPE/PVC 1x50mm².

* Máy biến áp CS400KVA-22/0.4kV:

(Tận dụng máy biến áp, thay đầu sứ trung thế thường thành đầu sứ Elbow)

* Phía hạ thế: Lắp mới

- Lắp đặt mới 01 tủ hạ thế 600V-630A-50kA/s, loại ngoài trời gồm 2 ngăn: ngăn đóng cắt và ngăn chống tổn thất. Tủ được đặt trên bệ xây, phía trên thân tủ được cố định vào thân trụ đỡ MBA. Tủ có cấu hình cụ thể như sau:

+ 01 MCCB tổng 3P-630A-50kA/s.

+ 01 MCCB nhánh 3P-400A-36kA/s.

+ 02 MCCB nhánh 3P-250A-36kA/s

+ 01 MCCB nhánh 3P-25A-25kA/s (tự dùng).

+ 06 máy biến dòng 600V-600/5A (3 quả ccx 0,5 dùng cho mạch công tơ, 3 quả ccx 1,0 dùng cho mạch đo dòng điện Ampe);

+ 01 đồng hồ Vol (0-500)V

+ 03 đồng hồ Ampe (0-600)A

+ 01 công tơ điện tử 3 pha 380/220V (điện lực lắp đặt)

+ 1 bộ chống sét van hạ thế 500V.

+ Hệ thanh cái tủ sử dụng thanh đồng dẹt 2x50x5mm², có khả năng chịu được dòng ngắn mạch ≥ 10 kA/s.

+ Thay mới cáp tổng từ cực hạ thế của máy biến áp sang tủ hạ thế sử dụng mỗi pha 03 sợi cáp 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC-1x120mm², trung tính 02 sợi 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC- 1x95mm².

- Tủ hạ thế có cấu tạo phù hợp với điều kiện lắp đặt ngoài trời và bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp.

- **Tủ tụ bù hạ thế:**

+ Lắp đặt tụ bù hạ thế tự động 4 cấp công suất tụ 4x20KVAR - 415V.

• **Đo đếm điện và bảo vệ máy biến áp**

* Đo đếm điện

- Đề đếm điện cho Trạm biến áp, trong ngăn chống tổn thất của tủ hạ thế tổng bố trí 01 hệ thống đếm điện gồm:

+ 01 Công tơ điện tử 3 pha 380/220V (tháo chuyển)

- Đề đo dòng điện, trong tủ hạ thế tổng lắp 3 đồng hồ Ampemét xoay chiều đấu với 3 biến dòng của mạch đo.

- Đề đo điện áp các pha, trong tủ hạ thế tổng lắp 01 Vôn kế $0 \div 500V$ kèm theo 01 khoá chuyển mạch.

* Bảo vệ:

- Phía trung thế: Sử dụng tủ trung thế RMU bảo vệ máy biến áp bằng máy cắt SF6.

- Phía hạ thế: Đặt áp tô mát tổng (chỉnh định theo dòng định mức của máy) và 01 bộ chống sét van hạ thế GZ500 trong tủ hạ thế.

• **Nối đất trạm**

Trạm biến áp được bố trí hệ thống tiếp địa chung cho cả tiếp địa làm việc và tiếp địa an toàn. Hệ thống nối đất này gồm:

* Hệ thống tiếp địa trạm: Trạm được bố trí hệ tiếp địa chung cho cả tiếp địa làm việc và tiếp địa an toàn gồm:

- 01 hệ cọc tiếp địa gồm 6 cọc L63x63x6 dài 2,5 m. Hệ thống tiếp địa này đóng ngáp sâu cách mặt đất 0,7m thanh tiếp địa chính dùng thép dẹt 40x4 hàn vào các cọc tiếp địa và cách đầu cọc 100mm, chiều cao mỗi hàn $h=6mm$ $L=60mm$. Cọc và thanh tiếp địa chính được mạ kẽm nhúng nóng.

- Phần từ tia nối đất lên trên mặt đất đầu nối vào các bộ phận cần nối đất và các chi tiết đầu nối đều được mạ kẽm nhúng nóng.

- Điện trở nối đất (R) yêu cầu: $R \leq 4\Omega$. Thi công theo thiết kế, nếu điện trở tiếp địa không đạt $R \leq 4\Omega$ phải báo thiết kế để xử lý.

- Trung tính máy biến áp dùng M120mm² cho máy biến áp.- Toàn bộ vật liệu của hệ thống tiếp địa đều được mạ kẽm nhúng nóng trước khi lắp đặt.

Toàn bộ các chi tiết bằng kim loại, các giá đỡ, vỏ thiết bị ... của trạm cần tiếp địa được nối với hệ tiếp địa.

b.3.2. Trạm biến áp Xóm Chũ 3 CS630KVA-22/0.4kV :

- Trạm biến áp Xóm Chũ 3 là trạm treo nằm trong đất dự án cần phải di chuyển, để đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn, trạm biến áp sau khi di chuyển được thiết kế kiểu trạm 1 cột trụ thép hợp bộ.

• **Sơ đồ nối điện chính**

Trạm được bố trí thành 2 khối độc lập: Khối thiết bị đóng cắt trung thế và Khối máy biến thế - tủ hạ thế. Cụ thể như sau:

* Phía trung thế:

- 01 tủ trung thế RMU 24kV-630A- $\geq 12,5kA/s$, gồm 3 ngăn:

+ 02 ngăn cầu dao phụ tải 24kV-630A- $\geq 12,5kA/s$ (01 ngăn cho cấp nguồn đến, 01 ngăn dự phòng). Tại ngăn nguồn đến trang bị 1 bộ thiết bị chỉ báo sự cố (FPI), để chỉ thị sự số ngắn mạch và chạm đất thông qua đèn Led hiệu suất cao trên mặt trước của bảng điều khiển. Thiết bị chỉ thị báo sự số được cấp nguồn kép (từ cảm biến và từ pin), có cổng ra cho hệ thống SCADA.

+ 01 ngăn máy cắt 24kV-200A-20kA/s kèm hệ thống Rơle bảo vệ hợp bộ để đóng cắt bảo vệ máy biến áp.

+ Tủ RMU cách điện chân không hoặc khí SF6, có đồng hồ chỉ thị áp lực khí, có điện trở sấy.

- Cáp đầu nối từ tủ RMU đến MBA sử dụng cáp 24kV Cu/XLPE/PVC 1x50mm².

* Máy biến áp CS630kVA-22/0.4kV:

(Tận dụng máy biến áp, thay đầu sứ trung thế thường thành đầu sứ Elbow)

* Phía hạ thế: Lắp mới

- Lắp đặt mới 01 tủ hạ thế 600V-1000A-50kA/s, loại ngoài trời gồm 2 ngăn: ngăn đóng cắt và ngăn chống tổn thất. Tủ được đặt trên bệ xây, phía trên thân tủ được cố định vào thân trụ đỡ MBA. Tủ có cấu hình cụ thể như sau:

+ 01 MCCB tổng 3P-1000A-50kA/s.

+ 01 MCCB nhánh 3P-400A-36kA/s.

+ 03 MCCB nhánh 3P-250A-36kA/s

+ 01 MCCB nhánh 3P-25A-25kA/s (tự dùng).

+ 06 máy biến dòng 600V-600/5A (3 quả cex 0,5 dùng cho mạch công tơ, 3 quả cex 1,0 dùng cho mạch đo dòng điện Ampe);

+ 01 đồng hồ Vol (0-500)V

+ 03 đồng hồ Ampe (0-600)A

+ 01 công tơ điện tử 3 pha 380/220V (điện lực lắp đặt)

+ 1 bộ chống sét van hạ thế 500V.

+ Hệ thanh cái tủ sử dụng thanh đồng dẹt 2x80x5mm², có khả năng chịu được dòng ngắn mạch $\geq 10\text{kA/s}$.

+ Thay mới cáp tổng từ cực hạ thế của máy biến áp sang tủ hạ thế sử dụng mỗi pha 03 sợi cáp 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC-1x120mm², trung tính 02 sợi 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC- 1x95mm².

- Tủ hạ thế có cấu tạo phù hợp với điều kiện lắp đặt ngoài trời và bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp.

- **Tủ tụ bù hạ thế:**

+ Lắp đặt tụ bù hạ thế tự động 6 cấp công xuất tụ 6x20KVAR - 415V.

• **Đo đếm điện và bảo vệ máy biến áp**

* Đo đếm điện

- Để đếm điện cho Trạm biến áp, trong ngăn chống tổn thất của tủ hạ thế tổng bố trí 01 hệ thống đếm điện gồm:

+ 01 Công tơ điện tử 3 pha 380/220V (tháo chuyển)

- Để đo dòng điện, trong tủ hạ thế tổng lắp 3 đồng hồ Ampemét xoay chiều đầu với 3 biến dòng của mạch đo.

- Để đo điện áp các pha, trong tủ hạ thế tổng lắp 01 Vôn kế $0 \div 500\text{V}$ kèm theo 01 khoá chuyển mạch.

* Bảo vệ:

- Phía trung thế: Sử dụng tủ trung thế RMU bảo vệ máy biến áp bằng máy cắt SF6.

- Phía hạ thế: Đặt áp tô mát tổng (chỉnh định theo dòng định mức của máy) và 01 bộ chống sét van hạ thế GZ500 trong tủ hạ thế.

• **Nối đất trạm**

Trạm biến áp được bố trí hệ thống tiếp địa chung cho cả tiếp địa làm việc và tiếp địa an toàn. Hệ thống nối đất này gồm:

* Hệ thống tiếp địa trạm: Trạm được bố trí hệ tiếp địa chung cho cả tiếp địa làm việc và tiếp địa an toàn gồm:

- 01 hệ cọc tiếp địa gồm 6 cọc L63x63x6 dài 2,5 m. Hệ thống tiếp địa này đóng ngập sâu cách mặt đất 0,7m thanh tiếp địa chính dùng thép dẹt 40x4 hàn vào các cọc tiếp địa và cách đầu cọc 100mm, chiều cao mỗi hàn h=6mm L=60mm. Cọc và thanh tiếp địa chính được mạ kẽm nhúng nóng.

- Phân từ tia nối đất lên trên mặt đất đầu nối vào các bộ phận cần nối đất và các chi tiết đầu nối đều được mạ kẽm nhúng nóng.

- Điện trở nối đất (R) yêu cầu: $R \leq 4\Omega$. Thi công theo thiết kế, nếu điện trở tiếp địa không đạt $R \leq 4\Omega$ phải báo thiết kế để xử lý.

- Trung tính máy biến áp dùng M120mm² cho máy biến áp.- Toàn bộ vật liệu của hệ thống tiếp địa đều được mạ kẽm nhúng nóng trước khi lắp đặt.

Toàn bộ các chi tiết bằng kim loại, các giá đỡ, vỏ thiết bị ... của trạm cần tiếp địa được nối với hệ tiếp địa.

b.4 Tính toán lựa chọn cáp, ống:

* **Lựa chọn tiết diện cáp hạ áp:**

- Cáp được chọn theo điều kiện phát nóng cho phép.

$$k_1.k_2.I_{cp} \# I_{tt}$$

Trong đó

$$I_{tt} = \frac{P_{tt}}{\sqrt{3} * U * \cos\varphi}$$

k₁ - Hệ số kể đến môi trường đặt cáp: trong nhà, ngoài trời, dưới đất;

k₂ - Hệ số hiệu chỉnh theo số lượng cáp đặt trong cùng rãnh.

I_{cp} - Dòng điện lâu dài cho phép của dây dẫn định chọn.

- Tính toán lựa chọn tổn hao cáp hạ thế:

Việc tính toán và lựa chọn cáp cho các trục, các lộ theo nguyên tắc giống nhau do đó chỉ cần tính toán cho trục cáp dài nhất.

Tổn hao điện áp cho phép là $\Delta U \leq 5\%$.

Công thức tính tổn hao:

$$\Delta U \% = \frac{L * (P * r_0 + Q * x_0)}{U_{dm}^2} * 100\%$$

Trong đó:

L: Chiều dài tuyến cáp cần cấp điện.

P, Q công suất đặt và công suất phản kháng của phụ tải cần cấp.

R₀, X₀ trở kháng và cảm kháng của loại cáp lựa chọn.

U_{dm} Điện áp định mức sử dụng.

*** Phần ống kỹ thuật:**

- Trên tuyến đường cáp điện hạ áp, được thiết kế đồng bộ đi ngầm dưới hè và đường nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Dự kiến bố trí cống cáp gồm các ống nhựa có kích thước từ D50/40mm – D130/100 bằng ống nhựa xoắn HDPE siêu bền (số lượng ống cụ thể sẽ được phải đảm bảo đủ số lượng cho tất cả phần hạ tầng cáp hạ áp và viễn thông đi qua tuyến đường thiết kế:

Ống nhựa xoắn HDPE D130/100 dùng luôn tuyến cáp hạ áp trực chính.

*** Cấu tạo hào cáp :**

- Ống cáp là ống nhựa HDPE siêu bền sử dụng trong công trình là loại ống chịu va đập cao được sử dụng để thay thế ống thép bảo vệ cáp thông tin, điện lực chôn qua đường giao thông hoặc nơi có tải trọng cao. Có chất chống cháy, chống côn trùng gặm nhấm và bền vững trong môi trường hoá chất, có khả năng cách điện trên 50kV.

- Hào cáp gồm là ống nhựa HDPE đặt trực tiếp dưới nền cát dưới kết cấu lát hè và dưới đường.

- Độ sâu lắp đặt cống cáp tính từ đỉnh lớp ống cáp trên cùng đến mặt đất phải đảm bảo:

- Dưới lòng đường cống cáp đặt cách mặt đường tối thiểu 50cm -100cm để đảm bảo bó ống không bị phá hoại về mặt vật lý do tải trọng xe tác động lên mặt đường.

- Dưới hè cống cáp đặt cách mặt kết cấu hè 50cm.

- Trước khi lắp đặt ống cáp phải đầm chặt đáy rãnh bằng lớp cát mịn với độ dày tối thiểu là 100mm để tạo nền ổn định lắp đặt ống.

- Sau khi lắp đặt hào cáp phải lấp cát rãnh cáp và đầm chặt $K=0,95$. Bố trí bằng nhựa báo hiệu cáp ngầm trên đỉnh cống cáp, cách đỉnh cống cáp 15cm.

- Đặt mốc báo hiệu cáp theo dọc tuyến với mật độ 10m/01 vị trí. Tại chỗ bẻ góc đặt 03 vị trí, 2 vị trí hướng cáp đến và đi đặt cách vị trí bẻ góc $>1m$.

*** Quy cách rải cáp ngầm:**

Cáp được chôn trực tiếp trong đất, dưới lòng đường giao thông hoặc trên vỉa hè.

- Cáp ngầm 0.4kV: đi dưới vỉa hè đặt ở độ sâu 700mm, rãnh cáp đào sâu 800mm. Cáp đi dưới lòng đường đặt ở độ sâu 1000mm, rãnh cáp đào sâu 1100mm. Trình tự từ kết cấu xem chi tiết tại bản vẽ mặt cắt hào cáp.

- Cáp đi gần các công trình xây dựng phải có khoảng cách ngang gần nhất $\geq 1m$

- Tại các vị trí giao chéo giữa đường cáp lực và đường ống nước đảm bảo khoảng cách $\geq 0,5m$ và cáp điện lực phải đặt phía dưới.

- Những đoạn cáp có 2 sợi đi song song phải đảm bảo khoảng cách giữa chúng $\geq 0,25m$

- Chỗ giao chéo giữa các đường cáp phải có lớp đất dày $\geq 0,5\text{m}$ hoặc $0,25\text{m}$ cáp luôn trong ống bê tông suốt đoạn giao chéo, thêm mỗi phía 1m.
 - Tại các vị trí giao chéo giữa cáp điện lực với đường cáp thông tin phải được luôn trong ống nhựa siêu bền $\Phi 160$ kéo dài mỗi phía $0,5\text{m}$, khoảng cách giữa tuyến cáp và cáp thông tin phải đảm bảo $\geq 0,25$.
 - Cáp vượt qua các đường giao thông, công các cơ quan, các gốc cây to, vượt qua các công trình ngầm khác... cáp luôn trong ống nhựa siêu bền. Chiều dài ống tính từ mép đường mỗi bên 1m. Cáp phải chôn sâu ít nhất là 1m từ mặt đường và cách đáy mương thoát nước ở hai bên đường ít nhất là $0,5\text{m}$. Đối với các vị trí đặc biệt sẽ có thiết kế riêng.
 - Tại chỗ đặt hộp nối cáp khoảng cách giữa thân hộp đến cáp gần nhất $\geq 0,25\text{m}$, mỗi bên hộp nối dự phòng $0,5\text{m}$, hai đầu hộp nối đặt mốc báo hiệu cáp. Điểm nối mỗi pha đặt so le và cách nhau $1,5\text{m}$.
 - Điểm lên cột cáp được luôn qua ống nhựa siêu bền. Phải có bộ xi măng bảo vệ chân cáp lên cột.
 - Tại các đầu ống bảo vệ cáp phải dùng sợi dây gai nhào trộn với bitum để chèn kín với chiều sâu vào ống ít nhất là 300mm để đất, nước không vào được.
 - Cáp, hộp đầu cáp theo tiêu chuẩn IEC.
 - Tất cả các hộp đầu cáp của cáp xuất tuyến phải làm tiếp đất và đầu tiếp đất vào hệ thống chung của ĐDK hoặc của TBA.
 - Khi rải cáp không được làm sây sát và bên ngoài cáp và đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật.
 - Cáp xuất xưởng phải có phiếu kiểm tra chất lượng cáp lần cuối.
- * Quy cách đóng cọc mốc báo hiệu cáp ngầm :**
- Quy cách đóng cọc mốc báo hiệu cáp ngầm trung, hạ áp theo công văn số 5564/EVN-ĐLHN-KT.
- Cáp đi thẳng, dưới đan rãnh, bó vỉa hè: Đặt mốc báo hiệu cáp trên bó vỉa. Khoảng cách giữa các mốc là 20m .
 - Cáp đi thẳng, dưới hè: Đặt mốc báo hiệu cáp dọc theo tuyến cáp. Khoảng cách giữa các mốc là 20m .
 - Cáp đi thẳng, dưới lòng đường bê tông atphan và đường bê tông xi măng: Đặt mốc báo hiệu cáp dọc theo tuyến cáp. Khoảng cách giữa các mốc là 20m .
 - Cáp đi thẳng, dưới đường làng (đường đất, rải đá...): Đào một hố rộng $200 \times 200 \times 200\text{mm}$, đổ khối bê tông M200#, giữa có gắn mốc báo hiệu cáp. Khoảng cách giữa các mốc là 20m .

- Tại vị trí bề góc cấp: Đặt mốc báo hiệu cấp tại các vị trí 2 đầu và giữa bán kính cong của đường cấp khoảng cách giữa các mốc phải $\geq 1\text{m}$.

- Cấp đi cắt ngang đường giao thông phải đặt mốc báo hiệu cấp ở giữa tâm đường.

- Các mốc báo hiệu cấp trên hè đường, bó vỉa và đường đi được chế tạo bằng sứ tráng men. Vị trí đứng để đọc chữ trên mốc báo hiệu cấp: Đứng trên hè nhìn ra lòng đường. Chiều mũi tên trên mặt mốc báo hiệu cấp phải được đặt song song với tuyến cấp (ở vị trí cấp đi thẳng) hoặc song song với tiếp tuyến của đường cấp (ở vị trí cấp cấp bề góc).

- Cấp đi dưới bờ ruộng, bờ mương, vườn cây, bên cạnh đường quốc lộ... phải đặt cọc mốc báo hiệu cấp tại các vị trí mà không gây cản trở đến người đi bộ và các phương tiện giao thông, cọc mốc là loại cọc bê tông cốt thép có 4 mặt chữ được chôn sâu 0,5m và nhô lên khỏi mặt đất là 0,3m. Khoảng cách giữa các mốc là 20m.

- Các mốc báo hiệu cấp trên vỉa hè phải được gắn bằng xi măng, mặt của mốc báo hiệu bằng mặt hè. Các mốc báo hiệu cấp được gắn trên mặt đường nhựa bê tông atphan và bê tông xi măng phải được gắn bằng nhựa bê tông atphan, mặt của mốc báo hiệu bằng mặt đường.

1.2.2.2. Hạng mục công trình phụ trợ trong quá trình thi công xây dựng

Trong giai đoạn chuẩn bị sẽ thực hiện bố trí các công trường trong phạm vi thi công dự án bao gồm: Văn phòng, công trường thi công, các công trình phụ trợ phục vụ thi công (nhà vệ sinh, khu vực lưu chứa chất thải...). Dự án không có trạm trộn bê tông và trạm trộn bê tông nhựa. Dự án bố trí 01 công trường thi công theo hình thức cuốn chiếu chia làm 02 đội thi công. 01 đội thi công hạng mục đường và 01 đội thi công hạng mục cầu, bắt đầu từ điểm đầu nối với đường Trường Sa và sông Thiếp. Mỗi đội gồm 30 cán bộ công nhân viên thi công.

Mặt bằng công trường có diện tích khoảng 500m², diện tích đất làm công trường trong diện tích đất thu hồi phục vụ triển khai dự án.

Chi tiết vị trí các hạng mục công trình trên công trường được thống kê tại bảng sau:

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình trên mặt bằng công trường

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số lượng	Quy cách xây dựng
1	Văn phòng làm việc, điều hành dự án	50m ²	1	- Nhà mái tôn, khung thép, tường ngoài bằng tấm vách thép màu 50 mm, tường trong tấm vách ván 45 mm, sàn tấm ván 15 mm. - Vị trí: Tại công trường
2	Bãi tập kết nguyên vật liệu	200 m ²	1	- Bãi hỏ san phẳng - Tại khu vực công trường.
3	Nhà bảo vệ	10 m ²	1 nhà	- Nhà mái tôn, khung thép, tường ngoài bằng tấm vách thép màu 50 mm, tường trong tấm vách ván 45 mm, sàn tấm ván 15 mm. - Vị trí: gần cổng ra vào của công trường

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số lượng	Quy cách xây dựng
4	Nhà vệ sinh di động	-	2 nhà	- Nhà vệ sinh di động: Nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ, bồn chứa cặn 5.000 lít và bồn nước 2.000 lít. - Vị trí: Tại công trường thi công
5	Khu chứa phế thải xây dựng	100 m ²	1	Bãi hờ san phẳng
6	Khu chất thải nguy hại	10 m ²	1	Container chứa CTNH có diện tích khoảng 2,0m x 5,0m= 10m ² , khu vực này được đặt trên lớp lót không thấm nước, có cửa khóa và biển báo khu vực chứa CTNH.
7	Hố lắng nước thải thi công	8m ³ /1hố	1 hố	Bể chứa có kích thước 4 x 2x 2m, gồm 1 ngăn chứa và 2 ngăn lắng.

1.2.3. Các hoạt động của dự án

a) Giai đoạn thi công

*) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng

- Hoạt động rà phá bom mìn phát sinh tiếng ồn, sự cố cháy nổ máy móc, thiết bị trên công trường.

- Phát quang thực vật phát sinh khối lượng CTR.

- Phá dỡ công trình hiện trạng, phá dỡ đường giao thông, nhà ở, phá vỡ và di dời mộ: phát sinh CTR thông thường, bụi, tiếng ồn.

- Di dời, thu hồi HTKT đường điện có thể ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

*) Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công Dự án gồm:

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt

- Hoạt động đào đắp, thi công tuyến đường

- Hoạt động vận chuyển đồ thải đất bóc bề mặt, đất đào ra khỏi khu vực Dự án

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công Dự án

- Hoạt động của các máy móc, thiết bị trên công trường

Trong giai đoạn thi công Dự án, nguồn gây ô nhiễm môi trường nước gồm:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công

- Nước thải thi công

- Nước mưa chảy tràn.

Chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng gồm CTR sinh hoạt, xây dựng và CTNH từ hoạt động của 60 CBCNV/1 công trường/02 đội thi công và máy móc thi công, thiết bị trên công trường.

1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và BVMT

1.2.5.1. Thoát nước mưa

1/ Trong giai đoạn thi công xây dựng

Để đảm bảo vấn đề tiêu thoát nước bề mặt, dự án sẽ đào các tuyến rãnh thoát nước tạm cũng như hố ga tạm để phục vụ thi công. Khi san nền, hoàn thiện lô đất trên mặt bằng theo thiết kế đã thiết kế mặt bằng có mái dốc 0,5% để nước chảy ra các rãnh thu nước mưa. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống theo các trục đường chính, sau đó được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa Dự án theo quy hoạch phân khu.

Hướng thoát nước mưa chủ yếu trên toàn bộ diện tích dự án chảy theo độ dốc của địa hình và theo hướng chảy thoát về kênh, mương thoát nước hiện trạng.

Nguồn tiếp nhận nước mưa trong quá trình thi công: Giai đoạn thi công chủ đầu tư chọn vào thời điểm mùa khô nên lượng mưa phát sinh ít. Nước mưa phát sinh trên bề mặt dự án sẽ ngấm xuống đất, ngoài ra theo địa hình sẽ chảy vào các kênh mương xung quanh dự án nhưng với lưu lượng không lớn.

2/ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa của dự án đầu tư

Hệ thống thoát nước được bố trí tuân thủ đúng bản giới thiệu hướng tuyến hạ tầng kỹ thuật phân khu đô thị N7, N8, GN tỷ lệ 1/500, quy hoạch chi tiết 1/500 các khu vực dân cư dọc tuyến (các thôn Dục Nội, Đoài, Trung, Đông xã Việt Hùng), cụ thể hệ thống thoát nước dự án như sau:

- Đoạn Km0+000-:-Km0+620 bố trí hệ thống cống dọc hai bên gồm: (1) đoạn Km0+000-:-Km0+196, khẩu độ BxH=0,8x0,8m; (2) đoạn Km0+196-:-Km0+368, khẩu độ BxH=1,2x1,0m; (3) đoạn Km0+368-:-Km0+495, khẩu độ BxH=1,2x1,0m; (4) đoạn Km0+495-:-Km0+620, khẩu độ BxH=1,5x1,5m thu nước mặt đường hai bên tuyến dẫn về cửa xả số 1 bên phải tuyến (khẩu độ cửa xả BxH=2,0x2,0m) đổ ra sông Thiếp.

- Đoạn từ Km0+854-:-Km3+020 bố trí hệ thống cống dọc hai bên gồm: (1) đoạn Km0+854-:-Km0+995, khẩu độ D=1,75m; (2) đoạn Km0+995-:-Km2+060, khẩu độ D=1,50m; (3) đoạn Km2+060-:-Km2+530, khẩu độ D=1,25m; (4) đoạn Km2+530-:-Km2+833, khẩu độ D=1,0m; (5) đoạn Km2+833-:-Km3+020, khẩu độ D=0,8m thu nước mặt đường hai bên tuyến dẫn về cửa xả số 2 bên phải tuyến (khẩu độ cửa xả D=2,0m) đổ ra sông Thiếp.

- Đoạn từ Km3+040-:-Km3+676 bố trí hệ thống cống dọc hai bên gồm: (1) đoạn Km3+040-:-Km3+240 (phải tuyến) và Km3+080-:-Km3+240 (trái tuyến), khẩu độ D=0,8m; (2) đoạn Km3+240-:-Km3+588 bên phải tuyến và Km3+240-:-Km3+676 bên trái tuyến, khẩu độ D=1,0m; (3) đoạn Km3+588-:-Km3+665 bên phải tuyến, khẩu độ D=1,25m thu nước mặt đường hai bên tuyến thoát về hệ thống thoát nước mặt theo quy hoạch bên trái tuyến (khẩu độ D=1,75m). Do hệ thống cửa xả D1,75m cuối tuyến chưa

được đầu tư đồng bộ và không trùng kênh mương hiện trạng nên trước mắt để thoát nước đoạn từ Km3+040-:-Km3+676 sẽ bổ sung cống đầu nổi thoát nước tạm khẩu độ $D=0,8m$ đoạn từ Km3+020-:-Km3+080 (trái tuyến) nhằm đầu nổi đoạn Km3+040-:-Km3+676 với đoạn trước Km0+854-:-Km3+020, để sau đó thoát về sông Thiếp.

Hệ thống thoát nước mưa tuân thủ theo HTKT của dự án do Viện QHXD cấp và phù hợp với thực tế hiện trường: đoạn Km0+620 đến Km+854 là vùng thuộc sông Thiếp. Đoạn từ Km3+020 về đầu tuyến được hoạch định xả về sông Thiếp và đoạn từ Km3+040 về cuối tuyến thoát về hệ thống thoát nước theo quy hoạch. Do tại thời điểm hiện tại chưa xây dựng hệ thống thoát nước theo QH nên sẽ xây dựng bổ sung đoạn Km3+020 – Km3+040 để đảm bảo thoát nước cho toàn tuyến.

Hệ thống ga thu nước mặt được đặt trực tiếp trên mặt đường với khoảng cách trung bình 30m bố trí 01 cửa thu nước.

Đối với các đoạn tuyến có bố trí siêu cao, hệ thống rãnh thu nước được đặt cạnh giải phân cách giữa, thu toàn bộ nước mặt phía lưng đường cong, được dẫn ra bằng hệ thống cống ngang đường và cống D750 đảm bảo thoát nước cho khu vực nền mặt đường; Rãnh thu nước siêu cao có kích thước $B \times H = 0,4 \times Hm$ (H có chiều cao thay đổi tùy thuộc độ dốc rãnh), thành và đáy rãnh bằng BTCT C20 dày 10cm, rãnh được đặt trên lớp BTXM lót C10 dày 10cm; Nắp rãnh sử dụng loại tấm bê tông cường độ cao để thu nước mặt trên đường.

1.2.5.2. Thoát nước thải

1/ Trong giai đoạn thi công xây dựng

Giai đoạn này nước thải xây dựng được thu gom, xử lý và tái sử dụng lại cho hoạt động rửa xe nên không phát thải ra ngoài môi trường. Sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án đầu tư thực hiện ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng nạo vét, thu gom và xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Nước thải sinh hoạt: Không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường, sử dụng nhà vệ sinh di động, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2/ Xây dựng hệ thống thoát nước thải cho dự án đầu tư

Xây dựng các tuyến cống D500, D600, D700, D800 theo quy hoạch để đảm bảo thu nước thải khu dân cư theo quy hoạch, trong tương lai sẽ được đầu nối với hệ thống thoát nước chung thành phố để chảy về trạm xử lý nước thải. Cụ thể như sau:

- Đoạn từ Km0+000 -:- Km0+500 bố trí tuyến cống D800 bên phải tuyến chờ đầu nối với hệ thống TNT của khu vực rồi sau đó đổ về trạm bơm 20 có công suất dự kiến $20.200m^3/ngđ$.

- Đoạn từ Km0+500 -:- Km0+988 bố trí tuyến cống thoát nước thải có áp bên phải tuyến.

- Đoạn từ Km0+988 -:- Km1+323 bố trí tuyến cống D800 bên phải tuyến, tại Km1+323 bố trí cống D800 thoát sang tuyến cống TNT bên trái tuyến rồi sau đó về nhà máy xử lý nước thải Cổ Loa có công suất dự kiến 75.000m³/ngđ.

- Đoạn từ Km0+830 -:- Km1+323 bố trí tuyến cống thoát nước thải có áp bên trái.

- Đoạn Km1+400 -:- Km2+220 bố trí tuyến cống D800 bên trái tuyến chờ đầu nối với hệ thống TNT của khu vực.

- Đoạn Km2+220 -:- Km3+075 bố trí tuyến cống D500 bên trái tuyến chờ đầu nối với hệ thống TNT của khu vực.

- Đoạn từ Km3+075 -:- cuối tuyến bố trí tuyến cống thoát nước thải có áp bên trái.

Hệ thống cống bên phải tuyến đoạn Km0+500 – Km0+988 và đoạn từ Km0+988 – Km1+323 để dẫn nước thải về nhà máy xử lý nước thải Cổ Loa; sau khi xử lý xong thì được xả ra sông Thiếp qua hệ thống tuyến cống thoát nước thải có áp bên trái đoạn từ Km0+830 – Km1+323 (Tuân thủ HTKT do Viện QHXD cấp).

Các hệ thống đường ống sẽ thu nước thải bao gồm cả nước thải của dân trong khu vực. Sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải trong khu vực và Nhà máy xử lý nước thải Cổ Loa, sau khi xử lý xong sẽ được xả thải ra sông Thiếp.

Kết cấu cống, ga:

Cống tròn: ống cống bằng BTCT C20 đúc sẵn theo phương pháp li tâm, cấu kiện đúc sẵn loại đang được sử dụng phổ biến trong các công trình giao thông hiện nay. Móng cống là cấu kiện BTCT C16 đúc sẵn, thiết kế 2 cấu kiện móng/1 cấu kiện ống cống. Mỗi nối cống bằng joint cao su kết hợp vữa xi măng hoặc sợi dây tẩm nhựa đường.

Ga thăm thu kết hợp: thân ga bằng BTCT C20 đúc sẵn, đặt trên lớp đá dăm đệm, phần cổ ga đổ tại chỗ bằng BTCT C20.

1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1.3.1. Giai đoạn thi công của dự án

1.3.1.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

a/ Tổng hợp khối lượng đào đắp

Bảng 1. 2: Tổng hợp khối lượng phá dỡ, đất đào đắp phục vụ thi công dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Khối lượng phá dỡ			
1.1	Nhà 1 tầng	m ³	4.401	Gạch, ngói, ... tận dụng để san nền; bùn thải bề tự hoại. Phế liệu như tôn, nhôm, khung thép, ... sử dụng đem bán cho đơn vị có chức năng.
1.2	Nhà 2 tầng			
1.3	Nhà 3 tầng			
1.4	Nhà 4 tầng			
1.5	Nhà 5 tầng			
1.6	Nhà cấp 4			

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1.7	Nhà xưởng			
1.8	Kênh, mương thủy lợi	m ³	1.458,6	Phá dỡ, nạo vét bùn đồ thải
1.9	Mộ	Tấn	3,8 ÷ 6,4	Khoảng 318 ngôi mộ diện tích khoảng 3m ² /mộ, cao trung bình 1m
2	Khối lượng bóc hữu cơ	m ³	20.740	Diện tích đất lúa khoảng 10,37ha; chiều sâu bóc khoảng 0,2m Tận dụng để trồng cây xanh tại dự án.
3	Khối lượng đất đào	m³	176.138,27	
3.1	Đất đào nền	m ³	23.446,02	Tận dụng đắp
3.2	Đào hồ móng	m ³	57.701,5	Tận dụng đắp
3.3	Đào rãnh	m ³	1.751,9	Tận dụng đắp
3.4	Đào thoát nước dọc	m ³	41.804	Tận dụng đắp
3.5	Đào móng cầu Hoàng Giang	m ³	15,91	Tận dụng đắp
3.6	Đào móng cầu vượt đường sắt	m ³	5,5	Tận dụng đắp
3.7	Đào đất không thích hợp	m ³	51.413,44	Đổ thải
4	Khối lượng đắp	m³	381.904	
4.1	Đắp cát nền đường	m ³	188.533	
4.2	Đắp trả thoát nước dọc	m ³	22.886	
4.3	Đắp nền cầu vượt đường sắt	m ³	45.760,51	
4.4	Đất đắp tận dụng	m ³	124.724	Tận dụng đất đào để đắp nền đường.
5	Đất trồng cây xanh	m³	20.740	
6	Khối lượng đổ thải	m³	52.872,04	Đổ thải tại bãi đổ thải Nguyên Khê.

(Nguồn: Tổng mức dự toán hạng mục công trình của dự án)

Ghi chú: Khối lượng đất đào đã bao gồm tổng hợp tất cả các hạng mục đào của công trình của dự án như thi công đường, thi công hạng mục đường thoát nước thải, nước mưa, hào kỹ thuật, công trình ngầm, kênh mương thoát nước xây mới hoàn trả, ...

b/ Tổng hợp khối lượng nguyên, vật liệu sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng

Để tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu sẽ chia thành 02 hạng mục chính là: Khối lượng phục vụ cho hoạt động thi công nền mặt đường và hệ thống HTKT; Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động thi công cầu Hoàng Sa và cầu vượt đường sắt. Cụ thể được trình bày trong 02 bảng dưới đây:

Bảng 1. 3: Tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động thi công nền mặt đường và hệ thống HTKT của dự án

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Băng bảo hiệu cáp điện lực B=20cm	m	1.592,0

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
2	Băng cản nước PVC O200	m	285,4950
3	Bê tông nhựa bán rỗng R25	tấn	21.821,1339
4	Bê tông nhựa loại C16	tấn	16.037,5576
5	Bê tông nhựa loại C19	tấn	13.813,8615
6	Biển chữ nhật KT≤1m2	m2	3,60
7	Biển tam giác cạnh 70cm	cái	4,0
8	Biển tròn đường kính 70cm	cái	40,0
9	Bó vĩa giả đá KT 10x15x65	m	4.098,770
10	Bó vĩa giả đá KT 26x23x100	m	5.201,8750
11	Bó vĩa giả đá KT 26x23x25	m	5.698,7438
12	Bó vĩa giả đá KT16x53x100	m	4.624,80
13	Bột đá	kg	97,7342
14	Bu lông cường độ cao M16	cái	160,0
15	Bu lông M10x50	cái	4.274,1006
16	Bu lông M16	cái	693,8880
17	Bu lông M16x110	cái	92,9390
18	Bu lông M16x35	cái	2.044,1113
19	Bu lông neo M20x650	cái	2.044,1113
20	Bu lông neo M24x429	cái	63,0
21	Bu lông neo M24x537	cái	63,0
22	Cáp thép cường độ cao	kg	251.344,760
23	Cáp thép cường độ cao	kg	352.525,950
24	Cát mịn ML=0,7-1,4	m3	23,7210
25	Cát mịn ML=1,5-2,0	m3	1.795,7851
26	Cát nền	m3	329.721,3846
27	Cát vàng	m3	0,1751
28	Cát vàng	m3	815,2460
29	Cần khoan L=1,5m	cái	6,720
30	Cấp phối đá dăm loại 1	m3	38.899,9023
31	Cấp phối đá dăm loại 2	m3	38.820,950
32	Cây Giáng hương	cây	790,0
33	Cây Sao Đen	cây	769,0
34	Cỏ lá tre	m2	915,110
35	Cỏ lá tre	m2	36.028,410
36	Cọc bê tông L>4m 35cmx35cm	m	2.092,720
37	Cọc gỗ (4 cọc, gông 2 tầng; 2,5m/cọc; 4m làm gông 2 tầng)	m	21.826,0

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
38	Cọc nổi thép	bộ	58.036,3725
39	Cốc nhựa	cái	764,0
40	Côn nhựa	cái	764,0
41	Cổng hộp quy cách 1000x1000mm, HL93	m	359,5299
42	Cổng hộp quy cách 1200x1000mm, HL93	m	227,8901
43	Cổng hộp quy cách 1250x1250mm, HL93	m	526,0001
44	Cổng hộp quy cách 1500x1200mm, HL93	m	313,3301
45	Cổng hộp quy cách 1500x1500mm, HL93	m	322,710
46	Cổng hộp quy cách 2000x2000mm, HL93	m	61,0001
47	Cột biển báo D88x2.5mm	m	170,10
48	Cột chống thép ống	kg	10.265,3069
49	Củi đùn	kg	162,080
50	Cút D110	cái	118,0
51	Cút PVC D225/135 độ	cái	37,8720
52	Dầu chống dính	lít	19.855,8720
53	Dây thép	kg	405,340
54	Dây thép	kg	75.167,6401
55	Đá 1x2	m ³	235,3510
56	Đá 2x4	m ³	870,0955
57	Đá 4x6	m ³	782,1628
58	Đá cắt	viên	3.892,3878
59	Đá cấp phối D<=4cm	m ³	521,3988
60	Đá dăm	m ³	9,3574
61	Đá hộc	m ³	200,2813
62	Đá mài	viên	191,6309
63	Đá mài	viên	1,6360
64	Đất đắp K90	m ³	26.974,2673
65	Đất đắp K95	m ³	204,9526
66	Đất đắp K98	m ³	21.766,2676
67	Đầu đo gia tốc và biến dạng	bộ	1,60
68	Đầu neo kéo 19T15.2	cái	272,0
69	Đinh	kg	251,8712
70	Gạch không nung (6,5x10,5x22)cm	viên	243.778,6610
71	Gạch xi măng giả đá	m ²	51.512,5654
72	Gỗ chống	m ³	3,6709
73	Gỗ đà nẹp	m ³	0,6958
74	Gỗ ván	m ³	6,3501

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
75	Gối cầu cao su cốt bản thép 150x250x35	bộ	120,0
76	Gối cầu cao su cốt bản thép 400x300x67	bộ	96,0
77	Gối chấu thép 1800kN/1200kN, đơn hướng	bộ	160,0
78	Gối chấu thép 1800kN/1200kN, song hướng	bộ	160,0
79	Gối đỡ 2x195/150	cái	796,0
80	Gối đỡ 4x130/100	cái	796,0
81	Gối đỡ 6x110	cái	796,0
82	Gioăng cao su D1000mm	cái	533,0
83	Gioăng cao su D1250mm	cái	268,0
84	Gioăng cao su D1500mm	cái	964,0
85	Gioăng cao su D1750mm	cái	144,0
86	Gioăng cao su D2000mm	cái	20,0
87	Gioăng cao su D400mm	cái	176,0
88	Gioăng cao su D600mm	cái	8,0
89	Gioăng cao su D800mm	cái	352,0
90	Keo dán	kg	3,7872
91	Keo epoxy 2 thành phần	kg	12,0960
92	Keo epoxy 2 thành phần (sikadur 723)	kg	42,0960
93	Khe co giãn răng lược độ dịch chuyển 100mm	m	258,30
94	Khe co giãn răng lược độ dịch chuyển 50mm	m	146,580
95	Khối móng bê tông D1000mm	cái	1.644,0
96	Khối móng bê tông D1250mm	cái	894,0
97	Khối móng bê tông D1500mm	cái	2.937,0
98	Khối móng bê tông D1750mm	cái	465,0
99	Khối móng bê tông D2000mm	cái	72,0
100	Khối móng bê tông D400mm	cái	815,0
101	Khối móng bê tông D600mm	cái	27,0
102	Khối móng bê tông D800mm	cái	1.059,0
103	Lớp phòng nước mặt cầu	m2	17.322,970
104	Lưỡi cắt	cái	185,7542
105	Lưỡi cắt bê tông loại D356mm	cái	8,4832
106	Lưới chắn rác gang đúc KT 960x530 TL 250kN	cái	227,0
107	Mạ kẽm nhúng nóng	kg	136.150,6220
108	Mỡ bôi trơn	kg	312,60
109	Mỡ trung tính	kg	38,20
110	Mũi khoan bê tông D10	cái	20,0

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
111	Mũi khoan $d \leq 80\text{mm}$	cái	14,0
112	Nắp ga bằng gang đúc 2415x950x100mm (loại 4 cửa)	cái	1,0
113	Nắp ga bằng gang đúc 2415x950x100mm (loại 6 cửa)	cái	58,0
114	Nắp ga gang KT 900x900x10, TL400kN	cái	198,0
115	Neo cáp 3T15.2	bộ	12,0
116	Neo cáp 9T12.7	bộ	480,0
117	Ni lông tạo phẳng	m ²	56.102,7940
118	Nút bịt PVC D225	cái	18,9360
119	Nhũ tương phân tách chậm CSS-1	kg	
120	Nhũ tương phân tách nhanh CRS-1	kg	141.364,6241
121	Nhựa bi tum số 4	kg	170,1840
122	Nhựa dán	kg	0,6311
123	Nhựa dán	kg	26,6685
124	Ống bê tông dài 2,5m D1000mm, HL93	m	1.370,0
125	Ống bê tông dài 2,5m D1250mm, HL93	m	745,0
126	Ống bê tông dài 2,5m D1500mm, HL93	m	2.447,50
127	Ống bê tông dài 2,5m D1750mm, HL93	m	387,50
128	Ống bê tông dài 2,5m D2000mm, HL93	m	60,0
129	Ống bê tông dài 2,5m D400mm, HL93	m	64,0
130	Ống bê tông dài 2,5m D400mm, HL93	m	572,50
131	Ống bê tông dài 2,5m D600mm, HL93	m	22,50
132	Ống bê tông dài 2,5m D800mm, HL93	m	882,50
133	Ống gang D150/162	m	49,40
134	Ống gen D100/105	m	2.767,4640
135	Ống gen D65/72	m	5.811,5520
136	ống nối 66x25mm	m	11,9166
137	Ống nối D100/105	m	162,7920
138	Ống nối D65/72	m	341,8560
139	Ống nối gai D130/100mm	cái	604,960
140	Ống nối gai D195/150mm	cái	302,480
141	Ống nhựa D22/18mm	m	34.388,480
142	Ống nhựa D50mm	m	767,60
143	Ống nhựa gân xoắn HDPE 1 lớp D130/100mm	m	3.199,920
144	Ống nhựa gân xoắn HDPE 1 lớp D195/150mm	m	1.599,960

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
145	Ống nhựa HDPE D90mm (PN6)	m	1.046,7293
146	Ống nhựa nhựa D16/20	m	1.090,80
147	Ống nhựa PVC D100	m	58,1760
148	Ống nhựa PVC D150/162	m	1.236,6440
149	Ống nhựa PVC D150/162	m	858,50
150	Ống nhựa PVC D300mm	m	987,780
151	Ống nhựa PVC D34	m	
152	Ống nhựa PVC D50	m	16,5807
153	Ống nhựa UPVC D110	m	3,3330
154	Ống nhựa UPVC D110x5mm	m	4.823,760
155	Ống nhựa UPVC D225	m	1.062,520
156	Ống thép đen D107.5/113.5, t=3.0mm	m	15.756,0752
157	Ống thép đen D114/121	m	234,6520
158	Ống thép đen D54.9/59.9, t=2.5mm	m	48.212,8665
159	Ống thép đen D60/67	m	705,2893
160	ống thép luồn cáp 66x25mm	m	202,5822
161	Phân vi sinh	kg	1.559,0
162	Phụ gia CMC	kg	29.524,2080
163	Phụ gia IntraplatZ	kg	3.385,4135
164	Phụ gia sika R4	kg	1.947,2130
165	Quả búa 14T	quả	0,040
166	Que hàn	kg	1.038,5438
167	Que hàn	kg	34.362,12
168	Que hàn	kg	24,0
169	Răng cào	bộ	1,540
170	Răng khoan đất	cái	6.238,2516
171	Sikadur 731	kg	3.264,0
172	Sơn dẻo nhiệt trắng	kg	33.937,4840
173	Sơn lót	kg	1.167,850
174	Tấm cao su đàn hồi 2cm	m2	678,40
175	Tấm đan rãnh KT 30x50x6cm	tấm	6.606,50
176	Tê thu PVC D225/160	cái	18,9360
177	Thép gia cố đầu cọc	kg	1.632,0
178	Thép hình	kg	63.074,8630
179	Thép hình, thép tấm	kg	1.265,6820
180	Thép lưới F6	kg	553,2439
181	Thép ống	kg	45.704,120

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
182	Thép tấm	kg	153.681,8818
183	Thép tròn	kg	328.880,5813
184	Thép tròn D≤10mm CB240-T	kg	68.918,3726
185	Thép tròn D≤18mm CB400-V	kg	5.051,040
186	Thép tròn D≤18mm CB400-V	kg	26,6587
187	Thép tròn D≤18mm CB400-V	kg	1.648.083,5436
188	Thép tròn D≤18mm CB400-V	kg	3.351.504,2618
189	Thép tròn D>18mm CB240 T	kg	918,0
190	Thép tròn D>18mm CB400-V	kg	1.344.559,1693
191	Thép tròn D>18mm CB400-V	kg	1.553.690,0528
192	Thép tròn D10mm CB240-T	kg	83,0729
193	Thép tròn D12mm CB400-V	kg	1.625,0760
194	Thước thép 42m	cái	67,20
195	Thước thép 5m	cái	67,20
196	Vải địa kỹ thuật cường độ 12KN/m2	m2	0,9702
197	Vải địa kỹ thuật cường độ 12KN/m2	m2	149,3902
198	Vải địa kỹ thuật cường độ 25KN/m2	m2	83.299,4715
199	Vữa bê tông đá 1x2 M150 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	4.495,5713
200	Vữa bê tông đá 1x2 M200 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	360,2855
201	Vữa bê tông đá 1x2 M200 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	34,9320
202	Vữa bê tông đá 1x2 M250 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	2.448,1545
203	Vữa bê tông đá 1x2 M250 - Độ sụt 6 - 8cm, TP	m3	924,0068
204	Vữa bê tông đá 1x2 M300 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	2.477,8485
205	Vữa bê tông đá 1x2 M300 - Độ sụt 6 - 8cm, TP	m3	339,0811
206	Vữa bê tông đá 1x2 M350 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	21.734,6112
207	Vữa bê tông đá 1x2 M350 - Độ sụt 14 - 17cm, TP	m3	17.003,4706
208	Vữa bê tông đá 1x2 M400 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	3.208,3947
209	Vữa bê tông đá 1x2 M400 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	259,7568

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
210	Vữa bê tông đá 1x2 M450 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	4.271,1809
211	Vữa bê tông đá 1x2 M500 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	770,7504
212	Vữa bê tông đá 1x2 M600 - Độ sụt 10 - 12cm, TP	m3	4.656,0080
213	Vữa bê tông đá 2x4 M150 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	70,0977
214	Vữa bê tông đá 2x4 M150 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	1.042,5583
215	Vữa bê tông đá 2x4 M200 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	273,9415
216	Vữa bê tông đá 2x4 M250 - Độ sụt 2 - 4cm, TP	m3	28,3413
217	Vữa không co ngót	kg	788,240
218	Xi măng PC30	kg	17.788,6618
219	Xi măng PC30	kg	4.080,2032
220	Xi măng PCB40 bao	kg	476,6034
221	Xi măng PCB40 bao	kg	33.284,8343
222	Xi măng PCB40 bao	kg	105.824,1852
223	Xi măng PCB40 bao	kg	59,5350
224	Xi măng PCB40 bao	kg	683.935,0363
225	Y lịch PVC D225/45 độ	cái	18,9360
Tổng		Tấn	321.633,5

(Nguồn: Tổng mức dự toán hạng mục công trình của dự án)

Ghi chú: Hệ số quy đổi lấy theo Quyết định số 1776/BXD -VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng về công bố định mức vật tư trong xây dựng.

Như vậy, tổng khối lượng nguyên vật liệu cần dùng cho hoạt động xây nền đường và HTKT của dự án là khoảng **321.633,5 tấn**. Lượng nguyên vật liệu trên chỉ mang tính tương đối, Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh để phù hợp với từng hạng mục công trình của dự

b. Nhiên liệu đầu vào

Đại diện Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các nhà thầu sử dụng các loại máy móc hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu hiện có trên địa bàn thành phố Hà Nội. Máy móc, thiết bị được sử dụng là các loại đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, và có giấy chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường. Các thiết bị thi công chủ yếu là các máy móc thiết bị có xuất xứ từ Đài Loan, Trung Quốc, Nhật chất lượng tốt và mới.

Bảng 1. 4: Các máy móc thiết bị thi công phục vụ thi công sử dụng nhiên liệu dầu diesel

STT	Máy móc, thiết bị thi công	Số lượng (ca)	Nhiên liệu (*) (lít)
I	Giai đoạn GPMB		
1	Máy cào bóc đường Wirtgen - 1000C	3,850	96,3
2	Máy đào 1,25 m3 gắn đầu búa thủy lực / hàm kẹp	58,6406	1.466,0
3	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 1,25 m3	11,2122	280,3
4	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất : 420,00 m3/h	3,850	96,3
5	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	1,6531	41,3
6	Ô tô tự đổ - trọng tải : 15,0 T	66,3034	1.657,6
7	Ô tô tự đổ - trọng tải : 7,0 T	9,6193	240,5
8	Ô tô tưới nước - dung tích : 5,0 m3	3,850	96,3
II	Thi công xây dựng đường		
9	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 1,25 m3	11,2122	280,3
10	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất : 420,00 m3/h	3,850	96,3
11	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	1,6531	41,3
12	Ô tô tự đổ - trọng tải : 15,0 T	66,3034	1.657,6
13	Ô tô tự đổ - trọng tải : 7,0 T	9,6193	240,5
14	Ô tô tưới nước - dung tích : 5,0 m3	3,850	96,3
15	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 1,25 m3	335,2481	8.381,2
16	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 25 T	696,1809	17.404,5
17	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 8,5 T - 9 T	2,2163	55,4
18	Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh : 12T	101,4705	2.536,8
19	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	374,8750	9.371,9
20	Ô tô tự đổ - trọng tải : 15,0 T	546,0764	13.651,9
21	Máy lu bánh hơi tự hành - trọng lượng tĩnh : 16,0 T	32,1298	803,2
22	Máy lu bánh hơi tự hành - trọng lượng tĩnh : 25,0 T	145,7220	3.643,1

STT	Máy móc, thiết bị thi công	Số lượng (ca)	Nhiên liệu (*) (lít)
23	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 10,0 T	343,9222	8.598,1
24	Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh : 12T	178,7846	4.469,6
25	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất : 600,00 m3/h	57,3708	1.434,3
26	Máy phun nhựa đường - công suất : 190 CV	114,7413	2.868,5
27	Máy rải cấp phối đá dăm - năng suất : 50 m3/h - 60 m3/h	49,9798	1.249,5
28	Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa - công suất : 130 CV đến 140 CV	134,1629	3.354,1
29	Ô tô tự đổ - trọng tải : 10,0 T	118,5911	2.964,8
30	Ô tô tưới nước - dung tích : 5,0 m3	49,9798	1.249,5
31	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 1,25 m3	2,0160	50,4
32	Máy lu bánh hơi tự hành - trọng lượng tĩnh : 16,0 T	0,0698	1,7
33	Máy lu bánh hơi tự hành - trọng lượng tĩnh : 25,0 T	2,9859	74,6
34	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 10,0 T	5,9001	147,5
35	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 25 T	0,2646	6,6
36	Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh : 25T	0,2914	7,3
37	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất : 600,00 m3/h	1,5879	39,7
38	Máy phun nhựa đường - công suất : 190 CV	3,1759	79,4
39	Máy rải cấp phối đá dăm - năng suất : 50 m3/h - 60 m3/h	0,0978	2,4
40	Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa - công suất : 130 CV đến 140 CV	2,4080	60,2
41	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	0,3182	8,0
42	Ô tô tự đổ - trọng tải : 10,0 T	2,0012	50,0
43	Ô tô tưới nước - dung tích : 5,0 m3	0,0978	2,4
44	Cần cẩu bánh hơi - sức nâng : 6 T	90,6278	2.265,7
45	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 8,5 T - 9 T	17,8341	445,9
46	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	8,9170	222,9

STT	Máy móc, thiết bị thi công	Số lượng (ca)	Nhiên liệu (*) (lít)
47	Lò nấu sơn YHK 3A, lò nung keo	193,5853	4.839,6
48	Ô tô tưới nước - dung tích : 5,0 m ³	184,2673	4.606,7
III	Thoát nước dọc		-
49	Cần cẩu bánh hơi - sức nâng : 6 T	107,380	2.684,5
50	Cần cẩu bánh xích - sức nâng : 10,0 T	120,630	3.015,8
51	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 1,25 m ³	115,3799	2.884,5
52	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 25 T	67,2868	1.682,2
53	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	33,6434	841,1
IV	Thoát nước ngang		
54	Cần cẩu bánh hơi - sức nâng : 6 T	33,3750	834,4
55	Cần cẩu bánh xích - sức nâng : 10,0 T	3,5850	89,6
56	Cần cẩu bánh xích - sức nâng : 16,0 T	4,9607	124,0
57	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu : 1,25 m ³	32,0645	801,6
58	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 25 T	8,5646	214,1
59	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tĩnh : 8,5 T - 9 T	2,2163	55,4
60	Máy ủi - công suất : 110,0 CV	5,3799	134,5
61	Ô tô tự đổ - trọng tải : 15,0 T	7,5178	187,9
62	Xe bơm bê tông, tự hành - năng suất : 50 m ³ /h	23,3755	584,4
Tổng		9.219,14	230.478,5

(Nguồn: Tổng mức dự toán hạng mục công trình của dự án)

Ghi chú:

Tình trạng máy móc: 85-90%; Xuất xứ: Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc.

(*) Theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng về định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

c. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

Nguồn điện sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày tại công trường và thi công công trình. Dự án sẽ tiến hành đấu nối để cấp điện, cam kết có thỏa thuận đấu nối.

- Mục đích: vận hành thiết bị thi công và chiếu sáng.

- Lượng dự kiến phục vụ xây dựng khoảng 180.740 W/ngày cho các công trình.

(Theo Mục 2.14. Yêu cầu về cấp điện tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng)

d. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

- Nguồn cấp: Công ty nước sạch số 2 Hà Nội.

- Mục đích sử dụng: Cấp cho sinh hoạt của công nhân (không có hoạt động nấu ăn, công nhân sẽ chủ thầu cung cấp cơm hộp từ các quán ăn của địa phương); dập bụi công ra vào dự án, vệ sinh bánh xe phương tiện vận chuyển, bảo dưỡng bê tông, trộn nguyên vật liệu xây dựng.

- Dự báo lượng sử dụng:

+ Nước sinh hoạt: Vào thời gian cao điểm, dự án có khoảng 60 người/1 công trường/02 đội thi công, theo Bảng 4 của TCVN 13602:2023 Cấp nước Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong các cơ sở theo ca là 25-45 lít/người/ca. Như vậy, lượng nước phục vụ cho công nhân trong giai đoạn này là $60 \times 45 \text{ lít/người} = 2,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Dập bụi công ra vào dự án: Căn cứ theo TCVN 13602:2023 Cấp nước Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước phun rửa đường là $1,5 \text{ lít/m}^2$, diện tích đập bụi khoảng 500 m^2 , tùy vào điều kiện thời tiết và thực tế trong xây dựng, một ngày tối thiểu 2 lần phun nước dập bụi, nhu cầu nước cấp cho đập bụi dự báo khoảng $0,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Vệ sinh bánh xe phương tiện vận tải ra vào dự án: Định mức nước cấp rửa xe theo TCVN 4513:1988 về cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế là 250 lít/xe, tuy nhiên, đối với dự án, nước chỉ sử dụng để rửa 4 bánh xe chiếm $10\% \times 250 \text{ lít/xe} = 25 \text{ lít/xe}$. (Chi tiết tại Chương 3).

+ Nước trộn bê tông, rửa đá, bảo dưỡng bê tông đối với mỗi công trình đã được liệt kê tại bảng tổng hợp nguyên vật liệu theo Báo cáo dự toán công trình. Cụ thể: 15.847 m^3 . Lượng nước này toàn bộ đi vào sản phẩm (các công trình, đường, ...) và cam kết không thải ra ngoài môi trường.

1.3.1.2. Phương án tập kết nguyên vật liệu cho dự án

Nguồn nguyên, nhiên, vật liệu trong quá trình thi công được tập kết trong phạm vi giới hạn của Dự án, không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Bố trí 1 khu tập kết nguyên vật liệu khoảng 200 m^2 cạnh công vào dự án. Bố trí khu tập kết nguyên vật liệu để tránh che chắn tránh xói khi gặp mưa và phát tán bụi vào ngày nắng gió đồng thời giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực.

Do các hạng mục thi công đường của dự án thực hiện cuốn chiếu nên tùy thuộc vào điều kiện thực tế, vị trí tập kết có thể thay đổi nhưng vẫn nằm trong diện tích của Dự án và đặt cách xa nguồn nước, tránh đặt chỗ trùng có nguy cơ về úng ngập.

Một số nguyên liệu đặc trưng như sắt thép, cát, đá dăm... được che phủ bằng bạt để đảm bảo chất lượng, tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

Riêng đối với vật liệu như dầu diesel, hầu hết mua đến đâu sử dụng đến đấy và hạn chế tồn trữ tại công trình... Nếu không dùng hết sẽ được chứa trong các kho tạm có

mái che để đảm bảo chất lượng của nhiên liệu, tránh hư hỏng, biến chất trong quá trình bảo quản.

1.3.1.3. Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng

Tuyến đường vận chuyển chủ yếu là đường đô thị, đường liên xã, do đó Chủ đầu tư lựa chọn tuyến đường vận chuyển hợp lý, hạn chế tối đa các phương tiện vận chuyển vào khu vực đông dân cư,... đặc biệt vào giờ cao điểm. Dự án sử dụng các tuyến đường hiện trạng trong phạm vi tuyến và khu vực như: tuyến đường Trường Sa, QL.3, Đào Duy Tùng, Cổ Loa, Cao Lỗ, Dục Nội, đường Võ Nguyên Giáp, ... Tùy vào từng vị trí thi công, đơn vị thi công sẽ chọn khung đường hợp lý và ít ảnh hưởng nhất đến hoạt động của người dân và môi trường.

Các loại vật liệu đưa vào xây dựng công trình đều là các loại vật liệu thông dụng sẵn có trên địa bàn, có khả năng thi công cơ giới cao, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan, chi phí xây dựng thấp nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu thiết kế đề ra, cụ thể như sau:

- Đắp nền đường: Vật liệu đắp bằng cát, cát được mua tại các đơn vị cung cấp trên địa bàn xã Phúc Thịnh.

- Các loại đá, CPDD làm kết cấu mặt đường, bê tông... được mua đơn vị cung cấp trên địa bàn xã Phúc Thịnh.

- Xi măng, sắt thép, các loại vật liệu khác: mua tại địa bàn xã Phúc Thịnh, Thành phố Hà Nội.

- Các cấu kiện bê tông đúc sẵn như: Đế cống, ống cống ly tâm các loại được mua tại xã Phúc Thịnh.

Dự án sử dụng nhiều nguyên vật liệu khác nhau và nhiều nguồn cung cấp khác nhau để thi công xây dựng nên trong báo cáo ĐTM chỉ nêu tuyến đường chở nguyên liệu chính cung cấp cho dự án như sau:

Bảng 1. 5: Tuyến đường chở nguyên liệu chính cung cấp cho dự án

TT	Nguyên VLXD	Nguồn gốc	Tuyến đường vận chuyển
1	Nước thi công xây dựng	Công ty nước sạch số 2 Hà Nội	Lấy từ hệ thống cấp nước sạch gần khu vực dự án
2	Điện thi công xây dựng	Công ty điện lực huyện Đông Anh	Lấy từ hệ thống cấp điện tại khu vực dự án
3	Cát	Bãi tập kết cát trên địa bàn	Bãi cát $\Rightarrow$ Đường $\Rightarrow$ Công trường
4	Đá	Bãi tập kết đá trên địa bàn	Bãi đá $\Rightarrow$ Đường $\Rightarrow$ Công trường
5	BTXM	Trạm trộn BTXM trên địa bàn huyện Đông Anh	Tại trạm trộn đến dự án khoảng 10 km.
6	Gạch xây dựng	Trên địa bàn huyện Đông Anh	Tại cửa hàng vật liệu $\Rightarrow$ Công trường. Chiều dài khoảng 10-25 km.
7	Bê tông	Trên địa bàn huyện Đông Anh	
8	Thép	Trên địa bàn huyện Đông Anh	
9	Vật liệu khác	Trên địa bàn khu vực	

(Nguồn: Theo khảo sát của tư vấn)

1.3.1.4. Phương án vận chuyển và vị trí đổ thải

- Phương án vận chuyển nguyên vật liệu: Sử dụng các xe ô tô tải có trọng tải 16 tấn đối với hoạt động xây dựng đường bộ và sử dụng xe ô tô trọng tải 10 tấn đối với hoạt động xây dựng cầu Hoàng Giang và cầu vượt đường sắt, sẽ đi theo tuyến đường bộ vào dự án. Xe chở nguyên vật liệu được che chắn cẩn thận bằng bạt chuyên dụng. Tiến độ vận chuyển phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cụ thể tại công trường. Tuyến đường vận chuyển QL3, đường Trường Sa, các tuyến đường liên xã với khoảng cách đến Dự án trung bình khoảng 20km.

Căn cứ vào khối lượng nguyên vật liệu cần sử dụng cho Dự án, thời gian vận chuyển nguyên vật liệu ước tính khoảng 7-8 tháng.

- Phương án đổ thải: Đối với các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, GPMB, thi công xây dựng sẽ được vận chuyển về Bãi đổ thải Nguyên Khê (Theo Hợp đồng nguyên tắc số 2812.24/HĐNT/ĐT-TLHN ngày 28/12/2024 giữa Ban Quản lý đầu tư xây dựng xã Phúc Thịnh và Công ty Cổ phần Đông Thành Hà Nội). Thông tin cụ thể của bãi thải như sau:

+ Vị trí: Bãi thải Nguyên Khê nằm trên địa bàn xã Nguyên Khê và xã Xuân Nộn, thuộc xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội. Đây là khu vực nằm ngoài đê, sát chân đê sông Cà Lồ. Khu vực này giáp với các xã lân cận như Uy Nỗ, Tiên Dương, thị trấn Đông Anh.

+ Quy mô: Bãi thải Nguyên Khê có diện tích khoảng 28 ha, được sử dụng chủ yếu để chôn lấp chất thải rắn xây dựng. Hoạt động từ năm 2011 với công suất xử lý khoảng 360 tấn/ngày.

+ Đặc điểm khu vực lân cận bãi thải: Khu vực xung quanh bãi thải là vùng có dân cư sinh sống, có các hoạt động kinh tế nông nghiệp và thương mại, đồng thời gần các khu vực hành chính, dịch vụ và công nghiệp theo quy hoạch phân khu đô thị N6 tại các xã Nguyên Khê, Xuân Nộn, Thụy Lâm, Liên Hà, Uy Nỗ, Việt Hùng và thị trấn Đông Anh. Tuy nhiên khoảng cách bãi thải đối các đối tượng xung quanh là phù hợp theo quy định.

Ghi chú: trong giai đoạn thi công, cơ bản hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải phục vụ Dự án được di chuyển trên các cung đường cố định. Tuy nhiên, căn cứ vào hiện trạng thi công theo tiến độ thực tế các đoạn tuyến, vị trí các bãi tập kết nguyên vật liệu, nhà vệ sinh di động,...sẽ được di chuyển đến vị trí phù hợp nằm trong phạm vi Dự án nhằm thuận tiện quá trình thi công, đảm bảo các yếu tố về môi trường.

1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG

a. Công tác chuẩn bị thi công

❖ Chuẩn bị thủ tục thi công

- Chuẩn bị các thủ tục pháp lý phục vụ cho việc triển khai thực hiện thi công hạ tầng, hồ sơ thiết kế, hồ sơ cắm mốc ranh giới xây dựng của dự án;

- Phối hợp các đơn vị, chính quyền địa phương, Ban bồi thường GPMB để tiến hành kiểm đếm và thu hồi đất theo quy định;

- Lập sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể mặt bằng tổ chức thi công tại hiện trường gồm:

Đường vào, đường ra, khu văn phòng – quản lý, bãi chứa vật liệu, bãi khai thác vật liệu, nhà kho, làm đường công vụ (nếu có)...;

- Ký hợp đồng kinh tế với các Nhà thầu thi công xây dựng; Nhà thầu Tư vấn giám sát... để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm chất lượng và tiến độ;

- Kiểm tra, thí nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu kỹ thuật của vật liệu được sử dụng trong công trình theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

❖ **Bố trí mặt bằng tổ chức thi công**

- Xây dựng khu điều hành làm việc của chủ đầu tư, chuyên gia, đơn vị tư vấn, nhà thầu với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo cho việc điều hành và quản lý chặt chẽ chất lượng và tiến độ của công trình. Dự kiến khu nhà làm việc điều hành ($S=5 \times 5=25m^2$) sẽ thuê nhà container.

- Xây dựng lán trại: Tại dự án không bố trí lán trại cho công nhân, đơn vị thi công sẽ thuê nhà cho công nhân bên ngoài khu vực dự án. Chỉ bố trí các nhà chỉ huy, bảo vệ tại công trường.

- Bố trí sân bãi để tập kết vật liệu, máy móc, thiết bị thi công, chất thải tại gần khu vực lán trại công nhân để tiện cho việc bảo vệ nguyên vật liệu. Do đây là có độ ổn định nền đất tương đối tốt, cao độ cốt nền cao hơn so với các khu vực còn lại trong dự án nên sẽ không bị hiện tượng úng ngập cục bộ. Ngoài ra, sân bãi tập kết vật liệu nằm gần tuyến đường vận chuyển nguyên liệu vào dự án theo phía Bắc nên tiện cho vận chuyển, bốc dỡ. Hầu hết các nguyên vật liệu xây dựng đều là loại vật liệu tro, bèn bị với thời tiết như: đường ống, gạch, bê tông thương phẩm, nắp đan... nên sẽ được tập kết ở sân bãi phía ngoài khu lán trại. Đối với các vật liệu như: xi-măng, dây cáp điện, que hàn... sẽ được lưu trữ trong kho lưu chứa ($S=2 \times 3=6m^2$) tại khu vực bố trí nhà chỉ huy.

- Khu vực lưu trữ CTNH sẽ được bố trí nằm trong kho lưu trữ, có quây tôn thành 1 khu vực riêng và biển báo CTNH, trong khu vực lưu trữ CTNH sẽ được bố trí các thùng chứa dán nhãn mác ghi tên, mã số đối với từng loại CTNH.

- Lắp đặt hệ thống điện, nước cần thiết và đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên. Nguồn điện được lấy từ đường dây 22kV trạm biến áp 110kV. Đầu nối cấp điện qua cột điện hoàn trả hiện trạng ở phía Đông Nam của dự án và vị trí cột điện hiện trạng ở vị trí Tây Bắc.

- Tổ chức và phân công các đội thi công chuyên nghiệp tiến hành thi công cho từng hạng mục cụ thể như: Đội làm đường, đội làm công trình thoát nước, đội làm điện... và các công việc phụ trợ khác;

- Hướng dẫn học tập về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự

❖ **Hoạt động chuẩn bị hiện trường thi công**

- Cắm mốc ranh giới thu hồi đất để thực hiện xây dựng hạ tầng.

- Cắm tuyến định đỉnh, xác định các điểm không chế đầu và cuối tuyến bằng máy toàn đạc điện tử kết hợp với máy thủy bình;

- Điều động thiết bị thi công, nhân lực phục vụ thi công đến công trường và thành lập các tổ, đội công nhân lành nghề;

- Chuẩn bị bãi đúc các cấu kiện bê tông và cọc tiêu biển báo (nếu có) để phục vụ lắp đặt kịp thời đúng tiến độ.

❖ **Bố trí chung trong tổ chức thi công**

Công việc xây dựng chủ yếu là đào, đắp nền, lắp đặt các loại đường ống cấp thoát nước, kết cấu áo đường, vỉa hè và các cọc tiêu biển báo giao thông, hệ thống điện trung thế và hạ thế... Để thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật đạt chất lượng cao và rút ngắn tiến độ so với yêu cầu, Chủ đầu tư dự kiến tổ chức thi công theo trình tự như sau:

- Tổ chức thi công đào bùn, vét hữu cơ và đắp nền giai đoạn một trên phạm vi toàn bộ dự án đến cao độ phù hợp sau đó tiến hành định vị tuyến đường và thi công hệ thống các công trình ngầm gồm thoát nước mưa, thoát nước thải.

- Đối với việc thi công hệ thống cấp nước, điện trung thế, hạ thế, chiếu sáng và thông tin liên lạc sẽ được tiến hành sau khi hoàn thiện một phần hoặc toàn bộ nền của vỉa hè căn cứ theo độ sâu đặt cáp để đảm bảo dễ thi công và tránh lãng phí công tác đào, đắp.

- Công tác thi công hồ trồng cây, trồng cây xanh trên vỉa hè, biển báo hiệu đường bộ và lát gạch block vỉa hè được tiến hành sau khi đã hoàn thiện toàn bộ các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm trong vỉa hè;

- Công tác thi công kẻ vạch sơn kẻ đường được thực hiện sau cùng trước khi bàn giao.

❖ **Đường vận chuyển nguyên liệu thi công**

Đường vận chuyển nguyên liệu thi công bám theo các trục đường giao thông tỉnh lộ 398 (ĐT.284 cũ) để đảm bảo phục vụ công tác thi công xây lắp cho toàn bộ các hạng mục công trình nằm trên mặt bằng dự án.

b. Biện pháp kỹ thuật thi công

Do đặc thù của công trình san lấp mặt bằng dự án là làm mới. Khu vực san lấp rất rộng, trải dài và bị chia cắt bởi các đầm, mương và hiện tại chưa có đường để phục vụ công tác thi công. Nhà thầu triển khai thi công đường xương cá dẫn với khoảng cách 150m một nhánh vào theo lô được nhà thầu phân chia trong khu vực san nền trước khi tiến khai thi công san nền. Tại những khu vực mương chính đặt cống thoát nước phù hợp với lưu lượng nước và chiều rộng của mương.

Công việc thi công đường dẫn vào khu vực san nền được triển khai thi công bằng cơ giới là chính. Các bước thi công như sau:

- Định vị vị trí thi công bằng máy toàn đạc điện tử

- Đào bỏ lớp đất hữu cơ dày trung bình khoảng 20cm bằng máy ủi, tiến hành ủi gom lại thành đồng, sử dụng máy đào xúc đất lên phương tiện vận chuyển và vận chuyển ra bãi thải. Tiến hành nhiệm thu lớp đất bóc hữu cơ .

- Đắp đất nền đường dẫn theo từng lớp dày trung bình 20-30cm, tiến hành lu lèn đảm bảo độ chặt và triển khai thi công đến cao độ thiết kế. Thiết bị thi công là tổ hợp ô tô vận chuyển, ủi, lu rung, xe tưới nước.

- Công tác định vị thi công trên thực địa được thực hiện bằng máy toàn đạc điện tử kết hợp với thước thép để xác định và dùng cọc tre đóng xuống nền hiện trạng để đánh

dầu các vị trí.

- Sử dụng máy ủi 110CV tiến hành đào bỏ lớp đất hữu cơ đổ thành đống. Đất hữu cơ được đào bỏ hết khỏi phạm vi nền đường. Trong quá trình thi công nếu nước mặt nhiều thì phải tiến hành bơm hút cạn nước ra khỏi phạm vi thi công. Các đống đất hữu cơ này được máy đào xúc lên phương tiện vận chuyển và ô tô vận chuyển đến bãi tập kết.

- San gạt lớp đất bằng máy ủi (trong quá trình san cần chú ý đến độ dốc ngang, dốc dọc của nền đường).

- Tiến hành lu đầm lớp cát đắp đạt độ chặt. Trong quá trình lu lèn nếu độ ẩm đất đắp khô cần sử dụng xe tưới nước để tưới ẩm đất đảm bảo độ ẩm tối ưu. Quá trình trên được tiến hành lặp đi lặp lại và được thi công đến cao độ thiết kế.

Nhà thầu sẽ bảo vệ nền đường khỏi bị hư hại bằng cách thi hành các biện pháp bảo vệ bảo đảm bề mặt nền đường luôn được giữ trong điều kiện sẵn sàng thoát nước.

1.5.3. Biện pháp thi công xây dựng

1.5.3.1. Giải pháp thiết kế sơ bộ

a) Mạng lưới đường, bãi đỗ xe

Mạng lưới đường của khu đô thị được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong khu đô thị. Quy mô mặt cắt ngang đường được điều chỉnh để phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai cụ thể:

Tổng chiều dài các tuyến khoảng 7,5km.

- *Mặt cắt đường 1-1*: Bề rộng đường 32m trong đó gồm: Lòng đường rộng 18,0m; dải phân cách giữa rộng 2,0m; hè đường 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$

- *Mặt cắt đường 2-2*: Bề rộng đường 25m trong đó gồm: Lòng đường rộng 13,0m; hè đường 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$

- *Mặt cắt đường 3-3*: Bề rộng đường 16,0m trong đó gồm: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường 2 bên rộng $2 \times 4,5\text{m} = 9,0\text{m}$

- *Mặt cắt 4-4*: Bề rộng đường 31,0m trong đó gồm: Lòng đường rộng 19,0m; hè đường 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$

- *Mặt cắt 5-5*: bề rộng 20,0m trong đó gồm: Lòng đường rộng 8m; hè đường hai bên rộng $2 \times 6 = 12\text{m}$

- *Mặt cắt 6-6*: bề rộng 22,5m trong đó gồm: Lòng đường rộng 10,5m; hè đường 2 bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$

- *Mặt cắt 6.1-6.1*: bề rộng 17m trong đó gồm: Lòng đường rộng 8,0m; hè đường 2 bên rộng $6,0 + 3,0\text{m} = 9,0\text{m}$

* Kết cấu nền, mặt đường:

- Kết cấu nền đường: Nền đường được đắp bằng đất cấp III lu lèn chặt $K=0,95$; Trước khi đắp phải tiến hành đào bỏ lớp đất hữu cơ 0,3m trên mặt ruộng, đắp nền theo từng lớp 25-30cm. Riêng 30cm trên cùng lu lèn chặt $K=0,98$ ($E_o=50\text{MPa}$);

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường dùng kết cấu áo đường mềm $E_{yc}=120\text{MPa}$;

- Kết cấu bó vỉa lát hè: Dùng vỉa, giải phân cách, rãnh biên BTXM được bố trí ở phía vỉa hè của các đường để thuận tiện cho các phương tiện lên xuống, thiết kế các điểm lên xuống cho người khuyết tật; Vỉa hè lát gạch Block.

* Bãi đỗ xe:

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm đất;
- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công đất;
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi đất;
- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt;
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.

b) Hạng mục san nền:

- Cao độ hiện trạng khu vực quy hoạch chủ yếu là ruộng canh tác nông nghiệp, qua ao hồ và khu dân cư có địa hình tương đối bằng phẳng dốc nhỏ, cao độ tự nhiên thấp nhất +1,08 m, cao độ cao nhất +6,44 m. Hướng thoát nước từ Tây sang Đông và hướng nước về các phía đổ vào hồ nước trung tâm khu quy hoạch và Kênh Cống Bún ở phía Bắc và Nam khu vực dự án.

- Tổ chức san lấp tạo mặt phẳng thoát nước từ các phía vào khu hồ nằm trung tâm khu quy hoạch và mương thoát nước hiện trạng phía Đông bắc.

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền không chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch. Hướng dốc của các lô đất là hướng về phía đường. Độ dốc san nền trong các lô thiết kế trung bình 1%.

- Cốt san nền thấp nhất là +3,40; cốt san nền cao nhất là +5,40.

* Thiết kế san nền: Chia làm 2 bước:

+ Thiết kế san nền giai đoạn sơ bộ nhằm dự trừ khối lượng đất san nền trong phạm vi của dự án tới cao độ xây dựng, tính khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 10x10m;

+ San nền chi tiết: Khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẽ thiết kế chi tiết san nền từng lô cụ thể, hoàn thiện sân đường nội bộ.

c) Hạng mục cấp nước, phòng cháy, chữa cháy:

- Nước cấp cho dự án là từ Nhà máy nước phường Đa Mai, được lấy từ 2 nguồn:

+ Nguồn số 1: Lấy từ đường ống trên hè đường vành đai 2 thị trấn, sau đó qua hồ đồng hồ đo nước D100 vào mạng đường ống của khu đô thị để tiện cho việc quản lý và vận hành sau này.

+ Nguồn số 2: Lấy từ đường ống trên hè đường ĐT.298, sau đó qua hồ đồng hồ đo nước D100 vào mạng đường ống của khu đô thị để tiện cho việc quản lý và vận hành sau này.

Đường ống cấp nước cho dự án là đường ống cấp nước chung với hệ thống cấp nước chữa cháy. Các tuyến ống dẫn chính được thiết kế thành mạng vòng đảm bảo cấp nước liên tục.

Ống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính từ D25-D160mm. Đường ống cấp nước được chôn sâu 0,5m với các tuyến ống dịch vụ, sâu 0,9m đối với các tuyến ống phân phối (khoảng cách từ mặt đất đến đáy ống). Ống qua đường đặt lồng trong ống thép. Các tuyến ống dịch vụ được lắp đặt phía sau nhà và có đồng hồ + van chặn để tiện cho công tác quản lý. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của các hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D50, D63.

Áp lực công tác của các tuyến ống phải đảm bảo là 4 (kg/cm²), áp lực thử 8 (kg/cm²). Hệ thống cấp nước chữa cháy là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Khi có cháy, xe chữa cháy đến lấy nước từ trụ nước chữa cháy được bố trí nằm dọc trên hè hoặc tại các ngã ba, ngã tư. Khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy từ 100-120m.

d) Hạng mục hệ thống thoát nước:

* **Nước mưa chảy tràn và nước mưa mái:** được thu gom bằng hệ thống thoát nước nội bộ rồi được đưa vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, bố trí các hố ga lắng cặn trước khi thoát vào cống thoát của khu vực.

Giải pháp thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn. Tất cả các tuyến ống được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền, các tuyến ống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lý sau này, trên dọc tuyến ống bố trí các giếng thăm để thuận tiện cho công tác kiểm tra và bảo dưỡng.

Lưu vực thoát nước: Toàn bộ khu vực quy hoạch được chia làm 02 lưu vực thoát nước chính.

Mạng lưới thoát nước mưa gồm có các hố thu nước bên trên đây lưới thu nước, các giếng thăm và đường ống thoát nước. Nước mưa được thu gom từ bề mặt vào các lưới thu lòng đường đặt dọc theo 2 bên mép đường với khoảng cách ≤ 30 m một giếng. Sau đó nước mưa sẽ theo các tuyến cống nhánh, cống chính xả vào cống hộp cắt qua đường cao tốc để vào mương tiêu hiện trạng.

Cống thoát nước mưa chính và nhánh được đặt trên hè dọc theo các tuyến đường giao thông của dự án. Mạng lưới đường ống thoát nước mưa được thiết kế tận dụng tối đa độ dốc tự nhiên và san nền của dự án. Cống thoát nước mưa sử dụng cống hộp bê tông cốt thép để đảm bảo cao độ thoát nước ra điểm xả. Cống hộp có kích thước từ B2000-B2500 -

2xB3000. Độ sâu chôn cống trung bình từ 1,15-2,2m.

Vận tốc nước chảy trong các tuyến cống lấy theo vận tốc tự chảy tối thiểu $v \geq 0,7(\text{m/s})$. Độ dốc tối thiểu $i_{\min} \geq 1/D$.

e. Thi công hệ thống cung cấp điện

- Định vị vị trí, cao độ để lắp dựng cột điện, trạm biến áp, tủ điện sinh hoạt, tủ điện hạ thế bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình;

- Dùng nhân công tiến hành đào hố móng, mương đặt cáp theo chiều sâu thiết kế;

- Lắp đặt đường ống xoắn luồn dây cáp theo thiết kế;

- Đắp cát hoàn trả hố móng và đầm chặt theo yêu cầu;

- Đổ bê tông móng cột điện, thi công móng trạm biến áp và móng tủ điện;

- Lắp dựng cột điện, trạm điện, tủ điện, luồn cáp và đấu nối cáp vào bảng điện, bóng điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

- Thí nghiệm trạm và đường dây theo yêu cầu của ngành điện;

- Nghiệm thu và bàn giao hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng;

- Trong quá trình thi công phải tuân thủ triệt để các qui trình, qui phạm về thi công, nghiệm thu và những quy định cụ thể hiện hành của Ngành điện;

- Khi thi công cần kết hợp với hồ sơ thiết kế của các hạng mục hạ tầng khác để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cũng như xử lý khi giao cắt.

f. Thi công hệ thống cấp nước

- Hệ thống chung cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy. hệ thống chữa cháy là hệ thống áp lực thấp.

- Tuyến ống được thiết kế đi trên vỉa hè đường, độ sâu đặt ống trung bình 0,7m.

- Trụ cứu hỏa chữa cháy là loại trụ theo TCVN6379-1998: Tiêu chuẩn trụ cứu hỏa là trụ nổi có ba họng lấy nước chữa cháy có đường kính DN100.

- Các trụ cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư và dọc trên tuyến với khoảng cách không quá 120m/1 trụ.

- Ống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính từ DN25-DN160mm. Đường ống cấp nước được chôn sâu 0,4m với các tuyến ống dịch vụ, sâu 0,7m đối với các tuyến ống phân phối (khoảng cách từ mặt đất đến đáy ống). Ống qua đường đặt lồng trong ống thép.

- Các tuyến ống dịch vụ được lắp đặt phía sau nhà và có đồng hồ + van chặn để tiện cho công tác quản lý. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của các hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D50, D63, D75.

1.6. TIẾN ĐỘ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Công tác chuẩn bị đầu tư : Năm 2025

- Công tác thực hiện đầu tư: năm 2026-2029

Tiến độ thực hiện và thi công Dự án có thể điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế triển khai Dự án.

1.6.2. Tổng mức đầu tư

Tổng vốn đầu tư của Dự án 595.691.000.000đồng.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a). Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn thi công

Giai đoạn thi công bố trí 60 CBCNV (chia làm 01 đội thi công) đều là công nhân địa phương, không bố trí lán trại ăn ở cho công nhân tại công trường, công nhân tự túc trên địa bàn xã Phúc Thịnh. Tại công trường bố trí 01 lán trại container cho 01 bảo vệ trông coi nguyên vật liệu.

Bố trí 1-2 người phụ trách hướng dẫn giao thông khu vực tại vị trí thi công cần thiết.

Trước khi đưa vào khai thác tuyến và hoàn thiện các công tác đảm bảo an toàn giao thông (son kẻ, biển báo, đảo giao thông, đèn tín hiệu giao thông,...), Đại diện Chủ đầu tư sẽ phối hợp với Liên ngành Sở giao thông vận tải – Công an thành phố để tiến hành kiểm tra, thống nhất phương án tổ chức giao thông trên tuyến.

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa hình

Xã Phúc Thịnh được hình thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số các xã: Nam Hồng, Bắc Hồng, Vân Nội (xã Phúc Thịnh cũ); phần lớn diện tích tự nhiên, dân số các xã: Nguyên Khê, Tiên Dương, Thị trấn Đông Anh (xã Phúc Thịnh cũ); Cụ thể địa giới hành chính của xã Phúc Thịnh được xác định như sau:

+ Phía Đông: Tiếp giáp xã Thư Lâm, xã Đông Anh (ranh giới đi theo đường giao thông quy hoạch - đường QL3).

+ Phía Tây: Tiếp giáp xã Thiên Lộc, xã Mê Linh, xã Quang Minh (đi theo ranh giới cấp huyện và cấp xã hiện nay).

+ Phía Nam: Tiếp giáp xã Vĩnh Thanh, xã Đông Anh (ranh giới đi theo đường giao thông quy hoạch - đường QL3 (AH14) - đường Hoàng Sa).

+ Phía Bắc: Tiếp giáp xã Nội Bài, xã Sóc Sơn (đi theo ranh giới cấp huyện hiện nay).

Xã Phúc Thịnh có diện tích tự nhiên là 42,68 km²; quy mô dân số là 90.926 người.

Địa hình xã Phúc Thịnh, Hà Nội đa dạng với sự kết hợp giữa vùng đồng bằng trãi dài và các khu vực đồi thấp xen kẽ, tạo nên một cảnh quan thiên nhiên phong phú với những cánh đồng lúa và khu vực cây xanh. Vị trí địa lý của xã còn gần sông Cà Lồ, mang lại lợi thế về kết nối đường thủy bên cạnh đường bộ và đường hàng không.

Đặc điểm địa hình trên là yếu tố quan trọng để định hình sự phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất: vùng đất cao nên tập trung trồng cây ăn quả, vùng đất vằn trồng rau, hoa; vùng trũng trồng lúa hoặc cải tạo để nuôi trồng thủy sản.

2.1.1.2. Đặc điểm địa chất

Khu vực thực hiện dự án là vùng đồng bằng tạo thành do quá trình bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Đáy. Mặc dù được bao bọc bởi hệ thống đê sông Hồng và sông Đáy song hầu như hàng năm diện tích đất canh tác trong khu vực đều được tưới bằng nước phù sa lấy từ các cống tự chảy hoặc từ các trạm bơm. Quá trình bồi tụ, hình thành và phát triển của đất ở từng khu vực có khác nhau tạo nên sự đa dạng về loại hình đất trong khu vực. Song chúng đều là loại đất ít chua và chua, có hàm lượng mùn và các chất dinh dưỡng ở mức trung bình đến nghèo. ở những vùng cao ven sông Hồng và sông

Đáy đất có thành phần cơ giới nhẹ, chủ yếu là loại đất cát hoặc cát pha, khá chua và nghèo chất dinh dưỡng.

- Đất phù sa có kết von, có tầng loang lỗ đỏ vàng: Loại đất này tập trung nhiều ở các vùng đồi bên bờ trái sông Đáy, và vùng cao phía Tây sông Nhuệ. Đất được hình thành do quá trình di chuyển và tích lũy Fe, Mn có trong nước ngầm lên bề mặt đất. ở những vùng đất bị khô hạn và không được tưới nước thường xuyên đã làm giảm thấp độ pH của đất, tạo thuận lợi cho sự hoà tan của các nguyên tố Fe, Mn. Nước ngầm ở vùng này thường có hàm lượng Fe và Mn khá cao. Dưới tác dụng của lực mao dẫn, nước ngầm bốc lên tầng trên, các nguyên tố Fe, Mn có nhiều trong nước ngầm được tích tụ lại dưới lớp đất cày tạo thành lớp kết von.

- Đất xói mòn và bạc màu:

+ Loại đất này phát hiện thấy ở những vùng cao ven sông Hồng và sông Đáy.

+ Khu vực khảo sát nằm trong vùng đồng bằng phía Đông Bắc của tỉnh Hà Tây cũ. Tuyến ở đây chủ yếu là miền đồng bằng, được cấu tạo bởi đất sét pha màu nâu, nâu vàng.

Khu vực nghiên cứu bao gồm những hệ tầng tuổi Trias (nằm dưới sâu): Đá sét bột kết, Đệ tứ: sét cát, cát sét, cát, bụi... Tham khảo tờ bản đồ địa chất Hà Nội tỷ lệ 1/200.000 và địa tầng xác định trong phạm vi chiều sâu các lỗ khoan khảo sát có thể thấy địa chất khu vực nghiên cứu gồm những hệ tầng từ dưới lên như sau:

Trias trung - hệ tầng Nà Khuất

Trên diện tích tờ Hà Nội, các thành tạo trầm tích thuộc hệ tầng Nà Khuất phân bố ở vùng đồi Tiên Sơn (Bắc Ninh). Hệ tầng được phân ra làm hai hệ tầng từ dưới lên như sau:

- Phân hệ tầng dưới (T2nk1): Cát kết, bột kết màu xám, xám lục nhạt, phân lớp mỏng đến vừa xen với ít lớp sét vôi, sét bột kết và cát kết, chuyển lên là bột kết phân lớp mỏng, cát bột kết, cát bột kết màu xám xi măng xám tím chứa phong phú hoá thạch hai mảnh: *Costadénria goldfussi*, *C. szechennyii*, *Trigonodus đếnnkinensis*. Dày 550m

- Phân hệ tầng trên (T2nk2): Cát kết vôi, bột sét kết, đá phiến sét xám, cát kết thạch anh xám trắng, phân lớp vừa xen ít lớp bột kết, sét kết., chứa hoá thạch hai mảnh: *Trigonodus đếnnkinensis*, *T. sandbergeri*, *Costadénria goldfussi*. Dày 490 m.

Tổng bề dày của hệ tầng là 1040 m.

Đệ tứ, Pleistocen Trung - Thượng (Q12-3 hn)

Hệ tầng Hà Nội có hai nguồn gốc: trầm tích sông- lũ và trầm tích sông.

- Trầm tích sông - lũ (ap Q12-3 hn): Thành phần vật chất của kiểu mặt cắt này gồm: cuội tảng, cuội, sỏi, sạn hỗn độn (hạt cuội sỏi gồm có: thạch anh, silic, bột kết, cát kết,...) thuộc phần dưới và cát, bột màu vàng gạch ở phần trên. Bột cát chứa bào tử phấn hoa: *Quercus* sp., *Ulmus* sp., *Polypodiaceae*... Nhiều nơi phần hạt mịn nằm trên bị phong hoá mạnh, tạo lớp đá ong dày 0.5-1 m.

- Trầm tích sông (a Q12-3 hn): Gặp ở hầu hết các lỗ khoan với chiều dày thay đổi từ 4-47 m. Thành phần kiểu mặt cắt này gồm có: cuội, sỏi, sạn, cát, bột, sét. Bột sét màu xám vàng chứa Tảo nước ngọt: *Navicula* sp, *Gomphonema* sp, các mảnh vụn *Centrophyceae* và tập hợp bào tử phấn hoa: *Polypodiaceae*, *Carya* sp, *Ulmus* sp...

Đệ tứ, Pleistocen thượng, hệ tầng Vĩnh Phúc (Q13bvp)

Với các tài liệu mới, hệ tầng Vĩnh Phúc có các nguồn gốc sau đây: Trầm tích sông, trầm tích hỗn hợp sông - hồ - đầm lầy và trầm tích sông - biển.

- Trầm tích sông (aQ13bvp): Phân bố dưới dạng thềm bậc I, có độ cao tuyệt đối 6-20 m. Trong vùng đồng bằng thấp, trầm tích sông gặp ở độ sâu 20-40 m trong các giếng khoan, dày 6.2- 38 m. Thành phần trầm tích gồm: Sỏi, cát, bột, sét (sét có màu loang lổ). Trong bột, sét có di tích Tảo nước ngọt: Eunotia monodon, Epithemia zebra...và Bào tử phấn hoa: Mycrolepia sp., Taxodium sp... có tuổi Pleis đến cen muộn.

- Trầm tích sông - biển (amQ13bvp): Phân bố hạn chế ở vùng Mai Lâm, Từ Sơn (diện lộ trên mặt) và phần còn lại chỉ gặp trong các giếng khoan, chiều dày thay đổi từ 2.5 đến 19.6 m. Thành phần thạch học của kiểu mặt cắt này gồm: Sét, bột lẫn ít cát màu xám, bề mặt bị phong hoá có màu loang lổ. Trong bột sét có chứa: Cyclotella, Diploneis, Coscinodiscus, Ixora, Rhodomyrtus, Taxodium, Palmeae, Gramineae...ứng với môi trường của sông ven biển.

Đệ tứ, Holocen hạ - trung, hệ tầng Hải Hưng (Q21-2hh)

Trên diện tích từ Hà Nội, hệ tầng Hải Hưng gồm các nguồn gốc sau đây: Trầm tích hồ - đầm lầy, trầm tích sông - biển - đầm lầy và trầm tích biển.

- Trầm tích hồ - đầm lầy (lbQ21-2hh): Kiểu mặt cắt này hình thành vào trước biển tiến Flandri. Trầm tích phân bố ở vùng ven rìa đồng bằng và ở các chỗ trũng vùng (ao hồ, đầm lầy), với thành phần gồm: sét bột màu xám sẫm, xám đen có di tích thực vật, than bùn dạng thấu kính dày 0.5-3.6 m. Bề dày chung: 13.5 m.

- Trầm tích sông - biển - đầm lầy (ambQ21-2hh): Phân bố ở các vùng Thường Tín, khu vực sông Bắc Hưng Hải. Kiểu mặt cắt này thường bị chôn vùi, không lộ trên mặt. Thành phần chủ yếu là bột sét lẫn cát hạt mịn, cát bùn màu xám đen, xám tro, than bùn chưa di tích thực vật thân gỗ và trùng lỗ tuổi Halocen sớm - giữa. Các trầm tích này bị sét xám xanh nguồn gốc biển phủ trực tiếp lên.

- Trầm tích biển (mQ21-2hh): Phân bố khá rộng rãi ở Thường Tín. Thành phần trầm tích chủ yếu của mặt cắt này là: sét bột xám xanh, xám vàng, rất dẻo và mịn. Bề dày khoảng 6 m. Sét chứa vi cổ sinh: Quinqueloculina sp, Elphidium sp, Ammonia sp, Nonion sp, Polypodiaceae sp, Cyspris sp, Corbula sp, (hai mảnh); Bào tử phấn hoa: Cyathea sp, Polypodiaceae sp, Cystopteris sp... thuộc môi trường vũng vịnh, biển nông ven bờ, tuổi Halocen giữa.

Đệ tứ, Holocen thượng, hệ tầng Thái Bình (Q23tb)

Hệ tầng Thái Bình là những trầm tích Đệ tứ trẻ nhất được thành tạo khoảng 3000 năm trở về đây và gồm có các nguồn gốc sau: trầm tích sông và sông - hồ - đầm lầy, hệ tầng này phân bố rộng khắp trong khu vực sông Bắc Hưng Hải.

- Trầm tích sông (aQ23tb): Phân bố chủ yếu theo các sông lớn, các sông nhánh của hệ thống sông Bắc Hưng Hải. Thành phần thạch học biến đổi theo quy luật: Dưới là hạt thô, trên là hạt mịn gồm cát, bột sét màu xám nâu, thuộc tướng lòng sông và bãi bồi. Bề dày thay đổi từ 5 đến 35.5 m.

- Trầm tích sông - hồ - đầm lầy (albQ23tb): Thành phần trầm tích gồm bột, sét lẫn nhiều tàn tích thực vật, đôi nơi có than bùn, còn phần trên có các cây thân gỗ và cỏ đầm lầy vẫn còn phát triển, sự phân huỷ thực vật tạo than bùn vẫn đang tiếp tục.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, thí nghiệm hiện trường và kết quả thí nghiệm các mẫu đất trong phòng bước BCNCKT, địa tầng khu vực khảo sát được phân chia thành các lớp đất mô tả theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

Khảo sát địa chất được thực hiện tại hiện trường từ 20/11/2024 - 29/11/2024 với tổng cộng 07 lỗ khoan tại các vị trí như sau: Km0+690 và Km0+770 (LK cầu Hoàng Giang); Km1+265, Km1+720, Km2+405 và Km3+015 (LK đường); Km3+520 (LK cầu vượt ĐS). Đoạn tuyến từ khoảng Km0+610-Km0+690 và Km0+770-Km0+850 (trước và sau cầu Hoàng Giang) có xuất hiện đất yếu và được xử lý bằng giải pháp đào thay đất + đóng cọc tre từ 2-3m.

Lớp KQ: Đất phủ bề mặt, đất san lấp, hữu cơ, bê tông, đá dăm,... Đây là lớp đất phân bố trên bề mặt địa hình, gặp tại 5 lỗ khoan, cao độ mặt lớp thay đổi từ 10.72m (TC02) đến 6.15m (TC05), chiều dày lớp thay đổi từ 0.30m (TC01) đến 2.90m (ND1). Lớp đất có thành phần và trạng thái không đồng nhất.

Lớp 1: Sét rất dẻo (CH), trạng thái chảy. Lớp 1 có thành phần chủ yếu là sét ít dẻo (CL), màu xám đen, xám ghi, xám nâu, lẫn hữu cơ trạng thái chảy. Lớp này gặp tại lỗ khoan ND1. Cao độ mặt lớp là 4.88m và bề dày lớp là 4.60m. Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) cho giá trị $N_{60}=1$ búa.

Lớp 2: Sét ít dẻo (CL), trạng thái dẻo mềm - dẻo chảy. Lớp 2 có thành phần chủ yếu là sét ít dẻo (CL), màu xám ghi xanh, trạng thái dẻo mềm - dẻo chảy. Lớp này gặp tại 2 lỗ khoan là TC04 và TC05. Cao độ mặt lớp thay đổi từ 5.75m (TC05) đến 10.01m (TC04) và bề dày lớp là 4.80m (TC04, TC05). Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) cho giá trị $N_{30}=3-5$ búa.

Lớp 3: Sét ít dẻo, sét rất dẻo (CL, CH), trạng thái dẻo cứng – nửa cứng. Lớp 3 có thành phần chủ yếu là sét ít dẻo, sét rất dẻo (CL, CH), màu nâu, xám nâu, trạng thái dẻo cứng. Lớp này gặp tại 4 lỗ khoan là TC01, TC02, TC04 và TC05. Cao độ mặt lớp thay đổi từ 10.42m (TC02) đến 0.95m (TC05) và bề dày lớp thay đổi từ 4.40m (TC01) đến 6.80m (TC05). Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) cho giá trị $N_{60}=8-15$ búa, cá biệt có chỗ $N_{30}=18$ búa.

Lớp 4: Cát sét, cát bụi (SC,SM), kết cấu chặt vừa. Lớp 4 có thành phần chủ yếu là cát bụi, cát sét (SC,SM), màu nâu, xám nâu, xám đen, kết cấu chặt vừa, đôi chỗ xen kẹp cát, lớp mỏng sét. Lớp này gặp tại 2 lỗ khoan là TC02 và TC03. Cao độ mặt lớp thay đổi từ -1.92m (TC03) đến 4.72m (TC02) và bề dày lớp thay đổi từ 5.60m (TC03) đến 9.00m (TC02). Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) cho giá trị $N_{30}=10-14$ búa.

Lớp 5: Cát cấp phối kém lẫn bụi, cát cấp phối kém lẫn sét, cát cấp phối kém, cát bụi (SP-SC,SP-SM,SP), kết cấu chặt vừa – chặt. - Lớp 5 thành phần chủ yếu của lớp bao gồm cát cấp phối kém lẫn bụi, cát cấp phối kém lẫn sét, cát cấp phối kém, cát bụi (SP-SM,SP-SC,SP) màu xám ghi, kết cấu chặt vừa chặt. Lớp chỉ gặp tại 2 lỗ khoan TC02 và TC03. Cao độ mặt lớp thay đổi từ -4.28m (TC02) đến -7.52m (TC03) và bề dày lớp thay đổi từ 5.90m (TC03) đến 9.60m (TC02). Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) cho giá trị $N_{30}=19-39$ búa.

2.1.1.3. Điều kiện khí hậu, khí tượng

Khu vực thực hiện Dự án thuộc địa bàn xã Phúc Thịnh nên chịu ảnh hưởng chung của khí hậu thành phố Hà Nội. Điều kiện khí hậu mang các đặc trưng tiêu biểu của vùng

Bắc Bộ với đặc điểm nhiệt đới gió mùa ẩm, mùa hè nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, ít mưa.

Theo số liệu của Niên giám thống kê, các đặc điểm khí tượng từ năm 2019 đến năm 2023 của Hà Nội thể hiện trong bảng sau:

❖ **Nhiệt độ không khí**

Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng đến sự lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất và nguồn nước. Nhiệt độ không khí càng cao thì tác động của các yếu tố càng mạnh, tốc độ lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong môi trường càng lớn. Kết quả theo dõi thay đổi nhiệt độ tại khu vực dự án từ năm 2019 – 2023 được thể hiện qua bảng:

Bảng 2. 1. Nhiệt độ trung bình tháng năm 2019 – 2023

Đơn vị: °C

Năm/ tháng	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	17,9	19,7	18,2	18,0	19,6
Tháng 2	20,6	20,1	17,5	22,4	19,7
Tháng 3	21,7	21,9	22,8	22,6	23,2
Tháng 4	23,3	25,1	24,4	27,5	22,3
Tháng 5	28,2	28,1	29,5	28,3	29,9
Tháng 6	30,2	30,8	30,7	31,6	32,2
Tháng 7	30,0	29,4	30,1	31,4	31,7
Tháng 8	28,1	29,5	29,1	30,0	29,3
Tháng 9	28,3	29,3	29,0	29,5	29,2
Tháng 10	25,0	26,0	26,1	26,7	24,8
Tháng 11	21,2	22,7	24,2	23,5	23,9
Tháng 12	18,9	18,1	19,9	19,6	18,7
Nhiệt độ TB năm	24,5	21,9	22,1	22,9	19,6

Nguồn: Niên giám thống kê của Hà Nội, năm 2023

Nhận xét: Qua bảng số liệu trên nhận thấy các tháng có nhiệt độ thấp trong năm là tháng 1, 2, 12 và nhiệt độ trung bình thấp từ 17,9 – 20,6°C, Các tháng có nền nhiệt độ cao là tháng 5, 6, 7, 8, 9 và nhiệt độ trung bình trong năm 2023 là 19,6°C, Nhiệt độ có sự khác nhau giữa các mùa trong năm.

❖ **Độ ẩm không khí:**

Độ ẩm tương đối trung bình năm đạt 74-82% tương đối cao. Độ ẩm càng lớn tạo điều kiện vi sinh vật từ mặt đất phát tán vào không khí phát triển nhanh chóng, lan truyền trong không khí và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gây ô nhiễm môi trường.

Các giá trị độ ẩm tương đối trung bình tháng được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2. 2. Độ ẩm không khí trung bình tháng trong năm

Đơn vị: %

Năm Tháng	2019	2020	2021	2022	2023

Tháng 1	77	78	77	79	77
Tháng 2	71	71	79	80	71
Tháng 3	84	77	81	82	84
Tháng 4	79	77	82	79	79
Tháng 5	76	75	79	74	76
Tháng 6	75	71	72	67	75
Tháng 7	79	74	72	70	79
Tháng 8	79	80	78	81	79
Tháng 9	82	74	68	78	82
Tháng 10	76	73	74	73	76
Tháng 11	71	75	73	70	71
Tháng 12	70	79	69	67	70
Trung bình năm	82	79	74	79	82

Nguồn: Niên giám thống kê của Hà Nội, năm 2022

Nhận xét: Qua bảng số liệu nhìn chung độ ẩm không khí khu vực Hà Nội dự án có độ ẩm tương đối cao dao động từ 67 – 84 %. Các tháng có độ ẩm không khí cao 3,4. Độ ẩm không khí thấp nhất năm 2022 rơi vào tháng 6 là 67%.

❖ **Nắng và bức xạ:**

Thống kê về số giờ nắng trung bình năm **2019 – 2023** được thể hiện trong bảng:

Bảng 2. 3. Tổng số giờ nắng trung bình của các tháng trong năm

(Đơn vị: giờ)

Năm Tháng	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	37,4	49,7	24,9	28,5	28,7
Tháng 2	81,3	72,9	24,9	78,6	78,7
Tháng 3	59,5	45,6	83,2	44,6	44,7
Tháng 4	57,0	81,7	63,1	98,3	98,4
Tháng 5	123,5	147,9	208,1	95,5	95,6
Tháng 6	146,0	123,9	156	137,8	138,0
Tháng 7	199,3	111,6	130	139,8	142,0
Tháng 8	145,9	107,6	124,8	137	137,2
Tháng 9	155,3	97,9	118,6	183,7	182,5
Tháng 10	131,1	93,7	133,6	127	127,5
Tháng 11	113,1	75,1	115,1	126,1	127,3
Tháng 12	80,1	67,6	91,9	128,1	129,0

Nguồn: Niên giám thống kê của Hà Nội, năm 2022

Nhận xét: Qua bảng số liệu trên thấy tổng số giờ nắng tại khu vực Hà Nội tập trung chủ yếu vào mùa hè (tháng 5- tháng 10) dao động trong khoảng 93,7 giờ - 208,1 giờ; ngược lại vào mùa đông (tháng 11 – tháng 4) có tổng số giờ nắng giảm dần và thấp nhất vào tháng 1,2 có tổng số giờ nắng là 24,9 giờ.

❖ Tốc độ gió và hướng gió

Gió là yếu tố quan trọng nhất tác động lên quá trình lan truyền các chất ô nhiễm. Tốc độ gió càng cao thì chất ô nhiễm được vận chuyển đi càng xa và nồng độ chất ô nhiễm càng nhỏ do khí thải được pha loãng với không khí sạch. Tốc độ gió nhỏ hoặc gió lặng thì chất ô nhiễm sẽ tập trung ngay tại khu vực gần nguồn thải.

Hướng gió chủ đạo tại khu vực thực hiện dự án trong năm là: Về mùa đông gió thường thổi tập trung từ 2 hướng: Bắc – Đông Bắc và Đông – Đông Nam. Mùa Hạ gió thường thổi từ Nam – Đông Nam.

Bảng 2. 4. Tốc độ gió trung bình tháng từ năm 2019 - 2023 (Trạm Láng – Hà Nội)

Đơn vị: m/s

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Yếu tố đặc trưng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2019	Vtb	1	2	1	2	2	1	1	1	1	1	2	1
	Vmax	8	8	9	9	11	9	6	10	7	8	8	7
	Hướng	NNE	ESE	NNE	NNE	NNW	NNE	SSE	NW	SSE	NNE	NNE	NNE
	Ngày	12	7	25	22	12	6	12	23	14	16	23	8
2020	Vtb	1	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	2
	Vmax	9	6	10	9	11	7	8	6	7	7	8	7
	Hướng	NNE	NNE	ESE	NNE	NNW	NNE	NNW	NNE	NNW	NNE	NNE	NNE
	Ngày	9	2	8	6	18	1	15	9	16	10	22	7
2021	Vtb	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Vmax	7	6	6	8	8	7	12	10	8	7	9	8
	Hướng	NNE	SSE	NNE	N	NE	NW	NW	NNW	NNE	NNE	NNE	N
	Ngày	9	17	23	30	22	30	15	3	18	28	19	2
2022	Vtb	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	2,0	2,0	1,0	1,0	2,0	1,0	1,0
	Vmax		9	8	5	8	10	6	8	6	7	5	8
	Hướng	NNW	NNW	NNE	NNE	NNW	WNW	SSW	NNE	N	NNE	NNW	NNE
	Ngày	25	16	3	5	9	24	10	1	6	17	2	14

[Nguồn: Trung tâm tư liệu KTTV – trung tâm KTTV Quốc gia năm 2022]

Nhận xét: Qua bảng số liệu trên cho thấy tốc độ gió tại khu vực Hà Nội năm 2022 dao động trung bình từ 1 – 2 m/s.

❖ Lượng mưa và lượng bốc hơi

Chế độ mưa cũng ảnh hưởng đến chất lượng không khí, có tác dụng thanh lọc các chất ô nhiễm trong không khí và pha loãng các chất ô nhiễm trong nước. Khi mưa rơi xuống sẽ cuốn theo bụi và các chất ô nhiễm có trong khí quyển cũng như các chất ô nhiễm trên bề mặt đất, nơi nước mưa chảy qua. Chất lượng nước mưa tùy thuộc vào chất lượng khí quyển và môi trường khu vực.

Giải thích về sự tăng đột biến lượng mưa trung bình của các năm là do sự nóng lên toàn cầu gây ra những biến đổi hoàn lưu khí quyển và đại dương, đặc biệt là hoàn lưu gió mùa và hoàn lưu nhiệt – muối. Hàm lượng ẩm trong khí quyển và bốc hơi sẽ làm thay đổi về lượng mưa và phân bố mưa theo không gian và thời gian, dẫn đến những thay đổi trong chế độ thủy văn và tài nguyên nước

Lượng mưa trung bình của các tháng trong năm tại khu vực thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2. 5. Lượng mưa trung bình năm 2019 đến năm 2023 (mm)

Nguồn: Niên giám thống kê của Hà Nội, năm 2022

Năm Tháng	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	42,9	70,9	16,6	16,6	157,0
Tháng 2	9,0	12,3	10,0	28,8	27,5
Tháng 3	76,4	112,4	34,0	15,1	200,1
Tháng 4	53,7	19,1	58,8	166,2	88,1
Tháng 5	153,4	105,4	209	96,8	128,1
Tháng 6	84,6	212,9	188,5	97,1	171,4
Tháng 7	379,8	449,1	428,1	135,8	121,1
Tháng 8	433,7	283,2	313,4	488,6	389,0
Tháng 9	145,7	266,9	229,7	113,5	204,1
Tháng 10	59,8	259,7	94,4	105	224,7
Tháng 11	10,8	19,4	28,2	44,4	34,1
Tháng 12	25,1	47,5	84,2	3,5	1,2
Lượng mưa cả năm	1.474,9	1859	1695	1311	1746

Nhận xét:

Theo kết quả quan trắc cho thấy mưa diễn biến theo mùa rõ rệt, lượng mưa lớn nhất thường vào tháng 7, tháng 8, tháng 9 hàng năm. Lượng mưa lớn nhất trong vòng 5 năm (từ năm 2019-2023) là vào tháng 8 năm 2023 với lượng mưa 494,9 mm. Số ngày mưa trung bình khoảng 100 ngày/năm.

Khu vực dự án thuộc địa phận xã Phúc Thịnh, TP Hà Nội vì vậy cũng chịu các ảnh hưởng chung do các hiện tượng thời tiết bất thường gây ra. Khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, khi có các trận mưa lớn kéo dài có thể xảy ra ngập lụt cục bộ. Giai đoạn triển khai, Chủ đầu tư sẽ có biện pháp thi công hợp lý hạn chế tối đa hiện tượng úng ngập tại khu vực, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình của Dự án.

2.1.1.4. Đặc điểm thủy văn và địa chất thủy văn

Khu vực dự án thuộc xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội nằm trong vùng đồng bằng Châu thổ Sông Hồng, chịu ảnh hưởng chế độ nhiệt đới gió mùa. Chế độ thủy văn khu vực Hà Nội và sông Hồng thuộc chế độ thủy văn vùng bằng phẳng (đồng bằng). Dòng chảy hàng năm chia làm hai mùa rõ rệt là mùa lũ và mùa cạn.

Dự án đi qua trực tiếp sông Thiếp, kênh Đài Bi, kênh Đ11 là các công trình thủy lợi cấp chính trong hệ thống kênh tưới tiêu của xã Phúc Thịnh (thuộc quản lý của Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội) và qua các nương nội đồng nhỏ thuộc quản lý của UBND các xã Cổ Loa, Uy Nỗ, và Việt Hùng.

1/ Sông Thiếp: Sông Thiếp dài khoảng 21 km, bắt nguồn từ phía nam huyện Mê Linh, thông với đầm Vân Trì (xã Vân Nội, xã Phúc Thịnh), bao quanh thành Cổ Loa, chảy qua các xã Dục Tú, Xuân Canh (xã Phúc Thịnh) rồi tiếp tục chảy sang huyện Yên Phong và Từ Sơn (Bắc Ninh), cuối cùng đổ vào sông Cầu. Sông Thiếp có vai trò tiêu thoát nước từ hồ Vân Trì và các vùng lân cận, đồng thời cung cấp nước tưới tiêu cho các khu vực nông nghiệp trong xã Phúc Thịnh. Dòng chảy trên sông Thiếp có tính mùa vụ rõ rệt, mùa mưa dòng chảy lớn, đảm bảo tiêu thoát nước, mùa khô dòng chảy giảm mạnh, với lưu lượng dòng chảy từ khoảng 1,5 m³/s đến trên 10 m³/s.

2/ Kênh Đài Bi, kênh Đ11: Theo phân loại công trình thủy lợi, các kênh này có quy mô trung bình với lưu lượng dòng chảy từ khoảng 1,5 m³/s, chiều rộng đáy kênh từ 3 m đến trên 5 m, phục vụ tưới tiêu cho diện tích lớn trong khu vực. Các kênh này chủ yếu có chức năng dẫn nước tưới cho vùng đồng ruộng, đồng thời đảm bảo tiêu thoát nước mùa mưa, góp phần điều tiết thủy văn khu vực.

3/ Các nương nội đồng: Các nương nội đồng nhỏ do UBND các xã Cổ Loa, Uy Nỗ, Việt Hùng quản lý là kênh cấp III hoặc kênh nội đồng, có quy mô nhỏ hơn, lưu lượng dòng chảy dưới 0,5 m³/s, chiều rộng đáy kênh dưới 1 m, phục vụ tưới tiêu cục bộ cho từng thửa ruộng và khu vực sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ.

Như vậy, hệ thống kênh tưới tiêu và thoát nước tại khu vực dự án có cấu trúc phân cấp rõ ràng:

+ Kênh chính (sông Thiếp, kênh Đài Bi, kênh Đ11) là các tuyến dẫn nước chính, kết nối với các kênh cấp II và kênh nội đồng.

+ Nương nội đồng nhỏ do UBND các xã quản lý, có nhiệm vụ phân phối nước đến từng thửa ruộng và khu vực sản xuất nhỏ lẻ.

Hệ thống kênh tưới tiêu, thoát nước khu vực dự án gồm sông Thiếp, kênh Đài Bi, kênh Đ11 và các nương nội đồng nhỏ có quy mô và chức năng quan trọng trong việc cung cấp nước tưới và tiêu thoát nước cho xã Phúc Thịnh. Tuy nhiên, hiện trạng vận hành còn nhiều hạn chế do thiếu quy trình vận hành đồng bộ, chế độ dòng chảy mùa vụ không ổn định, và mối liên kết giữa các cấp kênh chưa chặt chẽ. Việc cải thiện quản lý, xây dựng quy trình vận hành thống nhất và nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước và phát triển bền vững khu vực.

Tại thời điểm khảo sát, độ sâu mực nước trong các lỗ khoan đo được dao động trong phạm vi từ 0.7m đến 2.45m. Nước dưới đất chủ yếu tồn tại trong các lớp đất yếu, đất rời cát bụi, nguồn cung cấp chủ yếu là nước mưa, nước mặt trong vùng.

❖ **Tình trạng ngập úng, ngập lụt**

- Các vùng thường bị ngập úng trên địa bàn xã rải rác ở nhiều nơi, tập trung tại các khu vực trũng, xung quanh bị chắn bởi các khu vực dân cư hoặc công trình do đô thị hóa.

- Nguyên nhân gây ngập úng trên địa bàn bắt nguồn từ điều kiện tự nhiên, gắn với quá trình đô thị hóa gia tăng ở các khu vực này.

- Một là, thời gian dài trước đây, nhiều đô thị đã chuyển đổi nhiều đất cây xanh, đất nông nghiệp thành đất ở, lấp nhiều ao, hồ để xây dựng công trình, làm mất sự cân bằng tích chứa nước của đô thị, bê tông hóa gần hầu hết diện tích mặt đất đô thị, làm giảm khả năng thấm tiêu nước mưa.

- Hai là, hệ thống thoát nước của đô thị vẫn quá thấp kém cả về mạng lưới cống thoát, cả về tiết diện dòng chảy.

- Ba là, đô thị ngày càng mở rộng, tổng lượng nước mưa tập trung trong nội thị ngày càng lớn, trong khi hệ thống sông ngòi thoát nước ngày càng bị thu hẹp.

2.1.1.5. Các hiện tượng địa chất động lực công trình

Tại thời điểm khảo sát chưa phát hiện các dấu hiệu, hiện tượng địa chất động lực gây bất lợi cho tính ổn định của công trình.

Căn cứ theo TCVN 9386:2012 – Thiết kế công trình chịu động đất, khu vực khảo sát trong vùng động đất cấp VII (thang chia MSK-64).

(Theo Thuyết minh Báo cáo NCKT của dự án)

2.2. HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

2.2.1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường khu vực dự án

Khu vực triển khai Dự án thuộc xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội. Tại khu Dự án chưa có các nghiên cứu và báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường. Theo kết quả khảo sát, nhìn chung chất lượng môi trường khu vực Dự án như sau:

2.2.1.2. Đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án

a. Vị trí lấy mẫu hiện trạng môi trường

Ngày 29/8/2025, Ban QL dự án (Chủ đầu tư) đã kết hợp với đơn vị tư vấn và đơn vị quan trắc (**Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam – Vimcerts 288**) tiến hành khảo sát thực địa, đo đạc, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường.

Đoàn khảo sát đã sử dụng các thiết bị đo nhanh tại hiện trường bằng các thiết bị hiện số, đồng thời cũng tiến hành hấp thụ các tác nhân hoá học vào các dung dịch hấp thụ tương ứng và sau đó bảo quản trong các hòm chuyên dụng lưu mẫu, bảo quản mẫu.

Kết quả phân tích các thông số ô nhiễm

b.1. Kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong hiện trạng không khí môi trường xung quanh của dự án

Hiện trạng: Môi trường nền.

Điều kiện thời tiết: Trời nắng, gió nhẹ.

Bảng 2. 6: Kết quả phân tích hiện trạng môi trường không khí xung quanh dự án

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	QCVN
1	Nhiệt độ ^(f)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	21,5	22,0	21,5	21,5	22,0	-
2	Độ ẩm ^(f)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	68,8	68,0	68,8	68,8	68,0	-
3	Tiếng ồn ^(f)	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,5	60,6	58,5	58,5	60,6	70 ⁽¹⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	79,03	86,15	79,03	79,03	86,15	300 ⁽²⁾
5	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	<45	<45	<45	<45	<45	350 ⁽²⁾
6	CO	µg/m ³	GS.EST/L-SOP-K.04	<4.000	<4.000	<4.000	<4.000	<4.000	30.000 ⁽²⁾
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	46,67	29,84	46,67	46,67	29,84	200 ⁽²⁾

Ghi chú:

1. KPH: Không phát hiện; (f): Thông số đo ngoài hiện trường.

2. Giới hạn cho phép: (1)QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; (2)QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí...

Nhận xét:

Thời điểm lấy mẫu trời nắng, gió nhẹ, nhiệt độ không khí giao động từ 22 đến 23°C tùy vào các thời điểm trong ngày. Buổi sáng và tối nhiệt độ giảm, giữa trưa nhiệt độ tăng cao. Gió hướng Đông Bắc.

Tiếng ồn, độ rung nằm trong quy chuẩn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Kết quả phân tích các mẫu không khí khu vực làm việc cho thấy: Các chỉ tiêu phân tích môi trường không khí khu vực xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN. Vậy môi trường không khí nền hoàn toàn đảm bảo.

b.2. Kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong nước mặt của dự án

Hiện trạng: Môi trường nền

Điều kiện thời tiết: Trời nắng, gió nhẹ.

Bảng 2. 7: Kết quả phân tích mẫu nước mặt gần dự án

ST T	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả					QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 1; Bảng 2 – Mức B
				NM1	NM2	NM3	NM4	NM5	
1	pH ^(f)	TCVN 6492:2011	-	6,89	6,91	7,02	6,89	6,91	6,0 - 8,5
2	DO ^(f)	TCVN 7325:2016	mg/L	5,67	5,92	5,81	5,67	5,92	≥ 5,0
3	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	33	15	22	33	15	≤ 100
4	COD	SMEWW 5220C:201 7	mg/L	18,2	12,7	13,6	18,2	12,7	≤ 15
5	BOD ₅	TCVN 6001- 1:2008	mg/L	7,8	5,4	5,8	7,8	5,4	≤ 6
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179- 1:1996	mg/L	0,112	0,110	0,192	0,112	0,110	0,3
7	Tổng cacbon hữu cơ (TOC)	TCVN 6001- 1:2008	mg/L	7,8	5,4	5,8	7,8	5,4	≤ 6
8	Tổng Nito (Tổng N)	TCVN 6001- 1:2008	mg/L	7,8	5,4	5,8	7,8	5,4	≤ 6
9	Tổng Phosphor (Tổng P)	TCVN 6001- 1:2008	mg/L	7,8	5,4	5,8	7,8	5,4	≤ 6
10	Coliform	SMEWW 9221B:201 7	MPN /100 ml	680	560	550	680	560	≤ 1.000
11	E.Coli	SMEWW 9221G:201 7	MPN /100 ml	79	63	61	79	63	20
12	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:201 7	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	5,0

Ghi chú:

- Kph (Không phát hiện).
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Nhận xét:

Theo kết quả phân tích thu được, Các chỉ tiêu phân tích môi trường nước mặt khu vực thực hiện dự án cơ bản nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN. Tuy nhiên, có các thông số DO, COD, BOD₅, E.coli vượt QCVN từ khoảng 1,1 đến 1,5 lần. Theo như hiện trạng các kênh mương và sông khu vực tiếp nhận nước thải của các hộ dân, nước thải phát sinh từ quá trình nông nghiệp sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu. Trong quá trình thi

công Dự án, Đại diện Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu để hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước mặt.

b.3. Kết quả phân tích các thông số môi trường đất của dự án

Hiện trạng: Môi trường nền;

Điều kiện thời tiết: Trời nắng, gió nhẹ.

Bảng 2. 8: Kết quả phân tích các chất ô nhiễm có trong đất tại dự án

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả					QCVN 03:2023/ BTNMT
			Đ01	Đ02	Đ03	Đ04	Đ05	
1	Asen (As)	mg/kg	6,79	4,53	2,03	6,79	4,53	25
2	Chì (Pb)	mg/kg	9,27	4,49	2,56	9,27	4,49	200
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	105,15	71,74	48,84	105,15	71,74	300
4	Đồng (Cu)	mg/kg	17,13	8,56	4,90	17,13	8,56	150
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,66	KPH	KPH	0,66	KPH	4

Ghi chú: QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất.

Nhận xét:

Kết quả phân tích trình bày tại bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu phân tích trong mẫu đất của dự án hiện tại nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT. Vậy môi trường nền của dự án đạt yêu cầu.

***) Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường và sự phù hợp của khu vực thực hiện Dự án.**

Hiện tại khu vực xây dựng tuyến đường chủ yếu đất nông nghiệp của hộ dân. Do đó, môi trường nền khu vực chịu tác động chủ yếu từ sinh hoạt của hộ dân trong Dự án và khu vực xung quanh.

Qua kết quả quan trắc hiện trạng môi trường khu vực Dự án cho thấy:

- Môi trường không khí: Tại các vị trí lấy mẫu, đa số các chỉ tiêu đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT. Đại diện Chủ đầu tư sẽ xây dựng các biện pháp giảm thiểu đi kèm để không làm ảnh hưởng đến sức chịu tải của môi trường khí.

- Độ ồn: Kết quả quan cho thấy độ ồn gần khu vực thực hiện Dự án là khá cao nhưng vẫn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Môi trường nước mặt: Nước mặt: hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2) (cột B). Tuy nhiên vẫn có chỉ tiêu COD, E.coli, BOD₅ và DO ở mẫu NM01, NM05, NM06 đều cao hơn tiêu chuẩn cho phép là dấu hiệu của sự ô nhiễm hoặc suy thoái chất lượng nước và có thể liên quan đến các quá trình sinh học hoặc ô nhiễm nguồn nước. Nguyên nhân có thể do nước thải của các hộ dân trong khu chưa được xử lý triệt để đã thải vào nguồn nước mặt làm cho

các thông số ô nhiễm cao hơn so với tiêu chuẩn.

- Môi trường đất: Các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03:2023/BTNMT.

- Khu vực thực hiện Dự án đi qua khu đất nông nghiệp và đất ở của người dân do đó có hệ thống mương, rãnh dẫn và thoát nước dễ dàng. Hệ thống sông Thiếp gần Dự án thuận tiện cho quá trình tiêu thoát nước của khu vực thực hiện Dự án, tránh tình trạng ngập úng.

- Khu vực thực hiện Dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc nhỏ, đường giao thông thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động liên quan tới Dự án.

- Đặc điểm khí hậu, khí tượng khu vực tương đối ổn định, ít xảy ra các hiện tượng thời tiết thất thường hay cực đoan. Điều này giúp cho quá trình thi công, xây dựng Dự án được tiến hành thuận lợi.

Nhìn chung, môi trường nền tại khu vực Dự án vẫn đảm bảo. Do đó, không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân thi công khi xây dựng Dự án, đảm bảo môi trường sống của người dân trong khu vực.

Trong quá trình thi công Đại diện Chủ đầu tư sẽ có các biện pháp cần thiết giảm thiểu, hạn chế ô nhiễm để không làm suy giảm chất lượng khu vực Dự án.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Trên cơ sở diện tích đất chiếm dụng của dự án phần lớn là diện tích đất nông nghiệp và quá trình khảo sát thực tế, hệ sinh thái khu vực dự án mang những nét đặc trưng của hệ sinh thái nông nghiệp đồng bằng sông Hồng. Theo điều tra thực tế các hệ sinh thái trong khu vực thực hiện dự án bao gồm:

- Hệ sinh thái các thủy vực:
 - + Hệ sinh thái ao, mương.
 - + Hệ sinh thái ruộng vườn.
- Hệ sinh thái trên cạn:
 - + Hệ sinh thái ruộng rau màu.
 - + Hệ sinh thái dân cư và vườn nhà.
 - + Hệ sinh thái bãi đất hoang với thảm cỏ, cây bụi.
- Động vật đáy: Trong thành phần động vật đáy có các nhóm ấu trùng, côn trùng, tôm cua, trai ốc. Nhìn chung thành phần ấu trùng, côn trùng ở mương thoát nước trong khu vực ít phong phú hơn so với các loại hình thủy vực khác.
- Cá: Theo thống kê số liệu và điều tra nhân dân có rất ít loài cá thủy vực trong khu vực nghiên cứu và chủ yếu là cá tự nhiên. Các loài cá ở đây mang tính đặc trưng của vùng Đông Bắc Bộ: các chép, rô, riết ...
- Hiện trạng thảm thực vật: Trong lớp phủ thảm thực vật thì thảm cây trồng chiếm ưu thế cả về diện tích và sự đa dạng. Có thể kể đến những loại thảm cây trồng sau: Thảm thực vật nông nghiệp: chủ yếu là lúa hai vụ và một số diện tích ao rau muống. Lớp phủ thực vật tự nhiên chỉ có các loại thảm cỏ thấp ven đường (bao gồm các cây thân thảo ngắn ngày và dài ngày), tập đoàn cỏ thủy sinh và ưa ẩm (phân bố ở mương máng) và các lùm cây bụi rậm (bao gồm các cây thân leo, cây bụi) phân bố rải rác. Lớp phủ thực vật tự nhiên

rất nghèo về chủng loại, nhỏ hẹp về diện tích, phân bố rải rác và ít có giá trị về kinh tế và môi trường.

- **Côn trùng:** Trong quá trình đô thị hoá, nhóm côn trùng nông nghiệp bị thu hẹp nơi hoạt động, các nhóm côn trùng khác thay thế, trong đó đáng lưu ý là nhóm côn trùng gần người như ruồi, muỗi.

Khu hệ động vật có xương sống ở cạn: Cũng giống như khu hệ thực vật, đặc điểm của khu hệ động vật có xương sống trên cạn trong khu vực nghiên cứu đơn điệu và kém phong phú, đặc trưng cho cảnh quan đồng bằng. Trong đó chủ yếu là các nhóm thú có kích thước bé như nhóm động vật gặm nhấm phát triển như chuột. Thành phần động vật có xương sống trong các hệ sinh thái ở cạn khu vực này, không có các loài quý hiếm cần bảo vệ.

Nhìn chung, giá trị sinh học của các hệ sinh thái trên cạn dọc tuyến thấp. Hệ sinh thái kiểu quần cư canh tác nông nghiệp nhân tác được đánh giá cao hơn tuy nhiên cũng chỉ hơn không đáng kể so với các kiểu sinh thái khác. Các hệ sinh thái còn lại có sự đa dạng sinh học thấp, hệ động thực vật nghèo nàn và không có loài quý hiếm.

2.3. NHẬN DẠNG CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG, YẾU TỐ NHẠY CẢM VỀ MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Một số đối tượng, yếu tố nhạy cảm có khả năng chịu tác động trong quá trình triển khai Dự án bao gồm:

2.3.1. Đối tượng tự nhiên

- **Địa hình:** Quá trình triển khai Dự án giải phóng mặt bằng đất nông nghiệp của các hộ dân khu vực. Hoạt động thi công cơ bản làm thay đổi địa hình, địa mạo khu vực Dự án. Bề mặt che phủ tự nhiên là các trảng cỏ, đất hữu cơ trồng lúa được san phẳng, thay thế bằng công trình hạ tầng.

- **Môi trường không khí:** Quá trình thi công xây dựng Dự án tác động đến chất lượng môi trường không khí chủ yếu do bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc và thiết bị thi công trên công trường.

- **Môi trường nước sông Thiếp:** Sông Thiếp là nguồn tiếp nhận chính nước mưa từ quá trình thi công xây dựng Dự án. Ngoài ra, trong quá trình thi công, chất thải xây dựng có thể bị rơi vãi và rác thải sinh hoạt của CBCNV thi công, người dân khu vực và người tham gia giao thông nếu gặp mưa lớn sẽ bị rửa trôi xuống sông gây ô nhiễm môi trường nước sông.

- **Môi trường đất:** Quá trình thi công vào những ngày trời mưa có thể rửa trôi đất, gây sạt lở hoặc xói mòn nếu không có biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời.

2.3.2. Đối tượng kinh tế - xã hội

- **Đường giao thông:** Các tuyến đường giao thông trong khu vực chịu tác động của Dự án bao gồm đường Trường Sa, đường QL3, đường Cổ Loa, đường Đào Duy Tùng, đường Cao Lỗ và đoạn đường sắt Hà Nội – Lào Cai. Quá trình thi công xây dựng Dự án sẽ gây tắc nghẽn giao thông và có thể xảy ra tai nạn giao thông.

2.3.3. Yếu tố nhạy cảm môi trường của dự án

- **Dự án thoát nước mưa, nước thải tiêu ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.** Việc tiếp nhận nước mưa, nước thải của dự án sẽ làm tăng khả năng ngập úng của khu vực.

- **Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên.**

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Việc thực hiện dự án xây dựng đường mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho cả cộng đồng và nền kinh tế. Dưới đây là một số lợi ích chính:

Cải thiện giao thông: Dự án xây dựng đường giúp cải thiện hệ thống giao thông, giảm tắc nghẽn và đảm bảo việc di chuyển dễ dàng và an toàn hơn cho người dân. Điều này cũng giảm thiểu thời gian di chuyển và chi phí vận hành phương tiện.

Thúc đẩy phát triển kinh tế: Mạng lưới giao thông tốt giúp thúc đẩy các hoạt động kinh tế, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa, từ đó làm tăng hiệu quả kinh tế cho các doanh nghiệp và khu vực. Ngoài ra, nó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư vào các khu vực mới, phát triển công nghiệp, thương mại và du lịch.

Tạo ra việc làm: Dự án xây dựng đường tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho công nhân, kỹ sư, các nhà thầu và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều này góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và tạo thêm thu nhập cho người lao động.

Cải thiện chất lượng sống: Một hệ thống đường bộ hiện đại giúp nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển đến các dịch vụ thiết yếu như bệnh viện, trường học, chợ, và các khu vui chơi giải trí.

Giảm thiểu tai nạn giao thông: Các dự án xây dựng đường có thể cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, từ đó giảm bớt tai nạn giao thông và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông.

Kết nối các vùng miền: Việc xây dựng đường giúp kết nối các khu vực thành thị và nông thôn, tạo điều kiện cho việc giao lưu, trao đổi văn hóa và thương mại giữa các khu vực. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những vùng nông thôn, nơi giao thông có thể hạn chế sự phát triển.

Giảm ô nhiễm môi trường: Một số dự án xây dựng đường hiện đại có thể được thiết kế để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, chẳng hạn như việc sử dụng công nghệ xanh trong quá trình thi công và bảo vệ các khu vực sinh thái quan trọng.

Tóm lại, xây dựng đường không chỉ giúp cải thiện hạ tầng giao thông mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

Bên cạnh những lợi ích trên khi thực hiện triển khai dự án còn tác động đến môi trường. Mỗi giai đoạn dù ít hay nhiều đều gây ra những tác động tới môi trường, kinh tế xã hội và gây ảnh hưởng tới các đối tượng tại khu vực chịu tác động của Dự án theo nhiều hướng khác nhau. Do đó nội dung chương 3 là đánh giá tác động môi trường đối với mỗi giai đoạn của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội; dự báo các tác động tiêu cực đến môi trường và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường.

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đưa ra pháp phù hợp với quy định của Luật BVMT và phù hợp với điều kiện của Chủ đầu tư. Để thực hiện được việc đó thì trước hết phải dự báo, xác định nguồn gây ô nhiễm, nguồn phát sinh chất ô nhiễm, tải lượng các chất ô nhiễm. Qua đó đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các

nguồn thải các chất ô nhiễm, làm cơ sở để xây dựng các biện pháp giảm thiểu khả năng ảnh hưởng tới môi trường và cuộc sống cộng đồng.

Dự án được chia thành 3 giai đoạn chính như sau:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Triển khai trong thời gian 60 ngày.
- Giai đoạn triển khai xây dựng: Triển khai trong thời gian khoảng 12 tháng.
- Giai đoạn vận hành.

Các tiêu chí đánh giá mức độ tác động môi trường: Để đánh giá mức độ tác động tới các đối tượng bị tác động, các chỉ thị đã được sử dụng, bao gồm:

- *Cường độ của một tác động*: Nhỏ, trung bình hoặc lớn.
- *Thời gian tác động*: Ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn.
- *Phạm vi tác động*: Mang tính chất điểm hoặc Địa phương hoặc Khu vực.
- *Khả năng đảo ngược*: Không thể tự đảo ngược hoặc có thể tự đảo ngược.

3.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Các tác động được sàng lọc và phân loại nguồn gây tác động cụ thể được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3. 1: Bảng nhận diện và phân loại nguồn tác động, quy mô tác động môi trường trong giai đoạn GPMB của dự án

TT	Nguồn tác động	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động		Quy mô tác động		
			Môi trường	Xã hội	Không gian	Thời gian	Mức độ
1	Tác động của việc chiếm dụng đất	Không	Không	Các hộ dân mất đất	Toàn bộ phần diện tích GPMB	Vĩnh viễn	Nhỏ
2	Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng	- Chất thải rắn; - Bụi, khí thải; - Nước thải sinh hoạt	- Môi trường không khí; - Môi trường nước; - Môi trường đất	Sức khỏe của công nhân thi công phá dỡ, phát quang	Quanh vị trí có hoạt động phát quang, phá dỡ bán kính 30-50m	Trong thời gian diễn ra hoạt động phát quang, phá dỡ	Nhỏ

3.1.1.1. Các nguồn tác động liên quan đến chất thải

a. Bụi, khí thải và chất thải phát sinh trong quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng

Trước khi thi công sẽ thực hiện phá dỡ các công trình hiện trạng tạo mặt bằng thi công, đối với dự án sẽ phá dỡ nhà cửa và kênh mương mà dự án chiếm dụng.

*) Thông thường, hoạt động phá dỡ nhà cửa có thể tạo ra tình trạng ô nhiễm bụi xung quanh khu vực phá dỡ công trình. Lượng bụi phát sinh phụ thuộc vào nhiều yếu tố như vật liệu của công trình, quy mô công trình, phương thức phá dỡ thủ công hay cơ

giới. Đối với khu vực Dự án, nhà cửa phá dỡ có kết cấu đơn giản với hệ tường xây gạch, phần lớn kết cấu của các công trình này có thể phá dỡ thủ công nên lượng bụi phát sinh không lớn, bụi chỉ tập trung xung quanh khu vực phá dỡ trong phạm vi khoảng $10 \div 15\text{m}$. Tuy nhiên, để tránh bụi phát tán sang các hộ không bị di dời nằm kề cận khu vực phá dỡ, các biện pháp giảm thiểu sẽ được đề xuất (chi tiết xem phần biện pháp đề xuất).

*) Phá dỡ, nạo vét kênh mương thủy lợi: Hoạt động cải mương sẽ được tiến hành và hoàn thành trước mùa gieo cấy; Làm bờ vây tại hai điểm đầu và cuối đoạn mương mới giao cắt với đoạn mương cũ; Thi công đoạn mương mới; Phá bỏ bờ vây, dẫn dòng sang đoạn mương đã cải. Đắp hoàn trả mặt bằng đoạn mương cũ.

Lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp vật liệu phụ thuộc vào thành phần đất đào, độ ẩm và điều kiện thời tiết.

- Khối lượng chất thải phát sinh trong quá trình phá dỡ:

Áp dụng định mức phá dỡ công trình theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng “Ban hành định mức xây dựng” và dựa vào dự toán các hạng mục công trình của Chủ dự án:

* Đối với hoạt động phá dỡ nhà cửa: Dự án chiếm dụng 33 công trình nhà cửa gồm từ 1-5 tầng và 4 nhà xưởng cần phá dỡ có tổng diện tích là $378,11\text{ m}^2$.

Ta có trung bình: 1 m^2 sàn phá dỡ tương đương $1,0 - 1,2$ tấn chất thải xây dựng (bao gồm bê tông, gạch, vữa, gỗ, thép...).

Ta chọn hệ số $1,2\text{ tấn/m}^2$ (để tính sơ bộ, có thể điều chỉnh theo vật liệu thực tế):

$$\hookrightarrow \text{Khối lượng phá dỡ} = 3.781,08\text{ m}^2 \times 1,2\text{ tấn/m}^2 = 4.537,3\text{ tấn.}$$

* Đối với hoạt động phá dỡ công trình kênh mương thủy lợi (Bao gồm Phá dỡ, nạo vét bùn tại kênh, mương): Phát sinh $1.458,6\text{ m}^3$ tương đương với 1.896 tấn.

Bảng 3. 2: Khối lượng phá dỡ các hạng mục công trình

STT	Loại công trình	Diện tích (m^2)	Khối lượng phá dỡ (tấn)
1	Nhà 1 tầng	567,16	4.537,3
2	Nhà 2 tầng	945,27	
3	Nhà 3 tầng	567,16	
4	Nhà 4 tầng	378,11	
5	Nhà 5 tầng	378,11	
6	Nhà cấp 4	567,16	
7	Nhà xưởng	378,11	
8	Kênh, mương thủy lợi (*)	-	1.896
Tổng (quy đổi $1\text{m}^3=1,3\text{ tấn}$)			6.433,3

(Nguồn: Tổng mức dự toán hạng mục công trình của dự án)

(*): Bao gồm Phá dỡ, nạo vét bùn tại kênh, mương trong quá trình chuẩn bị cho hoạt động xây dựng hoàn trả kênh mương. Khối lượng này được đơn vị thiết kế tính toán trong quá trình chạy dự toán các hạng mục công trình của dự án)

Ngoài ra còn có:

- Bùn thải và phân bùn bể phốt:

Theo kết quả Chủ đầu tư cung cấp và quá trình khảo sát thực tế đã được tổng hợp tại Bảng 1.2: Tổng hợp hiện trạng diện tích thu hồi của dự án. Dự án phá dỡ 33 hộ và 5 nhà xưởng, xét hiện trạng về công trình ngầm có 33 bể tự hoại, còn lại không còn công trình ngầm nào khác. Xét mỗi bể dung tích khoảng $2\text{m}^3/\text{bể}$. Như vậy lượng chất thải phát sinh là 66m^3 .

Đơn vị thầu phá dỡ sẽ thuê đơn vị có chức năng hút dọn và đổ bỏ theo quy định. Dung tích xe hút bể phốt thường sử dụng hiện nay là $10\text{ m}^3/\text{xe}$ thì sẽ phải sử dụng 7 lượt xe hút. Công tác hút bỏ phân bùn bể phốt được thực hiện trước khi phá dỡ công trình.

- CTNH:

+ Tại 33 hộ gia đình bị phá dỡ nhà: CTNH là bóng đèn huỳnh quang tại 33 căn nhà bị phá dỡ; trung bình 1 nhà có 4 bóng đèn, số lượng bóng đèn là 132 bóng. Khối lượng 1 bóng đèn là 0,2 kg. Vậy, khối lượng CTNH phát sinh khoảng 26,4 kg.

+ Tại 05 nhà xưởng: Không chứa CTNH.

- Chất thải di dời mộ:

Dự án sẽ di dời 318 ngôi mộ xây nằm tập trung tại khu vực nghĩa trang của xã Uy Nỗ. Đây là các ngôi mộ đã được cải táng mà thân nhân của họ là những người dân sống gần đó. Qua tham khảo từ các dự án khác, ước tính lượng chất thải phát sinh từ quá trình bốc mộ chiếm khoảng 50% - 80%, tương ứng với khoảng 12 – 20 kg/mộ tùy theo tuổi các ngôi mộ. Như vậy, tổng khối lượng chất thải phát sinh từ quá trình bốc mộ khoảng $3,8 \div 6,4$ tấn chất thải. Nếu chất thải này không được thu gom, quản lý và xử lý thích hợp thì sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước và ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Bảng 3. 3: Bảng tổng hợp chất thải phát sinh trong hoạt động phá dỡ GPMB

STT	Loại chất thải	Khối lượng
1	Chất thải rắn phát sinh trong quá trình phá dỡ (gạch, đá, ngói, bùn kênh mương, ...)	7.532 tấn
2	Bùn thải và phân bùn bể phốt	66 m^3
3	Chất thải nguy hại (bóng đèn huỳnh quang)	26,4 kg
4	Chất thải di dời mộ	$3,8 \div 6,4$ tấn

Tải lượng phát thải:

Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ được tính toán theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO - 2003, hệ số phát thải do bụi sinh ra trong quá trình phá dỡ là 0,1-1g bụi/tấn. Đồng thời, theo Đề tài khoa học “Khảo sát và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường khi phá dỡ các công trình xây dựng cũ”, mã số KC 11-04 do Vụ Khoa học, Công nghệ

và Môi trường - Bộ Xây dựng thực hiện năm 2011 thì lượng bụi phát sinh ra môi trường ước tính bằng 1% lượng phế thải phát sinh từ công đoạn phá dỡ các công trình cũ.

Bảng 3. 4: Tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng

Hạng mục	Khối lượng (tấn)	Hệ số (g/tấn)	Bụi phát sinh lớn nhất (kg)	Thời gian thi công (ngày)	Lượng bụi phát sinh (kg/ngày)
Phá dỡ công trình hiện trạng	7.532	1	7,532	30	0,25

Nhận xét: Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng không nhiều. Bụi phát sinh từ hoạt động này chủ yếu có kích thước lớn, khả năng phát tán nhỏ, chủ yếu tác động tại chỗ và tác động đến công nhân trực tiếp tham gia thi công phá dỡ. Thời gian thực hiện phá dỡ ngắn khoảng 30 ngày. Vì vậy, tác động được đánh giá là nhỏ.

1/ Phạm vi tác động: Các hộ dân tại 5 xã và người dân canh tác đồng ruộng khu vực xung quanh ở khoảng cách từ 5-10m tính từ vị trí khu vực phá dỡ.

2/ Thời gian tác động: Khoảng 30 ngày trong thời gian phá dỡ nên tác động đến môi trường xung quanh không lớn.

3/ Mức độ tác động:

- Tác động do phá dỡ, nạo vét kênh mương:

Vấn đề	Đánh giá tác động
Mùi hôi thối	Bùn, rác, và xác hữu cơ tồn đọng trong lòng mương bị xới lên tạo mùi khó chịu, ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp thi công trên công trường.
Chất thải rắn	Rác sinh hoạt, rác vô cơ, bao bì thuốc BVTV,... có thể lẫn trong bùn nạo vét tạo mùi khó chịu, ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp thi công trên công trường.
Gián đoạn giao thông	Thi công chiếm dụng lòng đường/lề đường, ảnh hưởng giao thông nội bộ dân cư, gây ùn tắc tạm thời.
Ngăn cản dòng nước	Trong thời gian nạo vét nếu không có phương án dẫn dòng tạm (cải tuyến, ống dẫn), có thể gây tắc dòng chảy, ngập úng cục bộ.
Ảnh hưởng cấp nước sản xuất	Đặc biệt nghiêm trọng trong vụ xuân hoặc vụ mùa khi người dân cần nước để cấy trồng.

- Tác động do quá trình phá dỡ nhà cửa:

Tác động	Mô tả
Bụi	Gây ra từ việc đập phá, tháo dỡ vật liệu xây dựng cũ, nhất là tường gạch, bê tông. Làm ô nhiễm không khí xung quanh, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân (viêm hô hấp, dị ứng...).
Tiếng ồn và rung	Máy móc (máy đục, máy cắt bê tông, xe vận tải...) tạo độ ồn cao (70–100 dB), rung động gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận.
Chất thải rắn	Gạch, bê tông, ngói vỡ, kim loại phế liệu; nếu không thu gom và xử lý đúng sẽ gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường.

Chất thải nguy hại	Chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, có thể ảnh hưởng lâu dài nếu không xử lý đúng cách.
Ô nhiễm nước, đất từ bề tự hoại	Bể phốt cũ có chứa phân, nước thải đen, khí độc (H_2S , CH_4) và vi khuẩn gây bệnh. Khi phá dỡ không kiểm soát, có thể rò rỉ ra đất, lan vào mạch nước ngầm, hoặc gây mùi nồng nặc khu dân cư.

b. Chất thải rắn từ quá trình phát quang thảm thực vật và dọn dẹp mặt bằng

Dự án chỉ tiến hành phát quang thảm thực vật trên phần diện tích đất ruộng. Theo kết quả khảo sát hiện trạng khu vực dọc tuyến, phần diện tích này chủ yếu trồng lúa. Trước khi triển khai Dự án sẽ thông báo tới người dân khu vực để tiến hành tận thu toàn bộ sinh khối. Do đó, giai đoạn CBMB Dự án chỉ tiến hành thu dọn, phát quang lượng sinh khối còn sót lại như lá, rễ, cỏ dưới tán cây tại:

1/ Phần diện tích đất trồng lúa 02 vụ là khoảng **103.691 m²** (gồm 12.500 m² tại xã Vĩnh Ngọc; 511 m² tại xã Xuân Canh; 45.840 m² tại xã Cổ Loa; 39.176 m² tại xã Uy Nỗ và 5.664 m² tại xã Việt Hùng);

2/ Phần diện tích đất trồng cây lâu năm (cây bưởi,...): Là **21.718 m²** (gồm 1.260,23 m² tại xã Vĩnh Ngọc; 12.950 m² tại xã Cổ Loa; 4.047 m² tại xã Uy Nỗ và 3461,1 m² tại xã Việt Hùng)

Chất thải rắn từ thực vật phát quang: Chất thải rắn hữu cơ (cành, lá, gốc cây...) từ việc phát quang lớp phủ thực vật tận thu chuẩn bị mặt bằng sạch cho dự án. Dự án sử dụng phát quang thủ công để thu dọn mặt bằng, tiến hành nhanh gọn để phục vụ thi công, đảm bảo tiến độ dự án.

Khối lượng sinh khối thực vật phát sinh được tính theo công thức:

$$M = S \times k (*)$$

Trong đó:

M: khối lượng sinh khối thực vật, kg.

S: Diện tích khu vực tính toán (m²).

k: Hệ số sinh khối thực vật (Đối với đất lúa và hoa màu sử dụng hệ số K = 0.150 kg/m²).

Hệ số sinh khối thực vật tham khảo số liệu điều tra về sinh khối của 1m² loại thảm thực vật theo cách tính của Ogawa và Kato như sau:

Bảng 1. 6: Bảng sinh khối của 1m² loại thảm thực vật

Loại sinh khối	Lượng sinh khối (kg/m ²)					
	Thân	Cành	Lá	Rễ	Cỏ dưới tán cây	Tổng (k)
Cỏ, lúa nước	0,065	0,054	0,05	0,03	0,001	0,2
Cây hoa màu			0,6	0,15		0,75
Cây trồng lâu năm	3,0	0,5	0,1	0,5		4,1

(Nguồn: “Nghiên cứu cơ sở khoa học để tính toán năng lượng sinh khối thực vật tại Việt Nam” – Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam)

Căn cứ vào hệ số sinh khối công thức (*), khối lượng sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang thực vật của Dự án được đưa ra tại bảng sau:

Bảng 3. 5: Bảng khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị

Loại sinh khối	Diện tích (m ²)	Khối lượng sinh khối (kg)
Cây lúa	103.691	20.740
Cây lâu năm	21.718	89.044
Tổng		109.784

Khối lượng thực vật phát sinh do quá trình phát quang theo tính toán là 109.784 kg tương đương **110 tấn**.

- + Phạm vi tác động: trong phạm vi khu đất Dự án.
- + Thời gian tác động: trong thời gian GPMB (30 ngày)
- + Mức độ tác động: thấp.

Lượng thực vật phát quang kể trên sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và đem đi xử lý theo quy định (Đơn vị thi công sẽ ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng).

c. Chất thải rắn sinh hoạt và nước thải phát sinh

- Quá trình GPMB được thực hiện đồng thời cùng quá trình thi công tuyến đường. CBCNV tham gia đều là người có chỗ ăn, ngủ nghỉ trên địa bàn huyện nên hầu như không phát sinh CTR sinh hoạt và nước thải sinh hoạt tại khu vực GPMB. Như vậy, giai đoạn CBMB phát sinh các tác động đến môi trường được đánh giá là không lớn.

- Đối với hoạt động phá dỡ các công trình hiện tại không làm phát sinh nước thải.

3.1.1.2. Các nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động do tồn lưu bom mìn

Bom mìn và vật nổ còn sót lại sau chiến tranh sẽ cần phải được rà phá cẩn thận để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng xây dựng và đảm bảo an toàn cho các hạng mục công trình.

Công tác này sẽ được thực hiện bởi các đơn vị chuyên ngành rà phá bom mìn của quân đội. Trong quá trình rà và phá bom mìn thường sẽ gây nguy hiểm cho con người và gia súc nếu tiếp cận khu vực thực hiện. Do đó, chủ dự án và đơn vị chuyên trách rà phá bom mìn sẽ phải sử dụng hàng rào bảo vệ và biển cảnh báo nhằm hạn chế rủi ro nguy hiểm có thể xảy ra đối với người dân và gia súc.

Nếu Dự án không tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ, rủi ro có thể xảy đến trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình chính là nguy cơ bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại do chiến tranh. Đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân thi công và các hạng mục công trình của Dự án. Tác động này được đánh giá là lớn và tác động lâu dài, ảnh hưởng tới tâm lý, sức khỏe, tài sản và tính mạng của công nhân tại khu vực xảy ra sự cố. Đồng thời, tác động do bom mìn, vật liệu nổ phát nổ ảnh hưởng trên phạm vi rộng, ảnh hưởng tới không khí, gây suy giảm chất lượng đất, gây tâm lý hoang mang cho người dân xung quanh khu vực Dự án. Tuy nhiên, tác động này có thể giảm thiểu được thông qua việc rà phá bom mìn, vật liệu nổ bởi các đơn vị chức năng.

Trong trường hợp các hạng mục công trình của Dự án tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ, rủi ro có thể xảy đến với chính những người trực tiếp rà phá do có thể tồn dư bom mìn, vật liệu nổ từ chiến tranh. Quá trình rà phá có thể phát nổ bom mìn, vật liệu nổ do kỹ thuật rà phá chưa thực hiện đúng cách, gây nguy hiểm đến tính mạng của người rà phá.

Như vậy, việc rà phá bom mìn là quan trọng để tránh mối đe dọa có thể xảy ra với các hạng mục công trình của Dự án và sự an toàn của người dân cũng như công nhân thi công. Đối với Dự án, bom mìn cần được xem xét và rà phá cẩn thận trước khi bắt đầu các hoạt động thi công. Những tác động do vật liệu nổ còn sót lại có tác động tiêu cực đáng kể nếu không có các biện pháp giảm nhẹ, với rủi ro cao tới sức khỏe, tính mạng và cơ sở hạ tầng. Rà phá bom mìn phải được hoàn thành trước khi bắt đầu các công việc thi công.

Đánh giá chung về mức độ tác động: Tác động này được đánh giá là **lớn**, tuy nhiên có thể giảm thiểu được do đơn vị thực hiện rà phá là đơn vị quân đội, có đầy đủ chức năng, trang thiết bị kỹ thuật, trình độ và kinh nghiệm trong việc rà phá bom mìn, vật liệu nổ.

b. Tác động từ quá trình thu hồi đất đến hạ tầng và sở hữu hiện có

b.1. Ảnh hưởng đến các đối tượng bị mất đất thổ cư

Dự án chiếm dụng đất thổ cư của 33 hộ dân trên địa bàn 4 xã (như đã tổng hợp theo Bảng 1.2). Theo như điều tra (Phiếu xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư đối với phương án, vị trí tuyến” và tham vấn cộng đồng dân cư, chủ yếu các hộ gia đình có các thành viên đều là công nhân viên và đều là người dân sinh ra tại địa phương. Trong một hộ có thể có 3 thế hệ sống: ông, bà; bố mẹ và con cái. Mỗi gia đình đều có nhà được xây dựng trên đất thổ cư; kết cấu nhà cửa của các hộ bị ảnh hưởng chủ yếu là nhà mái bằng từ 1 ÷ 5 tầng. Các hộ này đều được tiếp cận với điện lưới phục vụ hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Rác thải sinh hoạt của người dân được thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với các hộ bị di dời sẽ đối mặt với những vấn đề phát sinh do tái định cư không tự nguyện và những tổn thất, bao gồm:

- Gián đoạn hoạt động kinh doanh, sản xuất: đối với các hộ sản xuất kinh doanh, việc phải di dời đến nơi ở mới có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh buôn bán do thay đổi nguồn cung ứng, hoặc khách hàng, nơi sản xuất.

- Mất nhà cửa và mối quan hệ cộng đồng, hoạt động văn hóa, tín ngưỡng: Các hộ bị di dời là những đối tượng định cư lâu đời. Khi bị di dời, mối quan hệ làng xóm, họ tộc được duy trì từ nhiều thế hệ sẽ bị gián đoạn.

- Ngoài ra, nếu người dân bị di dời chuyển đến nơi ở mới có các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng khác với nơi ở cũ sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của người dân, họ có thể sẽ phải từ bỏ hoặc thay đổi quy mô, tần suất của các hoạt động này so với trước đây.

- Mất các tài nguyên cộng đồng như môi trường sống tự nhiên, các điểm văn hóa, giáo dục: các hộ bị di dời đang sống yên ổn trong môi trường trong lành với các điều kiện sống trung bình khá như đường dân sinh, điện, nguồn nước sạch. Việc di dời đến nơi ở mới có thể không phù hợp với người dân (di chuyển lên chung cư, di chuyển

đến các khu tái định cư ở xa các tiện ích cộng đồng, các dịch vụ công (như trường học, trạm xá...) có thể ảnh hưởng tới việc đi lại, sinh hoạt của người dân, đặc biệt là người già, người khuyết tật, trẻ em. Mặt khác, dù nơi ở mới có trường học thì các phụ huynh thường vẫn phải đi xa đến học tại trường cũ để tránh các bất lợi cho trẻ khi phải chuyển trường, chuyển lớp.

- Ảnh hưởng lớn nhất là giá đất được bồi thường không sát với giá thị trường làm mất cân bằng nguồn lực tài chính của các hộ bị di dời, họ sẽ không đủ tài chính để mua đất nơi ở mới, làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng cho dự án. Đối với các Dự án giao thông, bản thân dự án đã góp phần làm tăng giá đất khu vực Dự án nên việc tìm mua được đất với số tiền được đền bù càng khó khăn đối với các hộ dân.

○ Kết quả phỏng vấn một số hộ bị ảnh hưởng cũng cho thấy các hộ nếu bị di dời, ngoài mong muốn đền bù thỏa đáng, họ đều mong muốn được tái định cư ngay tại địa phương.

○ Do quỹ đất dự phòng tại địa phương còn khá rộng nên nếu các hộ dân có nhu cầu sẽ được Ban đền bù GPMB bố trí tái định cư tập trung tại địa phương sau khi được đền bù thỏa đáng và đối trừ với chi phí đền bù được nhận.

Mức độ tác động: Lớn, dài hạn, điểm và không thể tự đảo ngược

b.2. Thiệt hại kinh tế do chiếm dụng đất nông nghiệp

Trên phần diện tích thu hồi đất nông nghiệp của 165 hộ dân. Theo như điều tra và tham vấn cộng đồng dân cư, chủ yếu các hộ gia đình có các thành viên đều là công nhân viên; hoạt động sản xuất nông nghiệp không phải chiếm phần trăm lớn đến sinh kế của gia đình. Theo như Bảng 3. 6: Thiệt hại do chiếm dụng vĩnh viễn đất sản xuất nông nghiệp, số tiền mất đi hàng năm do thu hồi vĩnh viễn đất nông nghiệp là 436.265.900 đồng. Do ngoài thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, thu nhập từ việc làm công nhân cho các nhà máy xí nghiệp, công sở trên địa bàn cũng chiếm tỉ lệ cao trong tất cả các nguồn thu nhập của các hộ gia đình; thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đến 9.000.000/người/ tháng nên đối với trường hợp Dự án, mức độ tác động sẽ không lớn như đối với các hộ thuần nông.

Tuy nhiên, việc chiếm dụng đất nông nghiệp sẽ gây ra những thiệt hại kinh tế:

- Ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, kinh tế của hộ dân bị chiếm dụng đất.
- Ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống: Do đất canh tác, hoạt động sản xuất nông nghiệp là nguồn thu nhập chính của các hộ dân. Việc không có đất canh tác sẽ dẫn đến nguồn thu nhập không đảm bảo, chất lượng cuộc sống của người dân bị giảm sút, nguồn chi phí chi tiêu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày như ăn uống, học hành, khám chữa bệnh của con em các hộ gia đình có thể bị ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực.
- Phát sinh tệ nạn xã hội, mất trật tự an ninh do người dân mất đất chưa có việc làm ổn định, ảnh hưởng xấu đến người dân xung quanh khu vực dự án.
- Thu hẹp diện tích canh tác dẫn đến giảm thu nhập kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống người dân.
- Do mất một phần đất canh tác, khó tìm được nơi có các điều kiện tương tự.
- Gặp khó khăn do phải chuyển đổi việc làm từ sản xuất nông nghiệp sang các loại hình công việc khác do một bộ phận lớn người dân chỉ quen với việc làm nông

ngiệp ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân. Không có việc làm mới dẫn đến thu nhập không ổn định.

- Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án làm thay đổi mục đích sử dụng đất của khu vực và phá vỡ cân bằng hệ sinh thái nông nghiệp.

- Công tác xây dựng kế hoạch đền bù và GPMB nếu không xem xét đến khả năng chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tìm nghề nghiệp mới của các hộ dân bị mất đất thì sẽ làm gia tăng khả năng thất nghiệp.

- Nếu công tác đền bù không nhanh và thỏa đáng sẽ làm xáo trộn cuộc sống của các hộ dân, gây các hiện tượng như biểu tình, chống đối, phá hoại, gây mất trật tự an ninh khu vực, ảnh hưởng đến tiến độ thi công của dự án.

Bảng 3. 6: Thiệt hại do chiếm dụng vĩnh viễn đất sản xuất nông nghiệp

Loại đất	Diện tích (ha) (làm tròn)	Năng suất (*) (tạ/ha)	Thiệt hại sản lượng (tạ/năm)	Thiệt hại kinh tế (**) (đồng/năm)
Đất trồng trọt	10,37	60,1	623,237	436.265.900

Ghi chú:

(*) Báo cáo kinh tế xã hội năm 2024 của các xã đã trình bày tại chương 2.

(**) Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2021, giá lúa khoảng 6.000-7.000đ/kg.

Như vậy, bên cạnh số tiền mất đi hàng năm do thu hồi vĩnh viễn đất nông nghiệp là 436.265.900 đồng.

Do ngoài thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, thu nhập từ việc làm công nhân cho các nhà máy xí nghiệp, công sở trên địa bàn cũng chiếm tỉ lệ cao trong tất cả các nguồn thu nhập của các hộ gia đình; thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đến 9.000.000/người/ tháng nên đối với trường hợp Dự án, mức độ tác động sẽ không lớn như đối với các hộ thuần nông.

Mức độ tác động: Trung bình, dài hạn, điểm và không thể tự đảo ngược

b.3. Ảnh hưởng đến tâm linh thân nhân các ngôi mộ

Dự án sẽ di dời 318 ngôi mộ xây nằm tập trung tại khu vực nghĩa trang của xã Uy Nỗ. Đây là các ngôi mộ đã được cải táng mà thân nhân của họ là những người dân sống gần đó. Qua tham khảo từ các dự án khác, ước tính lượng chất thải phát sinh từ quá trình bốc mộ chiếm khoảng 50% - 80%, tương ứng với khoảng 12 – 20 kg/mộ tùy theo tuổi các ngôi mộ. Như vậy, tổng khối lượng chất thải phát sinh từ quá trình bốc mộ khoảng $3,8 \div 6,4$ tấn chất thải. Nếu chất thải này không được thu gom, quản lý và xử lý thích hợp thì sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước và ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Thân nhân của các ngôi mộ di dời là những người đang sinh sống ngay trên địa bàn các thôn, xã Dự án đi qua. Đối với gia đình người Việt Nam, do các yếu tố tâm linh và tập quán, việc di chuyển mồ mả thường phức tạp và tốn kém. Chi phí cho việc di dời không chỉ đơn thuần là chi phí cho việc bốc mộ và xây mộ mới, mà còn phải chi phí cho việc cúng lễ, chờ đợi “ngày lành tháng tốt”. Việc bồi thường, hỗ trợ di dời các ngôi mộ này nếu không có biện pháp thực hiện phù hợp thì ngoài những ảnh hưởng tới tâm lý

của gia đình các thân nhân còn gây ra những mâu thuẫn giữa người bị ảnh hưởng với các bên thực hiện dự án, có thể làm kéo dài thời gian giải phóng mặt bằng.

Mức độ tác động: Lớn, dài hạn, điểm và không thể tự đảo ngược

b.4. Giảm đoạn các hoạt động sinh hoạt và sản xuất do di dời/chiếm dụng cơ sở hạ tầng

Việc di dời/chiếm dụng các cơ sở hạ tầng đang phục vụ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của người dân trong xã sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày của người dân.

*** Tác động do chiếm dụng đất đường giao thông:**

Dự án triển khai sẽ chiếm dụng giao cắt với đường dân sinh hiện trạng (đường Quốc lộ 3, đường Cô Loa, đường Đào Duy Tùng, đường Cao Lỗ) đang phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. Việc chiếm dụng đất giao thông gây tác động như sau:

- Gây khó khăn cho việc di chuyển của người dân, dễ xảy ra va chạm với các phương tiện ngược chiều, dẫn đến gia tăng tai nạn giao thông.
- Hạn chế việc đi lại của người dân trong khu vực sử dụng tuyến đường lưu thông.
- Va chạm với các phương tiện máy móc tập kết tại khu vực công trường phục vụ thi công Dự án, gây ảnh hưởng đến người và phương tiện lưu thông.
- Gây ách tắc giao thông cục bộ, tăng tỷ lệ tai nạn giao thông tại các tuyến đường lân cận.
- Tăng thời gian và chi phí cho việc đi lại của người tham gia giao thông do phải thay đổi phương án di chuyển.
- Nếu không có phương án thi công hợp lý sẽ ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân khu vực Dự án và lân cận.
- + Phạm vi tác động: Phạm vi tuyến đường đoạn bị chiếm dụng và lân cận.
- + Thời gian tác động: trong thời gian thực hiện thi công tuyến đường.

*** Tác động do hoạt động phá dỡ kênh, mương hiện trạng:**

Trong khu vực Dự án các đoạn kênh đó là Kênh Đài Bi và Kênh Đ11 và các mương nội đồng. Theo hiện trạng các kênh này đều không nằm trong khu vực đường chính đi lại và cũng không gần khu vực các hộ dân sinh sống nên hoạt động phá dỡ kênh, mương không ảnh hưởng nhiều đến việc đi lại của người dân hay làm ùn tắc giao thông.

Tuy nhiên, việc chiếm dụng đất mương gây ra các tác động như sau:

- Làm thay đổi dòng chảy bề mặt: Tại khu vực thi công dự án, toàn bộ nước mưa của khu vực dự án được tiêu thoát, tự chảy theo địa hình tự nhiên thoát vào mương tưới hiện trạng. Tuy nhiên, khi các mương này bị phá vỡ, dòng chảy bề mặt sẽ bị thay đổi và không tuân theo dòng chảy theo hiện trạng, việc này có thể gây ra ngập úng cục bộ đối với các khu vực xung quanh. Giảm khả năng tiêu thoát nước và tự điều tiết dòng chảy tự nhiên trên , gây ngập úng khu vực xung quanh.
- Tác động đến hoạt động canh tác nông nghiệp: phá dỡ các đoạn mương này ảnh hưởng đến khả năng cấp nước cho khu vực.

- Tác động do nạo vét mương: Hoạt động nạo vét các tuyến mương thoát nước trong khu vực dự án có thể phát sinh một số tác động tiêu cực tới môi trường và đời sống dân cư xung quanh nếu không được quản lý và tổ chức thi công hợp lý. Cụ thể, quá trình nạo vét có thể gây mùi hôi khó chịu do bùn lắng lâu ngày phân hủy kỵ khí, đặc biệt tại các đoạn mương gần khu dân cư hoặc khu vực có chứa nước thải sinh hoạt, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt người dân. Ngoài ra, bùn nạo vét có thể lẫn chất thải rắn như rác sinh hoạt, nilon, vật liệu xây dựng... gây khó khăn cho công tác phân loại, vận chuyển và xử lý nếu không được thu gom kịp thời.

*** Tác động rủi ro, sự cố do quá trình tháo dỡ tuyến đường dây điện:**

Khu vực dự án sẽ di dời một số tuyến đường dây điện trung hạ thế. Trong quá trình triển khai, Đại diện Chủ đầu tư kết hợp với đơn vị quản lý của địa phương để tháo dỡ các hạng mục nêu trên phục vụ thi công. Việc tháo dỡ gây ra một số tác động như sau:

Bảng 3. 7: Các rủi ro, sự cố do quá trình tháo dỡ tuyến đường dây điện

STT	Loại rủi ro/sự cố	Tác động cụ thể
1	<i>Đối với dân cư sinh sống gần khu vực thi công</i>	
-	Nguy cơ điện giật	Dây điện bị rò rỉ, đứt, hoặc bị va chạm trong lúc tháo dỡ nếu không cô lập an toàn
-	Gián đoạn sinh hoạt	Mất điện cục bộ trong quá trình di dời, ảnh hưởng đến sinh hoạt (thắp sáng, nấu ăn, thiết bị...)
-	Ô nhiễm tiếng ồn, bụi thi công	Phá dỡ, đào đất hạ ngầm gây tiếng ồn lớn, bụi ảnh hưởng sức khỏe và chất lượng không khí
-	Cản trở giao thông, đi lại	Thi công chiếm lòng đường, vỉa hè ảnh hưởng đi lại, nhất là đối tượng trẻ em, người già
2	<i>Đối với công nhân thi công</i>	
-	Điện giật, cháy nổ	Xử lý đường dây điện đang còn điện hoặc chạm vào thiết bị còn dòng điện
-	Tai nạn do làm việc trên cao	Di dời cột điện trên cao có thể ngã, rơi thiết bị, trượt ngã nếu không có biện pháp bảo hộ hợp lý
-	Tai nạn máy móc thi công	Vận hành máy xúc, máy khoan hạ ngầm, có nguy cơ va chạm hoặc bị kẹp

*** Đánh giá khả năng tác động gây mất điện, mất nước, mất đường truyền thông tại khu vực trong giai đoạn chuẩn bị dự án**

Bảng 3. 8: Đánh giá khả năng tác động gây mất điện, mất nước, mất đường truyền thông

STT	Nguồn nguy cơ	Tác động cụ thể
1	<i>Nguy cơ gây mất điện</i>	
-	Thi công va chạm hoặc làm đứt dây điện trên không, cáp ngầm	Mất điện cục bộ hoặc diện rộng trong khu vực, ảnh hưởng đến đời sống dân cư, hoạt động kinh doanh, học tập
-	Máy móc (cẩu, phá dỡ, cắt hàn) hoạt động gần lưới điện không có rào chắn an toàn	Nguy cơ chập điện, cháy nổ, tai nạn lao động hoặc lan sang công trình lân cận
-	Không đồng bộ giữa đơn vị thi công và ngành điện lực	Ngừng cấp điện đột ngột, quá tải cục bộ do sơ đồ cấp điện thay đổi

STT	Nguồn nguy cơ	Tác động cụ thể
2	<i>Nguy cơ gây mất nước</i>	
-	Gãy vỡ ống nước ngầm do thi công đào móng, đập nền bê tông	Mất nước sinh hoạt cục bộ, ảnh hưởng đến sinh hoạt, vệ sinh cá nhân, nấu nướng, gây bức xúc người dân
-	Bùn đất rơi vào hố van, miệng cống nước	Tắc nghẽn cục bộ, phải cắt nước để khắc phục
-	Không xác định được vị trí tuyến ống cấp nước trước khi thi công	Tăng nguy cơ sự cố bất ngờ, mất kiểm soát xử lý tại hiện trường
3	<i>Nguy cơ gây mất đường truyền thông (internet, điện thoại)</i>	
-	Cắt đứt cáp viễn thông treo trên cột hoặc chôn ngầm	Mất kết nối mạng internet, điện thoại bàn; ảnh hưởng nghiêm trọng đến làm việc từ xa, học online, kinh doanh online
-	Sự cố xảy ra nhưng không được thông báo kịp thời tới nhà mạng	Thời gian gián đoạn kéo dài, gây bức xúc trong cộng đồng dân cư

*** Tác động của việc di dời đường ống xăng dầu đã chiến**

Hiện tại, tuyến ống xăng dầu đã chiến do Kho 190 quản lý có nằm trong dự án tại 01 vị trí, Kho 190 phối hợp Ban QLDA ĐTXD xã Phúc Thịnh thu hồi toàn bộ tuyến ống qua vị trí giao cắt nói trên. Toàn bộ sẽ được thu hồi hoàn trả về Kho 190.

Tuyến cống vượt đường tại vị trí giao cắt với đường ống đã chiến được thiết kế là cống hộp BTCT BxH=2x2m, chiều dài hoàn trả khoảng 20m, đảm bảo phù hợp với bề rộng nền đường và hành lang kỹ thuật. Cống được đặt âm so với nền đường hiện hữu, với chiều sâu đỉnh cống cách mặt đường khoảng 1,8m. Kết cấu nền đắp và lớp phủ mặt đường trên cống được xử lý đảm bảo ổn định tải trọng và tuổi thọ công trình.

Bản chất của tuyến là xăng dầu không đi qua thường xuyên nên sự tồn dư xăng dầu bên trong ống là không đáng kể.

Trong quá trình di dời đường ống xăng dầu đã chiến, mặc dù đường ống không chứa dầu, vẫn tiềm ẩn một số sự cố môi trường và an toàn lao động có thể phát sinh. Cụ thể, nguy cơ sập hố đào hoặc va chạm cơ giới trong quá trình thi công bóc tách và nâng hạ thiết bị có thể ảnh hưởng đến an toàn công nhân. Nếu một số đoạn ống còn tồn lưu dầu cặn hoặc hơi dầu nhẹ, có thể phát sinh nguy cơ cháy nổ cục bộ, đặc biệt khi thi công trong điều kiện nhiệt độ cao hoặc gần nguồn phát lửa. Ngoài ra, sự cố rơi vãi vật liệu, hoặc hư hỏng đường ống trong quá trình vận chuyển cũng có thể làm phát tán chất ô nhiễm thứ cấp ra môi trường đất và nước xung quanh.

Mức độ tác động: Trung bình, ngắn hạn, điểm và không thể tự đảo ngược

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn GPMB

3.1.2.1. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất đối với nguồn tác động liên quan đến chất thải

(1). Biện pháp giảm thiểu tác động của hoạt động dọn dẹp mặt bằng

- Chỉ tiến hành phát quang thực vật trong phần diện tích Dự án.

- Bố trí người chịu trách nhiệm thu gom rác thải vào nơi quy định. Lượng sinh khối phát sinh từ quá trình phát quang tạo mặt bằng sẽ được đại diện chủ đầu tư thuê đơn vị vệ sinh môi trường xã Phúc Thịnh vận chuyển, xử lý.

- Thông báo cho các hộ dân bị chiếm dụng đất có kế hoạch tận thu cây trồng trên đất để giảm thiểu tối đa lượng sinh khối phát sinh.

- CTR phá dỡ để gọn gàng, tập kết tại vị trí tránh xa mương thủy lợi hiện trạng.

Vị trí tập kết khối lượng CTR: tại các vị trí giao cắt với đường hiện trạng, đất trống, thuận tiện việc vận chuyển đi đổ thải.

+ Đánh giá tính khả thi: tính khả thi cao

+ Không gian áp dụng: toàn bộ diện tích của Dự án

+ Thời gian áp dụng: toàn bộ thời gian GPMB Dự án

+ Hiệu quả áp dụng: hiệu quả cao.

(2). Biện pháp giảm thiểu tác động của hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng

Để giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường trong quá trình phá dỡ công trình hiện trạng, các biện pháp giảm thiểu trong quá trình này được thực hiện như sau:

- Trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV thực hiện phá dỡ, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe công nhân.

- Khối lượng gạch, bê tông phá vỡ, bùn nạo vét từ kênh mương, ... được vận chuyển ngay trong ngày phát sinh đến vị trí bãi thải đã được thỏa thuận là bãi đổ thải Nguyên Khê.

(Theo Hợp đồng nguyên tắc số 2812.24/HĐNT/ĐT-TLHN ngày 28/12/2024 giữa Ban Quản lý đầu tư xây dựng xã Phúc Thịnh và Công ty Cổ phần Đông Thành Hà Nội).

- Các phế liệu như tôn, nhôm, khung thép sẽ được bán cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Trước khi phá dỡ, ngắt kết nối các điểm xả thải, bịt kín các miệng ống dẫn thải cũ. Hút hết nước thải và bùn trong bể tự hoại trước khi phá dỡ. Ký hợp đồng đối với đơn vị có chức năng đến hút bể phốt và thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này.

- Khi phá dỡ công trình đường, mương xây sẽ phun nước tưới ẩm để giảm lượng bụi phát tán ra xung quanh.

Các xe vận chuyển CTR phát sinh ra khỏi dự án được che chắn cẩn thận, có quy định thời gian và tốc độ di chuyển của các xe vận chuyển.

Thông báo với toàn bộ người dân trong dự án để người dân có kế hoạch di dời.

- Thực hiện theo đúng tiến độ GPMB.

+ Đánh giá tính khả thi: Tính khả thi cao

+ Thời gian áp dụng: Trong thời gian GPMB Dự án

+ Hiệu quả áp dụng: Hiệu quả cao.

3.1.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất đối với nguồn tác động không liên quan đến chất thải

(1). Rà phá bom mìn tồn lưu trong lòng đất

Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Phúc Thịnh

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp Môi trường Enpro

Để giảm thiểu tối đa các thiệt hại về người và tài sản của nhân dân trong vùng dự án, Đại diện Chủ đầu tư sẽ thực hiện công tác rà phá bom mìn theo các quy định hiện hành của pháp luật. Hợp đồng với đơn vị có chức năng triển khai thực hiện công tác rà phá bom mìn tồn lưu trong lòng đất tại khu vực dự án.

Các biện pháp giảm thiểu trên sẽ được đại diện chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu thi công san nền thực hiện nghiêm túc và tuân thủ theo quy định.

(2). Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất

a/ Thực hiện đầy đủ quy trình; Công khai minh bạch trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB

- Công khai quy hoạch: Sau khi quy hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt, UBND xã Phúc Thịnh tổ chức hội nghị công bố quy hoạch với sự tham gia của đối tượng bị thu hồi đất; niêm yết công khai quy hoạch tại UBND xã; thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Sau khi cấp thẩm quyền có văn bản thông báo thu hồi đất, UBND huyện tổ chức hội nghị công khai thông báo thu hồi đất và chính sách bồi thường hỗ trợ, có sự tham gia của các đối tượng có đất bị thu hồi; niêm yết thông báo thu hồi đất tại trụ sở UBND xã và điểm sinh hoạt cộng đồng khu dân cư;

- Thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ và Tổ công tác kiểm kê. Thành phần tham gia Hội đồng và Tổ kiểm kê gồm lãnh đạo; đại diện một số phòng, ban, đơn vị của Huyện; UBND, công chức địa chính xã; trưởng thôn; đại diện người dân có đất bị thu hồi và đại diện Chủ dự án;

- Triển khai kiểm kê đất đai, vật kiến trúc;
- Xác minh nguồn gốc đất;
- Niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ bằng nhiều hình thức: gửi tới từng hộ dân; niêm yết tại trụ sở UBND xã và tại điểm sinh hoạt khu dân cư;
- Giải quyết kiến nghị;
- Phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ;
- Chi trả tiền bồi thường hỗ trợ.

b. Bồi thường đầy đủ theo các quy định của Nhà nước

Để giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống người dân, dự án sẽ hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ bồi thường về đất, vật kiến trúc; phương án đền bù, giải phóng mặt bằng căn cứ Luật Đất đai 2023, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định 45/2014/NĐ-CP và các văn bản quy định của thành phố Hà Nội như sau:

Đối với các hộ:

- + Bồi thường về đất với mức đơn giá căn cứ theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội;

- + Bồi thường về vật kiến trúc với đơn giá tuân thủ theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội; Thông báo số 7896/TB-STC ngày 29/12/2023 của Sở Tài chính.

(3). Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất giao thông, di dời, thu hồi hạ tầng kỹ thuật

Với mục đích ngăn ngừa tác động không đáng có, giảm thiểu xáo trộn các hoạt động do chiếm dụng cơ sở hạ tầng, Dự án cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình thiết kế: Việc di dời các hệ thống cơ sở hạ tầng (cột điện, dây cáp, đường ống cấp nước) sẽ được thực hiện và đầu nối hoàn trả đảm bảo phục vụ sinh hoạt của người dân.

- Thông báo tới chính quyền địa phương, đơn vị Điện lực, đơn vị quản lý đường ống nước sạch về kế hoạch, tiến độ và phương án thực hiện. Phối hợp với các đơn vị quản lý thực hiện các hạng mục trên.

- Thực hiện hoàn trả toàn bộ hạ tầng kỹ thuật bố trí đặt trong hào cáp theo đúng thiết kế được trình bày tại Mục 1.5, Chương 1.

*) Đối với hạng mục tiến hành di dời

- Thực hiện theo đúng phương án thi công đã đề ra

- Thông báo cắt điện, nước trước khi thực hiện

- Bố trí tạm hệ thống cột điện, dây cáp và đường ống cấp nước thay thế cho đoạn tuyến đi qua: tiến hành kéo dây tạm, lắp đường ống tạm,...

- Tiến hành thi công, lắp đặt và khớp nối đồng bộ với hiện trạng

- Đóng điện và đi vào vận hành.

*) Đối với hạng mục tiến hành thu hồi

- Thông báo tới chính quyền địa phương, phối hợp các đơn vị chuyên ngành có liên quan (điện, nước, thông tin) trong công tác thực hiện kiểm đếm, thu hồi hạ tầng kỹ thuật hiện trạng.

- Thực hiện thu hồi hệ thống đường điện, nước sau khi người dân di dời ra khỏi khu vực.

- Hệ thống đường điện, nước, dây điện thông tin cá nhân được các hộ dân tận dụng phục vụ cho nơi ở mới; một số hạng mục đường điện, nước, thông tin chung được thu hồi về kho tập kết của các đơn vị quản lý chuyên ngành của địa phương để tận dụng cho các mục đích khác trong khu vực địa phương.

- Thực hiện đúng theo thỏa thuận phương án hoàn trả đã được các đơn vị điện lực, đơn vị quản lý thủy lợi, đơn vị cấp nước chấp thuận.

(4). Biện pháp giảm thiểu tác động mất điện, mất nước, mất đường truyền thông tại khu vực:

Biện pháp	Chi tiết thực hiện
Khảo sát hạ tầng kỹ thuật hiện hữu	- Làm việc với đơn vị quản lý hạ tầng (Điện lực, Cấp nước, Viễn thông...) để thống nhất sơ đồ hiện trạng- Dùng thiết bị định vị tuyến ống/cáp ngầm nếu cần

Lập kế hoạch phối hợp đồng bộ	- Lập phương án cắt chuyển, đầu nối tạm thời các hệ thống kỹ thuật trước khi phá dỡ- Bố trí nhân sự trực 24/24 trong thời gian thi công
Thi công cẩn trọng – có giám sát chuyên ngành	- Có kỹ sư điện/nước/viễn thông giám sát khi đào gần hạ tầng kỹ thuật - Dùng phương tiện nhẹ, thủ công nếu gần vị trí nhạy cảm
Thông báo tới người dân	- Phát thông báo trước 3–5 ngày nếu có nguy cơ gián đoạn dịch vụ - Có đường dây nóng xử lý sự cố nhanh chóng
Bảo hiểm và bồi thường	- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với sự cố điện, nước, viễn thông do thi công gây ra - Cam kết hoàn trả, bồi thường hợp lý nếu xảy ra sự cố

(5). Biện pháp giảm thiểu tác động di dời các ngôi mộ trên đất:

Trong phạm vi chỉ giới đường đỏ có khoảng 318 mộ xây. Hiện trạng là các mộ xây đã được cải táng. Việc di dời các mồ mả có chủ khi Nhà nước thu hồi đất được quy định chi tiết tại Điều 15 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Đại diện chủ đầu tư sẽ làm việc với chính quyền địa phương tại xã Uy Nỗ thông báo tới thân nhân của các ngôi mộ để lên kế hoạch, cách thức di chuyển và thời gian cũng như hỗ trợ kinh phí. Tìm nghĩa trang thích hợp di dời mộ.

Chủ đầu tư cấm thẻ để người dân nhận mộ, tổ chức kiểm kê và tiến hành di dời mộ. Việc làm này được thống nhất giữa hai bên nhằm hạn chế thấp nhất sự ảnh hưởng đến tín ngưỡng và tâm linh.

Việc di dời mộ sẽ thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ (có thể di dời sang khu vực nghĩa trang khác hoặc bồi thường bằng tiền).

Đánh giá tính khả thi: các biện pháp đề xuất phù hợp, tính khả thi cao.

Không gian áp dụng: khu vực bị chiếm dụng đất bởi Dự án.

Thời gian áp dụng: thời gian CBMB.

(6). Biện pháp giảm thiểu tác động của việc di dời đường ống xăng dầu đã chôn

Ban QLDA ĐTXD xã Phúc Thịnh phối hợp với Kho 190 để thu hồi toàn bộ tuyến ống qua vị trí giao cắt nói trên. Đồng thời có biện pháp bố trí công vượt đường tại vị trí giao cắt để Kho 190 có thể thi công tuyến ống đã chôn vượt đường khi có tình huống xảy ra, thực hiện trên phạm vi dự án.

Bản chất của tuyến là xăng dầu không đi qua thường xuyên nên sự tồn dư xăng dầu bên trong ống là không đáng kể. Tuy nhiên, trong quá trình di dời đường ống xăng dầu đã chôn, mặc dù đường ống không chứa dầu, vẫn tiềm ẩn một số sự cố môi trường và an toàn lao động có thể phát sinh. Như vậy, các biện pháp giảm thiểu tác động như sau:

- Thiết lập phương án ứng phó sự cố, đảm bảo có thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút dầu, biển cảnh báo, và nhân sự đã được huấn luyện nghiệp vụ an toàn, môi trường tại hiện trường;

- Xác định rõ tuyến ống, độ sâu chôn ống, đặc điểm địa hình để chủ động kiểm soát rủi ro sạt lở hoặc va chạm cơ giới;

- Bố trí hệ thống rào chắn, biển cảnh báo khu vực nguy hiểm xung quanh phạm vi thi công;

- Thực hiện hút kiểm tra hơi dầu còn tồn dư (nếu có) bằng thiết bị đo chuyên dụng trước khi cắt, tháo ống.

- Đóng bịt hai đầu ống để tránh bụi, nước mưa, tạp chất xâm nhập. Ống được vận chuyển về kho lưu trữ.

- Vị trí đường ống dẫn dầu cắt qua đường đã dự kiến bố trí Tuynel kỹ thuật BxH=2x2m thuộc phạm vi dự án để quá trình triển khai dự án thì Kho 190 sẽ dịch chuyển vào tuynel này.

Cụ thể như sau:

Nhóm biện pháp	Biện pháp cụ thể
Trước khi phá dỡ	- Lập phương án di dời an toàn được phê duyệt bởi các đơn vị liên quan (Kho 190, Ban QLDA; - Niêm phong đầu ống bằng van chặn hoặc nút kín trước khi cắt tháo
Trong quá trình tháo dỡ	- Lót bạt HDPE hoặc khay chứa bên dưới khu vực cắt ống để hứng cặn dầu/dầu tồn nếu rò rỉ; - Giám sát chặt chẽ bởi cán bộ kỹ thuật và môi trường; dừng ngay nếu có dấu hiệu tràn rò
Xử lý dầu/cặn phát sinh	- Thu gom dầu/cặn dầu vào thùng chứa chuyên dụng có dán nhãn "chất thải nguy hại"; - Bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định; - Không đổ dầu, cặn dầu, rác thải nhiễm dầu ra đất, cống rãnh hoặc khu vực trống.
Sau phá dỡ	- Dọn dẹp sạch bãi thi công, quét dọn, xử lý khăn lau nhiễm dầu và vật liệu thấm dầu theo quy định về chất thải nguy hại; - Kiểm tra và khôi phục mặt bằng, không để tồn lưu dầu, mùi hoặc dấu vết rò rỉ.

3.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Các tác động môi trường từ các hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng được nhận dạng thông qua: xem xét các hoạt động của Dự án tác động đến hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực thực hiện Dự án.

Trong giai đoạn thi công xây dựng, san nền, thi công hệ thống hạ tầng cơ sở, hệ thống hạ tầng kiến trúc, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, ... Các hoạt động này đều phát sinh ra các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

Các tác động theo công trường thi công liên quan đến khối lượng và biện pháp thi công đặc thù (đường, cầu, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên tuyến) sẽ sát với thực tế thi công.

Các tác động được sàng lọc và phân loại nguồn gây tác động cụ thể được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3. 9: Bảng nhận diện và phân loại nguồn tác động, quy mô tác động môi trường trong giai đoạn thi công dự án

TT	Nguồn tác động	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động		Quy mô tác động		
			Môi trường	Xã hội	Không gian	Thời gian	Mức độ
1	Bóc tách tầng đất mặt	Đất tái sử dụng trồng cây xanh	- Môi trường không khí; - Môi trường nước; Môi trường đất	Sức khỏe của 50 công nhân thi công và xung quanh			Nhỏ
2	San nền	- Chất thải rắn; - Bụi, khí thải; - Nước thải sinh hoạt	- Môi trường không khí; - Môi trường nước; - Môi trường đất	Sức khỏe của 50 công nhân thi công và xung quanh	Quanh vị trí có hoạt động phát quang, phá dỡ bán kính 30-50m	Trong thời gian diễn ra hoạt động phát quang, phá dỡ	Nhỏ
3	Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị	- Bụi, khí thải	Môi trường không khí	Sức khỏe của 50 công nhân thi công và xung quanh	Tại khu vực thi công quanh bán kính 30m	Trong thời gian diễn ra hoạt động thi công	Trung bình
4	Thi công các hạng mục công trình của dự án	- Bụi, khí thải; - Nước thải sinh hoạt; - Nước thải thi công; - Chất thải rắn sinh hoạt; - Chất thải rắn xây dựng; - Chất thải nguy hại	- Môi trường không khí; - Môi trường nước; - Môi trường đất	Sức khỏe của 50 công nhân thi công và xung quanh	Tại khu vực thi công quanh bán kính 30m	Trong thời gian diễn ra hoạt động thi công	Trung bình

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn thi công xây dựng có liên quan đến chất thải

3.2.1.1.1. Đối với bụi và khí thải

a. Nguồn gây tác động

Nguồn phát thải bụi và khí thải chủ yếu trong giai đoạn này bao gồm:

- Hoạt động đào đắp (đào lớp đất màu, đào móng công trình), san lấp mặt bằng và thi công công trình của dự án;
- Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng và đổ thải trong quá trình thi công xây dựng;
- Hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công;
- Hoạt động của quá trình hàn.
- Khí thải phát sinh do quá trình sơn.
- Tác động từ kho bãi thi công.

b. Đối tượng, phạm vi bị tác động

- Đối tượng bị tác động: Chất lượng môi trường không khí, sức khỏe con người.
- Quy mô tác động: Khu vực dự án.

c. Thành phần, tải lượng phát sinh và đánh giá tác động đến môi trường

❖ **Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng và đổ thải của dự án**

Sau khi hoàn thiện giải phóng mặt bằng, hoạt động đào đắp, chuẩn bị công trường và san lấp mặt bằng được thực hiện khác nhau phụ thuộc hiện trạng mặt bằng và quy mô công trình. Dự án có 01 công trường, chia làm 02 tổ đội thi công thực hiện dự án.

Thành phần: Phát sinh bụi.

Tải lượng và đánh giá tác động:

1/ Quá trình bóc lớp đất màu bề mặt

- Sau khi dọn dẹp mặt bằng sẽ tiến hành bóc lớp đất bề mặt trên phần diện tích đất lúa, hoạt động này được thực hiện vào mùa khô. Ta tính toán bụi phát sinh khi bóc bề mặt khu đất ruộng với tổng diện tích 10,37 ha. Hệ số phát thải bụi là 0,1-1 g/m³ (Nguồn: WHO, Tài liệu đánh giá nhanh, 2003).

Theo tính toán tại Bảng 1.9: Tổng hợp khối lượng phá dỡ, đất đào đắp phục vụ thi công dự án, khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt khu đất ruộng lúa là $107.300 \times 0,2 = 20.740 \text{ m}^3$ (chiều sâu bóc lớp hữu cơ 0,2m). Vậy lượng bụi phát sinh lớn nhất là: $20.740 \times 1 = 20.740 \text{ g} \approx 21 \text{ kg}$, tương đương 1,4 kg/ngày (thực hiện bóc hữu cơ khoảng 15 ngày).

- Phương án nạo vét lớp đất bóc bề mặt: tiến hành nạo vét theo từng khu vực của tuyến đường và theo hình thức cuốn chiếu.

Căn cứ vào lượng bụi tính toán cho thấy, lượng bụi phát sinh không nhiều và chủ yếu phát tán trong phạm vi hẹp (do là lớp bóc bề mặt khu vực ruộng lúa nên có độ ẩm nhất định), chủ yếu tác động đến CBCNV trực tiếp thi công.

2/ Hoạt động đào đắp công trình

Hoạt động đào đắp công trình bao gồm như hoạt động đào móng các hạng mục công trình, hoạt động đắp đất, đắp cát bề mặt đường thi công.

Bảng 3. 10: Khối lượng đào đắp các hạng mục thi công

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	Khối lượng đào đắp các hạng mục	m³	578.781,78	
1	Khối lượng bóc hữu cơ	m ³	20.740	Diện tích đất lúa khoảng 10,37ha; chiều sâu bóc khoảng 0,2m Tận dụng để trồng cây xanh tại dự án.
2	Khối lượng đất đào	m ³	176.138,27	
2.1	Đất đào nền	m ³	23.446,02	Tận dụng đắp
2.2	Đào hồ móng	m ³	57.701,5	Tận dụng đắp
2.3	Đào rãnh	m ³	1.751,9	Tận dụng đắp
2.4	Đào thoát nước dọc	m ³	41.804	Tận dụng đắp
2.5	Đào móng cầu Hoàng Giang	m ³	15,91	Tận dụng đắp
2.6	Đào móng cầu vượt đường sắt	m ³	5,5	Tận dụng đắp
2.7	Đào đất không thích hợp	m ³	51.413,44	Đổ thải
3	Khối lượng đắp	m ³	381.904	
3.1	Đắp cát nền đường	m ³	188.533	
3.2	Đắp trả thoát nước dọc	m ³	22.886	
3.3	Đắp nền cầu vượt đường sắt	m ³	45.760,51	
3.4	Đất đắp tận dụng	m ³	124.724	Tận dụng đất đào để đắp nền đường.
II	Đất trồng cây xanh	m³	20.740	Được tái sử dụng
III	Khối lượng đổ thải	m³	51.413,44	Đổ thải tại bãi đổ thải Nguyên Khê.

(Nguồn: Tổng mức dự toán hạng mục công trình của dự án)

Như vậy:

- Khối lượng đào đắp là: 578.781,78 m³, tương đương khoảng 752.416,31 tấn.
- Khối lượng đổ thải là: 51.413,44 m³, tương đương khoảng 66.837,47 tấn.
- Hệ số phát thải bụi của tổ chức Y tế Thế giới WHO:

Bảng 3. 11: Hệ số phát bụi từ hoạt động thi công

ST T	Nguồn gây ô nhiễm	Hệ số phát thải
1	Bụi do quá trình đào đất, đắp nền mặt bằng bị gió cuốn lên (bụi, cát)	1-100g/m ³
2	Bụi do quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng (đất, đá, cát...)	0,1-1g/m ³
3	Vận chuyển cát, đất làm rơi vãi phát sinh bụi	0,1-1g/m ³

Xác định tải lượng bụi phát sinh do hoạt động đào đắp, phá dỡ công trình: Mỗi ngày làm việc 2 ca, mỗi ca 8 giờ), tính được tải lượng bụi trên một mét dài và trong 1 giây. Tổng thời gian phá dỡ, đào đắp công trình ước tính là 6 tháng.

Bảng 3. 12: Tổng lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, phá dỡ (kg)

Hạng mục	Bụi do đào, đắp đất nền		Bụi do bốc dỡ		Bụi do vận chuyển		Tổng hợp	
	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max
Năm 2025-2026								
Dự án	752,4	75.241,6	75,2	752,4	75,2	752,4	902,9	76.746,5

Bảng 3. 13: Nồng độ bụi phát sinh do đào, đắp, xúc bốc, vận chuyển

Hạng mục	mg/s	mg/m ³	QCVN 05:2023/BTNMT
Năm 2025-2026			
Dự án	7.402,24	0,004	0,3

Ghi chú:

Tải lượng (kg/ngày) = Tổng tải lượng bụi (kg) / Số ngày thi công (ngày)

Hệ số phát thải bụi bề mặt (g/m²/ngày) = Tải lượng (kg/ngày x 10³ / Diện tích (m²)),

Nồng độ bụi trung bình (mg/m³) = Tải lượng (kg/ngày) x 10⁶/24/V (m³), Thể tích tác động trên mặt bằng dự án V = SxH (tính trên diện tích đất công trình) và H = 10 m (vì lấy chiều cao đo các thông số khí tượng là 10m).

[Nguồn: Giáo trình ô nhiễm môi trường không khí- Phạm Ngọc Đăng]

Như vậy so với QCVN 05:2023/BTNMT nồng độ bụi trung bình trong quá trình phá dỡ, đào đắp thấp hơn nhiều lần.

Nhân xét: Kết quả so với QCVN 05:2023/BTNMT nồng độ bụi trung bình trong quá trình san nền, đào đắp thấp hơn nhiều lần.

Nồng độ bụi này không gây ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân thi công và cây cối trong khu vực. Tuy nhiên, chủ dự án sẽ yêu cầu các Nhà thầu thực hiện các biện pháp BVMT để giảm tối đa lượng bụi phát sinh. Tác động này có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như phun nước tưới ẩm đất, xe được rửa sạch trước khi ra công trường, hay tưới ẩm các tuyến đường vận chuyển xung quanh khu vực dự án thường xuyên để giảm thiểu tác động.

- Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV thi công, khu dân cư gần tuyến đường.
- Không gian tác động: khu vực thi công, đào đắp dọc tuyến
- Thời gian tác động: Trong thời gian thi công đào đắp các hạng mục công trình.

Mức độ tác động: Nhỏ, ngắn hạn, địa phương và có thể tự đảo ngược

❖ **Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển phát sinh trong quá trình thi công công trình và hạ tầng kỹ thuật của dự án**

Theo Mục 1.3, Chương 1 thì khối lượng vật liệu được vận chuyển là:

- Khối lượng nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động thi công nền mặt đường và hệ thống HTKT của dự án: 321.633,5 tấn, sử dụng xe ô tô 16 tấn để vận chuyển.

- Khối lượng nguyên vật liệu cần dùng cho hoạt động xây 02 cầu của dự án là khoảng 22.942 tấn, sử dụng xe ô tô 10 tấn để vận chuyển

=> Tổng khối lượng nguyên vật liệu cần dùng là 344.575,5 tấn.

Diện tích thi công: 187.400 m².

Thi công khoảng 300 ngày (12 tháng).

1/ Bụi phát sinh từ nguyên vật liệu thi công

Nguyên, vật liệu sử dụng trong quá trình thi công xây dựng dự án được mua từ các nguồn cung cấp là các công ty liên doanh, các cơ sở nhà máy sản xuất sẵn có tại khu vực thành phố Hà Nội và các vùng lân cận, dự kiến khoảng 20km.

Từ số liệu trên ta tính toán ra được số liệu các bảng sau:

Bảng 3. 14: Nồng độ bụi phát sinh từ nguyên vật liệu thi công

Số ngày	Tải lượng (kg/ngày)	Hệ số phát thải bụi bề mặt (g/m ² /ngày)	Nồng độ bụi trung bình (mg/m ³)	QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m ³)
300	20,1	0,107	0,279	0,30

Như vậy, nồng độ bụi phát sinh từ nguyên vật liệu là nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Tuy nhiên, nguyên vật liệu được vận chuyển tập trung nên sẽ có thời điểm nồng độ bụi phát sinh cao, do đó phải có biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng từ các chất ô nhiễm đến các đối tượng xung quanh.

2/ Bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công

Bảng 3. 15: Số lượng xe vận chuyển trong giai đoạn thi công

STT	Khối lượng cần vận chuyển (tấn)	Số lượng xe vận chuyển	Lưu lượng (lượt xe)	Lưu lượng (xe/ngày)	Lưu lượng (lượt xe/h)
1	321.633,5	20.102,1	40.204,2	134,0	17
2	22.942	2.294,2	4.588,4	15,3	2

Ghi chú:

(1): Vận chuyển bằng xe 16 tấn

(2): Vận chuyển bằng xe 10 tấn

+ Số lượt xe vận chuyển trên ngày đã bao gồm cả lượt xe không tải.

+ Số lượt xe vận chuyển được làm tròn lên đơn vị đơn nguyên gần nhất.

Bảng 3. 16: Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải

Chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm theo tải trọng xe (kg/1000km)			
	Tải trọng xe < 3,5 tấn	Tải trọng xe 3,5-16 tấn		

	Trong Tp	Ngoài Tp	Cao tốc	Trong Tp	Ngoài Tp	Cao tốc	Xe ô tô con & xe khách	Mô tô và xe máy
Bụi	0,2	0,15	0,3	0,9	0,9	0,9	0,07	0,08
SO ₂	1,16 S	0,84 S	1,3 S	4,29 S	4,15 S	4,15 S	2,05S	0,57S
NO ₂	0,7	0,55	1	11,8	14,4	14,4	1,19	0,14
CO	1	0,85	1,25	6	2,9	2,9	7,72	16,7

(Nguồn: GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội - 2003) - S: hàm lượng phần trăm lưu huỳnh trong nhiên liệu (%), lấy hàm lượng S bằng 0,05(%).

Tải lượng bụi, khí thải phát sinh ra từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu được tính toán dựa theo hệ số phát thải ô nhiễm của Tổ chức y tế thế giới WHO thiết lập đối với các loại xe vận tải có công suất 3,5 – 16,0.

$$\text{Tải lượng ON (kg/h)} = \frac{\text{Hệ số ô nhiễm}}{1000} \times \text{Quãng đường vận chuyển} \times \text{số lượt xe}$$

$$\text{Tải lượng (mg/m.s)} = \frac{1000000}{3600} \times \text{tải lượng ON (kg/h)}$$

Bảng 3. 17. Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô 16 tấn vận chuyển gây ra

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	Quãng đường (km)	Lượt xe (lượt xe/ngày)	Tải lượng (mg/m.s)
1	Bụi	0,9	20	17	83,8
2	SO ₂	4,15 S	20	17	19,3
3	NO _x	14,4	20	17	1.340,1
4	CO	2,9	20	17	269,9

Bảng 3. 18: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô 10 tấn vận chuyển gây ra

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	Quãng đường (km)	Lượt xe (lượt xe/ngày)	Tải lượng (mg/m.s)
1	Bụi	0,9	20	2	9,6
2	SO ₂	4,15 S	20	2	2,2
3	NO _x	14,4	20	2	152,9
4	CO	2,9	20	2	30,8

Như vậy, nồng độ ô nhiễm do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công và đổ thải được đánh giá như sau:

Để đánh giá nồng độ các chất ô nhiễm đến các hộ dân sinh sống trên quãng đường vận chuyển nguyên vật liệu và đồ CTR xây dựng trong suốt thời gian thi công xây dựng ta sử dụng sơ đồ phát tán nguồn đường.

Từ tải lượng của các chất ô nhiễm đã tính toán, áp dụng mô hình tính toán Sutton xác định nồng độ trung bình của bụi TSP trên tuyến đường vào khu vực Dự án trong

quá trình theo công thức mô hình cải biên của Sutton. Xét nguồn đường dài hữu hạn, ở độ cao gần mặt đất, hướng gió thổi theo phương vuông góc với nguồn đường. Khi đó nồng độ trung bình chất ô nhiễm tại điểm có tọa độ (x,z) được xác định bằng công thức sau:

$$C = \frac{0,8.E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z u}$$

(Công thức 3.1)

(Nguồn: Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB Khoa học kỹ thuật, năm 2000)

Trong đó:

C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³)

E: Lượng thải tính trên đơn vị dài của nguồn đường trong đơn vị thời gian (mg/m.s). (E được tính toán ở phần trên)

σ_z : Hệ số khuếch tán theo phương z (m) là hàm số của x theo phương gió thổi. σ_z được xác định theo công thức Slade với cấp độ ổn định khí quyển loại B (là cấp độ ổn định khí quyển đặc trưng của khu vực) có dạng sau:

$$\sigma_z = 0,53.x^{0,73}$$

x: khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải, tính theo chiều gió thổi.

u: Tốc độ gió trung bình (m/s), tại khu vực có tốc độ gió trung bình là 2,4 m/s.

z: độ cao của điểm tính (m), tính ở độ cao 1,5m.

h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,3m.

Bảng 3. 19: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm theo chiều cao và khoảng cách tính toán trong giai đoạn thi công nền đường và HTKT

Khoảng cách x (m)	δx	Nồng độ (mg/m ³)			
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
5	1,72	27,59	6,36	441,52	88,92
10	2,85	18,86	4,35	301,73	60,76
50	9,22	6,21	1,43	99,32	20
100	15,29	3,77	0,87	60,26	12,14
200	25,35	2,27	0,52	36,35	7,32
300	34,09	1,69	0,39	27,03	5,44
500	49,49	1,17	0,27	18,62	3,77
QCVN 05:2023/BTNMT TB 1h		0,3	0,35	0,2	30

Bảng 3. 20: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm theo chiều cao và khoảng

cách tính toán trong giai đoạn thi công cầu

Khoảng cách x (m)	δx	Nồng độ (mg/m ³)			
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
5	1,72	3,15	0,73	50,39	10,15
10	2,85	2,15	0,5	34,44	6,93
50	9,22	0,71	0,16	11,34	2,28
100	15,29	0,43	0,1	6,88	1,38
200	25,35	0,26	0,06	4,15	0,84
300	34,09	0,19	0,04	3,08	0,62
500	49,49	0,13	0,03	2,12	0,43
QCVN 05:2023/BTNMT TB 1h		0,3	0,35	0,2	30

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Tốc độ gió 2,4 m/s (Theo số liệu đo môi trường nền tại Chương 2).

Theo kết quả tính toán ở trên cho thấy:

+ Nồng độ của các thông số NO₂, SO₂, Bụi vượt giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT đối với bán kính 5-500m, tuy nhiên nồng độ giảm dần theo khoảng cách.

+ Nồng độ của các thông số CO vượt giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT đối với bán kính 5-10m, đối với bán kính 50m trở lên thì nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

Tuy nhiên quá trình thi công trên đoạn tuyến có chiều dài tương đối ngắn (khoảng 3,72 km) và quá trình thi công theo hình thức cuốn chiếu nên hạn chế được ảnh hưởng từ các chất ô nhiễm đến các đối tượng xung quanh.

- Đối tượng chịu tác động: Công nhân thi công tại dự án và hộ dân gần dự án.
- Phạm vi chịu tác động: Dọc tuyến đường vận chuyển và khu vực dự án.
- Mức độ tác động: trung bình.

❖ Ô nhiễm bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện thi công

Thi công bù dọc:

Hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công sẽ làm phát sinh khí ô nhiễm có chứa các sản phẩm của quá trình đốt nhiên liệu của các động cơ như NO_x, SO₂, CO,... Lượng tro bụi và khí thải phát sinh phụ thuộc vào số lượng, công suất, tuổi thọ phương tiện và lượng dầu nhiên liệu tiêu thụ. Phạm vi hoạt động của các máy móc, thiết bị này giới hạn trong diện tích thực hiện dự án.

Các phương tiện thiết bị thi công được trình bày cụ thể trong *Bảng 1. 11: Các máy móc thiết bị thi công phục vụ thi công sử dụng nhiên liệu dầu diesel*, giai đoạn thi công sử dụng **230.478,5** lít diesel trong khoảng 180 ngày.

Khí thải sinh ra từ quá trình đốt dầu DO bao gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO và VOC.

+ Hệ số phát thải bụi, được tính đối với 1 lít dầu diezen tương ứng với bụi và một số loại khí thải độc hại gồm: VOC 2,83 g/l; CO 3,40,0g/l; NO_x 7,25 g/l; TSP1,80 g/l; SO₂- 2,80g/l (theo nguồn: US-EPA, Locomotive Emissions Standard, Regulatory Support Document, April, 1998).

=> Kết quả tính toán dự báo tải lượng ô nhiễm đối với các phương tiện, máy móc tham gia thi công các hạng mục công trình của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 21: Tải lượng ô nhiễm bụi, khí thải đối với các loại máy móc tham gia thi công các hạng mục công trình dự án

Stt	Máy	Đơn vị	Kết quả tính toán				
			TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC
1	Hệ số phát thải	g/lít	1,8	2,8	7,25	3,4	2,83
2	Lượng dầu DO sử	lít	230.478,50				
3	Khối lượng ô nhiễm	Kg	414,86	645,34	1670,97	783,63	652,25
4	Thời gian thi công	h	1440				
5	Tải lượng trung bình	kg/h	0,29	0,45	1,16	0,54	0,45

Ghi chú: Tổng công phát thải và tải lượng ô nhiễm trung bình được đánh giá theo mức ô nhiễm cao nhất khi cho rằng tất cả các phương tiện hoạt động đồng thời.

Dự báo nồng độ ô nhiễm bụi, khí thải từ ống xả của các loại phương tiện, máy móc tham gia thi công dự án:

+ Việc vận hành các loại máy móc thiết bị tính theo nhu cầu sử dụng dầu DO. Khối lượng riêng tiêu chuẩn của dầu DO 0,82- 0,86kg/l, trung bình 0,85 kg/l (theo TCVN 6594:2007).

+ Hàm lượng cacbon, hydro và lưu huỳnh trong dầu: 83,5%, 11,5%, 5%.

+ Lượng khí thải khi đốt 1kg dầu (đktc, hệ số dư 1,2): 18,5 Nm³/kgDO, tương ứng $18,5/0,85 = 21,8$ Nm³/lít DO. Lượng dầu dự án sử dụng là 230.478,50 lít.

+ Hệ số phát thải theo tài liệu US-EPA, Locomotive Emissions Standard, Regulatory Support Document, April, 1998 đã nêu ở trên.

=> Kết quả dự báo nồng độ ô nhiễm của khí thải từ ống xả động cơ được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 22: Kết quả dự báo nồng độ ô nhiễm bụi, khí thải từ ống xả của các trang thiết bị, máy móc thi công

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/lít DO)	Lưu lượng khí thải (Nm ³ /lít DO)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/Nm ³)	QCVN 19/2009 (B) (mg/Nm ³)
Bụi	414.861,3	5.024.431	82,57	200
SO ₂	645.339,8	5.024.431	128,44	500
NO _x	1.670.969,1	5.024.431	332,57	850
CO	783.626,9	5.024.431	155,96	1000
VOCs	652.254,2	5.024.431	129,82	-

Căn cứ theo kết quả tính toán, nồng độ bụi, khí thải từ ống xả của các phương tiện, máy móc thi công đều thấp hơn nhiều so với giới hạn xả thải của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp – cột B. Ngoài ra, việc vận hành các trang thiết bị là không đồng thời, phân tán trong khu vực rộng nên

các tác động chủ yếu của khí thải này được đánh giá bao gồm:

+ Tác động trực tiếp đối với công nhân vận hành thiết bị, máy móc khi không được trang bị bảo hộ lao động. Mức độ tác động khi tiếp xúc lâu dài có khả năng gây ra các bệnh về hô hấp, bệnh tim mạch, khả năng gây ngất lâm sàng,... là nguyên nhân trực tiếp phát sinh các nguy cơ tai nạn lao động, tai nạn giao thông đối với người sử dụng.

+ Tác động trực tiếp đối với môi trường không khí khu vực dự án là không đáng kể. Tuy nhiên bụi, khí thải từ nguồn này góp phần gia tăng ô nhiễm môi trường không khí của khu vực tiếp nhận. Mức độ gia tăng ô nhiễm không khí được đánh giá cụ thể trong nội dung đánh giá tổng cộng ô nhiễm không khí trong thi công dự án.

Bụi cuốn từ đường: Bụi cuốn lên từ đường theo lớp xe trong vận chuyển khó có thể định lượng chính xác do thiếu các dữ liệu đầu vào như khối lượng vận chuyển của từng xe, độ ẩm vật liệu, độ che phủ của vật liệu chuyên chở, mức độ sạch của xe (bánh xe). Kinh nghiệm giám sát thi công công trình giao thông khi vận hành trên các tuyến đường đô thị và Quốc lộ (đường nhựa) cho thấy, hoạt động vận chuyển vật liệu và đất đá loại làm phát sinh bụi, trung bình vượt GHCP theo QCVN 05:2023/BTNMT từ 2 ÷ 3 lần, vào ngày gió to, trời nắng bụi phát sinh có thể vượt GHCP đến 4 lần, nếu không có biện pháp phòng ngừa có hiệu quả.

Như vậy, môi trường không khí dọc các tuyến vận chuyển (Trường Sa, QL3 và các đường địa phương khác) sẽ bị ô nhiễm bởi bụi với mức độ chưa nghiêm trọng (< 5 lần GHCP). Nồng độ bụi chỉ đạt GHCP phạm vi > 80m tính từ tim đường vận chuyển, trong trường hợp hướng gió vuông góc với tuyến vận chuyển.

Mức độ tác động: Trung bình, ngắn hạn, địa phương và có thể tự đảo ngược.

❖ Bụi, khí thải phát sinh do quá trình bốc xếp, lưu giữ nguyên vật liệu

Theo Mục 1.3, Chương 1 thì khối lượng vật liệu được vận chuyển là 344.575,5 tấn. Theo dự kiến, hoạt động bốc dỡ, lưu giữ nguyên vật liệu các hạng mục công trình của dự án diễn ra trong khoảng 12 tháng, do đó lượng bụi phát sinh do quá trình bốc dỡ, lưu trữ là 3,7 kg/ngày.

Kết quả tính toán tải lượng bụi phát tán do xe khi vận chuyển, bốc dỡ vật tư thi công của dự án:

Bảng 3. 23: Dự báo tải lượng bụi phát sinh do vận chuyển và bốc dỡ vật tư

Hạng mục	Khối lượng (tấn)	Hệ số phát thải theo WHO (g/tấn)	Khối lượng bụi phát sinh (g)	Thời gian vận chuyển (ngày)	Lượng bụi phát sinh trung bình (mg/s)
	(a)	(b)	(c=a x b)	(d)	(e= c x 1000/(dx8x3600))
Vận chuyển, bốc dỡ vật tư	344.575,5	0,01	3.446	180	0,54

Ghi chú:

Tổng thời gian vận chuyển vật tư dự kiến: 6 tháng (khoảng 180 ngày)

Thời gian làm việc 1 ngày: 8 giờ

Lượng bụi phát sinh từ hoạt động bốc xếp nguyên vật liệu sẽ tác động trực tiếp tới

sức khỏe của công nhân lao động trên công trường (khoảng 60 người). Tuy nhiên tác động này được đánh giá là không lớn do quá trình bốc xếp chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, không liên tục và phục hồi nhanh sau khi dừng bốc xếp.

Bãi tập kết nguyên VLXD dự kiến tại bãi tập kết tạm phía Tây khu vực dự án, nơi không có hoạt động thi công. Bãi này có diện tích khoảng 500m², chiều cao không quá 1,5m để dễ dàng che chắn tránh tràn đổ khi gặp mưa và phát tán bụi vào ngày nắng, có gió mạnh.

❖ Hoạt động của quá trình hàn

Thành phần:

Mục đích sử dụng que hàn là hàn các mẫu khớp nối (ví dụ như Tất cả các mối nối cơ khí, bu lông, đai ốc, long đen, các loại van và phụ kiện,...). Trong quá trình thi công xây dựng một số hoạt động sẽ phát sinh bụi và khí thải độc hại, đặc biệt là từ quá trình hàn để kết nối các kết cấu với nhau. Quá trình này làm phát sinh bụi hơi oxit kim loại như mangan oxit, oxit sắt,...

Tải lượng:

Trong quá trình xây dựng dự án sẽ có công đoạn hàn các kết cấu sắt, thép. Quá trình hàn thì các loại hóa chất chứa trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại có khả năng gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động. Nồng độ các khí độc hại trong quá trình hàn được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3. 24: Tỷ trọng các chất ô nhiễm trong quá trình hàn kim loại

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Đường kính que hàn (mm)				
		2,5	3,25	4	5	6
Khối hàn (có chứa các chất ô nhiễm khác)	mg/1 que hàn	285	508	706	1.100	1.578
CO	mg/1 que hàn	10	15	25	35	50
NO _x	mg/1 que hàn	12	20	30	45	70

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng. Ô nhiễm môi trường không khí, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, 2004)

Với lượng que hàn sử dụng trong theo thống kê tại Mục 1.3 Chương 1, có 44.172 kg que hàn. Giả thiết sử dụng loại que hàn đường kính trung bình 4mm, tương đương 25 que/kg $\Rightarrow$ Số que hàn là $25 \times 44.172 \text{ kg} = 1.104.310$ que hàn.

Tổng thời gian thi công là 12 tháng, ngày làm việc 8 giờ (quá trình hàn được sử dụng trong cả thời gian thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị), số lượng que hàn trung bình ngày là: $1.104.310/300 = 3.681$ que/ngày.

Kết quả dự báo ô nhiễm môi trường không khí từ công đoạn hàn được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 25: Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong công đoạn hàn

Stt	Thông số	Hệ số (mg/que)	Khối lượng thải (mg/ngày)	Tải lượng (mg/giờ)
1	Khối hàn	706	270.398,00	33.799,75

2	CO	25	9.575,00	1.196,88
3	NO _x	30	11.490,00	1.436,25
Ghi chú: Hệ số tính toán lấy theo số liệu ứng với que hàn loại 4mm				

Đánh giá tác động đến môi trường:

Lượng khí thải từ công đoạn hàn thải vào môi trường không khí trong suốt thời gian thi công hàn các hạng mục công trình, khoảng không gian chịu tác động rộng, tác động đến môi trường không khí là không đáng kể. Tuy nhiên sẽ ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp thực hiện công việc hàn. Do đó nhà thầu thi công cần có biện pháp giảm thiểu tác động nhằm hạn chế tối đa các tác động gây ra từ hoạt động này.

❖ Bụi do quá trình vệ sinh tạo nhám mặt đường trước khi thảm bê tông nhựa

Theo kinh nghiệm giám sát dự án cho thấy quá trình vệ sinh tạo nhám mặt đường trước khi thảm bê tông nhựa sẽ phát sinh nhiều bụi mịn và phát tán trong không khí ở chiều cao khoảng 5 -10m. Giá trị vượt khoảng 1,5 – 3,5 lần QCVN 05:2013/BTNMT

Các tác động chính của việc nồng độ bụi trong không khí gia tăng sẽ làm ảnh hưởng đến tầm nhìn cũng như gây cảm giác khó chịu, thậm chí gây các bệnh về mắt, mũi và viêm họng khi tiếp xúc, đặc biệt là đối với công nhân thi công trực tiếp trên công trình và người lưu thông qua tuyến.

Với phương thức thi công là phân chia thành từng đoạn ngắn theo kiểu cuốn chiếu và thực hiện lần lượt từng ½ diện tích bề rộng đường hiện hữu với thời gian thi công trải thảm bê tông nhựa là hoàn thành trong ngày. Vì vậy, thời gian chịu tác động không lâu. Đối tượng chịu tác động là môi trường không khí dọc tuyến thi công, công nhân lao động và các hộ dân ven đường. Phạm vi tác động là khu vực tuyến đường thi công.

❖ Tác động do hoạt động rải lớp bê tông nhựa mặt đường

Dự án không xây dựng trạm trộn bê tông nhựa nóng cũng như bê tông xi măng mà sử dụng các loại bê tông thương phẩm. Bê tông thương phẩm từ các nhà cung cấp mang đến Dự án và sử dụng các xe chuyên dụng để rải mặt đường. Phương pháp thi công sử dụng bê tông nhựa hạt mịn để thi công tuyến đường sẽ không làm phát sinh khí độc hại như quá trình rải đường bằng nhựa đường truyền thống. Bên cạnh đó, thi công tuyến đường bằng bê tông nhựa sẽ giảm được chi phí so với phương pháp truyền thống. Tác động của hoạt động rải bê tông nhựa chủ yếu là phát sinh mùi nhưng không nhiều. Ngoài ra, hoạt động này được tiến hành vào buổi đêm từ 22h đêm đến 5h sáng hôm sau nên hạn chế được ảnh hưởng của hoạt động này đến người tham gia giao thông trên tuyến đường.

Dự án tiến hành rải kết cấu áo bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm và bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm. Quá trình thi công thảm lớp bê tông nhựa sẽ gây ra tác động như:

- Phát sinh mùi và khí thải từ hoạt động trộn bê tông nhựa. Quá trình thi công sử dụng bê tông nhựa nóng hạt mịn, mua của các cơ sở trộn sẵn trên địa bàn thành phố Hà Nội nên sẽ hạn chế được lượng khí thải phát sinh trong quá trình trộn bê tông.

Căn cứ khối lượng BTN sử dụng cho từng hạng mục công trình tại Bảng Tổng hợp khối lượng nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động thi công của dự án, Chương

1, nồng độ hơi nhựa phát sinh trong giai đoạn thi công Dự án là 51.672,6 tấn, tương đương 20.836 m³ (trọng lượng riêng của BTN là 2,48 tấn/m³).

Phát sinh mùi từ hoạt động rải lớp BTN, thông thường bê tông nhựa khi gia nhiệt sẽ phát sinh hơi hydrocacbon và một lượng nhỏ khí H₂S. Lượng hơi phát thải từ asphalt nóng ngay sau khi xuất ra khỏi dây chuyền trộn với nồng độ hơi nhựa vào khoảng từ 0,2 – 5,4 mg/m³ (Nguồn: Nguyễn Thanh Bằng, kết quả nghiên cứu xây dựng phương pháp tính toán thành phần cấp phối vật liệu hỗn hợp asphalt chèn trong đá học Bảo vệ mái dề biển trong điều kiện Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy lợi số 29, tháng 12/2015).

Xét thời gian thực hiện rải lớp bê tông nhựa trong khoảng 60 ngày, như vậy, nồng độ hơi nhựa phát sinh vào khoảng 0,07 – 1,88 g/ngày.

- Ảnh hưởng đến sức khỏe của CBCNV trực tiếp thi công, người dân xung quanh đoạn tuyến có hoạt động thăm lớp bê tông nhựa và người dân tham gia giao thông nếu tiếp xúc với hơi nhựa đường trong thời gian dài ảnh hưởng đến hệ hô hấp gây cảm giác khó thở, nhức đầu, buồn nôn, chóng mặt, dễ gây mất an toàn lao động.

- Việc rải lớp bê tông nhựa mặt đường không đúng chiều dày, kỹ thuật sẽ làm giảm chất lượng bề mặt đường, gia tăng hiện tượng nứt, sụt lún mặt đường trong giai đoạn vận hành.

- Có thể gây ra tai nạn lao động cho CBCNV thi công do rải lớp nhựa đường tương đối nóng. Công đoạn rải nhựa đường yêu cầu công nhân theo dõi liên tục trong quá trình phun, rải nhựa đường, đồng thời cầm theo các dụng cụ như xẻng, bàn san để nhanh chóng xử lý các vị trí bị thiếu nhựa và phun dầu lên các bánh xe lu để tránh tình trạng nhựa bám vào bánh lu.

Tác động	Nguyên nhân	Đối tượng bị ảnh hưởng
Phát sinh khí thải, mùi hôi	Nhựa nóng sinh ra khí VOCs, CO, CO ₂ , SO ₂ ... khi đun nóng, rải và lu.	Công nhân, dân cư gần công trình
Tiếng ồn, rung	Từ máy lu, xe rải nhựa, xe tưới nhựa hoạt động liên tục.	Người dân sống gần tuyến đường
Rủi ro cháy nổ	Do sử dụng nhựa đường ở nhiệt độ cao (~140–160°C).	Công nhân thi công, tài sản lân cận
Gây cản trở giao thông	Khi thi công không tổ chức luồng giao thông hợp lý.	Người tham gia giao thông
Tồn dư vật liệu, nhựa tràn	Nếu không thu gom tốt, có thể gây tắc cống, ô nhiễm đất, nước mặt.	Môi trường khu vực xung quanh tuyến
Tác động đến sức khỏe người lao động	Làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, tiếp xúc với khí độc hại.	Công nhân trực tiếp thi công

Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV thi công Dự án, người dân sống gần khu vực thi công.

Không gian chịu tác động: khu vực Dự án và dân cư lân cận.

Thời gian tác động: thời gian thi công rải nhựa đường.

❖ Khí thải phát sinh do hoạt động sơn

Khí thải từ hoạt động sơn kẻ vạch đường:

Dự án sử dụng sơn vạch đường nhiệt dẻo sẽ phát sinh hơi mùi độc hại như mùi dầu, gây ảnh hưởng trực tiếp tới công nhân lao động. Mùi sơn sẽ phát tán trong không khí và ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân khu vực lân cận cách Dự án khoảng 10 - 20m. Tuy nhiên hoạt động sơn vạch đường tại các tuyến đường diễn ra trong thời gian ngắn, lâu nhất là 3 ngày nên tác động không đáng kể.

- Đối tượng tác động: môi trường không khí, công nhân thi công
- Phạm vi tác động: cách vị trí nguồn phát sinh 10-20m
- Thời gian tác động: tạm thời – thời gian sơn kẻ.

Khối lượng sơn kẻ vạch không lớn, thời gian tiến hành ngắn. Nên tác động này được đánh giá là KHÔNG ĐÁNG KỂ.

❖ **Bụi từ quá trình vệ sinh công trình trước và sau khi thi công hoàn chỉnh**

Sau khi thi công hoàn chỉnh công trình sẽ được dọn dẹp sạch bụi bẩn trước khi đưa vào sử dụng, quá trình quét dọn làm phát sinh một lượng bụi đáng kể, bụi này sẽ theo gió cuốn lên phát tán vào trong môi trường không khí gây ảnh hưởng đến sức khỏe cho công nhân trực tiếp tham gia quét dọn nếu không có biện pháp giảm thiểu hợp lý.

3.2.1.1.2. Đối với nước thải

a. Nguồn gây tác động

Trong giai đoạn này, nguồn phát sinh chất ô nhiễm gây ảnh hưởng tới môi trường nước bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường.
- Nước thải thi công: phát sinh từ quá trình rửa xe, rửa dụng cụ, thiết bị thi công.
- Nước mưa chảy tràn kéo theo cặn bẩn vào nguồn tiếp nhận.

b. Đối tượng, phạm vi bị tác động

- Đối tượng bị tác động: Chất lượng môi trường nước, sức khỏe con người.
- Quy mô tác động: Khu vực dự án.

c. Thành phần, tải lượng phát sinh và đánh giá tác động đến môi trường

c1/ Nước thải sinh hoạt

Trong quá trình xây dựng của dự án, trên công trường sẽ làm nhà lán trại văn phòng mục đích để lấy chỗ họp giao ban cho cán bộ hai bên A – B, cán bộ giám sát hiện trường, ban chỉ huy công trường và lực lượng bảo vệ trông nom máy móc thiết bị ở công trường, không phải giành cho công nhân ở tại công trường.

Công nhân xây dựng sinh hoạt chủ yếu tại gia đình đến giờ làm việc mới đến công trường hoặc là công nhân xây dựng sẽ thuê nhà trọ ở tại địa phương (ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương); công nhân vận hành máy móc, lái xe chỉ đến công trường làm việc, hết giờ họ đưa xe về cơ quan của họ; Lực lượng bảo vệ chia theo ca và ăn ở tại gia đình. Tóm lại trên công trường không có người ở bán trú, lưu trú thường xuyên.

Vào thời gian cao điểm, dự án có khoảng 60 người/1 công trường (chia làm 02 đội thi công, 30 người/đội thi công), theo *Bảng 4 của TCVN 13602:2023 Cấp nước Mạng*

lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong các cơ sở theo ca là 25-45 lít/người/ca và lượng nước thải ra khoảng 100% lượng nước cấp (Theo điểm a, khoản 1, điều 39 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải, thì lượng nước thải sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp).

$$Q_{\text{thải}} = Q_{\text{cấp}} = N \times K \times 100\% = 60 \times 45 \times 100\% = 2.700 \text{ (lít/ngày)} = 2,7 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Trong đó:

N là số lao động trên công trường (người).

K là lượng nước sinh hoạt trung bình tính theo đầu người (lít/người/ngày)

Hệ số thải là 100%.

Với tổng lượng nước thải phát sinh của 60 công nhân là 2,7 m³/ngày.

Thành phần ô nhiễm của nước thải sinh hoạt: Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh (Coliform, E.coli).

Dựa vào TCVN 7957:2023 - Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài, tiêu chuẩn thiết kế. Khối lượng chất gây ô nhiễm do con người thải vào môi trường mỗi ngày thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3. 26: Tải lượng ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt a (g/người/ ngày)

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải a (g/người/ngày)
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	60 - 65
2	BOD ₅ của nước thải đã lắng	30 - 35
3	BOD ₅ của nước thải chưa lắng	55 -60
4	Nitơ của các muối amoni (N-NH ₄)	8 -10,5
5	Tổng photpho	1,1-2,2

(Nguồn: TCVN 7957:2023)

Từ tải lượng chất ô nhiễm và lưu lượng nước thải ta có thể tính được nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt của 60 CBCNV trong giai đoạn thi công xây dựng được tính theo công thức: **T = H x M (Công thức 3.2)** (Nguồn: TCVN 7957:2023)

Trong đó: T: Tải lượng các chất ô nhiễm; H: Hệ số phát thải có trong nước thải sinh hoạt; M: Số người làm việc.

Kết quả tính toán nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt của 60 CBCNV được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3. 27: Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm chính trong NTSH giai đoạn thi công

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/người/ngày)		Tải lượng (g/ngày)		Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)		QCVN 14:2008 (Cột B)
		Min	Max	Min	Max	Min	Max	
1	TSS	60	65	3.000	3.250	1333	1444	100
2	BOD đã	30	35	1.500	1.750	667	778	50

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/người/ngày)		Tải lượng (g/ngày)		Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)		QCVN 14:2008 (Cột B)
		Min	Max	Min	Max	Min	Max	
	lắng							
3	BOD chưa lắng	55	60	2.750	3.000	1222	1333	50
4	NH ₄ ⁺	8	10,5	400	525	178	233	10
5	PO ₄ ³⁻	1,1	2,2	55	110	24	49	12

Nhận xét: Với kết quả tính toán như bảng trên cho thấy nước thải sinh hoạt khi không được xử lý thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải vượt rất nhiều lần so với QCVN 14:2008/BNTMT, cột B với hệ K=1,2 (áp dụng cho cơ sở sản xuất có quy mô dưới 500 người) gây tác động xấu tới thủy vực tiếp nhận và ảnh hưởng tiêu cực tới nhu cầu sử dụng nước tại khu vực.

Nước thải sinh hoạt của công nhân nếu không có biện pháp thu gom, xử lý thích hợp thì khi phát thải vào môi trường tiếp nhận sẽ gây ra ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt khu vực thực hiện Dự án như sau:

+ Gây ra mùi hôi thối và làm giảm lượng ôxi hòa tan do sự phân hủy của các hợp chất hữu cơ có trong nước thải.

+ Làm tăng nguy cơ gây phú dưỡng do sự xuất hiện của các chất dinh dưỡng (Nitơ, Phốt pho...) khi NTSH thải vào mương tiêu hiện trạng khu vực cánh đồng ở phía Nam dự án.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân nếu không được quản lý, thu gom sẽ rò rỉ vào môi trường đất làm ô nhiễm cục bộ môi trường đất và môi trường nước ngầm.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân là môi trường để các loài vi sinh vật có hại, truyền bệnh phát triển gây lây nhiễm bệnh tật, suy giảm môi trường sống tại khu vực dự án và khu dân cư xung quanh.

Tuy nhiên lưu lượng nước thải sinh hoạt chỉ mang tính cục bộ, và ảnh hưởng thấp do Chủ đầu tư sẽ bố trí 01 nhà vệ sinh lưu động để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực do nguồn thải này gây ra.

c2/ Nước thải thi công

Nguồn phát sinh:

Căn cứ vào các hạng mục thi công của Dự án, nước thải thi công phát sinh từ các hoạt động sau:

- Nước rửa xe, bảo dưỡng vệ sinh máy móc thi công.
- Nước phối trộn nguyên vật liệu và nước rửa nguyên vật liệu.
- Nước đào móng hạng mục công trình.
- Nước dưỡng hộ bê tông.

Thành phần:

Lượng nước thải này có chứa một số chất ô nhiễm như: xi măng, vôi vữa và một số chất vô cơ thông thường như cát, đá.

Thành phần của nước thải thi công chứa: chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ, ...

Tài lượng và tác động:

+ Dập bụi công ra vào dự án: Căn cứ theo TCVN 13602:2023 Cấp nước Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước phun rửa đường là 1,5lít/m², diện tích đập bụi khoảng 500m²/công trường, tùy vào điều kiện thời tiết và thực tế trong xây dựng, một ngày tối thiểu 2 lần phun nước dập bụi, nhu cầu nước cấp cho đập bụi dự báo khoảng 0,75 m³/ngày/công trường. Nước này không làm phát thải ra ngoài môi trường.

+ Nước rửa xe, bảo dưỡng vệ sinh các máy móc thiết bị thi công ra vào dự án: Định mức nước cấp rửa xe theo TCVN 4513:1988 về cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế là 250 lít/xe, tuy nhiên, đối với dự án, nước chỉ sử dụng để rửa 4 bánh xe chiếm 10%*250 lít/xe = 25 lít/xe (xe tải trọng trung bình, 16 tấn). Theo như *Bảng 3. 13: Số lượng xe vận chuyển trong giai đoạn thi công*, xe đi vào dự án trong 1 ngày khoảng 195 xe, vậy lượng nước sử dụng để rửa bánh xe gần **4,87 m³/ngày**. Tuy nhiên không phải ngày nào trong quá trình thi công cũng có xe ra vào công trường nên lượng nước này ảnh hưởng không lớn.

Thành phần ô nhiễm của nước thải thi công chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ do quá trình rửa xe, nếu thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước của khu vực, nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thiếp gây một số các tác động như sau: ảnh hưởng đến chất lượng nước, gia tăng nồng độ chất ô nhiễm, tác động trực tiếp đến hệ sinh thái thủy sinh với nồng độ cao có thể gây ngộ độc, suy giảm hoặc chết một số loài thủy sinh.

+ Nước trộn bê tông, rửa đá, bảo dưỡng bê tông: Dự án sử dụng bê tông thương phẩm. Vì vậy, không phát sinh nước thải từ hoạt động trộn bê tông. Quá trình trộn vữa toàn bộ nước được ngâm vào vật liệu (cát, xi măng). Các vật liệu như cát được lựa chọn là các vật liệu sạch, không cần rửa. Đối với mỗi công trình đã được liệt kê tại bảng tổng hợp nguyên vật liệu theo Báo cáo dự toán công trình, cụ thể lượng nước sử dụng là 15.847 m³. Lượng nước này toàn bộ đi vào sản phẩm (các công trình, đường, ...) và cam kết không thải ra ngoài môi trường.

+ Nước thải từ quá trình đào móng: Phát sinh từ việc đào hố móng cho trụ cầu qua sông Thiếp tại Km0+730 xã Cổ Loa và trụ cầu qua đường sắt tại Km3+703 xã Việt Hùng, quá trình đào móng với độ sâu không lớn với lượng nước phát sinh tương đối nhỏ, do đó không đánh giá nước thải từ phát sinh từ quá trình này.

Như vậy, tổng lượng nước phát sinh trong hoạt động xây dựng khoảng **4,87 m³/ngày đêm**.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải từ hoạt động thi công theo nghiên cứu của Trung tâm Môi trường đô thị và khu công nghiệp CEETIA được ước tính như sau:

Bảng 3. 28: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải từ hoạt động thi công

TT	Loại nước thải	COD	Dầu mỡ	TSS
		(mg/l)		
1	Nước thải từ quá trình rửa thiết bị dụng cụ	20 – 30	-	50 – 80
2	Nước thải bảo dưỡng máy móc	10 – 15	-	25 – 40

TT	Loại nước thải	COD	Dầu mỡ	TSS
		(mg/l)		
3	Nước rửa xe, máy móc thi công	50 – 80	1,0 - 2,0	150 – 200
4	Làm mát thiết bị	10 – 20	0,5 – 1,0	10 – 50
5	Nước thải hỗn hợp (tối đa)	59	1,5	143
	QCTĐHN 02:2014/BTNMT	150	10	100

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật môi trường đô thị và KCN - Đại học Xây dựng HN)

Ghi chú: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo đó, với số lượng thiết bị thi công sử dụng không quá lớn, lượng phát sinh nước thải thi công là 4,87 m³/ngày, nồng độ các chất ô nhiễm tối đa trong nước thải hỗn hợp vẫn nằm dưới giới hạn cho phép của QCTĐHN 02:2014/BTNMT đối với nước thải công nghiệp. Tuy nhiên, nồng độ TSS tối đa trong nước thải thi công cao hơn QCCP 1,43 lần. Vì vậy, các biện pháp thi công, biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải xây dựng đối với môi trường nước, đất khu vực dự án là điều cần thiết. Tác động này sẽ giảm dần và mất đi khi giai đoạn thi công xây dựng cơ bản kết thúc.

Tuy nhiên, chủ dự án sẽ tiến hành thi công theo hình thức cuốn chiếu, san nền đến đâu sẽ tiến hành xây dựng đến đó nên thực tế lượng nước sử dụng để rửa xe ra vào công trường ít hơn rất nhiều do còn bám dính nền đường bánh xe. Mặt khác, nước thải từ quá trình rửa xe và thiết bị được sử dụng tuần hoàn, chỉ bổ sung thêm vào máng khi hao hụt do bám dính nền xe. Nên lượng thải ra là *không đáng kể*.

Đánh giá chung tác động nước thải thi công:

- Trong quá trình đào móng các công trình có thể gặp trời mưa. Lượng nước này khó dự đoán, phụ thuộc vào diện tích hố móng, cường độ và thời gian diễn ra trận mưa. Nước mưa tràn vào hố móng gây ngập hố móng, làm gián đoạn tiến độ thi công, ảnh hưởng đến chất lượng công trình thi công. Thành phần loại nước thải này chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng, không tan trong nước, không chứa thành phần nguy hại. Nếu không có biện pháp xử lý phù hợp trước khi thoát ra hệ thống tiếp nhận sẽ làm gia tăng độ đục, bồi lắng rãnh thoát nước, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực.

- Đối với đoạn thi công cầu vượt qua sông Thiếp và đường sắt: việc thi công cọc khoan nhồi, mố trụ nếu không đúng quy trình kỹ thuật sẽ làm gia tăng lượng nước thải thi công hố móng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng mương thủy lợi: gia tăng độ đục, chất rắn lơ lửng nếu không có biện pháp thi công, thu gom và xử lý phù hợp.

- Đối tượng chịu tác động: hệ thống kênh, mương thoát nước hiện trạng; hệ thống thoát nước của khu vực các xã thuộc dự án.

- Thời gian tác động: thời gian thi công.

- Không gian tác động: khu vực Dự án và lân cận.

c2/ Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn qua công trường thi công đặc biệt là khu vực tập kết thiết bị, máy móc thi công chứa các thành phần lơ lửng, hữu cơ và một số thành phần độc hại liên quan đến bãi tập kết nguyên vật liệu và thiết bị. Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào lượng mưa, hệ số thấm của đất, độ dốc địa hình và một số vấn đề khác theo công thức:

Trong giai đoạn này, hiện trạng khu vực dự án đang triển khai thi công xây dựng các công trình.

Thành phần: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt thi công kéo theo bụi bẩn và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

Lưu lượng:

Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo các chất bẩn, đất cát rơi vãi trên mặt bằng. Theo TCVN 7957:2023, lượng nước mưa tính toán theo công thức sau.

$$Q = q \times C \times F \quad \text{(Công thức 3.3)}$$

Trong đó:

- Q : Lưu lượng nước tính toán (l/s)
- F : Diện tích khu vực xây dựng (ha), $F = 18,74$ ha.
- C : Hệ số dòng chảy ($C=0,37$) – theo Bảng 3, Mục 4.1.5.
- q : Cường độ mưa tính toán (l/s.ha)

$$q = \frac{Ax(1 + Cx \lg P)}{(t + b)^n} \quad (\text{l/s.ha}) \quad (*)$$

Trong đó:

P : Chu kỳ lặp lại của mưa (năm) – tính toán với $P = 10$ năm.

t : Thời gian mưa (phút) - Theo mục 4.2.2 TCVN 7957:2023, thời gian mưa tối đa có thể lấy 150 – 180 phút. Tính toán với thời gian lớn nhất là 180 phút.

A, C, b, n : Hằng số khí hậu phụ thuộc vào điều kiện mưa của địa phương.

Hằng số A, C, b, n lấy tại bảng B.1 – Hằng số khí hậu trong công thức Cường độ mưa của khu vực. Với khu vực Dự án thuộc địa phận thành phố Hà Nội nên $A = 5.890$, $C = 0,65$, $b = 20$, $n = 0,84$. Thay số liệu vào (*) ta được:

Kết quả tính toán lưu lượng nước mưa chảy tràn tại các công trường trình bày tại bảng sau.

Bảng 3. 29: Lưu lượng mưa giai đoạn thi công

Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (P)	2	5	10	25	50
Cường độ mưa q (l/s.ha)	82,2	99,98	113,43	131,21	144,67

Lưu lượng nước Q (m ³ /s)	0,493	0,637	0,787	0,91	1,003

Tính lượng chất bẩn tích tụ trong một thời gian xác định:

Trong nước mưa đợt đầu thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi... từ những ngày không mưa. Lượng chất bẩn tích tụ trong một thời gian xác định như sau:

$$G = M_{\max} [1 - \exp(-k_z.T)]. F, \text{ kg} \quad (\text{Công thức 3.4})$$

(Nguồn: Trần Đức Hạ, BVMT trong xây dựng cơ bản, NXB Xây dựng, 2009)

Trong đó:

$M_{\max}$ - Lượng bụi tích lũy lớn nhất, $M_{\max}=50 \text{ kg/ha}$

k_z - Hệ số tích lũy chất bẩn, $k_z=0,8/\text{ngày}$.

T - Thời gian tích lũy chất bẩn, $T = 15 \text{ phút} = 0,0104 \text{ ngày}$.

F - Diện tích lưu vực thoát nước mưa của từng đoạn tuyến, ha.

Áp dụng công thức 3.4: $G = 50 [1 - \exp(-0,8 \times 0,0104)] \times 18,74 = 1,94 \text{ kg}$

Như vậy, lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 phút sẽ vào khoảng 1,94 kg lượng chất bẩn này sẽ theo nước mưa chảy tràn gây tác động không nhỏ tới các nguồn tiếp nhận trên. Bên cạnh đó lượng chất bẩn tích tụ nếu chảy xuống các cống thoát nước khu vực ảnh hưởng lớn tới khả năng tiêu thoát nước trên địa bàn khu vực.

Bảng 3. 30: Ước tính lượng phát sinh nước mưa chảy tràn qua công trình

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng lượng nước mưa chảy tràn tối đa ngày (m ³)
1	Dự án	187.400	10.120

Ghi chú: Lượng mưa chảy tràn tối đa tính với lượng mưa tối đa ngày 180mm, hệ số thấm 0,7.

Với lượng nước mưa chảy tràn trên, lượng nước phát sinh vào khoảng 10.120 m³/ngày tuy nhiên phân tán trên địa bàn thi công đường ống gây ảnh hưởng không đáng kể đến hạ tầng thoát nước của địa phương nhưng sẽ xả thải toàn bộ vào hệ thống nước mặt khu vực.

Theo số liệu thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường khoảng 0,5 ÷ 1,5 mgN/l; 0,004 ÷ 0,03 mgP/l; 10 ÷ 20 mg COD/l và 10 ÷ 20 mg TSS/l. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn trong 1 ngày thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 31: Tải lượng ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn trong 1 ngày

TT	Tải lượng	Hệ số ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)	
1	Tổng N	0,5 - 1,5 mg/l	5,060	15,179
2	Tổng P	0,004 - 0,03 mg/l	0,040	0,304

3	COD	10 - 20 mg/l	101,196	202,392
4	TSS	10 - 20 mg/l	101,196	202,392

(Nguồn: Trích từ tài liệu của Economopoulos, WHO, 1993)

Lượng chất bẩn tích tụ sẽ theo nước mưa chảy tràn qua khu vực xây dựng công trình sẽ cuốn theo đất cát và các vật chất lơ lửng khác trong nước, gây ảnh hưởng tới chất lượng nước nguồn tiếp nhận. Tác động của nước mưa chảy tràn là làm gia tăng độ đục trong nước, ảnh hưởng tới quá trình tiêu thoát nước của các cống nhận nước.

Tác động nước mưa chảy tràn:

Nước mưa là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng như nitơ, photpho cho các thủy vực. Trong nước mưa, hàm lượng nitơ và photpho phụ thuộc vào lưu vực thoát nước, đặc điểm mặt phủ.

Nước mưa chảy tràn gây một số tác động sau:

- + Làm chậm tiến độ thi công
- + Ảnh hưởng đến chất lượng thi công các hạng mục công trình của Dự án
- + Ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực thực hiện Dự án
- + Ảnh hưởng đến hiện trạng môi trường đất, nước khu vực Dự án.

+ Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất cát, dầu mỡ vào các lưu vực lân cận đường tăng khả năng gây ngập úng, ô nhiễm cục bộ do bị ứ đọng các chất ô nhiễm.

- Nước mưa chảy tràn kéo theo đất cát xuống hệ thống thoát nước chung của khu vực, kênh mương dọc tuyến Dự án và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thiếp gây bồi lắng, gia tăng độ đục và chất rắn lơ lửng và các chất ô nhiễm trong nước, làm giảm lượng oxy hòa tan trong nước, ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và phát triển hệ sinh thái thủy sinh như kèm phát triển, sinh sản bị hạn chế, giảm số lượng loài. Bên cạnh đó ảnh hưởng đến hoạt động tưới tiêu khu vực 05 xã.

- Đối tượng chịu tác động:

+ Các loài sinh vật thủy sinh tại kênh mương dọc tuyến, sông Thiếp (do là thủy vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn).

+ Khu vực dân cư dọc tuyến Dự án

+ Người dân tham gia giao thông gần khu vực thực hiện Dự án.

- Phạm vi tác động: tại khu vực Dự án và xung quanh.

- Thời gian tác động: trong thời gian thi công tuyến đường

**) Tác động tới môi trường nước ngầm do thi công cầu vượt qua sông tại đào hố móng cho trụ cầu qua sông Thiếp tại Km0+730 xã Cổ Loa và trụ cầu qua đường sắt tại Km3+703 xã Việt Hùng*

Hạng mục thi công các cầu qua mương có sử dụng phương pháp cọc khoan nhồi, trong quá trình thi công có thể sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm tại các khu vực thi công. Khi cọc khoan xuyên qua các tầng nước ngầm, một phần thân cọc khoan nhồi với dung dịch bentonite có chứa phụ gia sẽ nằm trong phức hệ chứa nước. Bentonite với

phụ gia có khả năng gây ảnh hưởng tới môi trường nước sẽ thấm vào phức hệ này theo mạch nước ngầm. Tùy thuộc vào cấu trúc địa tầng khu vực thi công và thời gian đông cứng vách khoan càng lâu, mức độ ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm sẽ ở các mức độ khác nhau. Hiện tại, mặc dù chưa có công trình nghiên cứu, đánh giá chi tiết và định lượng được mức độ ảnh hưởng cũng như sự xâm nhập của nước mặt vào tầng nước bên dưới trong trường hợp sử dụng biện pháp đóng cọc và cọc nhồi trong thi công xây dựng công trình. Tuy nhiên, xét về tổng thể nguy cơ gây ô nhiễm nước ngầm bởi phụ gia trong bentonite là không đáng kể. Do dung dịch bentonite được hợp thành chủ yếu bởi đất sét bentonite, đặc trưng cho sự tạo thành lớp màng bùn bảo vệ trên bề mặt của vách hố khoan, làm ổn định đất trong hố khoan. Hiệu quả của tính xúc biến của dung dịch được thể hiện qua khả năng ngăn ngừa sự nhiễm bùn khoan vào dung dịch và sự lắng đọng mùn khoan ở đáy hố khoan trong một thời gian dài sau khi khoan xong.

Khi đào, hố khoan được đổ đầy dung dịch bentonite, cao trình dung dịch bentonite luôn được giữ cho cao hơn cao trình mực nước ngầm ít nhất từ 1-2m, để có thể tạo được áp lực dư tạo xu hướng cho dung dịch bentonite ngấm vào đất xung quanh. Tuy nhiên, các hạt sét huyền phù trong dung dịch bentonite tạo nên một màng mỏng theo dạng “vỏ bánh” nên áp suất dung dịch bentonite trong hố đào và áp lực nước ngầm ở thành hố đào chênh nhau tạo ra lực làm ổn định vách hố khoan.

Trong sét độ dày của “vỏ bánh” rất nhỏ nhưng trong đất không dính kết, lớp vỏ này có thể lớn hơn 1-2m và hoạt động như một màng không thấm nước. Lớp màng này ngăn nước chảy vào trong hố khoan và ngăn sự xáo trộn ở bề mặt phân chia. Độ ổn định của tường vách hố khoan là do áp suất dư của dung dịch bentonite trong hố khoan tạo ra. Nên việc giữ cho hố khoan luôn luôn đầy dung dịch bentonite là rất quan trọng. Vì vậy, những tác động của dự án nói chung và của hạng mục thi công cầu là tương đối nhỏ và hoàn toàn không có khả năng gây ra những thay đổi đối với chất lượng nguồn nước ngầm ở các khu vực dự án.

3.2.1.1.3. Đối với chất thải rắn và CTNH

a. Nguồn gây tác động

Chất thải rắn thi công phát sinh trong giai đoạn xây dựng. Dự án bố trí 01 công trường thi công theo hình thức cuốn chiếu, chia làm 02 đội thi công. 01 đội thi công hạng mục đường và 01 đội thi công hạng mục cầu, bắt đầu từ điểm đầu nối với đường Trường Sa và sông Thiếp. Mỗi đội thi công gồm 30 cán bộ công nhân viên thi công. Dự án bao gồm:

- Chất thải từ hoạt động sinh hoạt;
- Chất thải từ hoạt động giải phóng mặt bằng;
- Chất thải trong quá trình thi công xây dựng;
- Chất thải nguy hại: Chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, vỏ thùng sơn.

b. Đối tượng, phạm vi bị tác động

- Tác động đến môi trường đất, nước, không khí.
- Tác động đến sức khỏe dân cư khu vực và công nhân trực tiếp thi công.

c. Thành phần, tải lượng phát sinh và đánh giá tác động đến môi trường

c1. Chất thải sinh hoạt

Thành phần:

Do khối lượng thi công đoạn đường không lớn nên toàn bộ khoảng 60 công nhân sẽ thuê nhà tại khu dân cư gần đó (ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương) nên lượng chất thải phát sinh không nhiều. Chất thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu là các vỏ chai nước uống, đồ ăn vặt, trái cây thừa,...

Thành phần chất thải này bao gồm: chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,... Chất thải này chứa 60 – 70% chất hữu cơ và 30 – 40% các chất khác và đặc biệt có thể chứa nhiều vi khuẩn, mầm bệnh.

Bảng 3. 32: Thành phần đặc trưng của rác thải sinh hoạt

Thành phần		Mô tả
Chất thải có thể phân hủy sinh học	Rác hoa quả	Vỏ các loại hoa quả
	Thức ăn thừa	Bánh mì, cơm, thịt, rau,...
Chất thải có thể tái sinh, tái sử dụng	Kim loại	Can, vỏ lon nhôm, thiếc
	Thủy tinh	Chai, ly
	Nhựa có thể tái sinh	Chai, túi dẻo trong
	Giấy có thể tái sinh	Khăn giấy, bao bì giấy, giấy in, giấy báo
Chất thải tổng hợp	Giấy không thể tái sinh	Khăn giấy ăn, khăn giấy nhà vệ sinh,...
	Nhựa không thể tái sinh	Túi nhựa màu
	Khác	Mảnh gỗ, cát, bụi, cao su, vải,...

(Nguồn: Lê Anh Dũng, Môi trường trong xây dựng, NXB Xây dựng, 2006)

Tải lượng phát sinh:

Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhóm công nhân này theo định mức trung bình khoảng 0,5kg/ngày/người (Theo báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia về chất thải rắn, năm 2011). Nhưng do công nhân thuê nhà tại khu dân cư gần đó mà không phải là tập trung tại lán trại tại công trường nên theo kinh nghiệm của các nhà thầu thi công lượng chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhóm công nhân này trung bình khoảng 0,2kg/ngày. Vậy tổng lượng chất thải phát sinh khoảng 12 kg/ngày.

Đánh giá tác động:

- Rác thải vứt bừa bãi gây mất mỹ quan khu vực, ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, gây tai nạn giao thông cho người đi lại dọc tuyến thi công.

- Rác hữu cơ trong môi trường không khí dưới tác dụng của thời tiết và vi khuẩn, phân hủy tạo thành khí như CH₄, H₂S,... gây ra các mùi hôi, thối. Rác thải mà môi trường sống và phát triển ruồi muỗi, vi sinh vật gây bệnh gây tác động trực tiếp đến sức khỏe của 60 CBCNV thi công, người dân sống gần khu vực thi công dọc tuyến.

- Rác thải theo nước mưa kéo theo xuống hệ thống thoát nước chung khu vực.
- Phát sinh mùi hôi, mùi thức ăn thừa.

Tuy nhiên, rác thải này phát sinh tại các khu vực dọc tuyến khác nhau và không tập trung tại một vị trí thi công, nên tác động xấu trên được hạn chế, mang tính cục bộ do rác thải được vận chuyển đi vào cuối ngày.

- Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV; mỹ quan khu vực; giao thông khu vực thực hiện Dự án.

- Phạm vi tác động: khu vực thi công xây dựng Dự án.
- Thời gian tác động: trong thời gian thi công xây dựng Dự án.

c2/ Chất thải từ hoạt động san nền

Thành phần: Hoạt động này phát sinh đất do quá trình bóc lớp hữu cơ, đất do hoạt động đào móng công trình.

Tải lượng phát sinh:

Như đã được tính toán tại *Bảng 3. 8: Khối lượng đào đắp các hạng mục thi công*, lượng đào đắp công đoạn này là 578.781,78 m³ (khoảng 752.416,31 tấn), trong đó khối lượng đào các hạng mục công trình là 176.138,27 m³ (khoảng 228.979,75 tấn); khối lượng bóc hữu cơ là 20.740 m³. Sau khi tận dụng lại thì tính toán được chất thải phát sinh là 51.413,44 m³ (khoảng 66.837,47 tấn).

Đánh giá tác động:

Khối lượng CTR phát sinh từ giai đoạn này tương đối lớn, nếu không được quản lý tốt, tràn ra đường sẽ gây tắc nghẽn giao thông và phát sinh bụi dọc tuyến đường do cuốn vào các phương tiện giao thông qua lại sẽ ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường cũng như ảnh hưởng đến đời sống dân cư gần Dự án.

c3/ Chất thải trong quá trình thi công xây dựng;

Thành phần: Các chất thải phát sinh từ công đoạn thi công xây dựng (đất đá, gạch vỡ, vữa xi măng thừa, các mẫu vụn sắt, thép và gỗ, giấy carton,...).

Tải lượng phát sinh:

Dựa vào định mức hao hụt vật liệu trong quá trình thi công tại Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng công bố định mức sử dụng vật liệu trong xây dựng, ước tính CTR phát sinh trong quá trình thi công xây dựng bằng 0,005-0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu.

Lượng phế thải xây dựng ước tính bằng 0,005% khối lượng nguyên vật liệu xây dựng, như vậy, công đoạn này phát sinh khoảng:

$$467.106 * 0,005\% = 23,4 \text{ tấn.}$$

Đánh giá tác động:

Chất thải rắn không bị thối rữa, không phát sinh mùi hôi và chúng lại có giá trị tái sử dụng, điều này sẽ hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng xấu đến môi trường khu vực. Tuy nhiên, lượng chất thải rắn là vật liệu xây dựng nếu không có kế hoạch quản lý tốt, để vương vãi sẽ gây ra một số tác động xấu như:

- Làm hao hụt vật liệu xây dựng; làm tích đọng đất cát, thu hẹp dòng chảy qua đó làm hạn chế khả năng tiêu thoát nước. Bên cạnh đó khi bị nước cuốn trôi chúng sẽ ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường nước tiếp nhận (gia tăng độ đục, bồi lắng,...).

- Mất mỹ quan chung và ô nhiễm môi trường; tăng chi phí việc thu dọn sau khi hoàn thiện.

- Chiếm chỗ trên công trường làm cản trở giao thông, cản trở hoạt động thi công Dự án, là nguồn phát sinh bụi, ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực Dự án và khu vực lân cận.

c4/ Chất thải nguy hại:

Thành phần: Chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, vỏ thùng sơn,...

Tải lượng phát sinh:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu là dầu nhớt thải; giẻ lau dính dầu, mỡ;

Theo kết quả nghiên cứu của đề tài Nghiên cứu tái chế nhớt thải thành nhiên liệu lỏng do Trung tâm Khoa học kỹ thuật Công nghệ Quân sự - Bộ Quốc phòng thực hiện vào năm 2002 cho thấy: Lượng dầu nhớt thải ra từ các phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới trung bình 7 lít/lần thay, chu kỳ thay nhớt và bảo dưỡng máy móc trung bình từ 3 – 6 tháng thay nhớt 1 lần tùy thuộc vào cường độ hoạt động của phương tiện. Tuy nhiên, nhà thầu sẽ đưa xe đến thay dầu tại các khu xưởng sửa chữa có chức năng nên lượng dầu thải chỉ phát sinh tại khu vực dự án thi công khi các máy móc thiết bị hỏng hoặc trường hợp cấp bách.

Giẻ lau phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị hoặc lau dầu rò rỉ với khối lượng phát sinh khoảng 2 kg/toàn quá trình thi công.

Dựa trên khối lượng chất thải phát sinh thực tế tại một số công trình đang thi công xây dựng và quy mô của Dự án, dự kiến khối lượng chất thải nguy hại được ước tính qua bảng sau:

Bảng 3. 33: Khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công các hạng mục công trình của dự án

TT	Loại chất thải nguy hại (CTNH)	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng dự tính	Công đoạn phát sinh	Đặc tính nguy hại
1	Găng tay, giẻ lau dính CTNH	18 02 01	KS	2 kg/quá trình	Từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thi công	Dễ cháy
2	Cặn dầu thải của máy móc xây dựng	01 04 02	KS	15 kg/quá trình	Phát sinh khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển	Dễ cháy, nổ
3	Đầu mẫu que hàn thải	07 04 01	TT	5 kg/quá trình	Từ quá trình hàn các mối nối kim loại	Chất độc
4	Bao bì cứng thải chứa thành phần nguy hại	16 01 09	KS	5 kg/quá trình	Quá trình sơn công trình, sơn chống gỉ các kết cấu thép, ...	Chất độc
5	Bentonit	-	-	3,45 kg/quá trình	Quá trình khoan cọc nhồi, đào móng xây cầu vượt	-

TT	Loại chất thải nguy hại (CTNH)	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng dự tính	Công đoạn phát sinh	Đặc tính nguy hại
	Tổng			30,45 kg/quá trình		

Đánh giá tác động:

- Mùi dầu, hơi dầu môi trong CTNH làm gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của 60 CBCNV, người dân canh tác tại khu vực lân cận, các hộ dân gần tuyến đường thi công; người tham gia giao thông trên tuyến đường giao cắt với dự án.

- Môi trường nước: CTNH cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn làm ô nhiễm kênh mương thủy lợi xung quanh Dự án, hệ thống thoát nước chung khu vực và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thiếp. Các chất ô nhiễm có trong CTNH sẽ ảnh hưởng tới HST trong nước tại các thủy vực nêu trên (tăng hàm lượng dầu mỡ thải, giảm khả năng trao đổi oxy và khả năng hô hấp của sinh vật trong nước).

- Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV/1 công trường/02 đội thi công, khu dân cư xung quanh khu vực thực hiện Dự án và người tham gia giao thông.

- Phạm vi tác động: khu vực Dự án và xung quanh.

- Mức độ tác động: lớn.

Các nhà thầu thi công dự án phải có những biện pháp thu gom, xử lý các chất thải nguy hại như trên nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường khu vực dự án. Mức độ tác động này dự báo ở mức trung bình. Các giải pháp giảm thiểu sẽ được đề cập trong phần tiếp theo của báo cáo.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn xây dựng không liên quan tới chất thải

1). Tác động do tiếng ồn

Trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án, hoạt động của các phương tiện, thiết bị máy móc trên công trường sẽ phát sinh ra tiếng ồn. Mức độ lan truyền tiếng ồn phụ thuộc vào mức âm và khoảng cách từ vị trí gây ra đến môi trường tiếp nhận.

Bảng 3. 34: Mức ồn điển hình của các thiết bị, phương tiện thi công ở khoảng cách 2m

TT	Tên máy/Công suất	Mức ồn ở khoảng cách 2m (dBA)
1	Ô tô tải	79 – 83
2	Máy đào, xúc	78 – 90
3	Máy ủi	80 – 92
4	Xe lu	67 – 73
5	Máy san tự hành	72 – 78
6	Ô tô tưới nước	76 – 78
7	Máy đầm	75 – 78

TT	Tên máy/Công suất	Mức ồn ở khoảng cách 2m (dBA)
8	Máy trộn bê tông	68 – 74
9	Xe bơm bê tông	72 – 80
10	Máy cắt uốn thép	75 – 78
11	Máy hàn	63 – 68
12	Máy khoan	78 – 86
13	Máy rải	68 – 72
14	Cần trục bánh xích	65 – 69
15	Thiết bị khoan nhồi	75 – 89
16	Máy bơm nước	63 – 75
17	Máy phun nhựa đường	68 – 72
18	Máy phát điện	80 – 82

(Nguồn: US-EPA, AP-42, “Fifth edition 1995, Compilation of Air pollutant emission factors”, Office of Air Quality and Standards, 2006)

Khả năng lan truyền của tiếng ồn từ các thiết bị thi công tới khu vực xung quanh được xác định bằng công thức xác định mức độ ồn tại một điểm cách nguồn x (m) được xác định như sau:

$$L_p(x) = L_p(x_0) + 10 \lg(x_0/x_p) \quad (\text{Công thức 3.5})$$

Trong đó:

- $L_p(x_0)$: Mức ồn cách nguồn 2m (dBA)
- x_0 : $x_0 = 2m$
- $L_p(x)$: Mức ồn tại vị trí tính toán (dBA)
- x : Khoảng cách từ nguồn tới vị trí tính toán (m).

Mức ồn tổng cộng tại một điểm được xác định theo công thức sau đây:

$$\sum L = 10 \lg \sum_{i=1}^n 10^{0,1L_i}, \text{ dBA} \quad (\text{Công thức 3.6})$$

Trong đó :

- $\sum L$: tổng mức ồn (mức cường độ âm thanh) tại điểm xem xét;
- L_i : mức ồn của nguồn i;
- n : số nguồn ồn.

Dựa vào số lượng thiết bị máy móc có khả năng hoạt động cùng một lúc như đã nêu ở trên và các công thức trên, ta tính toán được mức ồn trong môi trường không khí xung quanh. Kết quả tính toán được thể hiện trong sau:

Bảng 3. 35: Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công theo khoảng cách

TT	Loại máy móc	Mức ồn ứng với khoảng cách (m)				
		5	20	50	100	200
1	Ô tô tải	77,0	71,0	67,0	64,0	57,0

TT	Loại máy móc	Mức ồn ứng với khoảng cách (m)				
		5	20	50	100	200
2	Máy đào, xúc	80,0	74,0	70,0	67,0	60,0
3	Máy ủi	82,0	76,0	72,0	69,0	62,0
4	Máy lu	66,0	60,0	56,0	53,0	46,0
5	Máy san tự hành	71,0	65,0	61,0	58,0	51,0
6	Ô tô tưới nước	73,0	67,0	63,0	60,0	53,0
7	Máy đầm	72,5	66,5	62,5	59,5	52,5
8	Máy trộn bê tông	67,0	61,0	57,0	54,0	47,0
9	Xe bơm bê tông	72,0	66,0	62,0	59,0	52,0
10	Máy cắt uốn thép	72,5	66,5	62,5	59,5	52,5
11	Máy hàn	61,5	55,5	51,5	48,5	41,5
12	Máy khoan	78,0	72,0	68,0	65,0	58,0
13	Máy rải	66,0	60,0	56,0	53,0	46,0
14	Cần trục bánh xích	63,0	57,0	53,0	50,0	43,0
15	Thiết bị khoan nhồi	78,0	72,0	68,0	65,0	58,0
16	Máy bơm nước	64,0	58,0	54,0	51,0	36,0
17	Máy phun nhựa đường	66,0	60,0	56,0	53,0	16,0
18	Máy phát điện	77,0	71,0	67,0	64,0	38,0
	Mức ồn trung bình	70,7	64,7	60,7	57,7	52,1
	Mức ồn tổng cộng	87,6	81,6	77,6	74,6	67,6
	QCVN 26:2010/BTNMT: Độ ồn khu vực thông thường 70dBA					
	QCVN 24:2016/BYT: Độ ồn khu vực lao động 85 dBA					

Nhận xét:

Mức ồn từ các nguồn phát sinh từ khoảng cách 20-500m đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT. Mức ồn tại khoảng cách nguồn ồn khoảng 5m đa số vượt quy chuẩn với các máy móc.

Mức ồn trung bình phát sinh do các máy móc, thiết bị thi công đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, riêng ở khoảng cách 5m vượt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT khoảng 0,7 dBA.

Mức ồn tổng cộng do máy móc phát sinh ở khoảng cách <5m đều vượt giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT 2,6 dBA; ở khoảng cách <100m vượt QCVN 26:2010/BTNMT từ 4,6-17,6 dBA; ở khoảng cách >200m đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

Tác động của tiếng ồn:

- Tác động đến con người: Tiếng ồn chủ yếu ảnh hưởng đến sức khỏe, năng suất làm việc của 60 CBCNV thi công và dân cư xung quanh như: khu dân cư tiếp giáp Dự án; ảnh hưởng gián tiếp đến khu dân cư gần dự án và các đối tượng khác cách Dự án >500m nên hầu như không chịu tác động bởi tiếng ồn.

Tiếng ồn tác động đến con người dẫn đến các biểu hiện xấu về mặt tâm lý, sinh lý và thậm chí cả bệnh lý, là một trong các nguyên nhân gây ra căn bệnh thần kinh, đau đầu, tăng huyết áp, mất ngủ và giảm trí nhớ. Với cường độ âm thanh lớn, tiếng ồn có thể gây ra tác động xấu đến thính giác, làm tổn thương chức năng thính giác và ở mức độ cao, có thể gây ra chói tai, thậm chí thủng màng nhĩ. Tiếng ồn còn ảnh hưởng đến tim mạch như tăng nhịp tim, mạch, huyết áp, làm ảnh hưởng đến hoạt động của dạ dày.

CBCNV làm việc trong thời gian dài chịu tác động bởi tiếng ồn là nguyên nhân của tình trạng mất tập trung từ đó dẫn đến tai nạn lao động. Tiếng ồn tác động đến con người phụ thuộc vào cường độ và thời gian tiếp xúc. Các mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn với con người đã được nghiên cứu và thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 36: Tác động của tiếng ồn ở các mức khác nhau đến sức khỏe con người

Tiếng ồn, dB	Tác hại cho người nghe
0	Ngưỡng nghe được
100	Bắt đầu biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130-135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí và điên
145	Giới hạn cực hạn mà con người có thể chịu được với tiếng ồn
150	Nếu tiếp xúc lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
190	Chỉ cần tiếp xúc ngắn sẽ gây hậu quả lâu dài

(Nguồn: Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2000)

- Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV thi công, người dân xung quanh gần khu vực thực hiện Dự án
- Không gian tác động: khu vực thi công Dự án và lân cận.
- Thời gian tác động: thời gian thi công Dự án.

(2). Tác động do độ rung

Độ rung chủ yếu phát sinh do các máy thi công. Độ rung của một số máy thi công được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 37: Mức rung của các phương tiện thi công

TT	Thiết bị thi công	Mức rung cách 10m (dB)
1	Ô tô tải	72
2	Máy đào, xúc	80
3	Máy ủi	74
4	Máy lu	76
5	Máy san tự hành	75
6	Ô tô tưới nước	68
7	Máy đầm	81
8	Máy trộn bê tông	82
9	Xe bơm bê tông	76
10	Máy cắt uốn thép	79
11	Máy hàn	72
12	Máy khoan	68
13	Máy rải	70
14	Cần trục bánh xích	65
15	Thiết bị khoan nhồi	76
16	Máy bơm nước	80
17	Máy phun nhựa đường	70

TT	Thiết bị thi công	Mức rung cách 10m (dB)
18	Máy phát điện	75
QCVN 27:2010/BTNMT		75

(Nguồn: US-EPA, AP-42, “Fifth edition 1995, Compilation of Air pollutant emission factors”, Office of Air Quality and Standards, 2006)

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung.

Nhận xét: Mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công tại khoảng cách <10m một số loại máy vượt QCVN 27:2010/BTNMT như máy xúc, máy đầm, máy trộn bê tông... có độ rung lớn. Độ rung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công, khu dân cư thôn Vĩnh Thanh tiếp giáp Dự án về phía Nam. Các khu dân cư xóm Hậu (xã Uy Nỗ), thôn Cầu Cả (xã Cổ Loa) cách Dự án khoảng 100-200m và các đối tượng khác cách Dự án >500m nên hầu như không chịu tác động.

Tác động do độ rung:

- CBCNV tiếp xúc với máy móc có độ rung lớn trong thời gian dài dễ gây mỏi cơ, làm rối loạn hệ thần kinh ngoại biên và trung ương, gây ra bệnh khớp xương, rối loạn dinh dưỡng, uể oải, mệt mỏi, năng suất lao động thấp, gây mất tập trung dễ xảy ra tai nạn lao động.

- Các loài sinh vật xung quanh khu vực thi công sẽ phần nào bị ảnh hưởng bởi tác động của độ rung từ hoạt động các thiết bị máy móc thi công. Tuy nhiên khi nhận diện được nguồn tác động, các loài động vật trên cạn sẽ có xu hướng di chuyển sang vị trí khác, điều này làm tăng mức độ cạnh tranh về thức ăn, nơi ở và thay đổi mạng lưới thức ăn. Tuy nhiên mức độ của độ rung không lớn, chủ yếu ảnh hưởng đến các loài trong phạm vi gần và khả năng di chuyển chậm như giun, ếch...

(3). Tác động tới hoạt động giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải, các thiết bị thi công di chuyển

Quá trình thi công Dự án có sự tham gia của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và khối lượng đổ thải ra vào khu vực. Do đó sẽ làm gia tăng mật độ giao thông khu vực trên các tuyến đường QL3, Đào Duy Tùng, đường Cổ Loa và đường Cao Lỗ kéo theo các tác động tiêu cực sau:

- Gia tăng mật độ giao thông gây ùn tắc vào những giờ cao điểm.
- Là nguyên nhân gia tăng tai nạn giao thông trên tuyến đường, nguy hiểm đến tính mạng và thiệt hại tài sản đối với người điều khiển phương tiện.
- Bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng sức khỏe của người tham gia giao thông và người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển.
- Bụi phát sinh làm hạn chế tầm nhìn của các phương tiện tham gia giao thông, gia tăng va chạm, tai nạn giao thông trong khu vực.
- Hoạt động vận chuyển làm rơi vãi vật liệu xây dựng và bùn, đất đổ thải trên đường. Nếu gặp trời mưa sẽ trở thành bùn nhão gây lầy hóa, trơn trượt khi mưa ẩm, làm mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng người tham gia giao thông.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, đổ thải của Dự án không có kế hoạch phù hợp dẫn đến chông chéo, gia tăng ùn tắc, va chạm giao thông trên các tuyến đường vận chuyển.

- Gia tăng áp lực lên hệ thống đường khu vực dễ xảy ra hiện tượng hư hỏng mặt đường, gia tăng nguy cơ sụt lún nền đường, tạo thành các ổ gà.

- Các phương tiện vận chuyển vượt quá tải trọng đường gây sụt lún, rạn nứt kết cấu nền đường, bên cạnh đó làm gia tăng bụi cuốn nền đường, che khuất tầm nhìn gây khó khăn cho đi lại, tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

Hoạt động vận chuyển của phương tiện ô tô phục vụ dự án nếu không kiểm soát tốt sẽ gây ra loạt tác động môi trường và xã hội như ô nhiễm không khí, tiếng ồn, rung chấn, cản trở giao thông và nguy cơ tai nạn. Do đó, **việc lập kế hoạch vận hành và kiểm soát vận chuyển là yêu cầu bắt buộc**, đồng thời cần kết hợp tuyên truyền tới người dân, giám sát thường xuyên để giảm thiểu rủi ro.

Bảng 3. 38: Các tác động do quá trình vận chuyển trong quá trình thi công dự án

STT	Loại tác động	Mức độ tác động	Tần suất xảy ra	Phạm vi ảnh hưởng	Khả năng phục hồi
1	Tác động bụi	Trung bình - Cao	Thường xuyên	Dọc tuyến đường vận chuyển	Trung bình
2	Tiếng ồn	Trung bình	Ban ngày, giờ cao điểm	Khu dân cư ven đường	Cao
3	Rung	Trung bình	Khi xe tải lớn chạy qua	Nhà dân gần mặt đường	Trung bình - Thấp
4	Tắc nghẽn giao thông	Cao	Giờ cao điểm	Các nút giao, khu vực đông dân	Cao
5	Nguy cơ tai nạn giao thông	Cao	Không liên tục nhưng nguy hiểm	Khu dân cư, trường học	Thấp

**) Tác động từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu đến các đoạn đường đã xây dựng xong*

Do dự án thi công cuốn chiếu theo từng đoạn tuyến nên quá trình thi công có thể gây ảnh hưởng đến các đoạn tuyến đã xây dựng xong như:

- Sụt lún, hư hỏng bề mặt đường nếu không có các rào chắn, biển cảnh báo nghiêm cấm các phương tiện di chuyển vào phạm vi tuyến Dự án đã xây dựng xong.

- Gây mất trật tự an ninh khu vực, an toàn giao thông giữa các phương tiện lưu thông và các máy móc, thiết bị đang thi công.

- Nguyên vật liệu, đất đổ thải rơi vãi ảnh hưởng đến hoạt động thi công các đoạn tuyến phía sau.

Tuy nhiên, giai đoạn thi công hạn chế di chuyển trên các đoạn tuyến đã thi công xong, Nhà thầu và đại diện chủ đầu tư sẽ khảo sát khu vực nhằm xác định các cung đường di chuyển phù hợp, thuận lợi và hạn chế các tác động.

(4). Tác động đến kinh tế xã hội

- Việc tập trung một số lượng lớn công nhân thi công (60 người) có thể dẫn đến các vấn đề văn hóa - xã hội nhất định do mâu thuẫn giữa công nhân với công nhân, giữa công nhân đến từ nơi khác với người dân địa phương xã Vĩnh Ngọc, Xuân Canh, Cổ Loa, Uy Nỗ, Việt Hùng.

- Gây ra các tác động tiêu cực tới an ninh trật tự xã hội khu vực Dự án, phát sinh các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, trộm cắp, ma túy,... Nếu ý thức của công nhân không cao, không thực hiện đúng quy định trong an toàn và nội quy lao động sẽ làm gia tăng tác động xấu tới an ninh trật tự khu vực.

- Gia tăng khả năng bùng phát dịch bệnh: bệnh tả, bệnh sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, cúm.... Dịch bệnh xảy ra có thể làm lây lan giữa các công nhân với công nhân, công nhân với người dân địa phương khu vực xung quanh, ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần công nhân thi công, người dân, nặng hơn có thể dẫn đến tử vong, gây thiệt hại về kinh tế do tốn kém trong việc chữa trị bệnh, gián đoạn các hoạt động kinh doanh, sản xuất. Bên cạnh đó còn tác động liên hoàn đến các dịch vụ xã hội, an sinh xã hội, giáo dục, văn hóa...

- Gia tăng áp lực đến ngành y tế tại địa phương.

- Tác động đến hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông phục vụ vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu thi công làm hư hỏng đường, gia tăng mật độ giao thông và tăng nhu cầu sử dụng điện trong khu vực.

- Làm chậm tiến độ thi công Dự án do phong tỏa, cách ly,...

- Nước thải từ quá trình thi công chưa được xử lý triệt để thoát vào các thủy vực kênh, mương khu vực, là nguyên nhân làm tăng các chất ô nhiễm trong nước, ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng nguồn nước cấp cho hoạt động tưới tiêu, canh tác của người dân.

- Tác động của các đối tượng ven đường tại khu vực gần dự án: Đối tượng ven đường gần dự án là nhà dân và 02 Công ty sản xuất gạch và nồi hơi. Quá trình thi công có các tác động như sau: Bụi và tiếng ồn từ xe cộ, máy thi công; Sụt lún đất nền gần móng nhà dân, 02 Công ty.

Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV thi công Dự án và dân cư xung quanh, lân cận Dự án.

Không gian tác động: khu vực thi công Dự án và xung quanh.

Thời gian tác động: thời gian thi công Dự án

(5). Tác động tới hệ sinh thái

Quá trình thi công xây dựng Dự án có thể gây ra các tác động đến hệ sinh thái khu vực như:

- Hoạt động đào đắp thi công tuyến đường làm xáo trộn các lớp đất, tác động trực tiếp đến hệ sinh thái dưới đất như giun, dế, ếch... có thể bị chết do tác động cơ học của quá trình thi công.

- Hoạt động thi công cầu vượt qua sông có thể làm rơi vãi bê tông, đất cát xuống thủy vực, làm gia tăng độ đục, tăng khả năng bồi lắng và tích lũy các chất ô nhiễm trong trầm tích tại nguồn nước mặt, làm thu hẹp nơi cư trú của các sinh vật thủy sinh, tăng mối quan hệ cạnh tranh về nơi ở, nguồn thức ăn...

Việc gia tăng độ đục dẫn đến giảm lượng oxy trong nước, ảnh hưởng đời sống hệ thủy sinh, giảm khả năng hô hấp đối với một số loài cá và động vật đáy. Trường hợp độ đục vượt quá mức quy định, một số loài động vật có thể bị chết.

Chất lượng nguồn nước mặt suy giảm dẫn tới giảm khả năng lan truyền ánh sáng,

quá trình quang hợp của các loài thực vật thủy sinh, dẫn tới giảm nguồn thức ăn cho các loài cá sống trong thủy vực, tăng cạnh tranh chuỗi thức ăn.

- Rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thi công, các nguyên vật liệu như dầu mỡ, bentonite nếu không có biện pháp quản lý phù hợp, gặp trời mưa kéo theo rác thải, đất đá, bê tông, dầu mỡ, bentonite rơi vãi gây ô nhiễm nguồn nước và tác động đến chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh.

Tuy nhiên hệ sinh thái trong khu vực Dự án không có các loài nguy cấp, quý hiếm nằm trong sách Đỏ Việt Nam cần bảo tồn, không có các loài di cư bắt buộc, chủ yếu là một số loài phổ biến thường gặp, giá trị kinh tế không cao nên tác động phần nào được giảm thiểu.

- Đối tượng chịu tác động: hệ sinh thái khu vực.
- Không gian tác động: khu vực thi công Dự án và xung quanh.
- Thời gian tác động: thời gian thi công Dự án

(6). Tác động do quá trình thi công đến việc thoát nước của khu vực

- Việc thi công công trình thoát nước nếu không tuân thủ đúng nội dung thiết kế đã được phê duyệt là nguyên nhân không đảm bảo khả năng tiêu thoát của tuyến đường, mất an toàn trong quá trình vận hành công trình. Nếu không khớp nối được hệ thống thoát nước của Dự án với hệ thống thoát nước của các đường giao và các tuyến đường lân cận gây úng ngập toàn bộ khu vực, ảnh hưởng đến chất lượng các tuyến đường. Ngoài ra, quá trình thi công cống và mương hoàn trả không phù hợp với hiện trạng thoát nước của khu vực, không tuân thủ đúng thiết kế sẽ dẫn đến những vấn đề về úng ngập khu vực và xung quanh.

- Nguyên vật liệu, đất thải không được che chắn cẩn thận, khi mưa lớn nước mưa cuốn theo đất đá xuống gây tắc nghẽn dòng chảy dẫn đến úng ngập khu vực, gây thiệt hại trong hoạt động canh tác nông nghiệp khu vực xung quanh, gây ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.

- Hoạt động thi công đào đắp nền đường, cống ngang làm rơi vãi đất đá hoặc nước mưa cuốn theo đất đá xuống thủy vực tiếp nhận gây bồi lắng, tắc nghẽn, cản trở hoạt động tiêu thoát nước.

- Quá trình thi công cống và các đoạn giao cắt với kênh, mương thủy lợi hiện trạng nếu không đảm bảo việc thoát nước gây úng ngập tại khu vực thi công và xung quanh gây hư hỏng, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, tốn kém kinh phí.

- Tác động đối với các đoạn kênh mương nơi tiếp nhận nước mưa, nước thải: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải tạm trong quá trình thi công tuyến đường không đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời gây úng ngập khu vực, dẫn đến chậm tiến độ thi công, hư hỏng thiết bị máy móc, thiệt hại về kinh tế của người dân khu vực chịu ảnh hưởng của úng ngập lụt.

- Khả năng úng ngập khu dân cư lân cận do hoạt động đào đắp, xây dựng cống, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, kênh mương, ... gây ra là không lớn do hiện trạng tại các khu vực có dân cư về cơ bản hệ thống thoát nước ở đây tương đối tốt. Khi mà triển khai thi công đều thực hiện nắn dòng chảy trước sau đó mới thi công.

Đối tượng chịu tác động: hệ thống thoát nước khu vực, khu vực canh tác của người

dân khu vực lân cận Dự án.

Phạm vi tác động: Khu vực Dự án và xung quanh.

Thời gian tác động: Trong thời gian thi công xây dựng Dự án

(7). Tác động do hoạt động thi công tuyến đường

Tuyến đường có chiều dài 3,72 km đi qua khu dân cư, 02 cơ sở sản xuất (công ty gạch và công ty nôi hơi), các công trình thủy lợi như kênh Đài Bi, kênh Đ11, mương nội đồng và sông Thiếp. Việc thi công tuyến đường có thể phát sinh các tác động môi trường chủ yếu như sau:

- Ô nhiễm tiếng ồn và rung động: Máy lu rung, máy xúc, máy đầm, xe ben, ép cọc làm tiếng ồn vượt ngưỡng cho phép tại các khu dân cư lân cận (đặc biệt ban đêm nếu không kiểm soát); Rung động gây ảnh hưởng đến kết cấu công trình nhà dân, nguy cơ rạn nứt tường/mái.

- Tác động đến độ ổn định của nền đất và công trình liền kề: Từ hoạt động lu lèn nền đường, ép cọc, thi công móng có thể gây lún nứt, sạt lở nền móng nhà dân nếu không có giải pháp thi công an toàn; Ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ sở sản xuất gần tuyến (gạch, nôi hơi ...);

- Tác động đến nguồn nước mặt và thủy văn: Đào đắp tại khu vực gần sông Thiếp, kênh Đ11, kênh Đài Bi và mương nội đồng làm thay đổi dòng chảy tạm thời, ảnh hưởng tưới tiêu và tiêu thoát nước; gây xói lở bờ sông, nếu không có gia cố hợp lý; có thể gây ngập úng cục bộ, ảnh hưởng đến canh tác và đời sống dân cư;

- Tác động đến giao thông – sản xuất – sinh hoạt của người dân: Dự án cắt qua các trục đường hiện trạng (QL3, Đào Duy Tùng, Cổ Loa, Cao Lỗ...) thi công làm gián đoạn lưu thông, cản trở vận chuyển; gây ùn tắc, mất an toàn giao thông;

- Tác động đến đời sống kinh tế – xã hội: Do giải phóng mặt bằng, di dời dân cư, mồ mả, ảnh hưởng đất sản xuất gây biến động nơi ở, thay đổi sinh kế; phát sinh tâm lý bất ổn, bức xúc nếu đền bù chưa phù hợp hoặc thi công kéo dài.

Các tác động không liên quan đến chất thải của dự án tuy không gây ô nhiễm trực tiếp, nhưng có ảnh hưởng lớn đến đời sống, sinh hoạt và hoạt động sản xuất của người dân trong vùng chịu tác động. Cần có các biện pháp kiểm soát tiếng ồn, bụi, rung động, đảm bảo giao thông và ổn định thủy văn để giảm thiểu các tác động tiêu cực này.

Tác động	Tần suất	Phạm vi ảnh hưởng	Mức độ	Khả năng phục hồi
Phát sinh bụi và tiếng ồn	Thường xuyên trong thi công	100-300m dọc tuyến	Trung bình – Cao	Có thể phục hồi nếu ngừng thi công và giảm nguồn gây
Sụt lún móng công trình gần tuyến	Cục bộ, tại đoạn nền yếu	Vùng móng nhà dân, xưởng	Cao	Khó phục hồi nếu không xử lý sớm
Ô nhiễm nước kênh, mương, sông	Theo từng giai đoạn thi công	Kênh Đài Bi, Đ11, sông Thiếp	Trung bình	Có thể phục hồi nếu có biện pháp giảm thiểu ngay

Cản trở giao thông, sản xuất	Theo từng đợt thi công đoạn tuyến	Đường nội đồng, đường địa phương	Trung bình	Có thể phục hồi hoàn toàn

(8). Tác động do hoạt động thi công cầu

Quá trình thi công cầu có thể gây ra một số tác động sau:

- Hoạt động đổ bê tông móng cầu, thi công cầu làm rơi vãi bê tông, đất cát xuống nguồn nước tại mương tưới gây làm gia tăng độ đục, tăng khả năng bồi lắng, tác động đến sinh trưởng và phát triển hệ sinh thái do lượng oxy hòa tan trong nước giảm.

- Nước mưa chảy tràn kéo theo rác thải, đất, bê tông, dầu mỡ, bentonite rơi vãi trên bề mặt xuống thủy vực gây ô nhiễm nguồn nước và tác động đến chất lượng nước.

- Gây ảnh hưởng đến cư dân khu vực và tuyến đường sắt đang hoạt động; Cản trở hoạt động khai thác tuyến đường sắt nếu không có biện pháp điều phối hợp lý, có thể ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu.

Ngoài ra, quá trình thi công cầu còn phải tiến hành khoan cọc nhồi tại 2 bên móng cầu sẽ gây ra tác động sau:

- Hư hỏng ở mũi cọc do bê tông bị sũng nước hoặc lẫn nhiều bùn khoan làm giảm chất lượng bê tông tại mũi cọc.

- Hư hỏng thân cọc do bị phình ra hoặc bị co thắt lại, bê tông thân cọc bị đứt đoạn bởi thấu kính đất nằm ngang hoặc lẫn bùn, lẫn vữa bentonite.

- Lượng bentonite đông tụ nhanh và nhiều xuống đáy lỗ khoan dẫn đến không hạ được lồng cốt thép và lỗ khoan,...

- Việc tập kết nguyên vật liệu bố trí không phù hợp sẽ rơi vãi xuống mương gây gia tăng độ đục, tăng khả năng bồi lắng. Ảnh hưởng đến hoạt động tưới tiêu và tiêu thoát nước của mương.

- Dự án không chiếm dụng đất tạm thời, toàn bộ nguyên vật liệu và máy móc thi công được tập kết trong phạm vi Dự án để hạn chế các tác động tiêu cực đến nguồn nước và dân cư lân cận.

- Dự án sử dụng đầm BTCT dự ứng lực, với phương pháp đúc đầm cầu dự ứng lực có nhiều ưu điểm trong đó lớn nhất là thời gian thi công ngắn do có thể kết hợp với các công việc khác trong quá trình xây dựng.

Trong quá trình đúc đầm, việc đầm bê tông khá quan trọng để đảm bảo chất lượng đầm cầu. Hỗn hợp bê tông xi măng được đúc trong ván khuôn với chiều dày tấm bê tông lớn nên sẽ sử dụng kết hợp máy đầm bê tông để đầm nhằm đảm bảo chất lượng bê tông.

Máy đầm rung được thiết kế lắp đặt bên ngoài ván khuôn, hoạt động của máy đầm rung tạo ra lực rung tác động trực tiếp lên ván khuôn làm hỗn hợp xi măng trở nên chặt xít, nhanh thoát bọt khí, giảm lỗ hổng giúp tăng chất lượng bê tông. Dự án sử dụng bê tông thương phẩm bơm vào ván khuôn, bê tông được bơm vào kết hợp sử dụng đầm rung làm bê tông không bị phân tầng, phân lớp tạo ra khối bê tông chắc chắn có chất lượng cao phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng.

→ Như vậy có thể thấy, hoạt động đúc đầm cầu được diễn ra trong thời gian ngắn, sử dụng bê tông thương phẩm và hầu như không phát sinh nước thải trong quá

trình thi công. Chủ yếu gây ra tác động rung trong quá trình sử dụng máy đầm rung, tuy nhiên thời gian thực hiện ngắn nên các tác động phần nào được hạn chế.

- Mặt bằng công trường tại cầu vượt: mặt bằng công trường được bố trí ở đầu cầu bên phải hoặc trái tuyến trong phạm vi GPMB.

Ngoài ra, ngoài những tác động chung, sẽ có các tác động riêng của việc thi công 02 cầu, cụ thể như sau:

Bảng 3. 39: Tác động do hoạt động thi công cầu (thi công dưới nước/trên cạn)

Loại tác động	Cầu vượt sông Thiếp (dưới nước)	Cầu vượt đường sắt (trên cạn)
Tác động đến chất lượng nước mặt	+ Bùn khoan, dầu mỡ rò rỉ gây đục nước, ô nhiễm hữu cơ. + Nguy cơ lan truyền vật liệu khoan nếu không kiểm soát.	Ít ảnh hưởng trực tiếp đến nước mặt. Chủ yếu ảnh hưởng nếu mưa rửa trôi vật liệu thi công.
Tác động đến thủy sinh	+ Ảnh hưởng nơi cư trú, sinh sản của cá. + Tăng độ đục làm nghẽn mang cá, giảm oxy hòa tan.	Không ảnh hưởng trực tiếp, trừ khi có hệ thống thoát nước đổ vào ao hồ gần đó.
Tác động đến hệ thống thủy văn	+ Cản trở dòng chảy tạm thời. + Có thể gây xói bờ, thay đổi dòng chảy nếu không bố trí cầu hợp lý.	Không ảnh hưởng đến thủy văn nhưng ảnh hưởng đến lưu thông đường bộ hoặc đường sắt.
Tiếng ồn, rung chấn	+ Có nhưng bị hấp thụ bớt bởi nước. + Ảnh hưởng ngắn hạn trong bán kính nhỏ.	+ Lớn hơn, ảnh hưởng dân cư ven đường sắt. + Gây bất tiện cho người đi lại gần công trường.
Tác động an toàn giao thông	+ Nguy cơ rơi vật liệu xuống sông nếu không che chắn. + Hạn chế giao thông thủy (nếu có).	+ Nguy cơ ảnh hưởng an toàn tàu hỏa nếu rơi thiết bị, vật liệu. + Phải bố trí chắn đường tạm.
Tác động đến nước ngầm	+ Xuyên tầng chứa nước nếu không kiểm soát cọc. + Có thể gây xói mòn nền móng dưới lòng sông.	+ Rủi ro sụt lún nếu khu vực đất yếu. + Có thể gây ảnh hưởng đến tầng nước ngầm nông cục bộ.

- Đối tượng chịu tác động: chất lượng nước mặt tại sông Thiếp; chất lượng không khí xung quanh khu vực đường sắt thuộc phạm vi dự án.

- Phạm vi tác động: Khu vực Dự án và xung quanh.

- Thời gian tác động: Trong thời gian thi công xây dựng Dự án

*) *Đánh giá tác động do thi công cọc khoan nhồi*

Khi thi công cọc nhồi sẽ tạo nên những chấn động có thể gây ảnh hưởng đến những công trình xung quanh. Theo kết quả đo đạc rung chấn ở một số công trình đã thi công cọc nhồi cho thấy, trong thời gian khoan, hạ cốt thép và đổ bê tông thì mức độ rung động nhỏ, không gây ra hiện tượng phá hoại và làm gãy nứt công trình lân cận. Chỉ khi cắm và rút ống định hướng lỗ khoan, chấn động lúc này có thể gây nên sự phá hoại các công trình gần hố khoan. Theo số liệu đã đo được, thời gian cần thiết để cắm ống định hướng xuống đất khoảng 230 giây và thời gian rút ống khoảng 150s. Từ các số liệu

trong quá trình khoan thử nghiệm cho thấy chấn động ở khoảng cách 20m tính từ tâm điểm khoan có độ chấn động cấp III. Như vậy, trong quá trình thi công cọc nhồi của dự án không có công trình lân cận trong phạm vi 20m, nên tác động này là không đáng kể.

Tuy nhiên sẽ không tránh khỏi có sự xâm nhập nước mặt xuống các tầng chứa nước ngầm ở khu vực. Khi tạo vị trí cọc bằng cách khoan sâu xuống đất tạo các lỗ trống có đường kính lớn hơn đường kính cọc khoan, tại những nơi cường độ đất yếu, trong khi khoan phải đưa các chất phụ gia bịt kín và tăng cường độ bề mặt khu vực khoan, điều này cũng sẽ làm giảm sự xâm nhập nước mặt vào nước ngầm, nhưng sẽ gây ô nhiễm nguồn nước bởi các chất phụ gia. Trong thời gian chưa đổ bê tông cọc nhồi là thời gian mà nước mặt và nước ngầm tiếp xúc thâm nhập lẫn nhau nhiều nhất. Tiếp theo là công đoạn bịt đáy trụ, đặt cốt thép bỏ đá và phun vữa bê tông. Một số mạch nước ngầm sẽ bị bịt kín bởi vữa bê tông hoặc có thể bị ô nhiễm bởi các chất phụ gia dẻo, phụ gia đông cứng trong vữa xi măng khi bê tông chưa đông cứng. Các chất phụ gia này nếu không được quản lý tốt sẽ gây ô nhiễm đáng kể tới các thủy vực nước mặt.

Khi thi công cọc khoan nhồi sẽ phải sử dụng một lượng lớn betonite. Thông thường, lượng betonit sử dụng cho mỗi cọc bằng 2 lần thể tích cọc. Tuy nhiên, trong thi công betonite được tái sử dụng. Kinh nghiệm cho thấy, lượng betonit thải thường chỉ chiếm khoảng 1,6 lần thể tích cọc. Như vậy, khi thi công cọc khoan nhồi cho các trụ cầu, lượng đất lẫn betonite từ hoạt động thi công cọc khoan nhồi không lớn. Khối lượng chất thải này rất dễ khuếch tán trong nước, dẫn đến làm tăng lượng chất rắn lơ lửng trong nước khi lắng đọng. Mặc dù không độc theo tính hoá lý, nhưng với độ mịn cao, betonite sẽ làm tê liệt quá trình hô hấp của thủy sinh.

(9). Tác động do hoạt động thi công hoàn trả kênh mương thủy lợi hiện trạng

Dọc tuyến Dự án có các công trình thủy lợi (chi tiết thể hiện tại Bảng 1.4) có nhiệm vụ tiêu, tưới và thoát nước. Quá trình thi công Dự án sẽ tiến hành thiết kế các cống ngang và mương xây dọc tuyến tại các vị trí chiếm dụng này (*chi tiết tại Mục 1.2.1.4. Hạng mục hoàn trả kênh mương thủy lợi*). Việc chiếm dụng đất công trình thủy lợi trên có thể gây ra các tác động sau:

- Nếu không có phương án thiết kế cống ngang và mương xây phù hợp với hiện trạng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiêu thoát và cấp nước tưới tiêu cho diện tích lúa và dân sinh các xã xung quanh.

- Nếu không có biện pháp thi công phù hợp sẽ gây ô nhiễm chất lượng nguồn nước tại các vị trí cống, mương xây ảnh hưởng đến chất lượng nước phục vụ tưới, giảm năng suất canh tác và kinh tế của người dân.

- Việc thi công hoàn trả mương cũng có thể xảy ra nguy cơ xảy ra sụt lún, rạn nứt công trình thủy lợi liên kề, hay chính là điểm đầu kết nối và điểm cuối kết nối của đoạn kênh mương chiếm dụng được hoàn trả: Nguyên nhân do chấn động, đào đất, nắn dòng trong thi công không hợp lý dẫn đến lưu lượng thay đổi, áp lực nước tăng làm hư hỏng tràn nước qua bờ.

- Tiến độ thi công chậm dẫn đến các tác động tiêu cực đến công trình thủy lợi, diện tích tưới và năng suất cây trồng của người dân.

- Bên cạnh đó, các hoạt động thi công có thể gây ra sụt lún hệ thống mương tưới tiêu hiện trạng, ảnh hưởng đến hoạt động tưới tiêu, thoát nước chung. Khi đó sẽ kéo theo

nhiều tác động tiêu cực như: tắc nghẽn dòng chảy, ngập úng khu vực, gây ảnh hưởng đến cây trồng, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân, tăng thời gian và chi phí thi công, thiệt hại về kinh tế.

- Tuy nhiên, Dự án sẽ tiến hành thiết kế các cống ngang với các hoạt động hạn chế đào sâu, chủ yếu thực hiện trên bề mặt nên hạn chế các tác động tới công trình thủy lợi dọc tuyến. Dự án thi công theo từng đoạn tuyến nên các tác động mang tính cục bộ và trong thời gian ngắn. Mặt khác, các đoạn thi công cống ngang đường đều không cắt ngang với đường giao thông hiện trạng nên không ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân tham gia giao thông.

- Nếu không thông báo về kế hoạch, tiến độ, phương án thi công tại các vị trí công trình thủy lợi sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý của các đơn vị quản lý công trình thủy lợi dọc tuyến Dự án và lân cận, kéo theo các tác động tiêu cực như sau:

+ Ảnh hưởng đến kế hoạch tưới tiêu, thoát nước của khu vực, dẫn đến cây trồng không đảm bảo năng suất ảnh hưởng đến kinh tế của người dân địa phương có diện tích tưới.

+ Ảnh hưởng đến công tác vận hành của các đơn vị quản lý, gây chông chéo giữa kế hoạch vận hành của các công trình thủy lợi.

+ Không đảm bảo việc thoát nước trong khu vực có thể gây ngập úng diện tích đất nông nghiệp hoặc khu vực thi công của Dự án.

- Đối tượng chịu tác động: hoạt động tưới tiêu, thoát nước của các công trình thủy lợi hiện trạng dọc tuyến, kinh tế dân cư có ảnh hưởng bởi hoạt động tưới tiêu.

- Không gian tác động: khu vực thi công Dự án và lân cận.

- Thời gian tác động: thời gian thi công Dự án.

(10). Đánh giá tác động tại bãi tập kết nguyên vật liệu xây dựng và hoạt động đổ thải

Trong quá trình thi công, khối lượng đất bóc lớp bề mặt sẽ được vận chuyển tới bãi thải của các xã để tận dụng cho sản xuất nông nghiệp. Đối với khối lượng phá dỡ công trình hiện trạng (trừ các công trình tạm của người dân địa phương) và đất đào thừa sẽ được vận chuyển đến bãi thải là bãi Nguyên Khê. Nguyên vật liệu sẽ được vận chuyển theo tiến độ thi công các hạng mục. Hoạt động lưu trữ tạm và đổ thải có thể gây ra một số tác động sau:

- Việc tập kết tại vị trí không hợp lý sẽ làm giảm mỹ quan khu vực, ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân.

- Có thể rơi vãi xuống các cống, mương, sông lân cận gây bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy, ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thoát nước của người dân và sử dụng nước phục vụ tưới tiêu của người dân.

- Nếu gặp trời mưa có thể gây lầy, ảnh hưởng đến an toàn khi đi lại qua khu vực, vào ngày nắng gió có thể gây phát tán bụi.

- Đất, nguyên vật liệu,...không tập kết đúng nơi quy định hoặc rơi vãi gây trơn trượt trên mặt đường, dẫn đến nguy cơ mất an toàn giao thông giữa các phương tiện vận chuyển với các phương tiện khác lưu thông trên tuyến đường, gây ảnh hưởng đến tính mạng người tham gia giao thông, thiệt hại về kinh tế; hoặc ảnh hưởng đến hoạt động tưới thoát nước, canh tác nông nghiệp của người dân gần khu vực thi công.

- Hoạt động vận chuyển khối lượng phá dỡ, đất đào đổ thải đến bãi thải; vận chuyển đất bóc hữu cơ đến bãi chứa tạm nếu không sử dụng xe chuyên dụng, che chắn cẩn thận sẽ rơi vãi đất xuống tuyến đường vận chuyển gây cản trở giao thông và gia tăng tai nạn giao thông.

Như vậy cho thấy, việc rửa trôi đất cát, nguyên vật liệu, dầu mỡ vào các lưu vực lân cận tuyến đường có thể xảy ra khi gặp hiện tượng mưa bão. Tuy nhiên, Dự án thi công theo từng đoạn tuyến, đã bố trí các kho, bãi tập kết lưu chứa tạm thời nguyên vật liệu, đất đắp tại các khu vực thuận tiện thi công và cách xa nguồn nước, khu dân cư lân cận; các bãi tập kết được che chắn phủ bạt nên nguy cơ rửa trôi phần nào có thể chủ động động không chế.

(11) Đánh giá tác động khi thực hiện dự án tại các nút giao

- Gây tắc nghẽn, gián đoạn giao thông;
- Làm hỏng kết cấu đường hiện hữu;
- Bụi, tiếng ồn, rung lắc khi đào xới mặt đường;
- Tai nạn giao thông tại khu vực giao cắt;
- Ảnh hưởng đến hoạt động của tuyến đường sắt.

3.2.1.3. Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án giai đoạn thi công xây dựng

(1). Sự cố tai nạn lao động

Các tai nạn phổ biến trong giai đoạn thi công là điện giật, ngã, đuối nước, bị các vật nặng đè lên người hoặc một phần cơ thể, ...Nguyên nhân xảy ra sự cố thể do:

- Sức khỏe của người lao động không đảm bảo, có thể bị choáng, ngất khi đang thao tác, vận hành máy móc thi công và phương tiện vận chuyển.
- Các công nhân thiếu sự hợp tác với nhau trong công việc thi công.
- Trang thiết bị bảo hộ lao động không đủ hoặc không đảm bảo theo quy định.
- Thiếu sót trong thực hiện biện pháp thi công, thiết kế: thiết kế kết cấu nền đường tuyến dự án, thực hiện thi công không đúng kỹ thuật,...
- Thiếu sót trong tổ chức thi công: bố trí công việc không đúng trình tự, tổ chức giao thông chằng chéo tại các đoạn tuyến, sử dụng vật liệu không đúng tiêu chuẩn, cắt bớt quy trình thi công...;
- Thiếu sót về kỹ thuật: máy móc, phương tiện, dụng cụ thiếu hoàn chỉnh hoặc bị hư hỏng như: thiếu cơ cấu an toàn, thiếu che chắn, thiếu hệ thống báo hiệu phòng ngừa...;
- Vi phạm các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn;

Các nguyên nhân do rủi ro: tai nạn do xe vận chuyển, trượt té, tai nạn điện... Vào những ngày mưa nguy cơ tai nạn lao động càng tăng cao do trơn trượt, dễ xảy ra sự cố về điện, dễ xảy ra sụt lún...

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động khá đa dạng, có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Tuy nhiên đều để lại những hệ lụy kéo dài đối với gia đình các nạn nhân, gây thiệt hại về người và tài sản. Đồng thời cũng làm chậm

tiền độ chung của cả Dự án và thiệt hại kinh tế cho Đại diện chủ đầu tư.

- Đối tượng chịu tác động: 60 CBCNV thi công.
- Phạm vi tác động: khu vực thi công các hạng mục công trình của Dự án.
- Thời gian tác động: giai đoạn thi công xây dựng.

(2). Sự cố cháy nổ, chập điện

Nguyên nhân xảy ra sự cố cháy nổ có thể do:

- Hệ thống cấp điện tạm thời cho các máy móc, thiết bị thi công có thể gây ra sự cố giật, chập, cháy nổ..., gây thiệt hại về kinh tế hay tai nạn lao động cho công nhân.
- Ý thức của công nhân thi công trong việc sử dụng vật liệu gây cháy như: hút thuốc, đốt lá cây,...
- Khi xảy ra thiên tai (bão, gió lốc,...) có thể gây ra sự cố chập điện, sét đánh gây cháy, nổ.

Khi sự cố xảy ra có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, hư hỏng máy móc thiết bị, thiệt hại về kinh tế và môi trường.

(3). Sự cố ách tắc và tai nạn giao thông

Dự án thi công nối tiếp với đường Trường Sa, đường QL3 và một số đường giao dân sinh, ngõ xóm hiện hữu. Do đó có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông như:

- Đơn vị thầu thi công không có phương án tổ chức giao thông dọc tuyến phù hợp.
- Các thiết bị, máy móc thi công chưa tập kết đúng vị trí hoặc sự bất cẩn của người điều khiển thiết bị thi công.
- Khi vận chuyển nguyên vật liệu, khối lượng phá dỡ, khối lượng đất bóc lớp bề mặt không được che chắn, bị rơi vãi trên đường gây cản trở cho hoạt động giao thông khu vực.
- Không dọn dẹp mặt bằng thi công, chiếm dụng phần làn lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông dọc tuyến Dự án.
- Không bố trí cán bộ điều phối giao thông khi các xe vận chuyển ra vào khu vực Dự án.

(4). Sự cố do thiên tai

Theo trình bày tại Chương 2, Mục 2.1.1.2: khu vực Dự án chịu ảnh hưởng chung của các hiện tượng thời tiết bất thường tại thành phố Hà Nội. Trong những năm gần đây thường xuyên xuất hiện các trận mưa bão lớn gây ngập các tuyến đường liên thôn, liên xã; ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động giao thông cũng như đời sống sinh hoạt của người dân khu vực. Do đó, giai đoạn thi công Dự án có thể gặp hiện tượng mưa bão gây ra úng ngập, sụt lún các tác động cụ thể như sau:

- Mưa lớn gây hiện tượng sụt lún, sạt lở các công trình đang thi công gây thiệt hại về người và kinh tế. Đặc biệt tại vị trí thi công qua sông.
- Ngoài ra mưa bão có thể cuốn trôi nguyên vật liệu, đất đá thải phục vụ thi công xuống hệ thống thoát nước của khu vực gây tắc nghẽn, làm gián đoạn quá trình tiêu

thoát nước, gia tăng nguy cơ xảy ra ngập úng.

- Chậm tiến độ thi công.

(5). Sự cố ngập lụt trong thi công

Quá trình thi công chiếm dụng các mương thủy lợi hiện trạng; thi công 01 cầu vượt sông Thiếp nên có thể xảy ra sự cố ngập lụt trong thi công do nguyên nhân sau:

- Thực hiện thi công đoạn tuyến đi qua kênh, mương thủy lợi hiện trạng, cầu vượt qua sông vào những ngày mưa.
- Không có phương án thi công khả thi, tiêu thoát nước tạm nên ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước của hệ thống kênh mương hiện trạng dọc tuyến dẫn đến ngập úng.
- Quá trình thi công không đảm bảo cao độ thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Trước khi thi công nếu không thông báo cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống kênh, mương tiêu thoát nước hiện trạng sẽ là nguyên nhân lớn gây ra nguy cơ gây ngập úng khu vực thi công, do không đảm bảo việc tiêu thoát nước.

3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện giai đoạn xây dựng



Hình 3. 1: Mặt bằng bố trí công trường thi công của dự án

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi và khí thải phát sinh

Thi công xây dựng theo đúng chỉ giới đỏ và tiến độ đã phê duyệt. Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đồ án tổ chức thi công như các biện pháp thi công, bố trí máy móc thiết bị, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, chống sét, bố trí bãi để nguyên vật liệu, hậu cần phục vụ...

(1). Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình bóc đất hữu cơ, đào đắp, phá dỡ công trình

hiện trạng

- Trước khi thi công thực hiện phun nước tạo ẩm khu vực thực hiện bóc đất hữu cơ (khu vực đất ruộng), đào đắp và phá dỡ hạn chế bụi phát tán. Tần suất phun nước tối thiểu 01 lần/ngày (căn cứ hiện trạng thực tế sẽ điều chỉnh tần suất phù hợp). Sử dụng vòi phun tiêu chuẩn để bề mặt tưới được làm ẩm đều và tránh tạo ra tình trạng lầy lội. Phun nước nhiều lần thay vì mỗi lần phun với khối lượng lớn.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu theo từng đoạn tuyến, không thực hiện đào đắp trên toàn bộ tuyến.

- Đối với đoạn tuyến gần khu vực dân cư sẽ thực hiện lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2m, xung quanh có lắp đèn báo.

- Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác trong quá trình thi công ở mức tối đa.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho 60 CBCNV thi công như quần áo, mũ, khẩu trang, giày, găng tay,...

- Đánh giá tính khả thi: các biện pháp đề xuất phù hợp, đơn giản, dễ thực hiện, hiệu quả cao.

- Không gian áp dụng: khu vực thi công xây dựng Dự án.

- Thời gian áp dụng: trong thời gian thi công.

(2). Giảm thiểu bụi, khí thải do vận chuyển và máy móc thi công

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, bụi phát sinh được khống chế bằng cách phun nước để giảm thiểu bụi mặt đường. Số lần phun nước tối thiểu 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển sử dụng loại xe có thùng và nắp đậy hoặc được phủ bạt kín đảm bảo không rơi vãi và phát tán bụi vào môi trường.

- Sử dụng nguồn cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu tại khu vực xã Phúc Thịnh và thành phố Hà Nội để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nguyên vật liệu, nhằm giảm thiểu tối đa bụi, chất thải phát sinh và nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Phương tiện vận chuyển và máy móc thi công sử dụng đúng loại nhiên liệu khuyến cáo của nhà sản xuất và có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công do nhà thầu sử dụng có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới của Cục Đăng kiểm Việt Nam, người điều khiển có Giấy phép lái xe, chứng chỉ đào tạo quy định.

- Máy móc và phương tiện vận chuyển định kỳ sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ tại các gara chuyên dụng với tần suất 3 tháng/lần.

- Quy định tốc độ phương tiện di chuyển trong công trường thi công 10-15 km/h. lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào tập kết vật liệu thi công phù hợp, tránh xung đột, va chạm.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao tối thiểu 2m bao quanh khu vực đang thi công tại các vị trí cần thiết (đoạn đi qua khu dân cư).

- Rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường (bố trí 01 cầu rửa xe).
- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe nhất là thời gian các giờ cao điểm trong ngày.
- Đánh giá tính khả thi: Các biện pháp đề xuất phù hợp, đơn giản, dễ thực hiện.
- Không gian áp dụng: Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và khu vực thi công Dự án.
- Thời gian áp dụng: trong thời gian thi công.

(3). Giảm thiểu mùi từ hoạt động rải thảm bê tông nhựa mặt đường

- Bê tông nhựa nóng được rải bằng máy chuyên dụng, sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, còn niên hạn sử dụng.
- Sử dụng bê tông nhựa hạt mịn để hạn chế mùi và các khí độc hại ảnh hưởng tới sức khỏe của 60 CBCNV và môi trường xung quanh.
- Không bố trí trạm trộn bê tông nhựa nóng mà mua từ đơn vị cung ứng vận chuyển về Dự án hạn chế tác động do mùi, khí thải.
- Hạn chế thi công rải nhựa đường vào những thời điểm gần trưa nắng nóng, thực hiện thi công vào thời điểm ít người qua lại tránh thời điểm từ 11h-14h.
- Quá trình rải nhựa đường tuân thủ theo đúng thiết kế, kỹ thuật
- Đặt biển báo “công trường thi công” tại khu vực thi công nhằm tăng cường bề mặt đường.
- Trang bị đầy đủ thiết bị, bảo hộ lao động cho 60 CBCNV trực tiếp tham gia thi công như khẩu trang, găng tay, ủng, mũ...
- Đánh giá tính khả thi: Các biện pháp đề xuất phù hợp, đơn giản, dễ thực hiện.
- Không gian áp dụng: Khu vực thi công rải nhựa đường.
- Thời gian áp dụng: Trong thời gian thi công.

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải

a. Về nước thải sinh hoạt

Lượng nước thải sinh hoạt phần lớn tập trung vào giai đoạn đầu của việc thi công các hạng mục công trình. Lượng nước thải sau đó sẽ giảm dần theo thời gian cho đến khi kết thúc công trình. Tuy nhiên, theo tính toán thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải chưa qua xử lý là vượt quá so với tiêu chuẩn (QCVN 14:2008/BTNMT). Do đó nhà thầu phải có trách nhiệm tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam về việc xử lý nước thải trước khi đưa vào nguồn nước. Các biện pháp giảm thiểu sẽ được Chủ dự án đề xuất thực hiện như sau:

Tại công trường thi công sẽ thuê 02 nhà vệ sinh di động 02 ngăn đặt tại công trường gần nhà văn phòng. Nhà vệ sinh di động, module nguyên khối, vật liệu composite, gọn nhẹ, dễ vận chuyển, lắp đặt; nội thất đầy đủ như bồn cầu, gương soi, lavabo, vòi rửa, có quạt thông gió và đèn tiết kiệm điện. Nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ, bồn chứa cặn 5.000 lít và bồn nước 2.000 lít.

Nước thải từ nhà vệ sinh di động sẽ định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom

xử lý theo quy định. Công trình vệ sinh được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy định vệ sinh của Bộ Y tế và Bộ Xây dựng (TCVN 7957-2008).



Hình 3. 2: Nhà vệ sinh di động sử dụng trong giai đoạn thi công Dự án

- Đánh giá tính khả thi: các biện pháp đề xuất phù hợp, đơn giản, dễ thực hiện.
- Không gian áp dụng: khu vực thi công Dự án.
- Thời gian áp dụng: thời gian thi công Dự án.

b. Về nước thải thi công

Nước thải phát sinh trong quá trình thi công chủ yếu là nước thải từ quá trình rửa xe, các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Không thực hiện thay dầu, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị máy móc thi công trong khu vực công trường. Toàn bộ phương tiện máy móc thiết bị được sửa chữa và bảo dưỡng tại các gara chuyên dụng.

- Đối với nước thải thi công xây dựng phát sinh khoảng 4,87 m³/ngày/công trường. Thành phần của nước thải thi công xây dựng là chứa cặn bẩn, các chất dễ lắng đọng nên để giảm thiểu tác động của nước thải thi công xây dựng đến môi trường nước khu vực thực hiện dự án thì chủ đầu tư cho xây dựng hố ga lắng cặn nước thải thi công xây dựng tại mỗi công trường thi công (bên trong hố ga có tấm vật liệu thấm dầu để thấm hút toàn bộ dầu thải từ nước thải thi công) với thể tích hố ga là 8 m³ (4x2x1m) được xây dựng gần cổng ra vào dự án.

- Bố trí 01 cầu rửa xe có các hố lắng và vải lọc dầu tại cổng ra vào công trường. Nước thải sau khi xử lý không thải ra môi trường, được tái sử dụng cho quá trình xịt rửa lớp xe, làm ẩm mặt đường trong dự án. Vải nhiễm dầu mỡ này được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại. Bùn lắng sau khi được nạo vét sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định. Khi kết thúc hoạt động thi công, Chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng được cấp phép theo quy định đến thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ nước thải, bùn lắng theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

- Các công trình này sẽ được san lấp và hoàn trả mặt bằng trước khi đưa vào vận hành chính thức.

- Không thi công vào ngày có mưa to, bão lũ.

- Bố trí khoảng 2-3 công nhân thực hiện dọn sạch mặt bằng thi công vào cuối ngày làm việc.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Chủ đầu tư tái sử dụng cho tưới đường, đập bụi, rửa xe. Sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án đầu tư thực hiện ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng nạo vét, thu gom và xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cam kết nước thải không xả nước thải thi công ra hệ thống công trình thủy lợi.

Đánh giá tính khả thi: các biện pháp đề xuất phù hợp, đơn giản, dễ thực hiện.

Không gian áp dụng: khu vực thi công Dự án.

Thời gian áp dụng: thời gian thi công Dự án.

c. Về nước mưa chảy tràn

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu xây dựng chọn thời điểm thi công chủ yếu vào mùa khô, để tránh những ngày mưa để giảm thiểu đến mức tối đa lượng nước mưa chảy tràn mang theo đất, cát, chất ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt trong khu vực, cũng như gây bồi lắng, cản trở dòng chảy. Tuy nhiên, trong trường hợp xảy ra mưa bất thường thì giải pháp giảm thiểu được Chủ dự án thực hiện như sau:

- Không thực hiện thi công vào những ngày mưa.
- Toàn bộ nguyên vật liệu tập kết tại Dự án được phủ bạt HDPE và ghim xung quanh hạn chế nước mưa rửa trôi cuốn vào nguồn tiếp nhận.
- Tiến hành thu dọn các chất rơi vãi trong khi đào, đắp các hạng mục của Dự án, hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.
- Bố trí các rãnh thu và thoát nước tạm thời kích thước 0,5x0,5m. Tùy vào địa hình thi công của từng đoạn tuyến đường để bố trí chiều dài của rãnh thoát nước tạm, vị trí của rãnh phù hợp để thu nước mưa chảy tràn phát sinh.
- Bố trí các hố lắng tạm thời tại các vị trí phù hợp để thu được nước mưa chảy tràn từ rãnh thu và thoát nước mưa để loại bỏ các cặn bẩn của nước mưa trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Kích thước của hố ga dự kiến 1x1x1m.
- Đất đắp thi công đến đâu vận chuyển đến đó, hạn chế tập kết tại khu vực công trường.
- Dầu mỡ và vật liệu độc hại phát sinh trong quá trình thi công sẽ được quản lý, thu gom hợp lý và đúng quy định.
- Đánh giá tính khả thi: Các biện pháp đề xuất phù hợp, có tính khả thi cao.
- Không gian áp dụng: Từng đoạn tuyến thi công.
- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.
- Trong quá trình thi công đảm bảo theo trình tự và kỹ thuật thi công, kết nối linh động đảm bảo tiêu thoát nước, tránh ngập úng cục bộ tại khu vực thi công.

3.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu đối với rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, CTNH

Quản lý CTR và CTNH theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

(1). Biện pháp giảm thiểu CTR sinh hoạt

Tại mỗi công trường sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Dự án không bố trí ăn ở cho công nhân tại công trường. Tuyển dụng lao động địa phương có điều kiện tự túc ăn ở.

- Bố trí 1 cụm gồm 03 thùng rác để thu gom chất thải rắn sinh hoạt (thùng rác dung tích 60 lít) có nắp đậy để chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt tại công trường thì công để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu công nhân thực hiện phân loại rác tại công trường thi công (chất thải thực phẩm, chất thải có khả năng tái chế, chất thải rắn sinh hoạt khác), bố trí các thùng rác di động để phân loại rác của công nhân trên công trường. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt theo quy định. Tần suất 1 lần/ngày.

Ngoài ra sẽ lập nội quy về trật tự, vệ sinh công trường, giáo dục công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh khu vực.

- Tính khả thi: Các biện pháp đề xuất phù hợp, tính khả thi cao.

- Không gian áp dụng: Khu vực thi công xây dựng Dự án.

- Thời gian áp dụng: Trong giai đoạn thi công Dự án.

(2). Biện pháp giảm thiểu CTR xây dựng

Dự án bố trí các khu vực tập kết chất thải rắn thi công riêng biệt cho từng công trường (đường và cầu). Các vị trí được lựa chọn có khoảng cách an toàn với khu dân cư và sông, có rào tôn chắn bụi, nền được đầm chặt, chống tràn và có phủ bạt để hạn chế phát tán ra môi trường xung quanh.

Các biện pháp che chắn, thu gom và vận chuyển định kỳ được thực hiện nhằm đảm bảo không gây bụi, mùi hoặc ảnh hưởng đến dân cư lân cận, nhất là tại các đoạn tuyến qua khu đông dân cư.

Tại công trường sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Đại diện Chủ đầu tư sẽ phối hợp với nhà thầu xây dựng lập kế hoạch quản lý CTR xây dựng theo mẫu quy định, đồng thời yêu cầu nhà thầu thực hiện quản lý CTR xây dựng theo kế hoạch đã lập.

- Đối với khối lượng đất hữu cơ: Tái sử dụng toàn bộ cho trồng cây xanh tại dự án.

Ngoài ra, đất từ hoạt động đào móng công trình sẽ tận dụng toàn bộ cho hoạt động san nền của dự án. (Đã được Chủ đầu tư tính toán tại Dự toán hạng mục công trình). Hoạt động đào, đắp theo tiêu chuẩn thiết kế thi công và nghiệm thu công tác đất và công trình bằng đất TCVN 4447:2012.

- Chất thải rắn xây dựng chủ yếu gạch vỡ vụn, cát, sỏi, bê tông vụn được tận dụng để san lấp mặt bằng.

- Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa được thu gom, phân loại, tập trung. Nhà thầu sẽ bố trí 03 thùng chứa loại 200 lít có nắp đậy để lưu giữ tạm thời chất thải. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực cổng ra vào dự án, sau đó chuyển giao cho các đơn vị có chức năng tái chế.

- Bố trí 2 công nhân thu gom, quét dọn chất thải rơi vãi tại khu vực thi công.

- Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý cân bằng vật liệu sử dụng, giáo dục công nhân ý thức tiết kiệm và thắt chặt quản lý, giám sát công trình.

Bảng 3. 40: Bảng tổng hợp Biện pháp giảm thiểu CTR xây dựng tại mỗi công trường thi công đường (bao gồm cả đoạn qua khu dân cư)

Nội dung	Thông tin cụ thể
Vị trí tập kết CTR thi công	- Bố trí tại các bãi đất trống ven tuyến, ưu tiên vị trí cách xa khu dân cư $\geq 30m$ - Không đặt sát nhà dân.
Diện tích bãi tập kết	- Mỗi bãi có diện tích khoảng 200 m ² , đủ chứa CTR rắn xây dựng từng đợt thi công (chủ yếu là đất, đá, gạch vỡ).
Kết cấu nền bãi tập kết	- Nền được đầm chặt, trải đá dăm hoặc bê tông M100, đảm bảo không rò rỉ, lún sụt. - Xung quanh xây rãnh thoát nước tránh ngập úng.
Biện pháp che chắn	- Quây tôn cao $\geq 2m$ xung quanh bãi, có biển cảnh báo “Khu vực chứa phế thải xây dựng – không phận sự miễn vào”. - Bạt phủ kín đồng CTR, đặc biệt vào mùa mưa hoặc khi tạm ngưng thi công.
Biện pháp giảm bụi, mùi	- Phun nước 2–3 lần/ngày trong mùa khô. - Không đốt CTR tại chỗ. CTR hữu cơ, nguy hại (nếu có) phải thu gom riêng.
Tần suất thu gom – vận chuyển	- 3–5 ngày/lần, chuyển đến bãi đổ thải Nguyên Khê

- Tính khả thi: Các biện pháp đem lại hiệu quả trong giảm thiểu cao.
- Không gian áp dụng: Khu vực lán trại của công nhân, khu vực thi công Dự án.
- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.

(3). Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải nguy hại

- Toàn bộ máy móc thiết bị thi công được vệ sinh, sửa chữa, bảo dưỡng tại các gara chuyên dụng, không thực hiện tại khu vực Dự án. Dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng do chủ cơ sở gara chịu trách nhiệm xử lý đảm bảo theo đúng quy định.

- Quy định các nhà thầu thi công thông báo CBCNV tuân thủ việc không thực hiện đốt giẻ lau có thấm dầu, cặn sơn, dầu thừa làm ô nhiễm không khí khu vực Dự án, lân cận và nguy cơ gây hỏa hoạn.

- Bố trí thùng chứa thu gom CTNH phát sinh và tiến hành phân loại chất thải và lưu chứa theo đúng quy định về quản lý CTNH.

- Thu gom toàn bộ CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và lưu chứa trong các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ và lưu giữ trong kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 10 m², có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Kho chứa được đặt tại khu vực công trường thi công. Tại kho bố trí 05 thùng chứa riêng biệt dung tích khoảng 60 lít có dán nhãn cảnh báo.

- Toàn bộ CTNH phát sinh được đại diện Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 3 tháng/lần (tần suất có thể thay đổi tùy thuộc khối lượng chất thải phát sinh thực tế).

- Quy định cấm tuyệt đối các nhà thầu thi công không được đốt các rác thải có dầu, dầu cặn, dầu thừa sau khi thu hồi tại công trường thi công gây ô nhiễm môi trường không khí.

Đánh giá tính khả thi: các biện pháp đề xuất phù hợp, tính khả thi cao.

Không gian áp dụng: khu vực thi công Dự án, kho chứa CTNH tạm.

Thời gian áp dụng: thời gian thi công Dự án.

3.2.2.4. Biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải

(1). Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí thời gian thi công hợp lý, không thi công vào các khung giờ buổi trưa từ 12h - 13h30, buổi tối từ 20h - 6h sáng hôm sau.

- Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung, các máy móc được kê cân bằng trong quá trình thi công.

- Tắt các phương tiện, máy móc thiết bị thi công khi không sử dụng.

- Toàn bộ máy móc sử dụng đa số còn mới và hoạt động tốt, còn niên hạn sử dụng hạn chế tối đa nguồn ồn và rung phát sinh. Khuyến khích nhà thầu sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp.

- Máy móc, thiết bị thi công thường xuyên được bảo dưỡng định kỳ và hoạt động theo đúng công suất của nhà sản xuất quy định.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu trên các tuyến đường giao thông vào giờ cao điểm.

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Những tín hiệu bằng âm thanh như còi, chuông, nhà thầu chỉ sử dụng để báo động khẩn cấp. Sử dụng tín hiệu bằng ánh sáng thay thế còi, chuông hoặc các tín hiệu bằng tiếng động khác trong quá trình thi công.

- Hạn chế sử dụng còi xe khi vận chuyển trong các giờ nhạy cảm như sáng sớm, trưa, chiều tối, chạy đúng tốc độ quy định trên các tuyến đường.

- Hạn chế hoạt động đồng thời các thiết bị có độ ồn cao.

- Trang bị thiết bị chống ồn cho CBCNV thi công giảm thiểu tác động tiếng ồn như: nút tai, bịt tai, ...

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung nêu trên sẽ cho phép môi trường tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép theo quy định của: QCVN 26:2025/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn); QCVN 27:2025/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

- Tính khả thi: Các biện pháp đem lại hiệu quả trong giảm thiểu cao.
- Không gian áp dụng: Khu vực thi công các hạng mục công trình.
- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.

(2). Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông khu vực

- Tại các vị trí nút giao, và vị trí thi công cầu vượt đường sắt thực hiện phân làn, phân luồng, phân tuyến, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến và quy định thời gian đi lại (nếu cần) cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ: Bố trí các biển báo, hướng dẫn phân luồng phù hợp với tuyến đường hiện trạng, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

- Tại các nút giao với đường hiện trạng bố trí các biển phòng vệ, biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường, tiêu chóp nón, đèn cảnh báo, công nhân hướng dẫn an toàn và phân luồng giao thông,...

- Bố trí các đèn chiếu sáng cũng như đèn báo hiệu ở xung quanh khu vực đang thi công (vào ban đêm)

- Bố trí 1-2 cán bộ phụ trách phân luồng, cũng như hướng dẫn di chuyển tại vị trí giao cắt, cán bộ hướng dẫn giao thông được trang bị đủ dụng cụ như: băng đeo tay, cờ chỉ huy, còi,...

- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và đất đắp tránh thời gian cao điểm, các xe vận chuyển còn niên hạn sử dụng, vận chuyển đúng tải trọng cho phép và được che chắn cẩn thận không làm rơi vãi đất cát, nguyên vật liệu ra đường. Trường hợp vận chuyển làm rơi vãi ra đường bố trí người quét dọn, đảm bảo đường sạch sẽ, không trơn trượt khi có mưa.

- Bố trí thời gian vận chuyển một cách hợp lý : Tránh các khung giờ cao điểm từ 6h-8h và 16h-18h.

- Đối với đoạn tuyến đã thi công xong: Bố trí các biển cảnh báo, chỉ dẫn để nghiêm cấm các phương tiện khác di chuyển vào khu vực tuyến Dự án đang thi công.

+ Hạn chế các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp thải lưu thông trên các đoạn tuyến đã thi công xong. Ưu tiên sử dụng các tuyến đường hiện trạng xung quanh Dự án.

+ Bố trí cán bộ điều phối phân luồng giao thông các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực Dự án

+ Bố trí 1-2 lao động quét dọn mặt bằng hàng ngày tại các đoạn tuyến đã xây dựng xong.

(3). Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Ưu tiên tuyển chọn công nhân địa phương để giảm gia tăng dân số cơ học, hạn chế các tác động xã hội tiêu cực tại khu vực Dự án.

- Khai báo tạm trú trong trường hợp có công nhân từ nơi khác đến với các xã của Dự án trong thời gian thi công.

- Quan tâm đến ý kiến cộng đồng về kế hoạch thực hiện Dự án cũng như thông báo cho chính quyền các xã trong quá trình thực hiện Dự án.

- Giữ mối liên hệ với chính quyền địa phương để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện Dự án.

- Nghiêm cấm công nhân trong quá trình thi công tham gia rượu chè, cờ bạc, lô đề, trộm cắp.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực thi công, CTR sinh hoạt, CTR xây dựng và CTNH được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải phát sinh được thu gom vào bể chứa nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị đến hút định kỳ.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động của các đối tượng ven đường tại khu vực gần dự án: Đối tượng ven đường gần dự án là nhà dân và 02 Công ty sản xuất gạch và nồi hơi, biện pháp giảm thiểu cụ thể như sau:

+ Che chắn nhà dân bằng lưới chắn bụi tạm thời; Phun nước thường xuyên.

+ Gia cố đất nền, không đào sát chân nhà dân

+ Tổ chức giao thông hợp lý; Không chắn lối ra vào nhà dân.

+ Dừng thi công trong giờ cao điểm (7h–11h; 13h–17h); Thi công nhanh gọn tại khu vực này.

(4). Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

- Thực hiện thi công theo đúng tiến độ, thi công cuốn chiếu theo từng đoạn tuyến. Hạn chế để rơi vãi nguyên vật liệu, đất đào đắp ra khu vực xung quanh.

- Thi công theo đúng chỉ giới đường đỏ được phê duyệt.

- Trong quá trình thi công thu gom xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng biện pháp đã nêu tại mục trên.

- Toàn bộ khối lượng đất bóc hữu cơ, khối lượng phá dỡ không tận dụng được vận chuyển đến bãi tập kết và đổ thải theo đúng quy định, không tập kết tại khu vực Dự án.

- Dùng bạt che chắn các vật liệu, đất đắp trang thiết bị trong quá trình vận chuyển.

- Che chắn khu vực lưu chứa nguyên vật liệu tránh bị nước mưa cuốn trôi xuống nguồn tiếp nhận trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Kết thúc thi công, dọn sạch hoàn trả mặt bằng hiện trạng.

(5). Biện pháp giảm thiểu tác động do quá trình thi công đến thoát nước của khu vực

- Toàn bộ nguyên vật liệu tập kết tại Dự án được phủ bạt HDPE và ghim xung quanh hạn chế nước mưa cuốn trôi xuống nguồn tiếp nhận.

- Đất đào được tận dụng cho quá trình đắp, lượng đất đào chưa sử dụng được tập kết tạm khu vực cách xa hệ thống kênh mương thoát nước và xe chắn cẩn thận.

- Quá trình thi công cống thoát nước ngang đường, mương hoàn trả và rãnh thoát nước và cầu vượt, quá trình thi công đến đâu, dọn dẹp đất cát rơi vãi đến đâu, đảm bảo không gây cản trở dòng chảy, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước.

- Biện pháp giảm thiểu tác động ứng ngập:

+ Trong thời gian đào hố, đặt cống đơn vị thi công làm mương tiêu phụ hoặc

kênh tạm để duy trì dòng chảy không bị gián đoạn;

- + Tránh tắc nghẽn do vật liệu rơi vãi: Có lưới chắn rác tạm thời đầu cống khi chưa hoàn công và vệ sinh miệng cống trong giai đoạn thi công;

- + Không đắp đường tạm chặn dòng.

- Định kỳ nạo vét hồ ga và rãnh thoát nước mưa tạm, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ trôi rửa đất, cát, dầu mỡ vào lưu vực và cánh đồng lân cận dự án:

- + Tạm dừng thi công khi có mưa lớn, đồng thời có biện pháp gia cố mép mố cầu, bờ hồ móng cống bằng vải địa kỹ thuật hoặc cọc tre chống sạt;

- + Bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện tại các xưởng sửa chữa, bảo dưỡng xe; tránh việc thay thế trên công trường;

- + Khi có mưa xảy ra phải che phủ nguyên vật liệu tạm bằng bạt chống thấm, hoặc tấm địa kỹ thuật;

- + Đào rãnh dẫn nước mưa tạm quanh khu vực thi công để kiểm soát hướng dòng chảy.

(6). Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động thi công đường

Dựa trên các tác động đã đánh giá ở phần trên về việc tác động của việc xây dựng đường khi đi qua khu dân cư, 02 cơ sở sản xuất (công ty gạch và công ty nổi hơi), các công trình thủy lợi như kênh Đài Bi, kênh Đ11, mương nội đồng và sông Thiếp, ... Biện pháp đưa ra như sau:

- Bụi – tiếng ồn: Lắp đặt rào chắn, lưới che chắn bụi tại các vị trí thi công gần khu dân cư; Tưới nước 2 lần/ngày; Thi công vào khung giờ hợp lý (6h00–18h00), tránh thi công gây ồn vào buổi tối; Sử dụng thiết bị thi công hiện đại có chứng nhận khí thải và tiếng ồn phù hợp.

- Nền móng nhà dân – công ty: Khảo sát hiện trạng, lắp thiết bị giám sát rung lắc, không thi công đồng thời nhiều máy nặng gần công trình; Hạn chế sử dụng các loại máy gây chấn động mạnh gần nhà dân (thay thế bằng biện pháp thi công nhẹ rung như ép cọc thủy lực); Giám sát địa kỹ thuật và địa chất công trình thường xuyên trong suốt quá trình thi công.

- Nguồn nước:

- + Thi công cầu/kênh theo phương án cuốn chiếu, không chặn hoàn toàn dòng chảy.

- + Có rãnh thu nước tạm, bẫy bùn, không để nước mưa cuốn bùn đất vào sông.

- + Thi công hoàn trả kết cấu kênh mương đúng quy hoạch (kích thước, độ dốc, vật liệu);

- + Tránh thi công vào mùa mưa lũ cao điểm (tháng 7–9).

- Giao thông – tưới tiêu: Làm đường tạm, bố trí cống tạm vượt mương; thông báo thời gian thi công trước cho người dân; Đảm bảo chiếu sáng tại các khu vực thi công qua khu dân cư về đêm; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc xử lý

phản ánh của người dân.

(7). Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động thi công cầu

a/ Các biện pháp chung giảm thiểu tác động do hoạt động thi công cầu Hoàng Giang và cầu vượt đường sắt Hà Nội – Lào Cai:

- Thực hiện khảo sát, đo đạc địa chất khu vực thi công cầu để có biện pháp thiết kế và thi công xây dựng cầu phù hợp.

- Thông báo tới đơn vị vận hành công trình lân cận phạm vi xây dựng về kế hoạch, tiến độ, phương án thi công chi tiết. Phối hợp với các đơn vị quản lý trên trong công tác thi công, xử lý các sự cố có thể xảy ra.

- Sử dụng các phương tiện, máy móc thi công hợp lý. Không thi công vào ngày mưa

- Thi công đúng theo các bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt và tuân thủ theo các quy định hiện hành kỹ thuật trong xây dựng cầu.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình thi công cầu.

- Thường xuyên giám sát sụt lún và sạt lở trong suốt quá trình thi công để phát hiện sự cố kịp thời.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải và chất thải phát sinh trong quá trình thi công như đã nêu ở trên.

- Thi công theo đúng trình tự, không để nguyên vật liệu thi công rơi vãi xuống nguồn nước.

- Đối với hoạt động đúc dầm: Không đúc dầm vào những ngày trời mưa.

- Đối với hoạt động khoan cọc nhồi: Chọn phương pháp thi công và thiết bị thi công đảm bảo năng lực thiết bị đủ đáp ứng nhu cầu cho công nghệ khoan cọc nhồi.

- Đối với hoạt động đổ bê tông móng trụ cầu: Thực hiện đổ bê tông theo đúng trình tự, đúng kỹ thuật, đồng thời bảo dưỡng bê tông để đảm bảo chất lượng công trình.

- Kiểm soát hoạt động của CBCNV thi công nhằm kiểm soát ô nhiễm. Tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi.

- Khi thi công xong, tiến hành dọn dẹp sạch sẽ, di dời thiết bị máy móc thi công, hoàn trả mặt bằng hiện trạng.

- Tác động tới môi trường nước ngầm do thi công cầu vượt qua sông Thiếp và trụ cầu qua đường sắt: Theo như các số liệu về đường kính cọc, số lượng cọc, độ sâu thi công cọc như đã trình bày tại Mục 1.5.2.3, với tổng thể tích 2.280 m³ khoan sâu vào tầng chứa nước ngầm, tác động đến nước ngầm ở mức trung bình – cao, đặc biệt trong giai đoạn khoan và bơm vữa cọc. Cần có hệ thống giám sát, khoanh vùng bảo vệ nước ngầm trong phạm vi 50m quanh khu vực thi công. Nếu thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu và kiểm tra định kỳ, có thể giảm thiểu rủi ro xuống mức chấp nhận được.

**) Giảm thiểu trong thi công cọc khoan nhồi đối với công trình cầu*

- Toàn bộ công tác thi công, giám sát và nghiệm thu tuân thủ theo Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu cọc khoan nhồi 22TCN-257-2000, TCVN 302-2004 và TCXDVN 326:2004 "Cọc khoan nhồi - Yêu cầu về chất lượng thi công".

- Các ống vách tạm thời không cho phép có những méo mó và khuyết tật, có tiết diện ngang đồng đều trên suốt chiều dài, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của ASTM A36 và 22TCN-257-2000 hoặc TCXDVN 326-2004. Trong quá trình đổ bê tông, các ống vách

không được phép có các biến dạng lồi ra và đỉnh bê tông đã đông kết cũng có thể gây biến dạng sản phẩm cuối cùng.

- Vật liệu Bentonite tuân thủ theo các quy định của 22TCN 257-2000. Bentonite được trộn trong nước sạch để tạo ra huyền phù, duy trì độ ổn định của công tác khoan cọc trong thời gian cần thiết để đổ bê tông và hoàn thiện thi công. Nhiệt độ của nước được dùng để trộn thể vữa bentonite và trộn thể vữa khi dùng trong hố khoan không được dưới 5°C.

- Tại những vị trí mà dung dịch khoan được chấp thuận sử dụng để duy trì sự ổn định của vách lỗ khoan, cao độ của dung dịch trong lỗ khoan được duy trì sao cho áp lực dung dịch luôn lớn hơn các áp lực gây ra bởi các lớp đất và nước ngầm bên ngoài, và ống vách tạm thời được sử dụng cùng với phương pháp dùng dung dịch khoan để đảm bảo sự ổn định của tầng đất gần cao độ mặt đất thiên nhiên cho đến khi bê tông đã được đổ. Cao độ dung dịch khoan được duy trì ở mức cao hơn mực nước ngầm bên ngoài không dưới 1m.

- Tất cả các biện pháp thi công hợp lý được sử dụng để vữa bentonite trên công trường không bị tràn ra bên ngoài các hố khoan. Nhà thầu sẽ đưa ra biện pháp tận dụng thu hồi Bentonite trong công nghệ khoan để trình đề Tư vấn giám sát phê duyệt. Bentonite loại bỏ phải được di chuyển ra khỏi công trường ngay lập tức. Công tác vận chuyển, tập kết tới bãi thải bentonite nào đều tuân thủ các qui định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Sử dụng quy trình kín để tách bentonite trong thùng lắng đọng. Mùn khoan được vận chuyển bằng đường ống đưa thẳng vào các thùng lắng đọng để xử lý.

- Đối với công đoạn bịt đáy trụ phun vữa bê tông, trong giai đoạn này một số mạch nước ngầm có thể bị ô nhiễm bởi các chất phụ gia dẻo, phụ gia đông cứng trong vữa xi măng khi bê tông chưa đông cứng. Sử dụng các loại phụ gia không độc hại làm vữa bịt đáy trụ cầu sẽ giảm ô nhiễm nước dưới đất.

2/ Biện pháp riêng đối với cầu vượt đường sắt

Thi công ngoài giờ chạy tàu, có phối hợp với ngành đường sắt để bố trí lịch làm việc hợp lý. Sử dụng kết cấu thép lắp ghép sẵn để giảm thời gian và tác động thi công tại hiện trường. Phun nước thường xuyên để giảm bụi; lắp hàng rào giảm ồn tạm thời gần khu dân cư. Đảm bảo an toàn theo QCVN 07:2022/BGTVT (quy chuẩn kỹ thuật về đường sắt).

3/ Biện pháp riêng đối với cầu Hoàng Giang

- * Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, ổn định bờ sông Thiếp khi mà dự án xây dựng cầu vượt qua sông:

- Xây dựng ổn định mái bờ tiếp giáp trụ cầu;
- Khi đào hố móng, đổ bê tông trụ: Không thi công đồng thời cả hai bên bờ sông để giảm áp lực dòng chảy; Thi công trong mùa khô; Sử dụng tường chắn tạm hoặc đê quây khô cận khi thi công trong lòng sông.
- Gia cố mái bờ: Không để đất thải tràn xuống lòng sông;
- Sử dụng thiết bị rung thấp, hạn chế thi công vào ban đêm hoặc sau mưa khi đất mềm yếu;

- Giám sát địa chất và độ ẩm mái bờ sông hằng ngày trong suốt thời gian thi công.

Việc thi công cầu vượt sông Thiếp cần áp dụng các giải pháp kỹ thuật – tổ chức – giám sát đồng bộ để bảo đảm ổn định địa chất, dòng chảy và an toàn lâu dài của mái bờ, tránh xói lở, sạt lở và mất đất bờ sông.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đối với chất lượng nước, chế độ thủy văn sông Thiếp:

Trong quá trình xây dựng cầu vượt sông Thiếp, Dự án cam kết áp dụng các biện pháp giảm thiểu nghiêm ngặt nhằm không gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước và chế độ dòng chảy sông. Các biện pháp bao gồm kiểm soát chặt chẽ chất thải thi công, ngăn ngừa rò rỉ dầu mỡ, bảo vệ mái bờ sông, thi công đúng mùa khô và tuân thủ thiết kế trụ cầu đảm bảo thoát lũ. Ngoài ra, Chủ đầu tư sẽ tiến hành quan trắc nước định kỳ và xử lý sự cố (nếu có) theo kế hoạch ứng phó môi trường đã được xây dựng.

- Tất cả máy móc làm việc gần sông phải được kiểm tra kỹ trước khi vào công trường.

- Không sửa chữa lớn trên sàn công tác trong lòng sông.

- Thiết lập vùng cấm rửa thiết bị gần sông, tối thiểu cách bờ sông 50m.

- Không bố trí kho bãi trong hành lang bảo vệ sông ($\geq 30\text{m}$); Vật liệu rời như cát, đá phải che phủ, đặt trong bao, tránh trôi rửa khi mưa; Bãi tập kết đất thải phải cách sông $\geq 50\text{m}$, có đê bao chống tràn.

- Khoảng cách giữa các trụ phù hợp với lưu lượng thiết kế sông Thiếp.

- Thi công vào mùa khô (từ tháng 10–5) để tránh thi công trụ giữa khi nước lớn.

- Dùng khoan cọc nhồi đặt cố định, không chặn dòng chảy toàn phần.

- Không lán dòng hoặc đổ vật liệu xây dựng xuống lòng sông.

(8). Giải pháp hoàn nguyên môi trường tại vị trí xây dựng cầu và sửa chữa các tuyến đường có hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án

- Mặt bằng thi công cầu được bố trí tại đầu cầu, kết thúc thi công tiến hành dọn sạch mặt bằng, nghiệm thu công trình đảm bảo hoạt động lưu thông trong giai đoạn vận hành.

- Bố trí lao động dọn sạch mặt bằng dưới nước, nơi có cầu vượt đi qua như: vớt rác, nguyên vật liệu rơi vãi, ...

- Hạn chế tối đa ảnh hưởng đến dòng chảy của mương.

- Sau khi hoàn thành công trình sẽ tháo dỡ, thanh thải vật liệu, phế thải, công trình phục vụ thi công và hoàn trả hiện trạng sông.

- Các tuyến đường có hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công Dự án sẽ được bảo dưỡng và hoàn trả tối thiểu theo điều kiện ban đầu khi hoàn thành dự án.

Ghi chú: Dự án không chiếm dụng đất tạm thời trong giai đoạn thi công.

*) Dỡ bỏ các công trình tạm thời phục vụ thi công

Dỡ bỏ toàn bộ các lán trại, thu gom vật liệu thừa trên công trường, các thùng chứa dầu mỡ, các bộ phận máy móc bị loại bỏ.

Hoàn trả kết cấu hạ tầng: các tuyến đường giao thông của địa phương, các công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng từ quá trình thi công dự án sẽ được Nhà thầu thi công hoàn trả theo cam kết với địa phương trước khi bàn giao công trình cho đại diện chủ đầu tư, đây được xem là một điều kiện bắt buộc để chủ đầu tư ký xác nhận.

Công tác hoàn nguyên môi trường sẽ được Nhà thầu thực hiện ngay sau khi kết thúc việc thi công trước sự chứng kiến của Chính quyền và đại diện người dân địa phương. Việc thực hiện nghiêm túc công tác hoàn nguyên môi trường sau thi công là một điều kiện bắt buộc và tiên quyết cho việc thanh quyết toán của Nhà thầu với Đại diện chủ đầu tư.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu nêu trên nhằm hoàn trả lại môi trường tự nhiên sau khi kết thúc thi công xây dựng công trình.

(9). Biện pháp giảm thiểu tác động tại bãi tập kết nguyên vật liệu xây dựng và bãi chứa chất thải rắn tạm thời

- Vị trí tập kết nguyên vật liệu thay đổi phù hợp vị trí thi công. Kho tập kết nguyên vật liệu và bãi chứa nguyên vật liệu tạm được che chắn tránh mưa gió xâm nhập, tránh hư hỏng trong quá trình bảo quản.

- Bố trí lịch thi công phù hợp, khối lượng đất bóc hữu cơ và khối lượng phá dỡ các công trình hiện trạng sẽ được các xe vận chuyển đến chở đi trực tiếp luôn trong ngày, không tập kết tại khu vực Dự án.

- Bãi tập kết CTR tạm thời được bố trí xa nguồn nước, không bố trí tràn lan ra công trường thi công để giảm thiểu ảnh hưởng đến quá trình lưu thông xe cộ. Có che dầy bằng bạt HDPE và ghim xung quanh tránh phát tán bụi do gió cuốn tránh mưa gió và hạn chế rửa trôi. Chỉ tập kết tạm trong khoảng 24h, sau đó vận chuyển đổ thải theo quy định.

- Rác thải được vận chuyển ra ngoài khu vực vào cuối ngày, không tiến hành lưu chứa CTR.

- Nguyên vật liệu sử dụng đến đâu vận chuyển đến đấy, không lưu trữ dư thừa nhiều nguyên vật liệu tránh bị rửa trôi, phát tán bụi.

- Hạn chế tác động trôi rửa bùn tại khu chứa chất thải tạm (bùn, nước) trước khi đi đổ thải (Khu vực công trường của dự án bố trí khu chứa nguyên vật liệu, khu chứa chất thải tạm, khu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, ...), như vậy để hạn chế được các tác động phải áp dụng các biện pháp sau:

+ Khu chứa phải chọn vị trí cao ráo; có rãnh thu gom nước mưa và hệ thống thoát nước riêng biệt quanh kho/bãi để tránh nước chảy tràn gây cuốn trôi bùn đất; Che phủ phía trên bằng bạt khi không sử dụng, nhất là trước và trong mùa mưa;

+ Bùn do nạo vét kênh mương phải được vận chuyển đi luôn trong ngày, không để lưu trên công trường;

+ Khu chứa đất bóc tách: Trong quá trình thi công sử dụng cọc tre đóng cách hàng 1m, và hàng rào phen nửa để tránh thất thoát do trời mưa kết hợp người trông coi, bảo vệ của dự án và lập hàng rào bảo vệ trong khu vực dự án. Khu vực tập kết được đánh dốc taluy và thi công hàng rào phen nửa để giữ đất, tránh thất thoát do trời mưa và không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

(10). Biện pháp giảm thiểu tác động khi thi công qua kênh mương, công trình thủy lợi dọc tuyến Dự án

- Thực hiện phương án thiết kế được các cơ quan ban ngành phê duyệt, đảm bảo khớp nối đồng bộ và phù hợp với công trình hiện trạng.

- Thông báo tới các đơn vị quản lý kênh, mương, công dọc tuyến sẽ thực hiện bố trí các công ngang đường về kế hoạch, phương án thi công.

- Phối hợp với các đơn vị quản lý kênh, mương, công dọc tuyến để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố có thể xảy ra nhằm hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thoát, tưới nước của công trình thủy lợi.

- Thực hiện các biện pháp thi công phù hợp, hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu đến các công trình thủy lợi dọc tuyến, đặc biệt tại các vị trí bố trí công ngang và thi công công cầu tạo.

- Không thực hiện lắp đặt công ngang vào những ngày mưa bão và thời gian đang cấp nước tưới liên tục cho diện tích lúa của người dân khu vực.

- Thực hiện đúng tiến độ thi công đã đề ra.

- Thời gian thực hiện và hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi: các biện pháp được thực hiện đồng thời từ thời điểm triển khai xây dựng Dự án đến khi kết thúc, nghiệm thu công trình để đi vào vận hành.

- Thực hiện các biện pháp hạn chế tác động tới các tuyến kênh mương kết nối liền của hệ thống thủy lợi liên kế với dự án:

+ Phải có các biện pháp kỹ thuật – công trình hạn chế tác động: Khi thi công sẽ bố trí hàng rào chắn đất tạm, chống trôi đất xuống kênh mương để chống sạt lở và rò rỉ;

+ Chống ô nhiễm nguồn nước và thoát nước hợp lý.

+ Phải có các biện pháp quản lý – vận hành trong thi công: Quản lý vật liệu, chất thải không tập kết vật liệu, chất thải gần mép kênh; Kịp thời xử lý nếu xảy ra sạt lở, mất dòng.

- Biện pháp giảm thiểu tác động về khả năng sụt lún do hoạt động của dự án gây ra cũng như khả năng sụt lún tại khu vực đất yếu gây ra tại các hạng mục xây dựng công và mương:

+ Thực hiện các biện pháp kỹ thuật – công trình: Khảo sát và thiết kế nền móng chi tiết tại các vị trí xây hoàn trả cống, mương và thực hiện theo đúng thiết kế; Gia cố nền đất yếu bằng cách thi công theo từng lớp mỏng, đầm nén kỹ; Kiểm soát tải trọng thi công bằng cách hạn chế xe tải nặng hoạt động gần mép hố hoặc khu vực mới san lấp chưa ổn định.

+ Thực hiện các biện pháp thi công – giám sát: Giám sát độ lún; Kiểm tra chất lượng san lấp không để tồn đọng nước trong hố đào; luôn ưu tiên thi công vào mùa khô.

Phương án tưới, tiêu nước tạm thời trong khu vực giai đoạn thi công:

- Thông báo tới đơn vị quản lý công trình kênh, mương thủy lợi về kế hoạch, tiến độ, hạng mục xây dựng và phương án thi công cụ thể.

- Phối hợp với đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong việc thực hiện thi công,

phương án tiêu thoát nước tạm thời sẽ được chuẩn hóa và chấp thuận của đơn vị quản lý trong giai đoạn triển khai Dự án tiếp theo, đảm bảo việc tiêu thoát nước tại khu vực và hạn chế tối đa các tác động tới công trình thủy lợi trong thi công.

(11). Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống điện của khu vực

- Thông báo tới đơn vị Điện lực của xã Phúc Thịnh về kế hoạch, tiến độ thực hiện di dời cột điện, đường dây điện, dây cáp; hoạt động lắp đặt hệ thống an toàn giao thông dọc tuyến vào các tủ điện và trạm biến áp hiện trạng.

- Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị Điện lực địa phương trong công tác di chuyển cột điện, đấu nối hệ thống điện.

- Thông báo tới người dân kế hoạch cắt điện cụ thể để thực hiện hạng mục của Dự án

- Thực hiện di dời, lắp đặt hệ thống điện đúng thời gian theo kế hoạch đã thông báo, để người dân khu vực chủ động trong sinh hoạt và công việc hàng ngày.

- Không tiến hành di dời, đấu nối điện vào mùa mưa.

(12). Biện pháp giảm thiểu tác động khi thực hiện dự án tại các nút giao

- Thi công cuốn chiếu, tránh thi công đồng thời nhiều nút giao.

- Cấm biển báo, phân luồng từ xa, có người điều tiết.

- Bóc tách kết cấu mặt đường đúng kỹ thuật.

- Khôi phục mặt đường như cũ sau khi hoàn thành.

- Phun nước thường xuyên, đặc biệt đoạn đường xuống cấp.

- Giới hạn thời gian thi công ban ngày.

- Không sử dụng thiết bị gây chấn động mạnh gần nhà dân.

- Rào chắn cứng, biển cảnh báo rõ ràng.

- Có người cảnh giới, đặc biệt tại tuyến Quốc lộ và đường sắt.

- Không thi công khi có tàu chạy qua.

- Có biện pháp khoan cọc hoặc đẩy ống ngầm nếu cần vượt qua.

(12). Biện pháp thanh thải mặt bằng khi dự án thi công xây dựng xong (hoàn trả mặt bằng)

Việc thanh thải mặt bằng sau thi công không chỉ là dọn dẹp vệ sinh mà còn bao gồm biện pháp kỹ thuật để chống tràn đất, bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn cho khu vực lân cận, đặc biệt là các cánh đồng nông nghiệp. Áp dụng đồng bộ các biện pháp trên sẽ giúp mặt bằng được hoàn trả sạch sẽ, ổn định, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường và đời sống người dân.

Bảng 3. 41: Biện pháp thanh thải mặt bằng khi dự án thi công xong

STT	Nội dung công việc	Biện pháp cụ thể
1	Biện pháp thanh thải mặt bằng	

-	Thu gom đất đá, vật liệu thừa	Toàn bộ đất đá thừa phải được xúc chuyển đi theo đúng tuyến đổ thải đã được quy hoạch, không để tràn ven đường
-	Xử lý nước đọng, bùn tích tụ tại hố lắng nước thải thi công, ...	Thuê đơn vị có chức năng hút sạch các điểm tụ nước, bùn lắng thi công.
-	Thu gom rác, vật liệu phụ trợ	Dọn sạch gạch, sắt thép, bao xi măng... còn sót lại và bàn giao mặt bằng “sạch”.
-	Tháo dỡ các công trình tại công trường thi công	Các công trình nhà điều hành, nhà vệ sinh di động, ... sẽ được vận chuyển đi để sử dụng cho các dự án tiếp theo
2	Biện pháp phòng tránh tràn đất ra cánh đồng	
-	Cố định đất mái ta-luy	Thanh thải trước thời điểm mưa lớn, không để vật liệu, đất đá tồn đọng tại công trường.
-	Không để hệ thống thoát nước bị tắc nghẽn, gây úng ngập và tràn đất	Kiểm tra, bảo trì hệ thống thoát nước để đảm bảo không bị tắc nghẽn, gây úng ngập và tràn đất

3.2.2.5. Các công trình, biện pháp BVMT phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

(1). Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

✓ Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

Phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định về nội quy an toàn lao động cho 60 CBCNV như sau:

- Thực hiện đúng và đầy đủ theo thiết kế biện pháp thi công được duyệt.
- 60 CBCNV được phổ biến rõ phương án tổ chức thi công của Dự án.
- Hạn chế làm việc vào các thời điểm nắng nóng trong ngày.
- Các đường dây dẫn điện tạm trên công trường được kiểm tra thường xuyên nhất là sau khi có mưa bão.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết ((mũ, khẩu trang, ủng nhựa, nút tai chống ồn).

✓ **Biện pháp ứng phó sự cố:** Trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động cần thực hiện các phương pháp sơ cứu tại chỗ và báo ngay với người phụ trách để kịp thời đưa người bị nạn tới cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu kịp thời.

- Đánh giá tính khả thi: Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất trong báo cáo dựa vào Nghị định và Thông tư đã được ban hành là phù hợp, dễ thực hiện.
- Không gian áp dụng: toàn bộ diện tích thực hiện Dự án
- Thời gian áp dụng: thời gian thi công xây dựng Dự án
- Hiệu quả áp dụng: hiệu quả cao.

(2). Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện

✓ Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng cháy chữa cháy:

+ Lập phương án phòng cháy chữa cháy, tuân thủ các phương án PCCC sau khi được phê duyệt

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của 30 công nhân thi công về an toàn cháy nổ.

- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn chống cháy đối với các loại máy móc, thiết bị thi công:

+ Đối với các loại máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao được trang bị đầy đủ hồ sơ, lý lịch và được kiểm định trước khi đưa vào công trường. Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các chế độ kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng đối với đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất và các thiết bị an toàn khác,...

- Hạn chế lưu chứa xăng dầu tại công trường, dùng đến đâu mua đến đó do Dự án không gian chủ yếu phục vụ hoạt động giao thông.

- Tắt các máy móc, thiết bị khi không hoạt động hạn chế việc cháy nổ, chập điện do quá tải.

✓ Biện pháp ứng phó sự cố:

+ Tắt nguồn các thiết bị điện trên công trường

+ Ưu tiên tính mạng con người, trường hợp có sự cố về người sẽ thực hiện sơ cứu tại chỗ và kịp thời đưa người bị nạn tới cơ sở y tế gần nhất cấp cứu.

+ Báo cho cán bộ phụ trách công trường, liên hệ khẩn cấp tới đơn vị điện lực địa phương kịp thời xử lý, trợ giúp của người dân lân cận (trong trường hợp cần thiết).

- Tính khả thi: có tính khả thi cao

- Không gian áp dụng: Khu vực thi công Dự án.

- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.

- Hiệu quả áp dụng: hiệu quả cao.

(3). Biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn giao thông

✓ Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Lắp đèn, biển báo tại các vị trí cần thiết thông báo tình trạng đang xây dựng của công trình và biển báo tại các đường giao, kênh mương hiện trạng dọc tuyến.

- Bố trí hợp lý mặt bằng thi công, nơi tập kết ô tô, máy móc, thiết bị, vật tư, nhân lực, vật liệu xây dựng các loại

- Các xe vận chuyển chở đúng tải trọng, che chắn hạn chế rơi vãi

- Dọn sạch mặt bằng thi công, đảm bảo hoạt động giao thông dọc tuyến

- Quy định tốc độ xe ra vào công trường thi công $\leq 10\text{km/h}$.

- Bố trí 1-2 người phụ trách hướng dẫn giao thông tại vị trí thi công khi cần thiết, được trang bị đủ dụng cụ như: băng đeo tay, cờ chỉ huy, còi,...

✓ Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp tai nạn về người, tiến hành sơ cứu tại chỗ và báo ngay với người phụ trách để kịp thời đưa người bị nạn tới cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu, cấp cứu kịp thời.

- Báo cáo tình hình tới Công an, cảnh sát giao thông khu vực gần nhất để giải quyết sự cố.

- Phối hợp với Công an, cảnh sát giao thông khu vực trong quá trình điều tra, xử lý.

- Tính khả thi: có tính khả thi cao

- Không gian áp dụng: Khu vực thi công Dự án và lân cận

- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.

- Hiệu quả áp dụng: hiệu quả cao.

(4). Biện pháp phòng ngừa rủi ro, sự cố thiên tai

- ✓ Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục liên quan đến đào đắp, rải lớp bề mặt đường vào mùa mưa lũ.

- Tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công.

- Bố trí cán bộ giám sát quá trình thi công để có phương án xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố mưa bão.

- ✓ Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi có hiện tượng mưa lũ gây ngập úng trong khu vực Dự án, Chủ đầu tư sẽ bố trí các máy bơm để bơm thoát nước vào hệ thống thoát nước của khu vực. Đầu các máy bơm sẽ bố trí các tấm vải lọc để giữ lại các chất cặn bẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Di chuyển người và hệ thống máy móc, thiết bị thi công đến khu vực an toàn để giảm thiểu thiệt hại khi xuất hiện mưa bão.

- Kiểm tra hiện trường, bố trí lại công trường thi công hạn chế sự cố thiên tai có thể xảy ra.

- Kiểm tra các hạng mục công trình đã thi công, nếu xuất hiện sự cố sụt lún sẽ tiến hành gia cố, xử lý kịp thời đảm bảo an toàn công trình.

- Tính khả thi: có tính khả thi cao

- Không gian áp dụng: Khu vực thi công Dự án và lân cận

- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.

- Hiệu quả áp dụng: hiệu quả cao.

(5). Biện pháp giảm thiểu sự cố ngập lụt trong giai đoạn thi công

- ✓ Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Lựa chọn thời gian thi công Dự án vào mùa khô, không thi công vào những ngày mưa bão.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết khu vực để có kế hoạch thi công các

hạng mục cho phù hợp, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực xấu tới môi trường và con người.

- Thi công đảm bảo cao độ thiết kế, tránh xảy ra sự cố ngập úng, sụt lún khu vực.
- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu khi thi công tuyến kè, cầu vượt, hạn chế các sự cố do thiên tai, sạt lở và xói mòn.

- Cử cán bộ phụ trách giám sát công trình thi công, khi có dấu hiệu dẫn đến sự cố ngập úng kịp thời báo cho chỉ huy công trình và chính quyền địa phương và các bên liên quan kịp thời ứng phó, ứng cứu.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các bên liên quan trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố có thể xảy ra ngập úng trong giai đoạn thi công.

✓ Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi có hiện tượng ngập úng trong khu vực Dự án, Chủ đầu tư sẽ bố trí các máy bơm để bơm thoát nước vào hệ thống thoát nước của khu vực. Đầu các máy bơm sẽ bố trí các tấm vải lọc để giữ lại các chất cặn bẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Di chuyển người và hệ thống máy móc, thiết bị thi công đến khu vực an toàn để giảm thiểu thiệt hại khi ngập úng.

- Tìm hiểu nguyên nhân để khắc phục sự cố, hạn chế ảnh hưởng đến giai đoạn thi công tiếp theo.

- Kiểm tra chất lượng hạng mục công trình đã xây dựng tại các vị trí xảy ra ngập úng.

- Tính khả thi: có tính khả thi cao

- Không gian áp dụng: Khu vực thi công Dự án.

- Thời gian áp dụng: Thời gian thi công Dự án.

- Hiệu quả áp dụng: hiệu quả cao.

3.3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

3.4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.4.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và dự toán chi phí cho các công trình bảo vệ môi trường

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường mà chủ đầu tư dự án đưa ra và đã trình bày trên, dự toán kinh phí để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Bảng 3. 42: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án trong giai đoạn GPMB, thi công xây dựng

TT	Tên công trình	Đơn vị	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
I	Giai đoạn xây dựng			

TT	Tên công trình	Đơn vị	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1	Rào chắn tạm thời bằng tôn	-	50.000.000	
2	Cầu rửa xe tạm thời và hố lắng lọc 2 ngăn	1 cầu	30.000.000	
4	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 60 lít	3 chiếc	3.000.000	
7	Thùng phuy dung tích 60 lít chứa CTNH	5 chiếc	5.000.000	
II	Giai đoạn hoạt động			
1	Hệ thống biển báo giao thông	-	-	Tính trong chi phí xây dựng
2	Hệ thống thoát nước mưa	-	-	
Tổng			86.600.000	

Ghi chú: Chi phí xây dựng các hạng mục trên chỉ là dự toán, có thể thay đổi trong quá trình thực hiện.

3.4.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

a. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

Trong giai đoạn này trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình BVMT thuộc trách nhiệm của Đại diện chủ đầu tư và nhà thầu thi công, trách nhiệm này được thể hiện bằng hợp đồng và cam kết thực hiện của cả hai bên. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc cam kết BVMT khi trúng thầu.

b. Giai đoạn vận hành

Dự án đi vào vận hành giao cho Sở Giao thông vận tải Hà Nội quản lý và điều hành tuyến đường.

3.5. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ NHẬN DẠNG, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

3.5.1. Thông tin, dữ liệu về giải phóng mặt bằng

Theo quy định của pháp luật về đất đai, công tác khảo sát kiểm đếm tại hiện trường đối với các thiệt hại về tài sản, công trình và tình trạng kinh tế của các hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất chỉ được tiến hành sau khi UBND cấp có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất (Điều 69 Luật đất đai). Do đó tại thời điểm lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi), các số liệu được UBND cấp huyện/xã rà soát thống kê chủ yếu dựa trên các hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương. Các thông tin cơ bản như diện tích các loại đất cần thu hồi, số hộ dân bị ảnh hưởng, sơ bộ các công trình phải di dời do thu hồi đất đã được thống kê để có thể đánh giá tổng quan về tác động trong công tác giải phóng mặt bằng. Các dữ liệu chi tiết hơn để lập phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể đối với từng hộ gia đình sẽ được triển khai trong giai đoạn tiếp theo của dự án.

3.5.2. Nhận xét về mức độ tin cậy của các đánh giá trong báo cáo ĐTM

Các nội dung đánh giá tác động môi trường về khí thải, bụi, nước thải, chất thải rắn phát ra từ hoạt động của dự án là đầy đủ, có cơ sở khoa học và đáng tin cậy vì được đánh giá dựa trên các căn cứ sau:

Thông tư 07/2025/TT-BTNMT, báo cáo được bố cục gồm đầy đủ các chương, mục theo quy định. Nội dung các chương, mục được trình bày rõ ràng, chi tiết như hướng dẫn của phụ lục kèm theo thông tư này.

Các thông tin, số liệu mô tả dự án là số liệu dự kiến do chủ đầu tư cung cấp.

Đánh giá môi trường nền của dự án được phân tích trên cơ sở số liệu quan trắc thực tế tại khu vực dự án, các vị trí quan trắc được lựa chọn trên cơ sở hướng gió chủ đạo và các dự án khu vực xung quanh.

Để đánh giá hiện trạng môi trường nền, đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM đã tiến hành điều tra trực tiếp tại hiện trường khu vực thực hiện dự án, lấy mẫu và phân tích theo TCVN.

Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như tác động chính đến môi trường của dự án.

Quá trình dự báo các tác động đến môi trường đã chọn lọc các phương pháp khoa học gắn liền với tính thực tiễn của dự án nên đã đưa ra các kết quả tiệm cận với thực tiễn, giúp chủ đầu tư và các cơ quan QLNN về BVMT có cơ sở để triển khai công việc tiếp theo của dự án, đặc biệt trong quá trình đề xuất các biện pháp giảm thiểu và không chế ô nhiễm môi trường tại Chương 3 của Báo cáo ĐTM.

Độ tin cậy của các phương pháp sử dụng như sau:

Phương pháp liệt kê (Checklists): Phương pháp này dùng để nhận dạng các tác động tới môi trường bởi hoạt động của dự án, chỉ ra mức độ của các tác động, đánh giá quy mô của các tác động từ đó khoanh vùng hay giới hạn phạm vi các tác động cần đánh giá chi tiết một cách định lượng cũng như dùng để phân tích đánh giá các giải pháp về bảo vệ môi trường của dự án (thể hiện ở Chương 3).

Phương pháp so sánh: Dùng để đánh giá các tác động của dự án trên cơ sở các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành (Chương 2 và Chương 3).

Phương pháp mạng lưới (Networks): Chỉ rõ các tác động trực tiếp và các tác động gián tiếp, các tác động thứ cấp và các tác động qua lại lẫn nhau giữa các tác động. Phương pháp có thể chỉ rõ và tập hợp các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và quản lý môi trường của dự án (thể hiện ở Chương 3).

Phương pháp mô hình toán: Được sử dụng để đánh giá và dự báo mức độ, phạm vi ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước, tiếng ồn từ các hoạt động của dự án có các nguồn thải khí, thải nước, tiếng ồn tới môi trường xung quanh như: Mô hình Sutton để tính toán dự báo nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động giao thông, mô hình Mike 21 để tính toán bồi lắng xói lở (thể hiện ở Chương 3).

Phương pháp tham vấn cộng đồng: Được sử dụng trong quá trình tham vấn lấy ý kiến của UBND các xã và các tổ chức, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án (thể hiện ở Chương 6).

Phương pháp điều tra khảo sát và lấy mẫu hiện trường: nhằm xác định vị trí các điểm có khả năng chịu tác động bởi các hoạt động của dự án, thực hiện đo và lấy mẫu môi trường không khí, môi trường nước mặt, nước ngầm, đất, trầm tích phục vụ cho việc phân tích và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án (thể hiện ở Chương 2).

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm: được thực hiện theo quy định để phân tích các thông số môi trường phục vụ cho việc đánh giá hiện trạng

chất lượng môi trường khu vực dự án bao gồm các phương pháp chuẩn sau (thể hiện ở Chương 2).

Phương pháp xác định tải lượng chất ô nhiễm: Sử dụng các hệ số về tải lượng các chất ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO 1993) đối với hoạt động của khu dự án nhằm ước tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải và nước thải để đánh giá các tác động của dự án tới môi trường (thể hiện ở Chương 3).

3.5.3. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá

Mức độ chi tiết ca các đánh giá của Dự án tuân thủ theo trình tự.

Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng giai đoạn gây tác động của Dự án.

Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.

Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Mức độ chi tiết của các đánh giá khi lập Báo cáo ĐTM của Dự án được thể hiện từ quá trình điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, chất lượng môi trường, kinh tế - xã hội tại hiện trường cũng như các số liệu từ các nguồn tài liệu có liên quan, từ báo cáo kinh tế - xã hội của các xã nơi có Dự án được triển khai.

Mức độ chi tiết của các đánh giá cũng được thể hiện qua việc nhận dạng, dự báo các tác động (các tác động do chiếm dụng đất, tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp; các tác động tới môi trường không khí, ồn, rung, chất lượng nước mặt, nước ngầm, đất, tác động tới hoạt động giao thông, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn giữa công nhân với người dân địa phương, các sự cố cháy nổ, sự cố thi công xây dựng,...) gây ra trong cả 02 giai đoạn (triển khai thi công và vận hành) của Dự án đối với môi trường tiếp nhận đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

Mức độ chi tiết còn được thể hiện trong các phương pháp dự báo nguồn thải, tính toán lượng thải dựa trên các số liệu về quy mô xây dựng Dự án (khối lượng thi công xây dựng; số lượng máy móc, lượng nhiên liệu, công nghệ thi công sử dụng, số lượng công nhân tham gia xây dựng,...).

Báo cáo còn chỉ ra được nhiều dẫn chứng minh họa cho thấy công tác lập Báo cáo ĐTM được làm cẩn thận và nghiêm túc. Các nội dung đánh giá trong Báo cáo có chọn lọc phù hợp với Dự án cũng như tính khả thi cao của các nội dung nêu trên.

Ngoài ra, mức độ chi tiết còn được thể hiện thông qua việc sử dụng mô hình phát tán chất ô nhiễm, ma trận đánh giá các tác động nhằm dự báo cường độ, mức độ, quy mô, thời gian, đối tượng bị tác động.

Bảng 3. 43. Nhận xét mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá

TT	Các đánh giá/dự báo tác động	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Lý giải
I	Giai đoạn thi công xây dựng			
1	Đánh giá tác động do khối lượng sinh khối phát sinh	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Do việc tính toán khối lượng sinh khối chỉ dựa trên tài liệu tham khảo về số liệu ước tính khối lượng thảm phủ thực vật và cây cối trên đất.

TT	Các đánh giá/dự báo tác động	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Lý giải
2	Đánh giá tác động do bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp so sánh	Trung bình	Báo cáo sử dụng tài liệu đánh giá nhanh của WHO để tính toán lượng bụi phát sinh và dự báo tác động.
3	Đánh giá tác động do bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển, khí thải từ các máy móc, thiết bị thi công	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp so sánh - Các phương pháp mô hình hóa	Trung bình	Báo cáo sử dụng mô hình Gifford & Hanna, mô hình Sutton để tính toán tải lượng, mức độ phát tán ô nhiễm theo khoảng cách. Các phương pháp tính toán được công nhận và sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên hiện nay ở Việt Nam các số liệu thực nghiệm sử dụng để tính toán phát thải bụi, khí thải còn hạn chế, chủ yếu tham khảo kết quả nghiên cứu của các tổ chức quốc tế nên chưa thực sự phù hợp với điều kiện của Việt Nam và khu vực Dự án. Các số liệu tính toán được so sánh với giới hạn cho phép theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam trên cơ sở đó xác định mức độ ô nhiễm, đề xuất biện pháp giảm thiểu phù hợp.
4	Đánh giá tác động do tiếng ồn, rung từ các thiết bị, máy móc, phương tiện thi công và vận chuyển	- Phương pháp so sánh - Phương pháp liệt kê	Tương đối cao	Báo cáo kế thừa số liệu từ nhiều kết quả nghiên cứu thực tế trên thế giới, sử dụng hệ số ô nhiễm của Ủy ban BVMT U.S tính toán mức ồn do máy móc thiết bị thi công theo khoảng cách.
5	Đánh giá tác động do chất thải sinh hoạt (nước thải và chất thải rắn)	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp so sánh - Phương pháp kế thừa	Cao	Khối lượng/lưu lượng chất thải được tính toán riêng cho dự án dựa theo các định mức và số lượng CBCNV ăn ở tại công trường.
6	Đánh giá tác động do chất thải xây dựng, CTNH	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp so sánh	Trung bình	Khối lượng CTR xây dựng phát sinh như đất, cát rơi vãi, hư hỏng nguyên vật liệu phụ thuộc vào quá trình thi công và ý thức của công nhân. Dựa vào quá trình thi công thực tế của một số dự án có quy mô, tính chất tương tự để dự báo khối lượng, thành phần CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công.
7	Đánh giá các tác động kinh tế - xã hội (cản trở giao thông, mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương)	Phương pháp điều tra khảo sát	Cao	Báo cáo nhận dạng và đánh giá các tác động này trên cơ sở xem xét điều kiện cụ thể của dự án: mật độ các phương tiện vận chuyển, CBCNV thi công, các khu dân cư xung quanh khu vực công trường của Dự án,... từ

TT	Các đánh giá/dự báo tác động	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Lý giải
				đó đánh giá các tác động xã hội và biện pháp giảm thiểu phù hợp.
8	Đánh giá tác động do rủi ro, sự cố (sạt lở, ngập úng, cháy nổ,...)	- Phương pháp điều tra khảo sát	Trung bình	Do các sự cố của dự án là khá đa dạng và phức tạp. Trong giới hạn của báo cáo chỉ đánh giá sơ bộ các rủi ro sự cố về mặt môi trường dựa theo quy mô và tính chất các hạng mục công trình Dự án.
9	Đánh giá tác động tới hệ sinh thái	- Phương pháp điều tra khảo sát - Phương pháp kế thừa	Trung bình, chưa thể nhận dạng rõ	Do thiếu các số liệu tham khảo về ngưỡng chịu tải đối với môi trường của hệ sinh thái trong khu vực.
II Giai đoạn hoạt động				
1	Đánh giá tác động do bụi và khí thải từ phương tiện giao thông.	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp so sánh - Các phương pháp mô hình hóa	Trung bình	Do số lượng phương tiện ra vào, quãng đường đi lại của các xe đều là số liệu giả thiết, tính toán đối với trường hợp lượng xe lưu thông lớn nhất theo thiết kế. Các số liệu hệ số phát thải hiện nay thường không còn phù hợp cho xe đời mới có hiệu suất đốt nhiên liệu cao hơn.
2	Đánh giá tác động do nước thải sinh hoạt	- Phương pháp đánh giá nhanh. - Phương pháp so sánh.	Cao	Do dựa trên định mức sử dụng nước theo tiêu chuẩn. Tham khảo nhiều số liệu và kết quả nghiên cứu khác nhau về nước thải, có tính toán lưu lượng và tải lượng các chất ô nhiễm.
3	Đánh giá tác động do rủi ro, sự cố (sự cố hư hỏng nền đường, hư hỏng cầu)	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Do không có số liệu cụ thể tính toán mức độ tác động cũng như sự cố xảy ra. Những tác động này mang tính chất định tính, phụ thuộc vào hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến Dự án.

Nhận xét chung: Các công cụ đánh giá tác động môi trường là các phương pháp đã được trình bày ở trên. Kết quả đánh giá là tin cậy. Do đó việc đánh giá các tác động và mức độ tác động của Dự án tới môi trường đối với từng giai đoạn thực hiện Dự án là thực tế. Đại diện chủ đầu tư cũng đã có những cam kết cụ thể trình bày trong phần kết luận của báo cáo để thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực của Dự án.

Đánh giá tác động tới môi trường của dự án tuân thủ theo trình tự:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng giai đoạn hoạt động gây tác động của Dự án.
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Trong quá trình thực hiện không tránh khỏi sai sót như: Ý kiến chủ quan của người đánh giá, mức độ tin cậy của các tài liệu tham khảo, sai số trong phương pháp đo

đặc, phương pháp lấy mẫu cũng như phân tích mẫu,... Tuy nhiên, đây là những sai số nằm trong ngưỡng cho phép nên không làm ảnh hưởng lớn đến kết quả của báo cáo.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc loại hình khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, Dự án chỉ tiến hành phát quang cây cối thông thường trong phạm vi thực hiện; không có những vị trí mà ở đó phải chặt bỏ lớp phủ thực vật đến mức phải bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật. Do đó, Dự án không phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Để công tác bảo vệ môi trường được thực hiện tốt và có hiệu quả cao, Chủ dự án sẽ trực tiếp quản lý điều hành các công việc trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng, trong đó có bố trí các cán bộ phụ trách về môi trường chuyên theo dõi việc thực hiện các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thực hiện quan trắc môi trường. Vì vậy, chương trình quản lý môi trường được thực hiện ngay từ giai đoạn chuẩn bị, xây dựng cũng như trong suốt quá trình Dự án đi vào hoạt động.

Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường của dự án là:

- + Thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ Môi trường.
- + Lập kế hoạch đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt theo báo cáo ĐTM.
- + Sử dụng cơ cấu tổ chức phù hợp cho công tác bảo vệ môi trường trong các giai đoạn thực hiện dự án và giám sát tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu đã đề xuất trong báo cáo ĐTM.
- + Thực hiện kiểm soát được các nguồn thải từ các hoạt động của Dự án để giảm thiểu ảnh hưởng ô nhiễm từ nguồn thải ở mức độ cho phép và có kế hoạch xử lý phù hợp.
- + Quản lý việc giải phóng mặt bằng trên toàn tuyến.
- + Quản lý thực hiện công tác trồng hoàn trả các cây cối bị ảnh hưởng (nếu có) xung quanh khu vực lân cận đoạn tuyến trong thời gian thi công và phối hợp với chính quyền địa phương trong việc bảo vệ ranh giới dự án,....
- + Đề xuất các phương án phòng chống các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thi công, vận hành công trình.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện chương trình quản lý môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt và thực hiện báo cáo định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 6/2/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

Chủ dự án sẽ thực hiện kế hoạch quản lý môi trường dưới sự giám sát, kiểm tra Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp và trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 1: Chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng	- Đền bù, GPMB - Phát quang, dọn dẹp mặt bằng. - Phá dỡ công trình hiện trạng - Rà phá bom mìn.	- Tác động đến các hộ dân bị thu hồi đất. - Sinh khối phát quang. - Bụi, khí thải từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng. - CTR từ hoạt động phá dỡ	- Thông báo kế hoạch thi công Dự án để người dân có kế hoạch tận thu cây trồng, nông sản. - Chỉ phát quang trong ranh giới Dự án. - Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý sinh khối phát quang. - Phun nước, tưới ẩm khu vực phá dỡ. - Vận chuyển khối lượng phá dỡ tới bãi đổ thải Nguyên Khê.	Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng
Giai đoạn thi công, xây dựng	Tập trung công nhân lao động tham gia xây dựng dự án:	- Phát sinh các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường: + CTR sinh hoạt. + Nước thải sinh hoạt. - Phát sinh các tác động không liên quan đến chất thải: + Tác động đối với môi trường xã hội và sức khỏe cộng đồng. + Tác động đến HST khu vực	- CTR sinh hoạt: Bố trí khoảng 01 cụm gồm 03 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 60 lít/thùng tại công trường thi công để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. - Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động có kết cấu bằng composite, dạng 2 buồng, dung tích chứa 5.000 lít tại công trường thi công và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường. - Thực hiện đầy đủ công tác quản lý lao động, chế độ làm việc, nghỉ ngơi và khám sức khỏe định kỳ.	Trong giai đoạn thi công
	Vận hành các loại máy móc, trang thiết bị thi công.	- Phát sinh các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường: + Bụi, khí thải từ động cơ sử dụng dầu DO và máy hàn, cắt, ... + CTR từ quá trình xây dựng + Dầu mỡ thải và CTR - Phát sinh ô nhiễm tiếng ồn, độ	- Thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động của các phương tiện thi công: + Tính toán sử dụng đúng số lượng, chủng loại máy móc thi công. + Không sử dụng các loại máy quá cũ và hạn chế vận hành đồng thời trên công trường. + Toàn bộ máy móc thiết bị được sửa chữa, bảo dưỡng	Trong giai đoạn thi công

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		rung gây tác động đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng.	tại các gara chuyên dụng, không rửa, sửa chữa tại công trường thi công. - Bố trí 05 thùng chứa CTNH dung tích 60 lít.	
	Triển khai các hoạt động thi công xây dựng.	- Tác động do bùn đất, CTR, phát sinh trong đào đắp, thi công gây ô nhiễm nguồn nước mặt tại kênh mương hiện trạng dọc tuyến. - Tác động đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực. - Tác động đến HST khu vực	- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu liên quan chất thải như bụi, khí thải, nước thải, CTR, CTNH. - Giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải: + Phối hợp với các cơ quan chủ quản của các công trình ngầm trong khu vực Dự án để có kế hoạch di chuyển phù hợp. + Có biện pháp quản lý nguyên vật liệu thi công, tránh rơi vãi xuống hệ thống kênh, mương thủy lợi.	Trong giai đoạn thi công
	Hoạt động phương tiện vận chuyển	- Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn khu vực vận chuyển - Gia tăng lưu lượng, tăng nguy cơ tai nạn giao thông đường thủy của khu vực dự án.	- Các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công do nhà thầu sử dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới, người điều khiển có Giấy phép lái xe, chứng chỉ đào tạo quy định. - Chuyên chở đúng tải trọng. - Tuân thủ về tuyến đường và tốc độ xe chạy theo quy định.	Trong giai đoạn thi công
	Sự cố, rủi ro môi trường	- Sự cố tai nạn lao động - Sự cố cháy nổ, chập điện - Sự cố ách tắc và tai nạn giao thông - Sự cố thi công cầu - Sự cố tai biến thiên tai	- Phòng chống cháy nổ, sự cố môi trường, đảm bảo an toàn lao động; phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố. - Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về BVMT, phòng chống sự cố.	Trong giai đoạn thi công

Ghi chú: Trách nhiệm giám sát trong giai đoạn thi công chủ yếu do Chủ đầu tư, ngoài ra phối hợp cùng Nhà thầu thi công để thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

(1). Giám sát môi trường không khí

Nội dung giám sát môi trường không khí giai đoạn thi công thể hiện tại bảng sau:

Bảng 5. 2: Nội dung giám sát môi trường không khí trong giai đoạn thi công

1	Vị trí	Do dự án thi công theo hình thức cuốn chiếu nên vị trí cụ thể của điểm giám sát khí thải trong thi công dự án được xác định theo mũi thi công
2	Số lượng	01 vị trí
3	Chỉ tiêu giám sát	Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO ₂ , SO ₂ , tiếng ồn, độ rung
4	Tần suất	03 tháng/lần
5	Quy chuẩn so sánh	- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh; - QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; - QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

(3) Giám sát chất thải rắn

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản có liên quan.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

Trên cơ sở phân tích và đánh giá những ảnh hưởng từ việc thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đến các điều kiện môi trường khu vực Dự án và khu vực lân cận, chúng tôi đưa ra một số kết luận và kiến nghị như sau:

1. KẾT LUẬN

1. Dự án GPMB, Xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9 do BQLDA Đầu tư xây dựng xã Phúc Thịnh được đầu tư xây dựng là phù hợp với Quy hoạch phát triển của thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án về cơ bản đã xác định và định lượng được hầu hết các nguồn thải; đề ra các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường có tính thực tế và khả thi cao, đảm bảo xử lý các nguồn thải hiệu quả. Báo cáo đã xây dựng được chương trình quản lý và quan trắc môi trường phù hợp với từng giai đoạn hoạt động của dự án và chú trọng đặc biệt đối với các sự cố môi trường, trong suốt quá trình vận hành dự án. Mức độ, quy mô của các tác động chính gây ra bởi các hoạt động của Dự án đến môi trường theo thứ tự giảm dần như sau:

- Tác động do chiếm dụng đất thổ cư và di dời các hộ dân;
- Tác động do chiếm dụng đất nông nghiệp;
- Tác động do di dời mộ;
- Tác động do hoàn trả kênh mương;
- Tác động tới dân cư do tình trạng ô nhiễm không khí, ồn và các chất thải trong quá trình phá dỡ nhà cửa, thi công các hạng mục công trình.

Đây là những tác động có mức độ từ trung bình đến lớn đã được phân tích chi tiết để có biện pháp giảm thiểu thích hợp. Tuy nhiên, vẫn còn những tác động chưa thể xác định chính xác về mức độ cũng như quy mô không gian và thời gian do các thông tin chưa được rõ ràng, trong phần đánh giá chỉ giới hạn phân tích theo các khung chung, như: vị trí các bãi chứa tạm vật liệu và đất đá loại và thời gian lưu giữ chúng.

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cho thấy rõ một số vấn đề phải được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình thực hiện dự án với tính chất đặc thù như sau:

- Nước mưa chảy tràn
- Nước thải phát sinh do hoạt động GPMB, triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án.
- Chất thải rắn và chất thải nguy hại.
- Các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thực hiện Dự án.

4. Kế hoạch quản lý môi trường sẽ được thực hiện nghiêm túc bởi Chủ đầu tư, đơn vị thi công cùng với sự hợp tác và hướng dẫn của Cơ quan quản lý môi trường địa phương. Mục tiêu của kế hoạch quản lý môi trường là: Quản lý chặt chẽ và hạn chế sự thay đổi môi trường theo chiều hướng xấu; phát huy tối đa những tác động tích cực của dự án.

5. Với sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành về môi trường và các đề xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong báo cáo ĐTM này, chắc chắn dự án sẽ hoạt động tốt, đem lại hiệu quả tích cực về kinh tế – xã hội – môi trường.

2. KIẾN NGHỊ

1. Dự án rất cần sự phối hợp và hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội cũng như UBND và MTTQ của xã Phúc Thịnh cùng với các nhà chức trách địa phương để thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực thi Dự án.

2. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án, tạo điều kiện thuận lợi để dự án sớm được xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đồng thời, làm cơ sở cho công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại địa phương khi dự án được triển khai.

3. Đề nghị chính quyền địa phương và các đơn vị bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông phối hợp với đơn vị đảm bảo trật tự an ninh khu vực dự án.

4. Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước về Tài nguyên và môi trường thường xuyên kiểm tra và hướng dẫn cụ thể việc quản lý môi trường khu vực dự án và việc thực hiện các cam kết về môi trường.

3. CAM KẾT

Trên cơ sở những tác động môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án và các điều khoản trong Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư, quyết định, Pháp lệnh về bảo vệ môi trường của Việt Nam, Chủ đầu tư cam kết thực hiện:

3.1. Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo ĐTM

Dựa vào những đánh giá trên về tác động của dự án tới môi trường cũng như những điều khoản trong Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định về bảo vệ môi trường, các quy định về bảo vệ môi trường của thành phố Hà Nội, chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường cụ thể như sau:

- Công khai báo cáo ĐTM khi được phê duyệt tại địa phương phục vụ công tác giám sát môi trường.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương 4.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, cụ thể:

- * Đối với nước thải:

- + Cam kết không để nước thải xả vào môi trường.

- * Đối với chất thải:

- + Cam kết quản lý chất thải rắn xây dựng theo hướng dẫn tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội;

- + Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ đúng theo quy định về quản lý CTNH tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- + Cam kết vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định;
- + Cam kết đảm bảo về an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình;
- + Cam kết nghiêm túc thực hiện các quy định về an ninh trật tự của địa phương và các quy định khác của pháp luật;
- * Đối với sự cố:
 - + Cam kết chịu trách nhiệm đến cùng đối với các sự cố do chủ đầu tư gây ra trong quá trình thi công dự án: đền bù thiệt hại cho người dân và thực hiện các giải pháp khắc phục ngay nếu xảy ra sự cố môi trường;
 - + Cam kết đền bù thiệt hại trong quá trình hoạt động nếu để xảy ra sự cố môi trường;
 - + Thực hiện các biện pháp, các quy định vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ các công trình giao thông;
 - + Nộp đầy đủ các phí, lệ phí môi trường (nếu có).

3.2. Cam kết với cộng đồng

- Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án (các ý kiến trong quá trình tham vấn cộng đồng). Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cam kết thực hiện, quan tâm thực hiện các yêu cầu của cộng đồng dân cư tại buổi họp tham vấn cộng đồng đảm bảo triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, không phá hủy các công trình văn hóa, giao thông của địa phương.
- Cam kết thực hiện các biện pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các hộ dân sinh sống trong khu dân cư.

3.3. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trọng các giai đoạn của dự án

- Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các giai đoạn.
- Cam kết thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Cam kết chủ động thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện các nguy cơ sự cố để kịp thời khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng. Đảm bảo các điều kiện an toàn trong quá trình xây dựng và chủ động tổ chức thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rủi ro.

Yêu cầu của các nhà thầu phải tuân thủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định, dừng thi công khi không đảm bảo các yêu về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết áp dụng các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng đến môi trường và đời sống, sinh hoạt của khu dân cư xung quanh; có phương án thi công, vận tải đảm bảo an

toàn giao thông trong khu vực; hạn chế sử dụng các loại máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn trong giờ cao điểm.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án;

- Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định của pháp luật.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

1. Tăng Văn Đoàn, Trần Đức Hạ. Kỹ thuật môi trường. Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội, 2004;
2. Trần Đức Hạ. Kỹ thuật môi trường. Xử lý nước thải sinh hoạt qui mô vừa và nhỏ, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật;
3. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ. Đánh giá tác động môi trường. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2005;
4. Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội năm 2000;
5. Bùi Tá Long. Mô hình hóa môi trường. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2008;
6. Trần Hiếu Nhuệ, Ứng Quốc Dũng, Nguyễn Thị Kim Thái. Quản lý chất thải rắn. Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội năm 2001;
7. Lê Trình: *Đánh giá tác động môi trường: Phương pháp và ứng dụng*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2000.
8. Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga: *Giáo trình công nghệ xử lý nước thải*, NXB Khoa học kỹ thuật, 1999.
9. Niên giám thống kê Thành phố Hà Nội.
10. Tài liệu hướng dẫn đánh giá nhanh nguồn ô nhiễm không khí, nước và đất của Tổ chức Y tế thế giới, Geneva, 1993;
11. World health Organization Assessment of sources of air of water and land pollution, part one: Rapid inventory in environmental pollution, Geneva 1993;
12. WHO: Environmental Assessment Sourcebook, Volume II, Sectoral Guidelines, Environment, Washington DC, 8/1991;
13. Scientific Committee on Problems of the Environment (SCOPE): Environmental Impact Assessment: Principles and Procedures, 1975.

Số: 6730/QĐ-UBND

Đông Anh, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:
GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/202/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Hai bên tuyến đường Nhật Tân – Nội Bài, tỷ lệ 1/500 – Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3;

Căn cứ Quyết định số 6128/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 12 dự án GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư thuộc hai bên tuyến đường Võ Nguyên Giáp (tuyến Nhật Tân – Nội Bài);

Căn cứ Văn bản số 1684/UBND-ĐT ngày 26/4/2025 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện đầu tư phát triển đô thị khu vực hai bên tuyến đường Võ Nguyên Giáp (tuyến Nhật Tân – Nội Bài);

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 821/TTr-TTQĐ ngày 29/4/2025 về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9 để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư thuộc hai bên tuyến đường Võ Nguyên Giáp (tuyến Nhật Tân – Nội Bài);



Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc Huyện quản lý tại Báo cáo thẩm định số 305/BC-HĐTD ngày 09/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất DG-9.

2. Chủ đầu tư dự án: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Hiện thực hóa các quy hoạch đã được phê duyệt; Xây dựng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại; Đảm bảo khớp nối đồng bộ HTKT theo quy hoạch, khớp nối đồng bộ khu dân cư hiện có và các khu đô thị mới;

- Hiện thực hóa trực động lực phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô theo đúng định hướng của Trung ương và Thành phố;

- Khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Quy mô đầu tư:

Giải phóng mặt bằng, San nền, Đường giao thông, Thoát nước mưa, Thoát nước thải, Cấp nước PCCC, Cấp điện, Bó ống kỹ thuật, Khu cây xanh, mặt nước, hệ thống chiếu sáng,... Diện tích khu đất nghiên cứu khoảng 33 ha.

5. Nhóm dự án: Nhóm B.

6. Tổng mức đầu tư dự án: **595.691.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu đồng).

7. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Vân Nội, huyện Đông Anh.

9. Thời gian thực hiện dự án: Sau năm 2025 (hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn).

10. Tiến độ thực hiện dự án (dự kiến):

- Chuẩn bị dự án: Năm 2025.

- Thực hiện đầu tư: 2026 – 2029.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thành hồ sơ pháp lý dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đồng bộ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; Hoàn thiện ranh giới và các hạng mục đầu tư theo chỉ giới đường đỏ xác định trong Quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài, tỷ lệ 1/500 (đoạn 1, đoạn 2, đoạn 3) và ranh giới các dự án đang triển khai trong phạm vi nghiên cứu đề xuất để tránh trùng lặp nội dung đầu tư.

2. Các phòng, ban chức năng thuộc Huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Kiểm tra, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh triển khai thực hiện dự án đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Nông nghiệp và Môi trường Huyện; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Huyện; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Huyện; Chủ tịch UBND xã Vân Nội; Trưởng Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ch*

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 3;
- TT HU, HĐND Huyện; (*để b/c*)
- Đ/c H.H.Đảng – PCT UBND Huyện; (*chỉ đạo*)
- Lưu: VT, TCKH. *✓*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Dũng



Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-SNNMT ngày .../.../2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2025, được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 30/5/2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung 62 công trình, dự án (với tổng diện tích sử dụng đất khoảng 941,19ha) trong Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh.

(Chi tiết Danh mục dự án tại Phụ lục kèm theo)

2. Điều chỉnh nội dung “Danh mục các công trình, dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 bao gồm 513 dự án với tổng diện tích là 5.324,8ha” tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của UBND Thành phố thành “Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh bao gồm 591 dự án, với tổng diện tích khoảng 6.507,69ha.”

3. Các nội dung khác của Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh thực hiện theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của UBND Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP, P.ĐT, P.NNMT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ĐÔNG ANH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
A	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH LOẠI RA KHỎI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CẤP HUYỆN											
<i>I</i>	<i>Các dự án phải báo cáo HĐND Thành phố</i>											
<i>II</i>	<i>Các dự án không phải báo cáo HĐND Thành phố</i>											
...												
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CẤP HUYỆN			941,19	934,23	25,27						
B.1	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH			28,36	26,50							
<i>I</i>	<i>Các dự án phải báo cáo HĐND Thành phố</i>			28,36	26,50							
<i>a</i>	<i>Các dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất</i>											
<i>b</i>	<i>Các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất</i>											
<i>c</i>	<i>Các công trình, dự án khác</i>											
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Hoàng Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai (TD8)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	20,46	18,60		Đông Anh	Xuân Canh, Vĩnh Ngọc, Uy Nỗ, Việt Hùng, Cổ Loa	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư - Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án, vị trí tuyến đường TD8 đoạn từ đường Trường Sa đến đường sắt Hà Nội – Lào Cai, tỷ lệ 1/500	Bổ sung địa ranh cấp xã: Xuân Canh Bổ sung diện tích thu hồi đất lúa	13,60	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-11) từ Chợ lấp ghép đến trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,10	2,10		Đông Anh	Tiên Dương, Nguyên Khê, Thị trấn Đông Anh	- Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Điều chỉnh theo ranh giới được phê duyệt	0,34	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung đến đường gom Võ Văn Kiệt theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,80	1,80		Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 8/4/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Điều chỉnh theo ranh giới được phê duyệt	0,24	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực N(A)-5 từ trường THPT Cổ Loa đến khu đô thị mới Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,40	1,40		Đông Anh	Đông Hội, Cổ Loa	- Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	Điều chỉnh theo ranh giới được phê duyệt	0,80	
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-03) từ chân cầu Vượt Nam Hồng đi đường trục đô thị Mê Linh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,60	2,60		Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	Điều chỉnh theo ranh giới được phê duyệt	2,10	
B.2.	CÁC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG MỚI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025			912,83	907,73	25,27						
I	Các dự án phải báo cáo HĐND Thành phố			907,73	907,73	25,27						
a	Các dự án thu hồi đất để đầu tư xây dựng đất											
1	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,00	6,00		Đông Anh	xã Kim Nỗ	Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 03/06/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
2	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Bắc và thôn Đoài, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	7,10	7,10		Đông Anh	xã Kim Nỗ	Quyết định số 7506/QĐ-UBND ngày 19/05/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
3	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Liên Hà 5, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện	7,10	7,10		Đông Anh	xã Liên Hà	Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 17/03/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
			Đồng Anh									
4	Xây dựng hoàn thiện HTKT Liên Hà 1, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,80	6,80		Đông Anh	Xã Liên Hà	Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
5	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	4,00	4,00		Đông Anh	Xã Liên Hà	Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
6	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Liên Hà 3, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,50	6,50		Đông Anh	Xã Liên Hà	Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
7	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Tiên Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	9,50	9,50		Đông Anh	Xã Đông Hội	Quyết định số 7718/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
8	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Lâm Tiên, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện	6,00	6,00		Đông Anh	Xã Nguyên Khê	Quyết định số 15087/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
			Đồng Anh									
9	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo Quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất thôn Biều Khê 2, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,80	6,80		Đông Anh	Xã Thụy Lâm	Quyết định số 7523/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
10	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Xuân Canh 8, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	11,10	11,10		Đông Anh	xã Xuân Canh	Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
11	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Xuân Canh 5, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	10,20	10,20		Đông Anh	xã Xuân Canh	Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
12	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Lương Nỗ 1. xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	3,84	3,84		Đông Anh	xã Tiên Dương	Quyết định số 11180/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
13	Xây dựng HTKT khu đất Xuân Canh 6, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện	19,00	19,00		Đông Anh	xã Xuân Canh	Quyết định số 15090/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
			Đồng Anh									
14	Đầu tư xây dựng hoàn thiện HTKT khu tái định cư X2 Đồng Nhân , xã Hải Bối , huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	0,50	0,50		Đồng Anh	xã Hải Bối	Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
15	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Lý Nhân 1, xã Dục Tú , huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	1,85	1,85		Đồng Anh	xã Dục Tú	Quyết định số 6369/QĐ-UBND ngày 06/09/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
16	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,61	6,61		Đồng Anh	xã Dục Tú	Quyết định số 10172/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
17	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Đồng Dầu, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	8,70	8,70		Đồng Anh	xã Dục Tú	Quyết định số 14591/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
18	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch thôn Ngọc Lôi và Đình Trảng, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện	12,33	12,33		Đồng Anh	xã Dục Tú	Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
			Đồng Anh									
19	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất Nguyên Khê 2 (khu vực xóm 6, thôn Nguyên Khê), xã Nguyên Khê	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	10,80	10,80		Đồng Anh	Nguyên Khê	- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh			
20	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật khu đất X8, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,90	1,90		Đồng Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 4870/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
21	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật hệ thống cây xanh, mặt nước, hồ điều hòa khu vực trung tâm huyện Đông Anh	CCC	Ban QLDA ĐTXD huyện	11,30	11,30		Đồng Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 9814/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
<i>b</i>	<i>Các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất</i>											
22	Xây dựng nhà ở Uy Nỗ - Việt Hùng	ODT	UBND huyện Đông Anh	38,46	38,46		Đồng Anh	Uy Nỗ, Việt Hùng	- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 2120/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của UBND Thành phố với mục tiêu đầu tư xây dựng một khu đô thị mới. - Dự án phù hợp với phân khu đô thị N8 tỷ lệ 1/5000 và GNC tỷ lệ 1/5000 đã được UBND thành phố phê duyệt tại các quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 25/12/2012, số 6620/QĐ-UBND ngày 02/12/2015			
<i>c</i>	<i>Các công trình, dự án khác</i>											
23	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối cầu Tứ Liên từ nút giao đường dẫn cầu Tứ Liên với đường Trường Sa đến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	DGT	UBND huyện Đông Anh	36,16	36,16	25,27	Đồng Anh	Đồng Hội, Mai Lâm, Dục Tú, Liên Hà	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục trung tâm (TC21) đoạn từ đường Trường Sa đến đường Vành đai 3, huyện Đông Anh	DGT	UBND huyện Đông Anh	23,20	23,20		Đông Anh	Xã Vĩnh Ngọc, Uy Nỗ và Thị trấn Đông Anh	Nghị quyết 42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 Phê duyệt chủ trương đầu tư			
25	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục trung tâm (TC21) đoạn từ đường Vành đai 3 đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	UBND huyện Đông Anh	21,00	21,00		Đông Anh	xã Nguyên Khê, xã Tiên Dương và thị trấn Đông Anh	Nghị quyết 42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 Phê duyệt chủ trương đầu tư			
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường phân khu vực tại thôn Cổ Diêm chạy dưới cầu đường sắt	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,10	1,10		Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
27	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-1	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	36,17	36,17		Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 6722/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
28	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-2	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	33,50	33,50		Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 6723/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
29	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-3	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	44,67	44,67		Đông Anh	Nguyễn Khê và Bắc Hồng	Quyết định số 6724/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
30	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-4	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	16,71	16,71		Đông Anh	Xã Bắc Hồng, xã Nguyễn Khê	Quyết định số 6725/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
31	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-5	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	45,43	45,43		Đông Anh	Xã Bắc Hồng, xã Nguyễn Khê	Quyết định số 6726/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
32	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	35,09	35,09		Đông Anh	Xã Bắc Hồng, xã Nguyễn Khê	Quyết định số 6727/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
33	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-7	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	17,00	17,00		Đông Anh	Xã Vân Nội	Quyết định số 6728/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
34	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-8	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	12,00	12,00		Đông Anh	Xã Vân Nội	Quyết định số 6729/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
35	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	33,00	33,00		Đông Anh	Xã Vân Nội	Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
36	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-10	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	170,00	170,00		Đông Anh	xã Vĩnh Ngọc, xã Tiên Dương, xã Vân Nội	Quyết định số 6731/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
37	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-11	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	38,00	38,00		Đông Anh	xã Tiên Dương, xã Vân Nội	Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
38	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-12	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	23,00	23,00		Đông Anh	xã Tiên Dương, xã Vân Nội	Quyết định số 6733/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
39	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Lương Quy 4, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,50	6,50		Đông Anh	Xã Xuân Nộn	Quyết định số 12754/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và số 3605/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án			
40	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	7,80	7,80		Đông Anh	Thụy Lâm	-Quyết định số 11260/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án			
41	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Khê Nữ 5, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,10	6,10		Đông Anh	Nguyên Khê	-Quyết định số 12755/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án			
42	Xây dựng hoàn thiện HTKT Xóm Tiên, thôn Tiên Hùng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	7,99	7,99		Đông Anh	Nguyên Khê	-Quyết định số 13645/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án			
43	Xây dựng hoàn thiện HTKT Xóm Nguyễn, thôn Tiên Hùng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	7,80	7,80		Đông Anh	Nguyên Khê	-Quyết định số 13294/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
44	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Bắc xóm Núi, thôn Tiên Hùng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,50	6,50		Đông Anh	Nguyên Khê	-Quyết định số 13293/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án			
45	Xây dựng hoàn thiện HTKT khu cây xanh phía Đông thôn Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	8,00	8,00		Đông Anh	Hải Bối	Quyết định số 10038/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
46	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo Quy hoạch thôn Nhồi Trên, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	5,53	5,53		Đông Anh	Cổ Loa	Quyết định số 7717/QĐ-UBND ngày 21/05/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
47	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch tại thôn Đĩa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	11,72	11,72		Đông Anh	Nam Hồng	Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
48	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết nối cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	3,60	3,60		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
49	Xây dựng hoàn thiện HTKT xung quanh Trung tâm giao lưu hàng hoá huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	15,20	15,20		Đông Anh	Kim Chung, Hải Bối và Kim Nỗ	Quyết định số 14367/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
50	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Tây và phía Nam thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	6,60	6,60		Đông Anh	Xã Thụy Lâm	Quyết định số 11259/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
51	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm VIII.1.1, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	3,20	3,20		Đông Anh	Xã Vĩnh Ngọc	Quyết định số 15089/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
52	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm VIII.2.7, xã Xuân Canh và xã Đông Hội, huyện Đông Anh	CCC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	5,50	5,50		Đông Anh	Xã Xuân Canh, xã Đông Hội	Quyết định số 15448/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
53	Xây dựng khu công viên, cây xanh tại khu vực hồ điều hoà Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	DKV	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	14,30	14,30		Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Quyết định số 7524/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
54	Xây dựng hoàn thiện HTKT hệ thống cây xanh, mặt nước, hồ điều hòa khu vực trung tâm thôn Đản Mỗ, xã Uy Nỗ	MNC	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	7,77	7,77		Đông Anh	Xã Uy Nỗ	Quyết định số 15088/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
55	Xây dựng bãi đỗ xe Phương Trách, thôn Phương Trách, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	DGT	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	0,93	0,93		Đông Anh	xã Vĩnh Ngọc	Quyết định số 8897/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án			
56	Xây dựng mới Trạm biến áp 110kV Vân Nội và nhánh rẽ	DNL	Ban QLDA lưới điện Hà Nội	0,27	0,27		Đông Anh	Vân Nội	Quyết định 4002/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư cho dự án; Quyết định số 4848/QĐ-EVNHA NOI ngày 30/5/2025 của TCT Điện lực TP Hà Nội phê duyệt BCNCKT ĐTXD dự án			
II	Các dự án không phải báo cáo HĐND Thành phố			5,10								
1	Trụ sở đóng quân của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Bộ Công an	CAN	Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu	5,10			Đông Anh	Nguyễn Khê	Văn bản 3232/VP-ĐT ngày 19/3/2025 của UBND thành phố Hà Nội về địa điểm bố trí quỹ đất nghiên cứu dự án; Văn bản số 1628/BCA-H02 ngày 25/4/2025 của Bộ Công an về việc bố trí đất xây dựng trụ sở; Văn bản 6639/VP-ĐT ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc mở rộng diện tích đất xây dựng trụ sở Quyết định số 3601/QĐ-BCA-H02 ,gày 20/5/2025 của Bộ Công An phê duyệt vị trí đóng quân cho Cục Cảnh			

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú	Diện tích đất điều chỉnh	
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã			Đất thu hồi chênh lệch	Đất lúa chênh lệch
									sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Diện tích sử dụng đất khoảng 5,1ha.			
Tổng (62 công trình, dự án)				941,19								

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2025 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10557/TTr-STNMT-QHKHSDD ngày 27/12/2024 và Tờ trình bổ sung số 26/TTrBS-STNMT-QHKHSDD ngày 03/01/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đông Anh (kèm theo Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 tỷ lệ 1/25.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đông Anh, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 03/01/2025), trong đó:

Danh mục các công trình, dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 bao gồm 513 dự án với tổng diện tích là 5.324,8 ha.

(Chi tiết Danh mục dự án kèm theo)

2. Trong năm thực hiện, UBND huyện Đông Anh có trách nhiệm rà soát, đánh giá, khả năng thực hiện các dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trường hợp trong năm thực hiện kế hoạch, phát sinh các công trình, dự án đủ cơ sở pháp lý, khả năng thực hiện, UBND huyện Đông Anh tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND Thành phố phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất để làm căn cứ tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND Thành phố giao:

1. UBND huyện Đông Anh:

a) Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thực hiện thu hồi đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

c) Tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch sử dụng đất; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

d) Cân đối xác định các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, chặt chẽ, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND Thành phố phê duyệt;

e) Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trước ngày 15/10/2025.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; thường xuyên cập nhật các công trình, dự án (đủ điều kiện) trình UBND Thành phố phê duyệt bổ sung danh mục kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP, P.ĐT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục 01:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ĐÔNG ANH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
A	Các công trình, dự án phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua									
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp									
1	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)									
a	Các dự án thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình									
1	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Bắc thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,33	0,11		Đông Anh	Thụy Lâm	- Quyết định số 11067/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Bắc thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh. Quyết định số 6911/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
2	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Đông Bắc thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,90	0,33		Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 12051/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Đông Bắc thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh.	
3	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Dục Tú 2, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	6,20	6,20		Đông Anh	Dục Tú	- Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Dục Tú 2, xã Dục Tú, huyện Đông Anh;	
4	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Dục Tú 3, xã Dục Tú và Việt Hùng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	5,90	1,00		Đông Anh	Dục Tú, Việt Hùng	- Quyết định số 4662/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Dục Tú 3 tại xã Dục Tú và xã Việt Hùng, huyện Đông Anh;	
5	Xây dựng hoàn thiện HTKT HL-1 tại xã Thụy Lâm và xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,30	2,48		Đông Anh	Xuân Nộn và Thụy Lâm	- Quyết định số 11775/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hoàn thiện HTKT HL-1 tại xã Thụy Lâm và xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh.	
6	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Uy Nỗ 1, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,60	1,00		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
7	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm C-2.1, xã Xuân Nộn và xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	8,80	5,00		Đông Anh	Xuân Nộn và Thụy Lâm	Quyết định số 9017/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
8	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Vông La 4, xã Vông La, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	8,96	3,00		Đông Anh	Vông La	Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
9	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,00	4,00		Đông Anh	Bắc Hồng, Văn Nội	Quyết định số 10105/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	
10	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Đông Bắc thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	7,80	7,00		Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND huyện Đông Anh Vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
11	Xây dựng hoàn thiện HTKT và kết hợp đầu giá thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,60	4,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
12	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,20	2,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
13	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	11,00	10,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
14	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,50	3,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
15	Xây dựng HTKT tại điểm VIII.2.4-1, thôn Văn Thượng, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,60	0,40		Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 5229/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
16	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất VH1, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	8,00	7,00		Đông Anh	Việt Hùng	Quyết định số 5228/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
17	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Vân Diêm, xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	15,00	7,50		Đông Anh	Vân Hà	- Quyết định số 5807/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư - Quyết định số 16091/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn khu vực thôn Vân Diêm, xã Vân Hà - Quyết định số 15501/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư các thôn Thiết Bình, Cổ Châu, xã Vân Hà Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
18	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Vạn Lộc 1, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	5,60	5,00		Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
19	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Thạc Quả, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	10,58	10,00		Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 5230/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
20	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Tây thôn Quan Âm, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	5,53	1,00		Đông Anh	Bắc Hồng	Quyết định số 7145/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
21	Xây dựng hoàn thiện HTKT Vồng La 5, xã Vồng La, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	7,00	7,00		Đông Anh	Vồng La	Quyết định số 8852/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Quyết định số 12535/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
22	Xây dựng hoàn thiện HTKT Vồng	ONT	Trung tâm	4,96	4,00		Đông Anh	Vồng La	Quyết định số 12536/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	La 6, xã Võng La, huyện Đông Anh		PTQĐ huyện						Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Tiến độ thực hiện dự án: 2024-2027	
23	Xây dựng hoàn thiện HTKT Võng La 3, xã Võng La, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	7,50	6,00		Đông Anh	Võng La	Quyết định số 12754/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Tiến độ thực hiện dự án: 2024-2027	
24	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Lỗ Giao 4, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,00	3,00		Đông Anh	Việt Hùng	Quyết định số 4357/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
25	Xây dựng hoàn thiện HTKT khu đất Xuân Canh 3, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,00	2,00		Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 09/06/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
26	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất kết hợp hoàn thiện đồng bộ HTKT khu vực Bãi Kinh, thị trấn Đông Anh và xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	22,50	10,00		Đông Anh	thị trấn Đông Anh và Uy Nỗ	- Quyết định số 6189/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 về việc phê duyệt CTĐT dự án và số 9635/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 vv điều chỉnh CTĐT dự án; số 10104/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	
27	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Võng La 1, xã Võng La, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,65	4,00		Đông Anh	Võng La	Quyết định số 8210/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
28	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Xuân Nộn 2, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	6,90	5,90		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 7301/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 8855/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (điều chỉnh tăng 0,1ha phù hợp với bản vẽ sơ đồ vị trí và ranh giới dự án theo Quyết định số 8855/QĐ-UBND ngày 14/8/2024)	
29	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Xuân Nộn 1, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,80	2,80		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 7302/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 8854/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	
30	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Xuân Nộn 3, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,50	2,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 7299/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 9391/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	
31	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất XN2, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,40	3,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 7300/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	
32	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Xuân Canh 1, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	5,41	4,00		Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 4355/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
33	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Thụy Lâm 1, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	10,50	5,00		Đông Anh	Thụy Lâm	Nghị Quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/1/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của huyện Đông Anh;	
34	Xây dựng HTKT khu đấu giá	ONT	Ban QLDA	11,50	5,00		Đông Anh	Thụy Lâm	Nghị Quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/1/2019 của HĐND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	QSD đất Thụy Lâm 2, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh		ĐTXD huyện						Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của huyện Đông Anh;	
35	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuấn Lễ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	18,80	10,00		Đông Anh	Tiên Dương	Văn bản số 72/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của thường trực HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024 Quyết định số 5755/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuấn Lễ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh Quyết định số 11852/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuấn Lễ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	
36	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất A4, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	16,50	10,00		Đông Anh	Tiên Dương	- Văn bản số 66/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của Thường trực HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500. Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
37	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất A3, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	7,38	7,38		Đông Anh	Tiên Dương	- Văn bản số 65/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của Thường trực HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500; Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
38	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất A2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	10,80	10,80		Đông Anh	Tiên Dương	- Văn bản số 64/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của Thường trực HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500; Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
39	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	14,77	7,00		Đông Anh	Dục Tú	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của UBND huyện Đông Anh, tại phụ lục số 17: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Dục Tú, huyện Đông Anh. Thời gian thực hiện sau năm 2020 Dự án nhóm B: 2021-2024	
40	Xây dựng HTKT khu đấu giá	ONT	Ban QLDA	16,80	5,00		Đông Anh	Văn Hà	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	QSD đất xã Vân Hà 1		ĐTXD huyện						Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của UBND huyện Đồng Anh, tại phụ lục số 15: Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Vân Hà 1 Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
41	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Vân Hà 2	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	12,70	5,00		Đồng Anh	Vân Hà	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của UBND huyện Đồng Anh, tại phụ lục số 16: Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Vân Hà 2; Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
42	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đồng Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	13,61	13,61		Đồng Anh	Kim Chung	- Quyết định số 12464/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đồng Anh - Nghị quyết số 73/HĐND-TT của Hội đồng nhân dân huyện Đồng Anh ngày 20/7/2018 V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). Dự án nhóm B: 2021-2024	
<i>b</i>	<i>Các dự án đầu tư lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất</i>									
<i>c</i>	<i>Các công trình, dự án khác</i>									
43	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đồng Anh	ONT	UBND huyện Đồng Anh	16,39	16,39		Đồng Anh	Nam Hồng	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
44	Mở rộng, cải tạo Trường THPT Cổ Loa	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,10	3,10		Đồng Anh	Đồng Hội	Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
45	Xây dựng Công viên di sản kết hợp quảng trường và công trình công cộng tại khu di tích Thành Cổ Loa	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,36	4,36		Đồng Anh	Cổ Loa	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Văn kiện dự án Hỗ trợ kỹ thuật; phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội;	
46	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-11) từ Chợ lếp ghép đến trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Đồng Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,92	1,76		Đồng Anh	Thị trấn Đồng Anh, Tiên Dương, Nguyễn Khê	Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND huyện Đồng Anh Vv phê duyệt chủ trương đầu tư	
47	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ chợ Mun, xã Kim Chung đến	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,50	1,50		Đồng Anh	Kim Chung	- Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện Đồng Anh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	đường chính A theo quy hoạch									
48	ĐT XD tuyến từ thôn Hậu Đường, xã Kim Chung đến đường gom Võ Văn Kiệt theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,62	1,56		Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện Đông Anh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
49	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	DYT	UBND huyện Đông Anh	5,28	3,20		Đông Anh	Uy Nỗ, Xuân Nộn, Thị trấn Đông Anh	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương	
50	Xây dựng mới điểm trường mầm non thôn Kinh Nỗ	DGD	Ban QLDA ĐT XD huyện	0,64	0,64		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 6538/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
51	Xây dựng trường mầm non thôn Hải Bối	DGD	Ban QLDA ĐT XD huyện	0,81	0,81		Đông Anh	Hải Bối	- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 27/6/2023 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của HĐND huyện Đông Anh (lần 2) trong đó có dự án Xây dựng trường mầm non thôn Hải Bối; - Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13/5/2024 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của HĐND huyện Đông Anh, - Quyết định số 10186/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	
52	Cải tạo, chỉnh trang hồ chữ T, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	MNC	Ban QLDA ĐT XD huyện	11,00	11,00		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 12417/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
53	Đầu tư xây dựng tuyến đường Nam Hồng - Tiên Dương (LK47, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt)	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	16,36	5,00		Đông Anh	Nam Hồng, Văn Nội	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư	
54	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK51 đoạn từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Uy Nỗ	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	25,04	5,00		Đông Anh	Vân Hà, Liên Hà, Việt Hùng, Xuân Nộn, Uy Nỗ	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư	
55	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Quốc Lộ 3 (cũ) đến đường Thụ Lâm	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	32,23	10,00		Đông Anh	Nguyên Khê, Xuân Nộn, Thụ Lâm	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư	
56	Chỉnh trang mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-10) từ đường 23B đến xóm Cờn thôn Trung Oai xã Tiên Dương	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,46	1,46		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 8477/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
57	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-11) từ Đường 23B đến đường Võ Nguyên Giáp	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	4,54	4,54		Đông Anh	Vân Nội, Tiên Dương	Quyết định số 8490/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
58	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	60,00	40,00		Đông Anh	Đại Mạch, Vong La, Hải Bối, Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội	
59	Xây dựng tuyến đường từ đường	DGT	Ban QLDA	7,36	7,36		Đông Anh	Vân Hà	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	gom Quốc lộ 3 (mới) qua Ủy ban nhân dân xã Vân Hà đến hết địa phận huyện Đông Anh (theo quy hoạch)		ĐTXD huyện						Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
60	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Hoàng Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai (TD8)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	18,60	5,00		Đông Anh	Vinh Ngọc, Cổ Loa, Uy Nỗ, Việt Hùng	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
61	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK54 từ khu Tái định cư phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cầu Nhật Tân, đường 5 kéo dài và các dự án phát triển đô thị đến đường LK53	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	15,28	5,00		Đông Anh	Đông Hội, Mai Lâm, Dục Tú	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
62	Xây dựng tuyến đường từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Khu công nghiệp Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	14,40	5,00		Đông Anh	Việt Hùng, Xuân Nộn	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
63	Xây dựng tuyến đường từ cầu Lộc Hà đến khu tái định cư Cổ Loa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	22,00	5,00		Đông Anh	Dục Tú, Cổ Loa, Uy Nỗ	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
64	xây dựng tuyến đường LK53 đoạn từ đường kinh tế miền Đông (bốt cầu Tây) đến hết địa phận huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	11,95	7,50		Đông Anh	Dục Tú	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
65	xây dựng tuyến đường từ cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê đến thôn Phú Liễn, xã Bắc Hồng	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	35,20	10,00		Đông Anh	Bắc Hồng, Nguyễn Khê	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND TP Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.	
66	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 01)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	6,73	6,73		Đông Anh	Kim Chung, Hải Bối, Vồng La	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội	
67	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 02)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	14,50	11,60		Đông Anh	Đại Mạch, Hải Bối, Vồng La	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội	
68	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường 23B đoạn từ ngã tư Biển Thệ đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	27,72	9,52		Đông Anh	Tiên Dương, Vân Nội, Nam Hồng	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội	
69	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn từ cầu Lộc Hà đến dốc Vân, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,25	2,47		Đông Anh	Mai Lâm, Dục Tú	Nghị Quyết số 14/-HĐND gày 16/7/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội	
70	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Đuống đoạn từ Quốc lộ 3 (cũ) đến ngã 3 đường	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	8,71	8,71		Đông Anh	Mai Lâm, Đông Hội, Xuân Canh	Quyết định số 16017/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Xuân Canh									
71	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 đường Hải Bối đến hết địa phận huyện Đông Anh đi Mê Linh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	10,70	10,70		Đông Anh	Hải Bối, Võng La, Đại Mạch, huyện Đông Anh	Quyết định số 16018/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
72	Cải tạo, mở rộng tuyến 1 đường giao thông theo quy hoạch phía Bắc thôn Đài Bi	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,23	0,23		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 13045/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
73	Đầu tư xây dựng mới tuyến 3 đường từ đường Đào Duy Tùng đến đường 40m	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,36	0,36		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 7244/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 về việc phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 13044/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
74	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu cây xanh phía Bắc xóm Đàm, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	DKV	Ban QLDA ĐTXD huyện	17,00	10,00		Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 5808/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
75	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Cầu Nhội đến đền Sái, xã Thụy Lâm	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,55	2,55		Đông Anh	Thụy Lâm	Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Thời gian bắt đầu thực hiện dự án là sau năm 2020 (Hoặc khi được cấp có thẩm quyền bố trí vốn). - Dự án nhóm B. 2021-2024	
76	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Đông Hội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,10	0,10		Đông Anh	Đông Hội	Quyết định số 5756/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 6297/QĐ-UBND ngày 25/06/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	
77	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Canh	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,15	0,15		Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 5760/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
78	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Kim Nỗ	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,20	0,20		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 6540/Quyết định-UBND ngày 03/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
79	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Bắc Hồng	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,13	0,13		Đông Anh	Bắc Hồng	Quyết định số 6542/Quyết định-UBND ngày 03/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
80	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Đại Mạch	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,20	0,20		Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 6541/Quyết định-UBND ngày 03/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
81	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Dục Tú	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,12	0,12		Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 5754/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
82	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Bối	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,20	0,20		Đông Anh	Hải Bối	Quyết định số 6544/Quyết định-UBND ngày 03/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
83	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Liên Hà	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,13	0,13		Đông Anh	Liên Hà	Quyết định số 5753/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
84	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thụy Lâm	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,19	0,19		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 5759/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
85	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Vân Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,15	0,15		Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 5758/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
86	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân	TSC	Ban QLDA	0,25	0,25		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 6543/Quyết định-UBND ngày 03/8/2023 của UBND	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	sự xã Xuân Nộn		ĐTXD huyện						huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
87	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tầm Xá	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,12	0,12		Đông Anh	Tầm Xá	Quyết định số 5755/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
88	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Uy Nỗ	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,10	0,10		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 5757/Quyết định-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 6388/QĐ-UBND ngày 26/06/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	
89	Cải tạo, mở rộng trường THPT Vân Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,17	1,14		Đông Anh	Vân Nội	Căn cứ Quyết định số 4207/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo mở rộng trường THPT Vân Nội. Căn cứ Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 29/1/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị, tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vân Nội, huyện Đông Anh	
90	Xây dựng trạm y tế xã Bắc Hồng	DYT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,45	0,16		Đông Anh	Bắc Hồng	Căn cứ Quyết định số 9523/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
91	Xây dựng phòng khám đa khoa miền Đông	DYT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,40	0,06		Đông Anh	Liên Hà	Căn cứ Quyết định số 9524/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
92	Xây dựng chợ Lấp ghép, xã Tiên Dương	DCH	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,50	0,50		Đông Anh	Tiên Dương	Căn cứ Quyết định số 9526/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
93	Xây dựng trường mầm non thôn Đoài, xã Nam Hồng	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,90	0,90		Đông Anh	Nam Hồng	Căn cứ Quyết định số 9530/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
94	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đường 40m đến nghĩa trang xóm Nguyễn thôn Tiên Hùng, xã Nguyễn Khê	DGT	UBND xã Nguyễn Khê	1,62	1,62		Đông Anh	Nguyễn Khê	Căn cứ Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 2/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư dự án Căn cứ Quyết định số 7664/QĐ-UBND ngày 7/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án	
95	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu sinh thái Mefrimex đến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,60	1,60		Đông Anh	Nam Hồng, Bắc Hồng	Căn cứ Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 12789/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Đông Anh	
96	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm Mạnh Tân, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	DTL	Ban QLDA ĐTXD huyện	23,06	22,50		Đông Anh	Thụy Lâm, Liên Hà, Việt Hùng	- Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 về việc phê duyệt dự án	
97	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông số 3 phía Tây thôn Mạch Tràng	DGT	UBND xã Cổ Loa	0,37	0,19		Đông Anh	Cổ Loa	- Quyết định số 6574/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Đông Anh; Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông số 3 phía Tây thôn Mạch Tràng - Vốn ngân sách nhà nước - Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh	
98	Xây dựng hạ tầng, trồng cây xanh, bãi đỗ xe phía Nam xóm Trại Dụn, thôn Thọ Đa	DGT	UBND xã Kim Nỗ	1,26	1,26		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 13883/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hạ tầng, trồng cây xanh, bãi đỗ xe phía Nam xóm Trại Dụn Thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
99	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh giáp điểm X4 Khu Cột cờ thôn Đoài	DKV	UBND xã Kim Nỗ	0,22	0,22		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 10299/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh giáp điểm X4 cột cờ thôn Đoài Quyết định số 13346/ QĐ-UBND huyện Đông Anh ngày 28/12/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh giáp điểm X4 khu Cột Cờ thôn Đoài	
100	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa khu 6, thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm	DVH	UBND xã Thụy Lâm	0,28	0,28		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 9738/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa khu 6, thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm	
101	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DVH	UBND xã Thụy Lâm	0,18	0,18		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 5036/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	
102	Cải tạo nâng cấp điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Biểu Khê, xã Thụy Lâm	DVH	UBND xã Thụy Lâm	0,09	0,09		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 5035/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Biểu Khê, xã Thụy Lâm	
103	Tu bổ tôn tạo di đình Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DVH	UBND xã Thụy Lâm	0,80	0,80		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 9786/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tu bổ tôn tạo di đình Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	
104	Cải tạo nâng cấp tuyến đường số 3 thôn Hà Lâm 2 (từ nhà văn hóa Hà Lâm 2 đến nhà Quý Minh) xã Thụy Lâm	DGT	UBND xã Thụy Lâm	0,36	0,16		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp tuyến đường số 3 thôn Hà Lâm 2 (từ nhà văn hóa Hà Lâm 2 đến nhà Quý Minh) xã Thụy Lâm	
105	Xây dựng trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao huyện Đông Anh	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	8,56	8,56		Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội HĐND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
106	Xây dựng điểm trường mầm non thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,50	0,50		Đông Anh	Đại Mạch	QĐ 5293/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
107	Xây dựng hạ tầng cải tạo, kè ao cỏ kết hợp trồng cây xanh số 2 và tiểu công viên thôn Đại Vĩ, xã Liên Hà	DKV	UBND xã Liên Hà	2,48	2,48		Đông Anh	Liên Hà	Quyết định số 9532/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
108	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng tuyến số 2 (đường bao phía Nam) thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà	DGT	UBND xã Liên Hà	0,85	0,85		Đông Anh	Liên Hà	Quyết định số 3437/QĐ-UBND 22/5/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
109	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bao thôn Lý Nhân, xã Dục Tú (từ cầu Đùng đến đường trục kinh tế miền Đông)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,70	1,70		Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND Huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
110	Xây dựng khu cây xanh, thể dục thể thao phía sau nhà văn hóa thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương	DTT	UBND xã Tiên Dương	0,20	0,20		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 5639/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND huyện Đông Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
111	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường	DGT	UBND xã Việt	0,60	0,60		Đông Anh	Việt Hùng	Quyết định 1123/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND huyện Đông	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	số 3 thôn Đông		Hùng						Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
112	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh, bãi đỗ xe phía Đông xóm Đồng Một	DKV	UBND xã Kim Nỗ	0,84	0,84		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 9954/QĐ-UBND ngày 09/08/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
113	Tuyến đường nối đường Kim Nỗ đến đường trục đi đường Hoàng Sa (cạnh UBND xã Kim Nỗ)	DGT	UBND xã Kim Nỗ	0,21	0,21		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 6521/QĐ-UBND ngày 24/05/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
114	Xây dựng kè hồ Đông, thôn Đông, xã Kim Nỗ	DTL	UBND xã Kim Nỗ	1,50	1,50		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 13015/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
115	Xây dựng Nhà văn hoá thôn Văn Tĩnh	DVH	UBND xã Xuân Canh	0,20	0,15		Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 13401/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng nhà văn hoá thôn Văn Tĩnh, xã Xuân Canh. - Vốn ngân sách nhà nước Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
116	Cải tạo nâng cấp đường dân sinh từ đê tả hồng đến cổng làng thôn Xuân Trạch	DGT	UBND xã Xuân Canh	0,52	0,16		Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp đường dân sinh từ đê tả hồng đến cổng làng thôn Xuân Trạch. - Vốn ngân sách nhà nước Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
117	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bao làng, phía Tây thôn Xuân Trạch từ đường phía Bắc đến đê Tả Hồng, xã Xuân Canh	DGT	UBND xã Xuân Canh	1,50	0,92		Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bao làng, phía Tây thôn Xuân Trạch từ đường phía Bắc đến đê Tả Hồng, xã Xuân Canh. - Vốn ngân sách nhà nước Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
118	Xây dựng vườn hoa trung tâm xã Nam Hồng	DKV	UBND xã Nam Hồng	0,72	0,72		Đông Anh	Nam Hồng	Quyết định số 9670/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện: 2023-2026	
119	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông số 1 phía Đông thôn Mạch Tràng	DGT	UBND xã Cổ Loa	0,59	0,38		Đông Anh	Cổ Loa	- Quyết định số 6575/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Đông Anh Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông số 1 phía đông thôn Mạch Tràng - Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh	
120	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông số 2 phía Bắc thôn Mạch Tràng	DGT	UBND xã Cổ Loa	0,77	0,39		Đông Anh	Cổ Loa	- Quyết định số 6576/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Đông Anh; Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông số 2 phía Bắc thôn Mạch Tràng - Vốn ngân sách nhà nước - Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh	
121	Dự án xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu	DGT	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP Hà Nội	21,86	21,86		Đông Anh	Đại Mạch	Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND Thành phố v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố	
122	Nhà máy xử lý, tái chế chất thải	DRA	Công ty TNHH	7,17	7,17		Đông Anh	Dục Tú, Cổ	- Văn bản 1834/QHKT-BSH+HTKT ngày 04/5/2024 của Sở QH&KT	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	rắn		Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương					Loa	Vv Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh; - Văn bản 1542/UBND-ĐT ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội Vv Tổng mặt bằng tỷ lệ 1:500 dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh; - Văn bản 1044/UBND-KH&ĐT ngày 11/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội Vv triển khai các công việc liên quan khi thực hiện dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh; - Văn bản 4899/VP-DT ngày 08/5/2023 của VP UBND thành phố Hà Nội Vv rà soát dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh; - Thông báo 406/TB-VP ngày 30/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội Vv Kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp xem xét đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về Tổng mặt bằng dự án; - Văn bản 1333/KH&ĐT-ĐT ngày 29/3/2024 của Sở KH&ĐT vv giải quyết hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng tại xã Dục tú, huyện Đông Anh của Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương; - Văn bản 3307/UBND-QLĐT ngày 13/12/2023 của UBND huyện Đông Anh Vv lập quy hoạch tổng mặt bằng dự án; - Quyết định 3983/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội Vv Quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định 934/QĐ-UBND ngày 26/2/2019 của UBND thành phố Hà Nội Vv cho Công ty cổ phần Cầu Đuống thuê 72.927,3 m² đất tại xã Dục Tú huyện Đông Anh để tiếp tục sử dụng mục đích văn phòng làm việc và cơ sở sản xuất.	
123	Đầu tư xây dựng HTKT và quản lý cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	SKN	Liên danh CTCP Đông Thành Hà Nội – CTCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	77,50	5,32		Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, Nguyên Khê	- Quyết định số 208/2006/QĐ-UBND ngày 28/11/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội; - Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án Xây dựng cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh; - Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	
2	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên (được cập nhật xác định lần đầu vào thời điểm từ năm 2023 trở về trước) được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai									
a	Các dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất									
1	Xây dựng HTKT khu đất tại xứ đồng Sậy, đồng Xăng thôn Hải Bối và khu đất trước làng thôn	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,80	1,30	2,53	Đông Anh	Hải Bối	- Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 10289/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND huyện	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để phục vụ đầu giá QSD đất								Đông Anh về việc: Phê duyệt điều chỉnh tên dự án;	28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2 ha
2	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-17, NO-19 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,20	0,85	3,12	Đông Anh	Vân Hà	- Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,78 ha
3	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-22 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,00	0,00	1,25	Đông Anh	Vân Hà	- Quyết định số 5077/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,8 ha
4	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-20, NO-21 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,10	0,87	2,10	Đông Anh	Vân Hà, Dục Tú	- Quyết định số 5085/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,79 ha
5	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Tây thôn Hậu Dương, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,10	0,52	0,98	Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 14576/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,44 ha
6	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Tuấn Lễ, xã Tiên Dương	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,10	0,10	2,20	Đông Anh	Tiên Dương	- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh - Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Tuấn Lễ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh. - Quyết định số 8994/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt Quy hoạch TMB, tỷ lệ 1/500 dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,25 ha
7	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Đông thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,88	0,02	3,15	Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 5076/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Quyết định số 14768/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Đồng Anh về việc phê duyệt dự án Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND huyện Đồng Anh V/v: phê duyệt dự án	28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,852 ha
8	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất A7, xã Uy Nỗ, huyện Đồng Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện Đồng Anh (Trung tâm PTQĐ huyện Đồng Anh tổ chức GPMB)	9,07	7,07	6,50	Đồng Anh	Uy Nỗ	Văn bản số 69/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của thường trực HĐND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc phê duyệt dự án; - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 huyện Đồng Anh; - Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án. - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đồng Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023 - Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Đồng Anh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 6,5 ha
9	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-15 xã Vân Hà, huyện Đồng Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,30	0,76	1,80	Đồng Anh	Vân Hà	- Quyết định số 5082/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-15, xã Vân Hà, huyện Đồng Anh. - Quyết định số 14766/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-15, xã Vân Hà, huyện Đồng Anh.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,61 ha
10	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đoài 2, xã Nam Hồng, huyện Đồng Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,85	0,10	0,61	Đồng Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 15185/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 0,84 ha
11	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đoài 3, xã Nam Hồng, huyện Đồng Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,59	0,02	0,41	Đồng Anh	Nam Hồng	Quyết định số 14770/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đoài 3, xã Nam Hồng, huyện Đồng Anh.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 0,7 ha
12	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch, huyện Đồng Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,92	0,75		Đồng Anh	Đại Mạch	- Quyết định số:14775/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất thôn Mai Châu, xã Đại Mạch, huyện Đồng Anh.. - Quyết định số:2619/QĐ-UBND ngày 08/5 /2023 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt điều chỉnh tên dự án Xây dựng khu đấu	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									giả quyền sử dụng đất thôn Mai Châu, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh. Quyết định số 5775/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v: Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình	
13	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Nam thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,38	0,83	2,07	Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 2,4 ha
14	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Nam thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,50	0,15	0,39	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 14768/QĐ-UBND ngày 24/12/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 0,54 ha
15	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Trung, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,27	0,24	0,94	Đông Anh	Việt Hùng	- Quyết định số 9212/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Trung, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh; - Quyết định số 14779/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Trung, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,08 ha
16	Xây dựng khu đấu giá QSD đất BH1 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	9,30	0,29		Đông Anh	Bắc Hồng	- Quyết định số 14773/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất BH1, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh.	
17	Xây dựng HTKT tại điểm X1 thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,58	0,83	1,15	Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 15047/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án Xây dựng HTKT tại điểm X1, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTĐT	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,53 ha
18	Xây dựng HTKT tại điểm X2 thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,13	2,92	2,80	Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 15048/QĐ- UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án Xây dựng HTKT tại điểm X2 thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTĐT	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,78 ha
19	Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-16 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,94	1,00	2,55	Đông Anh	Vân Hà	- Quyết định số 5080/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-16, xã Vân Hà, huyện Đông Anh;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-16, xã Vân Hà, huyện Đông Anh; - Quyết định số 14767/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-16 xã Vân Hà, huyện Đông Anh; - Thông báo số 4461/TB-UBND ngày 02/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc thu hồi, hủy bỏ thông báo số 3399/TB-UBND ngày 26/10/2023 của UBND huyện Đông Anh thực hiện dự án xây dựng khu đấu giá QSD đất NO-15, xã Vân Hà, huyện Đông Anh;	28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,7 ha
20	Xây dựng HTKT tại điểm X4 thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,00	0,12	1,70	Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 14776/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng HTKT tại điểm X4 thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,88 ha
21	Xây dựng HTKT tại điểm X3, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,50	1,23	1,30	Đông Anh	Kim Nỗ	- Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTKT tại điểm X3, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,35 ha
22	Xây dựng khu đấu giá QSD đất XN3 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	6,04	3,09	3,27	Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 5084/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất XN3 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh. - Quyết định số 7850/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất XN3 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 5,4 ha
23	Xây dựng khu đấu giá QSD đất X2 thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,03	1,03	0,67	Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 9210/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất X2 thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh. - Quyết định số 17345/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất X2 thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh - Quyết định số 5776/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất X2 thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,9 ha
24	Xây dựng khu đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm	5,90	0,70	2,30	Đông Anh	Việt Hùng	- Quyết định số 9211/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND huyện	Đã được thông qua

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh		PTQĐ huyện						Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh. - Quyết định số 12638/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh - Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 4,5 ha
25	Xây dựng HTKT khu Ma Lê thôn Trung, xã Việt Hùng phục vụ đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,50	0,80		Đông Anh	Việt Hùng	- Quyết định số 12269/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng HTKT khu Ma Lê thôn Trung, xã Việt Hùng phục vụ đấu giá QSD đất. - Quyết định số 7224/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng HTKT khu Ma Lê thôn Trung, xã Việt Hùng phục vụ đấu giá QSD đất.	
26	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,48	2,00		Đông Anh	Đại Mạch	- Quyết định số 7986/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh. - Quyết định số 7849/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh.	
27	Xây dựng HTKT tại khu đất X1 thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới (Giai đoạn 2)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,13	0,81		Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTKT tại khu đất X1, thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới (Giai đoạn 2) Quyết định số 7798/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án	
28	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Lỗ Giao 3, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,86	0,80		Đông Anh	Việt Hùng	- Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Lỗ Giao 3, Việt Hùng, huyện Đông Anh. - Quyết định số 11779/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Lỗ Giao 3, Việt Hùng, huyện Đông Anh.	
29	Xây dựng HTKT thôn Đoài 4, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,54	1,08		Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 13/2/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng HTKT thôn Đoài 4, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất. - Quyết định số 10538/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình:	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Xây dựng HTKT thôn Đoài 4, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	
30	Xây dựng HTKT tại điểm X10 xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,44	2,70	3,37	Đông Anh	Kim Nỗ	- Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng HTKT tại điểm X10, xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất; - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 8/3/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng HTKT tại điểm X10, xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất; - Quyết định số 10593/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng HTKT tại điểm X10, xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,69 ha
31	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm X7 thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,05	1,77	1,51	Đông Anh	Kim Nỗ	- Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm X7, thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh; - Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm X7, thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh; - Quyết định số 11776/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm X7, thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,115 ha
32	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Biểu Khê, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,04	1,84	2,92	Đông Anh	Thụy Lâm	- Quyết định số 11682/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Biểu Khê, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh - Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc điều chỉnh CTDT dự án - Quyết định số 17685/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTĐT dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 6 ha
33	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,96	1,33	3,56	Đông Anh	Thụy Lâm	- Căn cứ Quyết định số 11777/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh; - Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh CTDT dự án - Quyết định số 17686/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 9 ha
34	Xây dựng HTKT tại điểm VII.4.2, thôn Đản Dị, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,33	1,33		Đông Anh	Uy Nỗ	- Căn cứ Quyết định số 4314/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án Xây dựng HTKT tại điểm VII.4.2 thôn Đản Dị, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất; - Quyết định số 7796/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc điều chỉnh CTDT dự án - Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 13/2/2023 của UBND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Đồng Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	
35	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm C-2, xã Xuân Nộn và xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,45	2,45		Đông Anh	Thụy Lâm và Xuân Nộn	- Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm C-2, xã Xuân Nộn và xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh;	
36	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Nguyên Khê 1 (khu vực xóm 6, thôn Nguyên Khê)	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,73	1,03	0,83	Đông Anh	Nguyên Khê	- Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc thống nhất đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án cấp TP đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Huyện - Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT 1/500 khu đấu giá QSD đất tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh; - Quyết định số 7366/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án. Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,7 ha
37	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	8,10	0,03	6,48	Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 8676/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 6,48 ha
38	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất B1, phía Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,97	4,37	3,20	Đông Anh	Tiên Dương	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 - Quyết định số 8219/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án - Văn bản số 70/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Văn bản số 1873/UBND-QLĐT ngày 19/9/2019 của UBND huyện Đông Anh V/v chấp thuận bản vẽ TMB tỷ lệ 1/500 dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,2 ha
39	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Việt Hùng 2	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,62	0,02	2,36	Đông Anh	Việt Hùng	Nghị Quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; - Văn bản số 2039/UBND-QLĐT ngày 26/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 - Quyết định số 7959/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,36 ha
40	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Đan Di, xã Uy Nỗ,	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	15,75	0,18	9,73	Đông Anh	Uy Nỗ	- Quyết định số 96/HĐND-TT ngày 02/11/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Đan Di, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	huyện Đông Anh								- Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 về việc giao 132.176,1m² đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đợt 1) cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện Dự án xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Đán Dị, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh - Quyết định số 3521/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Đán Dị, xã Uy Nỗ - Quyết định số 8250/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Đán Dị, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 9,9 ha
41	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất A8, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	14,69	12,99	9,90	Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị Quyết số 06/NQ-HĐND ngày 08/05/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; Quyết định số 6647/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND huyện phê duyệt qh 1/500; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2), Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 9,9 ha
42	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	16,80	12,00	8,95	Đông Anh	Tiên Dương	Văn bản số 71/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của thường trực HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2), Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh Quyết định số 11851/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Đông Anh Phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 5,54 ha
43	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Việt Hùng 1, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	12,46	11,21	8,69	Đông Anh	Việt Hùng	Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của UBND huyện Đông Anh Vv phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc KHĐTC năm 2021 của huyện Đông Anh (lần 2), trong đó tiến độ thực hiện là 2022-2025 Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 8,69 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									đất xã Việt Hùng 1, huyện Đông Anh Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh	
44	Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,99	7,99	8,90	Đông Anh	Tiên Dương	Văn bản số 74/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của HĐND huyện Đông Anh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh. Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 6532/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 9,9 ha
45	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 1, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,45	1,45	1,45	Đông Anh	Mai Lâm	- Quyết định số 14780/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 1, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh; - Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 1, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh; Quyết định số 15190/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTĐT dự án Quyết định số 11405/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 1,5 ha
46	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Vồng La 2, xã Vồng La, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,47	1,47		Đông Anh	Vồng La	- Quyết định số 15184/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đấu giá QSD đất Vồng La 2, xã Vồng La, huyện Đông Anh. - Quyết định số 8136/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu đấu giá QSD đất Vồng La 2, xã Vồng La, huyện Đông Anh.	
47	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	16,35	0,20	9,79	Đông Anh	Uy Nỗ	Văn bản số 06/HĐND-TT ngày 18/01/2018 của thường trực HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 Quyết định số 8249/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 về việc phê duyệt dự án Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 16198/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Xây	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND thành phố 9,79 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	
48	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,80	2,70	3,80	Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 08/5/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh (Diện tích khu đất X5: 3,80 ha, X7: 2,55 ha); - Văn bản số 1824/UBND-QLĐT ngày 04/08/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 khu đất X5; - Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đất X5; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 16755/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Đông Anh về V/v: Phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSDĐ X5	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,8 ha
49	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X7 xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,55	0,10	1,50	Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 08/5/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh (Diện tích khu đất X5: 3,80 ha, X7: 2,55 ha); - Văn bản số 2085/UBND-QLĐT ngày 31/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 khu đất X7; - Quyết định số 7995/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đất X7. Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 -Văn bản số 1687/UBND-QLĐT ngày 28/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 khu đất X7; Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc thống nhất đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án cấp TP đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Huyện	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,5 ha
50	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X2 Kim Chung, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	20,15	16,75		Đông Anh	Kim Chung, Vong La, Đại Mạch	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 - Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư. - Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 26/06/2020 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê duyệt điều chỉnh CTDT một số dự án	
51	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất A1, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	22,00	3,00		Đông Anh	Tiên Dương	Văn bản số 63/HĐND-TT ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 08/05/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, phụ lục số 1 dự án;	

[illegible]

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
60	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	DTL	Ban QLDA ĐTXD hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	15,26	6,80	3,20	Đông Anh	Vĩnh Ngọc; Hải Bối,	- Quyết định số 6000/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội,	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 4,99 ha
61	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường Vân Nội – Kim Chung đến đường Hoàng Sa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,40	1,76	1,90	Đông Anh	Kim Nỗ	- Quyết định số 5110/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án - Quyết định số 10746/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,9 ha
62	Mở rộng đường vào Trung tâm kỹ thuật đảm bảo an ninh Quốc gia tại Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	DGT	Cục An ninh đối ngoại	0,38	0,38		Đông Anh	Hải Bối	- Quyết định số 16881/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc kiện toàn Hội đồng BTHTr & TĐC huyện Đông Anh để thực hiện dự án Mở rộng đường vào Trung tâm Kỹ thuật đảm bảo an ninh Quốc gia tại xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội - Quyết định số 16882/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc kiện toàn Tổ công tác GPMB xã Hải Bối để thực hiện dự án Mở rộng đường vào Trung tâm Kỹ thuật đảm bảo an ninh Quốc gia tại xã Hải Bối Văn bản số 7738/ANĐN-P2 ngày 30/9/2022 của BCA Cục an ninh đối ngoại V/v GPMB dự án	
63	Xây dựng trường tiểu học thôn Hậu Dường	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Anh (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	1,86	0,14	1,75	Đông Anh	Kim Chung	- Văn bản số 49/HĐND-TT ngày 18/6/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,75 ha
64	Xây dựng trường THCS tại thôn Hậu Dường, xã Kim Chung	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,22	0,85	0,90	Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,2

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										ha
65	Đầu tư xây dựng hoàn thiện trường Tiểu học Bắc Hồng theo quy hoạch	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,73	0,88	0,79	Đông Anh	Bắc Hồng	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 - Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 21/10/2022 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện Đông Anh; - Văn bản số 842/UBND-QLĐT ngày 14/4/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận bản vẽ TMB tỷ lệ 1/500 và hồ sơ phương án kiến trúc. - Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư XDCT	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,5 ha
66	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Vân Trì đến thôn Ba Chữ, xã Vân Nội theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,84	0,38	0,17	Đông Anh	Vân Nội	- Quyết định số 5112/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 7860/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ. - Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 03/06/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,168 ha
67	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lâm Tiên đến nhà văn hóa thôn Lâm Tiên theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,68	0,23	0,70	Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 11198/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,7 ha
68	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường LK53 (ven sông Ngũ Huyện Khê) đến hết thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú, huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,90	1,00	1,10	Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 7709/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định 11187/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Đông Anh Vv Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường LK53 (ven sông Ngũ Huyện Khê) đến hết thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú, huyện Đông Anh theo quy hoạch	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,5 ha
69	Xây dựng tuyến đường nối trực từ đường quốc lộ 3 (cũ) đến tuyến	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	7,22	0,05	6,67	Đông Anh	Tiên Dương; Thị trấn Đông	Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	đường Võ Nguyễn Giáp, huyện Đông Anh							Anh	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 6,67 ha
70	Xây dựng tuyến đường ven thôn Bàu vào trường tiểu học Kim Chung 2	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,17	2,00	2,12	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 9052/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương chủ đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,12 ha
71	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,84	4,00	2,85	Đông Anh	Võng La, Đại Mạch	- Quyết định số 9053/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 6236/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,85 ha
72	Xây dựng các tuyến đường xung quanh thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,27	2,00	3,63	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 9054/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh CTDT dự án Quyết định 10752/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,63 ha
73	Chỉnh trang tuyến đường Cao Lỗ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo quy hoạch)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,38	1,00	2,83	Đông Anh	Uy Nỗ, Việt Hùng	Quyết định số 9055/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,83 ha
74	Xây dựng tuyến đường từ QL3 cũ qua thôn Phan Xá đến đường Đan Di, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,39	1,19	1,68	Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 9056/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,68 ha
75	Xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua thôn Xuân Nộn đến đường LK50 và nhánh kết nối ra đường từ Ngã 3 Lương Quy-Đê	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,00	1,00	3,60	Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 9231/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	sông Cà Lồ									8/12/2022 của HĐND thành phố 3,6 ha
76	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua trục chính thôn Xuân Nộn và qua trục chính thôn Đường Nhận theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	5,00	1,20	3,80	Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 9339/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,8 ha
77	ĐTXD tuyến đường bao phía Nam và Đông Nam thôn Mai Châu, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,50	1,00	2,00	Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 9234/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2 ha
78	ĐTXD tuyến đường bao quanh khu vực dân cư thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,10	2,00	1,80	Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 9233/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2 ha
79	ĐTXD tuyến đường nối từ Khu đấu giá quyền sử dụng đất Nguyên Khê đến phía Đông thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,00	0,80	0,80	Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 9230/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,8 ha
80	ĐTXD tuyến đường vào trường THCS Vồng La theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,00	0,25	0,70	Đông Anh	Vồng La	Quyết định số 9334/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,7 ha
81	ĐTXD tuyến đường qua phía Nam thôn Kinh Nỗ kết nối đường Uy Nỗ đến đường bệnh viện Đông Anh - Đền Sái theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,34	0,60	0,54	Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 10377/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										0,536 ha
82	ĐT XD tuyến đường bao phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn và đoạn nối từ chùa Kim Quy đến TTMN xã Xuân Nộn.	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	2,80	0,70	1,40	Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 10376/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,4 ha
83	Tuyến đường bao phía Đông Bắc và Đông Nam thôn Cầu Cà, xã Cổ Loa theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,88	0,45	1,60	Đông Anh	Cổ Loa	Quyết định số 10378/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,88 ha
84	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Cà Lồ từ Quốc lộ 3 (cũ) đến thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	5,70	5,50	5,50	Đông Anh	Nguyên Khê, Xuân Nộn, Thụy Lâm	Quyết định số 11195/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024 Quyết định số 11742/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án Quyết định 6047/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 5,5 ha
85	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến đường gom Quốc lộ 3 (mới) đoạn qua khu di tích Đền Sái	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	3,50	1,00	1,45	Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 9337/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024. Quyết định số 4579/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,3 ha
86	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc và Tây Bắc thôn Mai Châu, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,35	0,34	1,01	Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 9335/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2023-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,01 ha
87	ĐT XD tuyến đường bao phía Tây Bắc thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,07	0,27	0,96	Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 9336/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2023-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,96 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
88	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc xóm Đầm và phía Tây xóm Tây xã Vân Nội theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,33	0,60	0,86	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 9338/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,86 ha
89	ĐT XD tuyến đường phía Đông Bắc Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương và nhánh kết nối ra đường Võ Văn Kiệt theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,25	0,70	1,10	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 10380/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,1 ha
90	ĐT XD tuyến đường phía Tây Bắc chợ Mun theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	0,44	0,30	0,41	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 9340/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023; Quyết định số 8359/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2023-2025.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,41 ha
91	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Kim Nỗ - Kim Chung đến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Lào Cai, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,52	0,60	0,60	Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 10382/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,6 ha
92	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc và phía Tây thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	1,26	1,00	0,76	Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 10374/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,76 ha
93	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc thôn Kinh Nỗ, xã Uy Nỗ và nhánh qua phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	2,89	0,70	2,02	Đông Anh	Uy Nỗ, Xuân Nộn	Quyết định số 10381/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,02 ha
94	Xây dựng trạm y tế xã Tiên Dương	DYT	Ban QLDA ĐT XD huyện	0,23	0,02	0,21	Đông Anh	Tiên dương	Căn cứ Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây	Đã được thông qua chuyển mục đích đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									dựng trạm y tế xã Tiên Dương, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2024 Văn bản số 1420/UBND-QLĐT ngày 26/5/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,2346 ha
95	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Dân Dị đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	14,00	12,98		Đông Anh	Uy Nỗ, Tiên Dương, Văn Nội, thị trấn Đông Anh	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội, trong đó tiến độ thực hiện là 2021-2024; Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội (phụ lục 28); QĐ 393/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND TP về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường	
96	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đào Thục đến đền Sái xã Thụy Lâm	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	5,19	1,86	4,00	Đông Anh	Thụy Lâm	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Đông Anh Vv phê duyệt chủ trương đầu tư một số công trình trên địa bàn huyện Đông Anh; QĐ7480/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND TP về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500 tuyến đường từ thôn Đào Thục đến đền Sái, xã Thụy Lâm; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2023-2025 Quyết định số 11250/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v: Phê duyệt dự án Xây dựng tuyến đường từ thôn Đào Thục đến đền Sái xã Thụy Lâm. Quyết định số 7480/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chỉ giới đường bộ, tỷ lệ 1/500	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 4 ha
97	Xây dựng trường mầm non Hậu Dường	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,90	0,50	0,49	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 3985/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,49 ha
98	Xây dựng trường tiểu học Văn Hà 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,21	0,60	1,09	Đông Anh	Văn Hà	Quyết định số 3984/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trường Tiểu học Văn Hà 2	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,09 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
99	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn B	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,97	0,80	0,92	Đông Anh	Nguyên Khê và Thị trấn Đông Anh	Nghị quyết của HĐND huyện Đông Anh: số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện Đông Anh (lần 1); Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND huyện Đông Anh; Quyết định số 8609/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,11 ha
100	Xây dựng trường THCS thị trấn 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,58	0,58	1,30	Đông Anh	Nguyên Khê và Thị trấn Đông Anh	Nghị quyết của HĐND huyện Đông Anh: số 12/NQ-HĐND ngày 28/06/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện Đông Anh (lần 1); Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 - Quyết định số 12512/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án; Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 28/06/2019 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,58 ha
101	Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,65	1,65	1,40	Đông Anh	Nam Hồng	Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,65 ha
102	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,66	1,00	1,40	Đông Anh	Nam Hồng	Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,66 ha
103	Xây dựng trường THCS Vân Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,35	1,00	1,10	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,87 ha
104	Xây dựng trường Tiểu học Vĩnh Ngọc	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,09	0,39	2,00	Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Nghị quyết của HĐND huyện Đông Anh: số 12/NQ-HĐND ngày 28/06/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2 ha
105	ĐTXD tuyến đường bao phía Bắc thôn Dục Tú nối từ đường Gia Lương đến trường mầm non Dục Tú	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,34	0,70	0,50	Đông Anh	Dục Tú	- Quyết định số 8029/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,5 ha
106	ĐTXD tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến thôn Kim Tiên	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,50	0,40	0,50	Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,5 ha
107	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-3) phía Nam thôn Đào Thục xã Thụy Lâm	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,92	0,50	0,71	Đông Anh	Thụy Lâm	- Quyết định số 10470/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,71 ha
108	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-13) từ Khu đầu giá quyền sử dụng đất X2 Kim Chung đến thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,99	1,00	1,65	Đông Anh	Kim Chung, Đại Mạch, Vồng La	- Quyết định số 10471/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										HĐND thành phố 1,2 ha
109	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-04) qua phía Tây Bắc thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,50	0,40	1,00	Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 10074/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1 ha
110	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-5) từ trường THPT Cổ Loa đến khu đô thị mới Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,34	0,60	1,01	Đông Anh	Cổ Loa, Đông Hội	- Quyết định số 9527/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,01 ha
111	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-4) phía Đông thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,56	0,78	1,09	Đông Anh	Thụy Lâm	- Quyết định số 7997/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,09 ha
112	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-14) từ Nhà máy nước Bắc Thăng Long đến Khu đầu giá quyền sử dụng đất X2, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,20	1,50	2,60	Đông Anh	Kim Chung, Đại Mạch	- Quyết định số 8492/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,6 ha
113	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-12) từ thôn Nhuế đến thôn Bàu, xã Kim Chung	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,30	0,60	1,10	Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 6497/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,3 ha
114	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-06) từ Bắc thôn Đoài đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,30	0,70	1,00	Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 6496/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,3 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
115	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-11) từ phía Nam thôn Đoài, xã Kim Nỗ đến đầm Vân Trì	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,50	0,70	1,20	Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 6495/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,5 ha
116	Đầu tư xây dựng tuyến đường qua thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,42	1,00	1,50	Đông Anh	Kim Nỗ	- Quyết định số 8025/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,5 ha
117	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-05) từ đường Võ Văn Kiệt đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,00	0,50	1,60	Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 8474/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,6 ha
118	ĐTXD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Lâm Tiên đến khu đầu giá Đông Nguyên Khê theo quy hoạch)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,70	0,70	0,50	Đông Anh	Thị trấn Đông Anh	- Quyết định số 6492/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,7 ha
119	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-4) từ thôn Tiên Hội đến xóm mới Trung Thôn	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,01	1,00	1,70	Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 9526/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,7 ha
120	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-12) phía Đông đầm Sơn Du	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,90	0,40	1,71	Đông Anh	Nguyên Khê	- Quyết định số 7995/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,71 ha
121	Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Đông kênh Giữa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,75	0,88	1,50	Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 8493/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Đông	Đã được thông qua chuyển mục đích đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	đoạn từ đường trục thôn Hậu Dưỡng đến đường trục chính A								kênh Giữa đoạn từ đường trục thôn Hậu Dưỡng đến đường trục chính A, huyện Đông Anh	lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,75 ha
122	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-09) từ thôn Mỹ Nội đến khu sinh thái Mefrimex	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,20	2,20	1,90	Đông Anh	Bắc Hồng, Nam Hồng	- Quyết định số 8028/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,9 ha
123	Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-18) từ Việt Hùng đến nhà máy gạch Vigracera	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,76	1,00	1,93	Đông Anh	Việt Hùng, Uy Nỗ	Quyết định số 8476/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,93 ha
124	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,28	1,00	2,00	Đông Anh	Bắc Hồng	Quyết định số 8494/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2 ha
125	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-03) từ đường Trường Sa qua thôn Văn Thượng, Vạn Lộc	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,00	1,00	2,00	Đông Anh	Xuân Canh, Vĩnh Ngọc	- Quyết định số 10073/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2 ha
126	Đầu tư xây dựng tuyến đường phía Đông thôn Địa (N3-07) từ đường 23B đến UBND xã Nam Hồng	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,10	0,80	1,90	Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,1 ha
127	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-04) từ Nam thôn Đoài đi qua đường trục đô thị Mê Linh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	5,00	1,80	2,25	Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 8480/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										8/12/2022 của HĐND thành phố 2,25 ha
128	ĐT XD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Nguyên Khê đến đê sông Cà Lồ theo quy hoạch)	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	2,50	1,00	2,20	Đông Anh	Nguyên Khê, Xuân Nộn, Thụy Lâm	- Quyết định số 6494/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,5 ha
129	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-2) thôn Xuân Nộn đến thôn Đình Trung xã Xuân Nộn	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	3,50	1,75	2,50	Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 8475/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,5 ha
130	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-12) từ Khu đất dịch vụ X2 Nguyên Khê đến Khu đấu giá Nguyên Khê	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	0,83	0,40	0,75	Đông Anh	Nguyên Khê	- Quyết định số 10472/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,81 ha
131	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-11) phía Đông thôn Quan Âm đến hết thôn Bến Trung	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	3,08	1,00	2,70	Đông Anh	Bắc Hồng	- Quyết định số 8027/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,7 ha
132	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-15) phía Đông Bắc thôn Mạch Lũng	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	3,24	1,00	2,92	Đông Anh	Đại Mạch	- Quyết định số 7996/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,92 ha
133	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-08) phía Tây Bắc thôn Tăng Mỹ xã Nam Hồng	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	3,80	1,00		Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 8473/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
134	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-03) từ chân cầu Vượt Nam Hồng đi đường trục đô thị	DGT	Ban QLDA ĐT XD huyện	4,80	0,50	3,14	Đông Anh	Nam Hồng	- Quyết định số 8481/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Mê Linh									28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,14 ha
135	Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-13) từ đường gom kênh đào đến đường Võ Nguyên Giáp.	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,08	0,50	3,67	Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,67 ha
136	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DKV	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,71	9,38	8,91	Đông Anh	Tiên Dương	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh, trong đó có dự án Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh; Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025; - Nghị Quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND huyện Đông Anh (lần 1); - VB số 8298/STNMT-ĐDBĐVT ngày 17/10/2024 của Sở TNMT hướng dẫn định vị mốc giới phục vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 7,7 ha
137	Xây dựng 02 tuyến đường gom dọc theo Quốc lộ mới (đoạn từ nút giao giữa đường Vành đai 3 với đường Quốc lộ 3 mới đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	27,50	20,00		Đông Anh	Vân Hà, Liên Hà, Thụy Lâm	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng 02 tuyến đường gom dọc theo Quốc lộ mới (đoạn từ nút giao giữa đường Vành đai 3 với đường Quốc lộ 3 mới đến hết địa phận huyện Đông Anh, trong đó tiến độ thực hiện 2022-2025	
138	Cải tạo, mở rộng Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Vân Nội	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,41	7,00	0,91	Đông Anh	Vân Nội	- Quyết định số 10425/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, mở rộng Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Vân Nội.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,91 ha
139	Xây dựng Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Cổ Loa	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,50	0,70	1,20	Đông Anh	Cổ Loa	- Quyết định số 10072/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Cổ Loa.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,2

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										ha
140	Xây dựng Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Kim Nỗ	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,40	1,50	2,90	Đông Anh	Kim Nỗ	- Quyết định số 6781/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Kim Nỗ.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,9 ha
141	Xây dựng trường THPT Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,52	0,26	2,28	Đông Anh	Nguyên Khê	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có dự án Xây dựng trường THPT Uy Nỗ, huyện Đông Anh; Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Nguyên Khê, huyện Đông Anh; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,28 ha
142	ĐTXD tuyến đường từ Cụm công nghiệp Nguyên Khê qua khu X2 Nguyên Khê đến đường gom sông Đào, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường từ chợ Lấp Ghép đi Khu đô thị Nguyên Khê đến đường gom sông đào Nguyên Khê	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,33	1,00	0,90	Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc cho phép chuẩn bị đầu tư một số dự án thuộc lĩnh vực Giao thông lần 1 năm 2021 - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2025 Quyết định số 10133/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,9 ha
143	Xây dựng trường mầm non thị trấn 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,69	0,30		Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, Tiên Dương	Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Thời gian thực hiện dự án: Sau năm 2022	
144	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Thụy Lâm.	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,70	0,05		Đông Anh	Thụy Lâm	- Quyết định 12345/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND huyện Vv phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2023 Nghị Quyết 01/NQ/HĐND ngày 16/01/2019 về phê duyệt chủ trương đầu tư. - Nghị Quyết 13/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Quyết định số 7600/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 phê duyệt dự án đầu tư. - Quyết định số 5814/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 phê duyệt thiết kế BVTC-dự toán.	
145	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh và công viên mini tại xứ Đồng Cao thôn	DGT	UBND xã Tiên Dương	1,20	1,20		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 6533/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Cổ Dương									
146	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe thôn Tiên Kha ((Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe và trạm xử lý nước thải cục bộ thôn Tiên Kha (VB QLĐT: 2479-02/11/21))	DGT	UBND xã Tiên Dương	0,92	0,92		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 10468/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
147	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe phía nam thôn Tuấn Lễ (giáp khu nhà ở xã hội)	DGT	UBND xã Tiên Dương	0,27	0,27		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
148	Xây dựng bãi đỗ xe phía đông thôn Lễ Pháp	DGT	UBND xã Tiên Dương	0,94	0,94		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 10678/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
149	Xây dựng bãi đỗ xe phía bắc thôn Lễ Pháp	DGT	UBND xã Tiên Dương	1,67	1,67		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
150	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 vào UBND xã Xuân Canh đến ngã 3 vào UBND xã Hải Bối	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	6,44	1,00		Đông Anh	Xuân Canh, Vĩnh Ngọc, Hải Bối, huyện Đông Anh	Quyết định số 16016/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
151	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba chợ Kim lên đê sông Cà Lồ theo Quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,96	0,03		Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 10226/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án - Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình; - Quyết định 7976/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND Huyện Vv phê duyệt điều chỉnh dự án Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	
152	Xây dựng hạ tầng hai bên và cải tạo đê cụt xã Tầm Xá huyện Đông Anh kết hợp làm đường giao thông (Ô đất ký hiệu P)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,03	0,02		Đông Anh	Tầm Xá	- Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về việc phê duyệt dự án - Quyết định số 334/UBND-QLĐT ngày 25/3/2019 về việc chấp thuận phạm vi, ranh giới khu đất	
153	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyên Khê đoạn từ cầu Đồi đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai , huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,26	2,00		Đông Anh	Tiên Dương, thị trấn Đông Anh	- Văn bản số 88/HĐND-TT ngày 05/09/2018 của TT HĐND huyện Đông Anh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 8225/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 về phê duyệt dự án. - Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 phê duyệt điều chỉnh dự án, phê duyệt TKBTC-DT; tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
154	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh	DTT	Ban QLDA ĐTXD huyện	35,25	16,17		Đông Anh	Uy Nỗ	- Quyết định 9827/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND huyện Đông Anh Vv phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án - Văn bản số 92/HĐND-TT ngày 11/9/2018 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 8/5/2019 của HĐND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Đồng Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đồng Anh - Quyết định 8873/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quyết định số 15509/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Đồng Anh V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đồng Anh - Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND huyện Đồng Anh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đồng Anh	
155	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyên Khê đoạn từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến cầu Phù Lỗ, huyện Đồng Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	15,70	1,77		Đồng Anh	Nguyên Khê, thị trấn Đồng Anh	- Văn bản số 89/HĐND-TT ngày 10/09/2018 của TT HĐND huyện Đồng Anh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Quyết định 2432/QĐ-UBND ngày 7/5/2020 phê duyệt chi giới đường đỏ - Quyết định số 8051/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đồng Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
156	Cải tạo, mở rộng trường Tiểu học Văn Hà	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,00	0,16	0,95	Đồng Anh	Vân Hà	- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đồng Anh; - Văn bản số 2405/UBND-QLĐT ngày 09/10/2020 của UBND huyện Đồng Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc - Quyết định số 4700/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đồng Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,95 ha
157	Xây dựng trường mầm non thôn Vông La, xã Vông La, huyện Đồng Anh	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,41	1,41		Đồng Anh	Vông La	- Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/3/2020 của HĐND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc KH đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn huyện Đồng Anh - Quyết định số 2716/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đồng Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023 - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 22/04/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án;	
158	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,80	0,14		Đồng Anh	Nguyên Khê; Thị trấn Đồng Anh	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đồng Anh	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Đông Anh (đoạn từ Nút giao đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến ngã tư Nguyên Khê)								Quyết định số 7371/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
159	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ nút giao Nguyên Khê đến Cầu Phù Lỗ)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,20	0,60		Đông Anh	Nguyên Khê;	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh Quyết định số 7372/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
160	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Nguyên Khê qua phía Đông thôn Cán Khê và xóm Núi đến đường gom sông Đào Nguyên Khê	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,13	0,86		Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024 Quyết định số 7710/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường. Quyết định số 11185/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án	
161	Cải tạo mở rộng tuyến đường qua cống Đàm Sấn, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,50	0,50		Đông Anh	Vân Nội, Kim Nỗ	Quyết định số 5222/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024 Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v Phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 do huyện quyết định	
162	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường đôi A-B đến đường dọc Kênh giữa, xã Kim Chung theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,40	0,40		Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 15059/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương dự án, trong đó thời gian thực hiện dự án là 2021-2025 Quyết định 5158/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án Quyết định số 14186/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt điều chỉnh dự án Quyết định số 15064/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh CTDT dự án	
163	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Thụ Lâm đến cầu Cổ Miếu, xã Thụ Lâm theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,50	0,10		Đông Anh	Thụ Lâm	- Quyết định số 14612/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương dự án, trong đó thời gian thực hiện dự án là 2022-2024 - Quyết định số 10090/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án	
164	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	DGT	UBND huyện Đông Anh	119,77	119,77	90,00	Đông Anh	Huyện Đông Anh	Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội V/v Giao nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	HĐND thành phố 90 ha
165	Cải tạo, nâng cấp cầu khu 5, xã Thụy Lâm	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,15	0,15		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định 1021/QĐ-UBND ngày 26/1/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện 2022-2024 Bảo cáo thẩm định điều chỉnh số 449/BC-HĐTĐ ngày 04/11/2021 Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt BCKTKT công trình	
166	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Tây Nam kênh dẫn Trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến cầu Nhội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,65	0,30		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 5108/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện 2022-2024 Quyết định số 14185/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện Đông Anh Về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Tây Nam kênh dẫn Trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến cầu Nhội	
167	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-7) phía Nam thôn Xuân Trạch lên đê sông Đuống	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,65	0,16		Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 9528/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-7) phía Nam thôn Xuân Trạch lên đê sông Đuống	
168	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trạm xử lý nước thải qua thôn Cổ Điền lên đê sông Hồng, xã Hải Bối theo quy hoạch	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,27	0,02		Đông Anh	Hải Bối	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó tiến độ thực hiện 2021-2025 Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND huyện Đông Anh Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trạm xử lý nước thải qua thôn Cổ Điền lên đê Sông Hồng, xã Hải Bối theo quy hoạch	
169	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N5-14) phía Đông thôn Khê Nữ	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,30	0,30		Đông Anh	Nguyên Khê	- Quyết định số 8023/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N5-14) phía Đông thôn Khê Nữ	
170	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-1) phía Bắc thôn Cán Khê đi thôn Tiên Hùng đến đường gom đường sắt Hà Nội- Thái Nguyên	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,74	0,90		Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 8024/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-1) phía Bắc thôn Cán Khê đi thôn Tiên Hùng đến đường gom đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, trong đó tiến độ thực hiện 2022-2024	
171	Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-07) phía Đông Bắc sông Thiếp đoạn từ Cổ Loa đến thôn Đài Bi, xã Uy Nỗ	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	10,77	10,77		Đông Anh	Cổ Loa, Tiên Dương	Quyết định số 8491/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
172	Xây dựng đền thờ Ngô Quyền tại di tích Thành Cổ Loa, huyện Đông Anh	TIN	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,34	2,00		Đông Anh	Cổ Loa	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Vv phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội, trong đó tiến độ thực hiện 2022-2025 Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
173	Cải tạo nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Dục Tú	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,76	0,30		Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 11036/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 12069/QĐ-UBND ngày 8/12/2023 về việc phê duyệt dự án	
174	Đầu tư xây dựng tuyến đường liên xã Kim Nỗ - Kim Chung theo quy hoạch (đoạn từ đường sắt đến cầu thôn Nhuế)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,40	0,70		Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Thời gian thực hiện dự án là 2023-2026;	
175	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-12) từ thôn Tiên Kha đến thôn Lương Nỗ	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,89	0,90		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 10749/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-12) từ thôn Tiên Kha đến thôn Lương Nỗ Quyết định số 8488/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	
176	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-13) từ khu đấu giá Đông Nam Cổ Dương đến khu đấu giá A4, xã Tiên Dương	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,19	0,50		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 10750/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-13) từ khu đấu giá Đông Nam Cổ Dương đến khu đấu giá A4, xã Tiên Dương Quyết định số 8489/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	
177	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-16) từ đường Đán Dị đến đường Cổ Loa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,81	0,90		Đông Anh	Cổ Loa, Uy Nỗ	Quyết định số 8478/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-16) từ đường Đán Dị đến đường Cổ Loa. Thời gian thực hiện dự án: Sau năm 2022	
178	Xây dựng trường THPT Việt Hùng, huyện Đông Anh	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,80	2,50		Đông Anh	Việt Hùng	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện dự án là 2021-2024;	
179	Xây dựng trường mầm non Thụy Lâm 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,83	0,40		Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Thời gian thực hiện dự án: Sau năm 2022	
180	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao huyện Đông Anh	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,89	1,60		Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 7857/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao huyện Đông Anh Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 08/05/2019 của HĐND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 (lần 2)	
181	Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao xã Đại Mạch	DVH+ DTT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,10	0,50		Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 8911/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao xã Đại Mạch. Thời gian thực hiện dự án: Sau năm 2022	
182	Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao xã Bắc Hồng	DVH+ DTT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,60	0,80	0,87	Đông Anh	Bắc Hồng	Quyết định số 10424/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trung tâm văn hoá thể thao xã Bắc Hồng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Hồng. Thời gian thực hiện dự án: Sau năm 2022	lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,874 ha
183	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nam Hà đến trục kinh tế miền Đông, xã Liên Hà, huyện Đông Anh.	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,70	0,07	2,17	Đông Anh	Liên Hà	- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; - Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng. - Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh; phê duyệt bản vẽ thi công - dự toán xây dựng dự án Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nam Hà đến đường trục kinh tế miền Đông xã Liên Hà, huyện Đông Anh. - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023 - Quyết định 10855/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 UBND huyện Đông Anh V/v: Phê duyệt điều chỉnh dự án Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nam Hà đến đường trục kinh tế miền Đông, xã Liên Hà	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,17 ha
184	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực cửa sông Đuống thành phố Hà Nội - giai đoạn I	DTL	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	0,50	0,50		Đông Anh	Xuân Canh	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư. Thời gian thực hiện dự án là 2022-2025	
185	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 2 thôn Lương Nổ	DGT	UBND xã Tiên Dương	2,78	2,78		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
186	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 3 thôn Lương Nổ	DGT	UBND xã Tiên Dương	4,66	4,66		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
187	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 4 thôn Lương Nổ	DGT	UBND xã Tiên Dương	4,27	4,27		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
188	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 5 thôn Lương Nổ	DGT	UBND xã Tiên Dương	2,26	2,26		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
189	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Tiên Kha	DGT	UBND xã Tiên Dương	1,50	1,50		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
190	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 2 thôn Tiên Kha	DGT	UBND xã Tiên Dương	1,04	1,04		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
191	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 3 thôn Tiên Kha	DGT	UBND xã Tiên Dương	1,45	1,45		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
192	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 1 thôn Trung Oai	DGT	UBND xã Tiên Dương	0,67	0,67		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
193	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng	DKV	UBND xã Tiên	1,39	1,39		Đông Anh	Tiên Dương	Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	đồng khu vực sân bóng xóm Cời thôn Trung Oai xã Tiên Dương		Dương						Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
194	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng khu vực trước cổng đình thôn Lễ Pháp	DKV	UBND xã Tiên Dương	0,84	0,84		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 6846/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
195	Xây dựng công viên cây xanh phía đông nhà văn hoá thôn Lễ Pháp	DKV	UBND xã Tiên Dương	1,22	1,22		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9688/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
196	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng khu vực cạnh nhà bà Tuyết xóm Cời thôn Trung Oai	DKV	UBND xã Tiên Dương	0,16	0,16		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 7644/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
197	Xây dựng bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh phía tây làng thôn Cổ Dương	DGT	UBND xã Tiên Dương	1,71	1,71		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9685/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
198	Xây dựng công viên cây xanh phía tây làng Cổ Dương	DKV	UBND xã Tiên Dương	2,39	2,39		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9681/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
199	Xây dựng công viên cây xanh phía bắc thôn Cổ Dương	DKV	UBND xã Tiên Dương	4,11	4,11		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9682/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
200	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe phía nam xóm Thượng thôn Lương Nỗ	DKV	UBND xã Tiên Dương	0,55	0,55		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 6847/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
201	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe phía bắc xóm Bãi thôn Lương Nỗ	DKV	UBND xã Tiên Dương	0,96	0,96		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9621/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
202	Xây dựng khu cây xanh, mặt nước phía nam xóm Lác thôn Trung Oai	DKV	UBND xã Tiên Dương	1,04	1,04		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9683/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
203	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe phía tây đội 3 thôn Trung Oai	DKV	UBND xã Tiên Dương	1,14	1,14		Đồng Anh	Tiên Dương	Quyết định số 9622/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
204	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Đông thôn Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	5,40	0,10	1,94	Đồng Anh	Nguyên Khê	- Quyết định số 6211/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND huyện Đồng Anh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đồng Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,94 ha
205	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	DTL	Ban QLDA ĐTXD hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	28,87	3,67		Đồng Anh	Vĩnh Ngọc, Tâm Xá	- Quyết định : số 6120/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hệ thống thoát nước, hồ điều hoà, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh; - Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND thành phố về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Hệ thống thoát nước, hồ điều hoà, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh; - Quyết định số 6142/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND thành phố V/v Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đầu tư xây dựng (Tiến độ hết năm 2026)	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất	
206	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới tại các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	ONT	Công ty cổ phần trung tâm hội chợ triển lãm Việt Nam (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	265,32	2,68		Đông Anh	Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm	- Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND TP v/v phê duyệt chi tiết tỷ lệ 1/500 - Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND TP về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó thời gian thực hiện là 2020-2025 Quyết định 453/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội về quyết định chấp thuận điều chỉnh CTDT	
207	Thành phố thông minh	ONT	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành phố thông minh Bắc Hà Nội	271,45	3,50		Đông Anh	Hải Bối, Vĩnh Ngọc, Kim Nỗ	- Quyết định chủ trương đầu tư số 3003/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1792/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND thành phố Hà Nội - Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 về việc giao nhiệm vụ cho UBND huyện Đông Anh thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH chi tiết 1/500	
208	Công viên Văn hóa, Du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy	DVH	Công ty cổ phần Tập đoàn Mặt trời (Sungroup) (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	101,09	1,45		Đông Anh	Vĩnh Ngọc, Tiên Dương	- Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, tiến độ 2020-2022	
209	Dự án xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại ô đất CT3, CT4 Khu đô thị mới Kim Chung (tên dự án hiện nay là Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CT3, CT4 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung)	ONT	Liên danh Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (HANDICO) - Tổng công ty Viglacera - CTCP	3,70	0,10		Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 4515/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Cấp lần đầu ngày 10/11/2011, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 28/8/2024)	
210	Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc gia mới tại huyện Đông Anh	SKC	Công ty cổ phần trung tâm hội chợ triển lãm Việt Nam (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	92,35	0,48		Đông Anh	Xuân Canh, Đông Hội	- Văn bản số 2628/UBND-ĐT ngày 10/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc lập quy hoạch - Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao nhiệm vụ cho UBND huyện Đông Anh làm thực hiện công tác GPMB - Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	
211	Khu đô thị thông minh – sinh thái	ONT	Liên danh Tập	268,00	268,00		Đông Anh	Tầm Xá, Vĩnh	- Quyết định số 4808/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	tại các xã Tâm Xá, Vĩnh Ngọc, Xuân Canh, huyện Đông Anh		đoàn Vingroup - Công ty CP, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Thái Sơn, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển thương mại Long Hải					Ngọc, Xuân Canh	phố Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thông minh - sinh thái tại các xã Tâm Xá, Vĩnh Ngọc, Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội; - Quyết định số 5276/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thông minh - sinh thái tại các xã Tâm Xá, Vĩnh Ngọc, Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội - Quyết định số 6206/QĐ-UBND ngày 30/11/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội V/v quyết định chấp thuận nhà đầu tư - Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất	
II Các công trình, dự án đăng ký mới										
a Các dự án thu hồi đất để đầu tư xây dựng										
1	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu tư QSD đất Xuân Canh 4, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,43	3,00		Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 9930/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
2	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cán Khê 2, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	10,00	8,00		Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 10897/QĐ-UBND của UBND huyện Đông Anh ngày 30/10/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cán Khê 2, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	
3	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cán Khê 1, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	11,10	5,00		Đông Anh	Nguyên Khê	Quyết định số 10961/QĐ-UBND của UBND huyện Đông Anh ngày 31/10/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cán Khê 1, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	
4	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch XN4 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	9,50	8,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 10744/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
5	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Xuân Nộn 4, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	6,50	6,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
6	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu tư QSD đất XN1 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	5,70	1,50		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 10745/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
7	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch XN5 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,80	4,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 10743/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
8	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu tư QSD đất Lương Quy 3, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	7,60	7,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 10742/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
9	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu tư QSD đất Lương Quy 5, xã Xuân Nộn,	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	8,30	8,00		Đông Anh	Xuân Nộn	Quyết định số 10746/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	huyện Đông Anh									
10	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	12,00	10,00		Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 10358/QĐ-UBND huyện Đông Anh ngày 11/10/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Dục Tú 4, xã Dục Tú, Đông Anh	
b	Các dự án đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất									
c	Các công trình, dự án khác									
11	Tu bổ, tôn tạo, phục dựng và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử Địa đạo Nam Hồng, huyện Đông Anh	DDT	Ban QLDA ĐTXD huyện	8,86	8,86		Đông Anh	Nam Hồng	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư và dừng chủ trương một số dự án đầu tư công cấp Thành phố;	
12	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Đông Anh thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	15,83	10,00		Đông Anh	Đại Mạch, Kim Chung	Nghị Quyết 41NQ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội Vv phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội	
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông đoạn từ AB đến công làng thôn Hậu Đường, xã Kim Chung	DGT	UBND xã Kim Chung	0,63	0,10		Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 4985/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông đoạn từ đường AB đến công làng thôn Hậu Đường, xã Kim Chung	
14	Mở rộng đường vào Trung tâm kỹ thuật bảo vệ an ninh quốc gia tại xã Hải Bối, huyện Đông Anh nay là dự án thành phần số 1- thuộc dự án BĐ65 tại xã Hải Bối, huyện Đông Anh	DGT	UBND huyện Đông Anh	0,38		0,08	Đông Anh	Hải Bối	-Căn cứ Văn bản số 5930/STNMT-CCQLĐĐ ngày 6/7/2017 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc hướng dẫn xác định ranh giới khu đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Mở rộng đường vào Trung tâm kỹ thuật đảm bảo an ninh quốc gia tại Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội; - Căn cứ Quyết định số 3347/QĐ-BCA-A01 ngày 14/5/2019 của Bộ Công An về phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư dự án Trung tâm kỹ thuật đảm bảo an ninh quốc gia tại Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội nay là dự án Thành phần số 1 – thuộc dự án BĐ65, tại xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND thành phố 0,08 ha
15	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao phía đông thôn Nhì, xã Vân Nội	DTT	UBND xã Vân Nội	0,42	0,42	0,39	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,4188 ha
16	Xây dựng khu cây xanh thôn Viên Nội, xã Vân Nội (mục 7, phần III)	DKV	UBND xã Vân Nội	0,90	0,90	0,86	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 9522/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,9 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
17	Trồng cây xanh, sân thể thao và điểm đỗ xe khu phía nam thôn Đầm, xã Vân Nội	DTT, DGT	UBND xã Vân Nội	0,33	0,33	0,28	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 9675/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,33 ha
18	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp khu cây xanh phía Nam thôn Thổ Bảo, xã Vân Nội	DVH	UBND xã Vân Nội	0,68	0,68	0,58	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo KTKT dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 0,5 ha
19	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 1 thôn Thổ Bảo	DGT	UBND xã Vân Nội	0,04	0,04		Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo KTKT dự án	
20	Trụ sở Cục Truyền thông Công an nhân dân - Bộ Công an, huyện Đông Anh, Hà Nội	CAN	Bộ Công an	3,80	3,80	3,05	Đông Anh	Cổ Loa	Văn bản số 1528/QHKT-BSH ngày 11/4/2023 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc địa điểm xây dựng Trụ sở Cục Truyền thông Công an nhân dân - Bộ Công an huyện Đông Anh, Hà Nội; Văn bản số 4327/VP-ĐT ngày 20/4/2023 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội về việc thống nhất địa điểm	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND thành phố 3,05 ha
21	Xây dựng thư viện công cộng xã Cổ Loa	DVH	UBND xã Cổ Loa	0,09	0,05		Đông Anh	Cổ Loa	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND xã Cổ Loa; về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng thư viện công cộng xã Cổ Loa- Vốn xã hội hóa.	
22	Tu bổ, tôn tạo chùa Phúc Lâm cổ (Hoa Lâm Viên), huyện Đông Anh	DDT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,14	2,14		Đông Anh	Mai Lâm	Quyết định số 9977/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
23	Cải tạo chính trang nghĩa trang nhân dân thôn Cổ Điện	NTD	UBND xã Hải Bối	2,22	0,20		Đông Anh	Hải Bối	Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
24	Xây dựng khu đô thị mới G19	ONT	Công ty CP đầu tư và thương mại Trung Yên (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	26,10	16,00		Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 13412/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh bổ sung quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND Huyện về việc Giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 5736/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của UBND thành phố Hà Nội	
B	Các công trình, dự án không phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua									
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp									
1	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)									
1	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đình Tràng, xã Dục Tú, huyện Đông	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,06			Đông Anh	Dục Tú	- Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi 8.690m2 đất xen kẹt tại thôn Phúc Hậu 1, thôn Phúc Hậu 2 và thôn Đình Tràng, xã Dục Tú, huyện Đông Anh;	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Anh, thành phố Hà Nội								giao cho UBND huyện Đông Anh thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất ở.	
2	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1 thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,05			Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 về việc giao 4.675m2 đất tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng khu đất X1 tại thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	
3	Ô đất xây dựng nhà ở cao tầng 5.B1 thuộc Khu tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,08			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tàm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
4	Đấu giá quyền sử dụng đất tại các ô đất quy hoạch ký hiệu 5-A-CCTP và II.2-CC3 thuộc xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật về đất đai	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,67			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tàm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
5	Ô đất G1 (Đất ở cao tầng) thuộc Khu Tái định cư Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,81			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
6	Ô đất G2 (Đất ở cao tầng) thuộc Khu Tái định cư Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,95			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đồng Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDĐ ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đồng Hội, xã Đồng Hội, huyện Đông Anh;	
7	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây bắc thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (Đất công cộng thương mại; đất cây xanh CX1)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,17			Đông Anh	Tiên Dương	- Văn bản số 77/HĐND-TT ngày 15/9/2017 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây Bắc thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh. - Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 về việc giao 49.717,7m ² đất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện Dự án xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây Bắc thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh.	
8	Lô đất I-A1 thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,53			Đông Anh	Tiên Dương	- Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao 253.320m ² đất tại xã Tiên Dương huyện Đông Anh cho Ban quản lý dự án huyện Đông Anh thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng và san nền sơ bộ khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B; - Văn bản số 55/TB-VP ngày 01/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội; - Văn bản số 2595/STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung Lô đất I-A1 trong khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B xã Tiên Dương, huyện Đông Anh vào Kế hoạch đấu giá 2019 huyện Đông Anh; - Văn bản số 1156/UBND-TCKH ngày 03/7/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ thực hiện Quyết định số 3650/QĐ-STC ngày 06/6/2019 của Sở Tài chính và hoàn thiện hồ sơ pháp lý tổ chức đấu giá QSD đất lô đất I-A1 để xây dựng nhà ở cao tầng tại khu đất thuộc dự án: Xây dựng HTKT khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá QSD đất phía Bắc đường 23B tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh.	
9	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng tuyến số 1 (đường bao phía Tây) thôn Hà Lỗ, xã Liên Hà	DGT	UBND xã Liên Hà	1,03			Đông Anh	Liên Hà	Quyết định số 6849/ QĐ-UBND 09/06/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
10	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng tuyến số 1 (trục trung tâm) thôn Châu Phong, xã Liên Hà	DGT	UBND xã Liên Hà	1,76			Đông Anh	Liên Hà	Quyết định số 6848/ QĐ-UBND 09/06/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
11	Khu công nghệ thông tin tập trung Đông Anh (điều chỉnh tên theo Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày	SCT	Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh/UBND	36,76			Đông Anh	Nguyên Khê; Tiên Dương	- Văn bản số 2628/UBND-ĐT ngày 10/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc lập quy hoạch - Quyết định số 5427/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao nhiệm vụ cho UBND huyện Đông Anh làm	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	02/12/2015 của UBND Thành phố)		huyện Đông Anh						thực hiện công tác GPMB - Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư	
12	Bãi đỗ xe tại ô đất DX (5-G1) thuộc khu tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DGT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,52			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDĐ ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
13	Ô đất nhà trẻ, mẫu giáo 5.E thuộc Khu tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DGD	Trung tâm PTQĐ huyện	0,73			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh;	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
14	Ô đất cây xanh A1 thuộc Khu tái định cư Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	DKV	Trung tâm PTQĐ huyện	0,40			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
15	Ô đất D1 (Đất xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo) thuộc Khu Tái định cư Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	DGD	Trung tâm PTQĐ huyện	0,27			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tả ngạn để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh;	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
16	Ô đất D2 (Đất xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo) thuộc Khu Tái định cư Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	DGD	Trung tâm PTQĐ huyện	0,31			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
17	Ô đất E1 (Bãi đỗ xe tĩnh) thuộc Khu Tái định cư Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	DGT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,91			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tầm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh;	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDĐ ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đồng Hội, xã Đồng Hội, huyện Đông Anh;	
18	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe tại điểm VIII.2.4, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	DKV	Trung tâm PTQĐ huyện	4,90			Đông Anh	Xuân Canh	- Quyết định số 4079/QĐ-UBND ngày 10/8/2009 về việc thu hồi 99.756m ² đất kết giữa tuyến đường 5 kéo dài và quốc lộ 3 cải tuyến thuộc xã Xuân Canh, huyện Đông Anh; giao Ban quản lý dự án hạ tầng Tân Ngạn để di chuyển tuyến ống xăng dầu và tuyến điện cao thế 110kV phục vụ GPMB xây dựng đường 5 kéo dài	
19	Cải tạo nâng cấp trường THCS Mai Lâm	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,42			Đông Anh	Mai lâm	Căn cứ Quyết định số 9056/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
20	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Dục Tú 2	DVH	UBND xã Dục Tú	0,06			Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 10088/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Dục Tú 2, xã Dục Tú; Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Dục Tú 2, xã Dục Tú; Quyết định số 17352/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Dục Tú 2, xã Dục Tú Quyết định số 6389/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt điều chỉnh BCKTKT đầu tư xây dựng công trình	
21	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh chợ Trung tâm huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	UBND huyện Đông Anh	0,02			Đông Anh	Thị trấn Đông Anh	Quyết định 7179/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Đông Anh V/v thu hồi đất thực hiện dự án Quyết định số 7180/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB	
22	Xây dựng trường mầm non thôn Cầu Cà	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,55			Đông Anh	Cổ Loa	Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trường mầm non thôn cầu Cà	
23	Xây dựng trường tiểu học Dục Tú B	DGD, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,50			Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường tiểu học Dục Tú B	
24	Cải tạo nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Xuân Nộn	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,79			Đông Anh	Xuân Nộn	Số 11038/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Xuân Nộn	
25	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh, bãi đỗ xe phía Nam điểm đầu giá X2 thôn Bắc.	DKV	UBND xã Kim Nỗ	0,34			Đông Anh	Kim Nỗ	9953/QĐ-UBND ngày 09/08/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng cây xanh, bãi đỗ xe phía Nam điểm Đầu giá X2 Thôn Bắc	
26	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh phía Nam xóm Bàng (trước cửa nhà ông bà Hòa Tuyết)	DKV	UBND xã Kim Nỗ	0,49			Đông Anh	Kim Nỗ	9935/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp trồng cây xanh phía Nam xóm Bàng (trước cửa nhà ông bà Hòa Tuyết)	
27	Dự án Trạm biến áp 500/220 kV Đông Anh và đầu nối	DNL	Trung tâm lưới điện quốc gia	9,30			Đông Anh	Thụy Lâm, Liên Hà	Công văn số 4042/EVN-HN ngày 13/10/2014 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc các danh mục các công trình, dự án thu hồi đất và	Đã thực hiện xong công tác GPMB

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									lập điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2015 trên địa bàn thành phố Hà Nội Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 16/6/2014 của Thủ tướng chính phủ về danh mục các dự án lưới điện cấp bách của Tập đoàn điện lực Việt Nam năm 2014	
2	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên (được cập nhật xác định lần đầu vào thời điểm từ năm 2023 trở về trước) được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai									
1	Xây dựng hạ tầng khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đầu giá QSD đất (khu số 3) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,25			Đông Anh	Uy Nỗ	- Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc giao 4.164,8m ² đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng khu đất số 3 để đầu giá quyền sử dụng đất tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh.	
2	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đầu giá QSD đất (khu số 1) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,02			Đông Anh	Uy Nỗ	- Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc thu hồi 387,1m ² đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh; giao UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đầu giá quyền sử dụng đất (khu số 1) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá QSD đất tại điểm X2, thôn Sáp Mai, xã Vồng La, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	0,02			Đông Anh	Vồng La	- Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi 4.552,2m ² đất tại xã Vồng La, huyện Đông Anh; giao UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2, thôn Sáp Mai, xã Vồng La, huyện Đông Anh.	
4	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-23 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	4,40		4,23	Đông Anh	Vân Hà	Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 về việc giao 44.088,3m ² đất tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng khu đầu giá quyền sử dụng đất NO-23, xã Vân Hà, huyện Đông Anh Quyết định 5081/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu đầu giá quyền sử dụng đất NO-23 xã Vân Hà, huyện Đông Anh Quyết định 2315/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v: Phê duyệt dự án Xây dựng khu đầu giá quyền sử dụng đất NO-23 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 4,23 ha
5	Ô đất CC-01 theo quy hoạch chi tiết 1/500 khu nhà ở thí điểm phục vụ công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh (CCKV1)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,17			Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 29/9/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 158.779,3m ² đất tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất (Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố Hà Nội) thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư chuẩn bị mặt bằng thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long; - Thông báo số 181/TB-VP ngày 19/8/2014 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc Thông báo kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch Nguyễn Ngọc Tuấn tại buổi kiểm tra tình hình đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành khu nhà ở công nhân Kim Chung, huyện Đông Anh.	
6	XD HTKT khu đầu giá QSD đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,90		3,00	Đông Anh	Uy Nỗ	Văn bản số 67/HĐND-TT ngày 20/7/2018 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh.	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 4277/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 về việc giao 47.540,5m2 đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đất giá quyền sử dụng đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. Quyết định số 8315/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giá quyền sử dụng đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3 ha
7	Hoàn thiện HTKT khu đất X6 xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,54			Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư (Diện tích khu đất X6: 1,5431 ha). - Văn bản số 1825/UBND-QLĐT ngày 04/08/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 khu đất X6; - Quyết định số 7960/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đất X6. Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	7,64			Đông Anh	Vân Hà	- Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - Quyết định số 4352/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án - Quyết định số 8675/QĐ-UBND ngày 09/12/2020, số 15415/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 và số 933/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án (thời gian thực hiện 2019-2023)	
9	Xây dựng HTKT tại điểm X5 thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,23		2,16	Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 14777/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án: Xây dựng HTKT tại điểm X5, thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất; Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTKT tại điểm X5 thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,16 ha
10	Hoàn thiện HTKT khu đất X4 xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,99		3,50	Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị Quyết số 05/NQ-HĐND ngày 08/5/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh (Diện tích khu đất X4: 4,03 ha) ; - Văn bản số 2084/UBND-QLĐT ngày 31/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 khu đất X4; - Quyết định số 7994/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu đất X4;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 3,5 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 10421/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v: Phê duyệt điều chỉnh dự án Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu đất X4, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	
11	Xây dựng HTKT khu đất X5 thôn Châu Phong, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,50		2,72	Đông Anh	Liên Hà	- Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 7582/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án - Quyết định số 8343/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc phê duyệt dự án - Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2022	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,72 ha
12	Xây dựng trường tiểu học Hải Bối 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,23		2,50	Đông Anh	Hải Bối	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Trường tiểu học Hải Bối 2; Quyết định số 15264/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Hải Bối 2; Văn bản số 3179/UBND-QLĐT ngày 31/12/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận bán vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc dự án Xây dựng trường tiểu học Hải Bối 2	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,5 ha
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư nguyên Khê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đền Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	10,05			Đông Anh	Nguyên Khê, Xuân Nộn	- Quyết định số 5359/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án	
14	Xây dựng trường tiểu học Tiên Dương 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,77		1,70	Đông Anh	Tiên Dương	- Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023 - Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025(lần 2) Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt CTDT một số dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,7 ha
15	Xây dựng trường trung học cơ sở Kim Nỗ	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,76		0,82	Đông Anh	Kim Nỗ	- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế	Đã được thông qua chuyển mục đích đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 2419/UBND-QLĐT ngày 09/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận bản vẽ TMB tỷ lệ 1/500 và Hồ sơ phương án kiến trúc. - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023 Quyết định số 8901/QĐ-UBND ngày 12/12/2020 của UBND về quyết định V/v: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường trung học cơ sở Kim Nỗ Quyết định số 1638/QĐ-QLDA ngày 15/12/2022 của UBND huyện Đông Anh Ban quản ký dự án ĐTXD về phê duyệt thiết kế xây dựng Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,81973 ha
16	Cải tạo, mở rộng trường THCS Vân Hà	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,20		1,00	Đông Anh	Vân Hà	- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh - Văn bản số 2424/UBND-QLĐT ngày 12/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2024 - Quyết định số 15366/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, mở rộng trường THCS Vân Hà	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1 ha
17	Xây dựng trường tiểu học Kim Nỗ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,25		0,81	Đông Anh	Kim Nỗ	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 - Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Văn bản số 2418/UBND-QLĐT ngày 09/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận bản vẽ TMB tỷ lệ 1/500 và Hồ sơ phương án kiến trúc. - Quyết định số 8900/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND huyện Đông Anh V/v: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Kim Nỗ 2	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,81 ha
18	Xây dựng trung tâm mầm non xã Vân Hà	DGD	UBND xã Vân Hà	0,93			Đông Anh	Vân Hà	Quyết định số 7147/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 về việc phê duyệt dự toán bổ sung; điều chỉnh thời gian thực hiện, cơ cấu tổng mức đầu tư dự án: Xây dựng trung tâm mầm non xã Vân Hà.	
19	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,31		2,31	Đông Anh	Đông Hội, Mai Lâm	Quyết định số 10346/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Quyết định số 13071/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Đồng Anh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Đông Hội, huyện Đông Anh.	28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,31 ha
20	Đầu tư các hạng mục hoàn thiện trường mầm non Hoa Lâm. xã Mai Lâm	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,15		1,15	Đông Anh	Mai Lâm	Quyết định 1104/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2024 - Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; - Quyết định số 4788/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,15 ha
21	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái hạ lưu đê tả Đuống tương ứng từ K1+050 đến K1+450, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	DTL	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp TP HN	0,15			Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 1894/QĐ-SNN ngày 11/11/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội V/v phê duyệt dự án VB số 1374/STC-QLG ngày 20/3/2024 về việc thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; KH sử dụng đất năm 2023 của huyện Đông Anh số 516/QĐ-UBND ngày 25/1/2024	
22	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,46		1,46	Đông Anh	Nam Hồng	Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh V/v điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2023-2025 Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,46 ha
23	Xây dựng các tuyến đường xung quanh hồ cạnh trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,62			Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, Uy Nỗ	Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 8244/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư. Quyết định số 8522/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Đông Anh Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng dự án: Xây dựng các tuyến đường xung quanh hồ cạnh trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Đông Anh	
24	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Biều Khê, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,10			Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 10373/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2024	
25	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,16			Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 10372/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
26	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cồ Miếu, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,15			Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 10371/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2024	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
27	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hậu Đường, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,20			Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 10553/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
28	Đầu tư xây dựng công trình Cầu thôn Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,03			Đông Anh	Hải Bối	Quyết định số 10552/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 14189/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	
29	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,30			Đông Anh	Đông Hội	Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc cho phép chuẩn bị đầu tư, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2024 Quyết định số 608/QĐ-UBND này 02/3/2023 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án	
30	Xây dựng trường mầm non Đông Hội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,75			Đông Anh	Đông Hội	- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND Huyện phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số Dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; Thời gian thực hiện: Năm 2020-2022; - 68/HĐND-TT ngày 15/9/2017 của Thường trực HĐND Huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.	
31	Xây dựng trường tiểu học Lại Đà	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,98			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 9448/QĐ-UBND ngày 13/09/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Lại Đà; Quyết định số 7846/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	
32	Xây dựng trường THCS Lại Đà	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,10			Đông Anh	Đông Hội	Quyết định số 7847/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu cây xanh, nhà văn hóa thôn Lại Đà. Đã phê duyệt dự án theo QĐ số 9399/QĐ-UBND ngày 10/09/2024	
33	Xây dựng khu cây xanh, nhà văn hóa thôn Lại Đà	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,51			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 7847/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu cây xanh, nhà văn hóa thôn Lại Đà - Quyết định số 9426/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu cây xanh, nhà văn hóa thôn Lại Đà	
34	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Ba Chữ, xã Vân Nội	DVH	UBND xã Vân Nội (Trung tâm PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)	0,31		0,31	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 10657/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư; bản chỉ giới đường đỏ do Viện quy hoạch Hà Nội cấp; Bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1:500; Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo KTKT dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 0,3 ha
35	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Nhi, Vân Nội	DVH	UBND xã Vân Nội	0,36		0,36	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện Đông Anh; Công văn số 1159/VQH-TT3 ngày 20/5/2021 về việc cung cấp số liệu hạ tầng kỹ thuật dự án xây dựng nhà văn hóa thôn Nhi, xã Vân Nội ; bản chỉ giới đường đỏ do Viện quy hoạch Hà Nội	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									cấp Quyết định số 10658/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt CTDT dự án	06/7/2022 của HĐND thành phố, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,45 ha
36	Xây dựng trụ sở công an xã Xuân Canh	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,19		0,19	Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 12007/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện 2021-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,19 ha
37	Xây dựng trụ sở công an xã Dục Tú	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,20		0,20	Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 12006/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện 2021-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,202 ha
38	Xây dựng trụ sở công an xã Thụy Lâm	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,13		0,13	Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 12005/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện 2021-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,13 ha
39	Xây dựng trụ sở công an xã Cổ Loa	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,13		0,13	Đông Anh	Cổ Loa	Quyết định số 12004/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện 2021-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,13 ha
40	Xây dựng Trụ sở công an xã Vân Nội	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,11		0,11	Đông Anh	Vân Nội	- Quyết định số 12001/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định 5959/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Đông Anh phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vân Nội Tiến độ thực hiện 2021-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,11 ha
41	Xây dựng Trụ sở công an xã Bắc Hồng	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,13		0,13	Đông Anh	Bắc Hồng	- Quyết định số 12003/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;	Đã được thông qua chuyển mục đích đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Quyết định 5815/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Đông Anh phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Bắc Hồng Tiến độ thực hiện 2021-2024	lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,13 ha
42	Xây dựng Trụ sở công an xã Đại Mạch	CAN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,13		0,13	Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 12008/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện 2021-2024	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,13 ha
43	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Bối	CAN	Công an huyện Đông Anh	0,65			Đông Anh	Hải Bối	Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tiến độ thực hiện 2021-2024	
44	Cụm công nghiệp Dục Tú, xã Dục Tú, huyện Đông Anh (Còn 150m2 đất mộ)	SKN	Công ty cổ phần Đông Thành Hà Nội	0,02			Đông Anh	Dục Tú	Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND Thành phố Hà Nội Quyết định Vv điều chỉnh Quyết định số 5837/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quyết định số 5837/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	
45	Xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 3 đến hết Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,84		1,56	Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, Tiên Dương	Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội Vv phê duyệt điều chỉnh thời gian - Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư - Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. - Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,56 ha
46	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Ngõ Tắt Tổ	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,76		0,72	Đông Anh	Mai Lâm	Quyết định số 4749/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Văn bản số 1265/QLĐT-QH1 ngày 08/6/2021 của Phòng QLĐT huyện Đông anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc. - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2025 Quyết định số 10978/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án đầu tư	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,722 ha
47	Xây dựng trường THCS Cổ Loa 2	DGD	Ban QLDA	1,33		1,00	Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định của UBND huyện Đông Anh: số 7970/QĐ-UBND ngày	Đã được thông qua

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
			ĐTXD huyện						26/11/2020 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường THCS Cổ Loa 2; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh	chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1 ha
48	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hà Lâm 1, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,10		0,01	Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định Số 10945/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,01 ha
49	Xây dựng trường mầm non Thị trấn 1	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,97		0,97	Đông Anh	Nguyễn Khê và Thị trấn Đông Anh	Các nghị quyết của HĐND huyện Đông Anh: số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; - Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án; - Quyết định số 8959/QĐ-UBND ngày 19/08/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; - Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND huyện Đông Anh; - Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,9684 ha
50	Xây dựng trường mầm non Họa My	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,04		1,04	Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025 Quyết định số 5319/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND huyện Đông Anh V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,0419 ha
51	Xây dựng trường THPT Uy Nỗ, huyện Đông Anh	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,36		2,36	Đông Anh	Uy Nỗ, huyện Đông Anh	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có dự án Xây dựng trường THPT Uy Nỗ, huyện Đông Anh; Văn bản số 4821/QHKT-P2 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									việc đề nghị chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Uy Nỗ, huyện Đông Anh; Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 26/4/2022 của HĐND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 (lần 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025	HĐND thành phố 2,36 ha
52	Xây dựng trung tâm hành chính huyện Đông Anh	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,97		1,68	Đông Anh	Uy Nỗ	- Nghị Quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội. - Quyết định số 12716/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. - Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND huyện Đông Anh. - Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện Đông Anh. - Quyết định số 5551/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND thành phố Hà Nội về Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Xây dựng Trung tâm hành chính huyện Đông Anh”	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 1,68 ha
53	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Xuân Canh	ONT	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông thành phố	0,10			Đông Anh	Xuân Canh, Tầm Xá	Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 18/04/2019 của UBND huyện Đông Anh phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh.	
54	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước xã Kim Chung	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	4,41			Đông Anh	Kim Chung	- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16/01/2019 của HĐND huyện Đông Anh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh; - Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng - Quyết định số 969/QĐ-QLDA ngày 07/9/2021 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
55	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe đường 23B, huyện Đông Anh	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,87			Đông Anh	Tiên Dương	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh Văn bản số 1258/UBND-QLĐT ngày 05/6/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận TMB tỷ lệ 1/500 Quyết định số 7993/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
56	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,67			Đông Anh	Uy Nỗ, Thị trấn Đông Anh	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ ngã ba đường 6km đến nút giao đường sắt Hà Nội - Lào Cai)								bản huyện Đông Anh' Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
57	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao và khớp nối hạ tầng khu vực xóm Hậu xã Uy Nỗ	DTT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,07			Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/06/2019 của HĐND huyện Đông Anh về phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; Văn bản số 2033/UBND-QLĐT ngày 25/8/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc chấp thuận quy hoạch TMB tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc. Quyết định số 7979/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng - Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của HĐND huyện Đông Anh V/v phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tiến độ thực hiện dự án là 2021-2023	
58	Cầu Lọc Hà	DGT	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP Hà Nội	0,35			Đông Anh	Mai Lâm	Tờ trình số 302/TTr.LN:SGTVT-BQLCTGT ngày 16/9/2020; ngày 19/10/2020, Ban Quản lý dự án và Sở giao thông vận tải đã có văn bản giải trình theo ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4902/KH&ĐT-NS ngày 30/9/2020 (số 5063/CV:SGTVT-BQLCTGT ngày 19/10/2020)	
59	Xây dựng HTKT khu đất T3 tại xã Dục Tú và xã Mai Lâm, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	18,00			Đông Anh	Dục Tú, Mai Lâm	Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
60	Xây dựng HTKT khu đất X1 tại thôn Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để tổ chức đầu giá quyền sử dụng đất	DGT	UBND huyện Đông Anh	0,73			Đông Anh	Hải Bối	- Quyết định số 2674b/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 cho phép chuẩn bị đầu tư; 3806/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 phê duyệt Báo cáo KTKT - Quyết định số 3806/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình - Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án.	
61	Xây dựng hoàn thiện HTKT ô cây xanh và bãi đỗ xe phía Nam thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,67		3,60	Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số:14771/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 3,6 ha
62	Xây dựng HTKT tại điểm X5 thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,48		1,48	Đông Anh	Kim Nỗ	Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTKT tại điểm X5 thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										2,16 ha
63	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Hà Hương, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,88		1,88	Đông Anh	Liên Hà	- Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 2,52 ha
64	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Vạn Lộc 2, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,13		1,83	Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 15188/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án 'Xây dựng Khu đấu giá QSD đất thôn Vạn Lộc 2, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh'	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 1,83 ha
65	Xây dựng khu văn hóa cộng đồng thôn Lại Đà	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,70			Đông Anh	Đông Hội	- Văn bản số 79/HĐND-TT ngày 15/9/2017 của HĐND Huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án với thời gian thực hiện Dự án: Năm 2020-2022. - Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 10/11/2023 của HĐND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND huyện Đông Anh. - Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 13/5/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND huyện Đông Anh.	
66	Xây dựng, hoàn thiện HTKT khu cây xanh, công cộng phía Bắc thôn Lại Đà	DHT	Ban QLDA ĐTXD huyện	5,70			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định 9042/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.	
67	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Tây Nam thôn Lại Đà	DHT	Ban QLDA ĐTXD huyện	8,17			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn thôn Lại Đà, xã Đông Hội; - Quyết định số 7838/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Tây Nam thôn Lại Đà;	
68	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Đông Nam thôn Lại Đà	DHT	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,85			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 7381/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn thôn Lại Đà, xã Đông Hội; - Quyết định số 7839/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Đông Nam thôn Lại Đà;	
69	Tổ hợp Y tế - Chăm sóc sức khỏe công nghệ cao	DYT	Công ty cổ phần phát triển y tế quốc tế TH (Trung tâm	40,76			Đông Anh	Tiên Dương	- Quyết định số 8511/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 về việc giao nhiệm vụ GPMB cho UBND huyện Đông Anh;	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
			PTQĐ huyện Đông Anh tổ chức GPMB)						- Quyết định số 61/2015/QĐ-TTg ngày 29/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách đặc thù đầu tư phát triển đô thị hai bên tuyến đường Võ Nguyên Giáp	
70	Khu nông nghiệp sinh thái ứng dụng công nghệ cao Hoa Lâm Viên	HNK	UBND huyện Đông Anh	96,60			Đông Anh	Mai Lâm	Văn bản số 4211/KH&ĐT-KTN ngày 08/9/2022 của Sở KH&ĐT Vv xin ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; Văn bản số 8961/VP-KTN ngày 07/7/2022 của Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội V/v tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án Văn bản số 5950/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/8/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v đề nghị có ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư
II Các công trình, dự án đăng ký mới										
1	Quy hoạch đất an ninh (Trụ sở Cục Cảnh sát giao thông, Viện Khoa học công nghệ)	CAN	Bộ Công an	35,00			Đông Anh	Nguyễn Khê	Văn bản số 6654/QHKT-BSH ngày 29/12/2023 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc địa điểm nghiên cứu xây dựng Trụ sở Cục Cảnh sát giao thông, Viện Khoa học công nghệ và Cục Truyền thông Công an nhân dân thuộc Bộ Công an tại huyện Đông Anh; Văn bản số 1918 ngày 09/5/2024 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc địa điểm nghiên cứu xây dựng một số đơn vị thuộc Bộ Công an tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quyết định số 1590/QĐ-BCA-H02 ngày 21/3/2024 (Văn bản Mật) phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân Cục Cảnh sát giao thông tại Khu công viên phần mềm, huyện Đông Anh với quy mô khoảng 6,5ha	
2	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh (Đất công cộng thương mại; Đất bãi đỗ xe DX1, DX2)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,27			Đông Anh	Thụy Lâm	- Văn bản số 99/HĐND-TT ngày 07/11/2017 về việc Phê duyệt lại chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh. - Quyết định số 6301/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 về việc giao 79.611,26m2 đất (đợt 1) tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh.	
3	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh (Đất cây xanh CX1, CX2, CX3, CX5, CX6, CX7; bãi đỗ xe P1, P2, P3, P4, công trình phụ trợ:)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,94			Đông Anh	Vân Hà	- Quyết định số 4380/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 về việc giao UBND huyện Đông Anh 35.980,4m2 đất (đợt 1) tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh (đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng) để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất. - Quyết định số 6568/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 4380/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 - Quyết định số 4352/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 vv phê duyệt dự án của UBND Thành phố và giao 30.418,2m2 đất (đợt 2) tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh.	
4	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Hà Hương, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	1,11		1,11	Đông Anh	Liên Hà	- Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Đã được thông qua chuyên mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
										8/12/2022 của HĐND thành phố 2,52 ha
5	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (Ô đất nhà trẻ, mẫu giáo)	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,25			Đông Anh	Tiên Dương	- Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 về việc giao 49.187,4m ² đất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng) cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh. - Văn bản số 78/HĐND-TT ngày 15/9/2017 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	
6	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh 9Đất công cộng thương mại CC-02, CC-03; Đất bãi đỗ xe; đất công cộng: Đất trường mầm non MN-01)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	5,07			Đông Anh	Uy Nỗ	- Văn bản số 06/HĐND-TT ngày 18/01/2018 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. - Quyết định số 6328/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 về việc giao 112.913,56m ² đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (đợt 1) cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh.	
7	Ô đất CX theo quy hoạch chi tiết 1/500 khu nhà ở thí điểm phục vụ công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh (CX2 và P2)	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	2,50			Đông Anh	Kim Chung	- Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 29/9/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 158.779,3m ² đất tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất (Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố Hà Nội) thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư chuẩn bị mặt bằng thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long; - Thông báo số 181/TB-VP ngày 19/8/2014 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc Thông báo kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch Nguyễn Ngọc Tuấn tại buổi kiểm tra tình hình đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành khu nhà ở công nhân Kim Chung, huyện Đông Anh.	
8	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp trồng cây xanh thôn Viên Nội, xã Vân Nội	DVH	UBND xã Vân Nội	0,20		0,19	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố 0,19 ha
9	Trồng cây xanh, sân thể thao và điểm đỗ xe giữa khu dân cư và đấu giá xen kẹt thôn Viên Nội	DTT, DGT	UBND xã Vân Nội	0,46		0,46	Đông Anh	Vân Nội	Quyết định số 9674/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án	Đã được thông qua chuyển mục đích đất lúa tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND thành phố 0,46 ha
10	Cải tạo, nâng cấp đê Bối, thôn	DGT	Ban QLDA	5,63			Đông Anh	Xuân Nộn	- Quyết định số 9819/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
	Kim Tiên, xã Xuân Nộn		ĐTXD huyện						Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
11	Cải tạo, mở rộng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Uy Nỗ và hoàn thiện hạ tầng khu trung tâm xã Uy Nỗ	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,00			Đông Anh	Uy Nỗ	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/06/2023 của Hội Đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND huyện Đông Anh	
12	Ô đất 5.C1 đất cây xanh tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DKV	Trung tâm PTQĐ huyện	0,15			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Quyết định số 1245/QĐ-UB ngày 10/3/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 155.600m2 đất tại các xã: Xuân Canh, Tàm Xá, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh; giao Ban Quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xuân Canh - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
13	Ô đất 5.C2 đất cây xanh tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DKV	Trung tâm PTQĐ huyện	0,16			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m2 đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
14	Ô đất II-4 đất trường trung học phổ thông tại Khu tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DGD	Trung tâm PTQĐ huyện	2,58			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m² đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDĐ ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
15	Cụm công nghiệp Liên Hà, huyện Đông Anh (Đất làm nhà xưởng sản xuất tiểu thủ công nghiệp; Văn phòng giới thiệu sản phẩm)	SKN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,54			Đông Anh	Liên Hà	Quyết định số 7799/QĐ-UB ngày 18/11/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 30.236m ² đất tại xã Liên Hà huyện Đông Anh giao cho Ban Quản lý dự án huyện Đông Anh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung xã Liên Hà, huyện Đông Anh	
16	Cụm công nghiệp Văn Hà, huyện Đông Anh (Đất trung tâm điều hành dịch vụ; Cây xanh, mặt nước; Bãi đỗ xe)	SKN	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,83			Đông Anh	Văn Hà	Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 101.184m ² đất tại xã Văn Hà, huyện Đông Anh giao cho UBND huyện Đông Anh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm sản xuất tập trung làng nghề	
17	Xây dựng trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Vĩnh Ngọc	TSC, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,82			Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Quyết định số 9938/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
18	Xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao xã Xuân Canh	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,39			Đông Anh	Xuân Canh	Quyết định số 9941/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
19	Xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao xã Vĩnh Ngọc	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,50			Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Quyết định số 9940/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
20	Xây dựng điểm trường mầm non thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,50			Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 5293/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
21	Xây dựng trường THCS Vĩnh Ngọc 2	DGD, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,01			Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Quyết định số 8961/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
22	Xây dựng trường Chuyên biệt Bình Minh	DGD, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,61			Đông Anh	Uy Nỗ	Quyết định số 9013/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
23	Xây dựng Trường tiểu học Vĩnh Ngọc 2	DGD, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	2,00			Đông Anh	Vĩnh Ngọc	Quyết định số 6381/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 về việc phê duyệt chủ trương dự án	
24	Cải tạo nâng cấp điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm	DKV	UBND xã Thụy Lâm	0,10			Đông Anh	Thụy Lâm	Quyết định số 4703/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về việc phê duyệt giao nhiệm vụ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trên địa bàn xã Thụy Lâm giai đoạn 2021-2025 (trong đó có dự án: Cải tạo nâng cấp điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
25	Bãi tập kết, trung chuyển, xử lý phế thải xây dựng tại khu đất xử đồng B10, thôn Đình Tràng, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	DRA	Trung tâm PTQĐ huyện	0,83			Đông Anh	Dục Tú	- Văn bản số 3968/STNMT-QLCTR ngày 05/6/2023 về việc báo cáo công tác quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. - Văn bản số 4797/STNMT-QLCTR ngày 29/6/2023 về việc báo cáo làm rõ một số nội dung trong công tác quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. - Văn bản số 6946/STNMT-QLCTR ngày 11/9/2023 về việc báo cáo, đề xuất phương án tổng thể trong công tác quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. - Thông báo số 990/TB-UBND ngày 18/10/2023 Thông báo Kết luận của UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét các kiến nghị đề xuất liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Văn bản số 8274/STNMT-QLCTR ngày 27/10/2023 về việc báo cáo, đề xuất giải pháp xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. - Văn bản số 3815/UBND-TNMT ngày 10/11/2023 về việc thực hiện các giải pháp quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội	
26	Ô đất II-2 (đất công cộng đơn vị ở - siêu thị) tại khu tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	TMD	Trung tâm PTQĐ huyện	0,64			Đông Anh	Đông Hội	- Quyết định số 1187/QĐ-UB ngày 08/3/2006 về việc thu hồi 262.229 m² đất tại xã Đông Hội và Mai Lâm, huyện Đông Anh; giao cho Ban quản lý dự án Hạ tầng Tà ngan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đông Hội - huyện Đông Anh; - Thông báo số 549/TB-VP của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội về việc thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Trọng Đông - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp xem xét giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh; - Biên bản bàn giao các ô đất đã hoàn thành công tác GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư Đông Hội và Khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội và UBND huyện Đông Anh; - Văn bản số 6563/STNMT-QHKHSDD ngày 23/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố về việc bàn giao các ô đất tại Khu Tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh;	
27	Xây dựng khu đô thị mới G21	ONT	UBND huyện Đông Anh	43,90			Đông Anh	Hải Bối	- Quy hoạch phân khu N4 tại Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND TP Hà Nội - VB số 01/2024/PTDA ngày 28/03/2024 của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Potamos gửi UBND huyện Đông Anh về việc đề xuất cung cấp nguồn gốc hiện trạng và thông tin các dự án có trùng lặp trong ranh giới thực hiện dự án đầu tư Khu đô thị mới G21 (nếu có) tại xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội - VB số 1099/UBND-TCKH ngày 10/05/2024 của UBND huyện	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Đông Anh gửi Công ty Cổ phần Bất động sản Potamos về việc cung cấp thông tin các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch theo đề nghị của Công ty CP Bất động sản Potamos	
28	Xây dựng khu đô thị mới G22	ONT	UBND huyện Đông Anh	87,90			Đông Anh	Kim Nỗ, Hải Bối	1. Quy hoạch phân khu N4 tại Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND TP Hà Nội 2. VB số 02/2024/TTr-DA ngày 27/03/2024 của Công ty cổ phần Adamas Fund gửi UBND huyện Đông Anh về việc cung cấp thông tin nguồn gốc hiện trạng và rà soát các dự án có trong ranh giới thực hiện dự án Khu đô thị mới G22 tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội 3. Vb số 1100/UBND-TCKH ngày 10/04/2024 của UBND huyện Đông Anh gửi Công ty Cổ phần Adamas Fund về việc cung cấp thông tin các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch theo đề nghị của Công ty Adamas Fund	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư
29	Xây dựng khu đô thị mới G23	ONT	UBND huyện Đông Anh	52,70			Đông Anh	Đại Mạch	1. Quy hoạch phân khu Đô thị sông Hồng tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND TP Hà Nội 2. VB số 01/2024/CV ngày 27/03/2024 của Công ty Cổ phần Sideros River gửi UBND huyện Đông Anh về việc cung cấp thông tin và rà soát nguồn gốc hiện trạng và các dự án nằm trong ranh giới thực hiện dự án Khu đô thị mới G23 tại xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, Hà Nội 3. VB số 1060/UBND-TCKH ngày 08/05/2024 của UBND huyện Đông Anh gửi Công ty Cổ phần Sideros River về việc cung cấp thông tin các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch theo đề nghị của Công ty Cổ phần Sideros River	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư
30	Khu đô thị mới The Lake City Ven Sông Thiếp - Đông Anh	ONT	UBND huyện Đông Anh	165,00			Đông Anh	Vân Nội	Văn bản số 559/UBND-TCKH ngày 18/3/2024 của UBND huyện Đông Anh Vv đề xuất nghiên cứu, thực hiện dự án	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư
31	Xây dựng khu đô thị mới G6	ONT	UBND huyện Đông Anh	38,46			Đông Anh	Uy Nỗ, Việt Hùng	Thông báo số 470-TB/HU ngày 09/08/2023 của Huyện ủy Đông Anh Vv Kết luận của ban thường vụ huyện ủy tại phiên họp ngày 26/7/2023; Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện. Dự án phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị N8 tỷ lệ 1/5000 và	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									GNC tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 25/5/2012, số 6620/QĐ-UBND ngày 02/12/2015.	
32	Cảng cạn Đồng Anh (ICD)	DGT	UBND huyện Đồng Anh	29,30			Đồng Anh	Nam Hồng	Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 VB số 1083/UBND-TCKH ngày 09/5/2024 của UBND huyện Đồng Anh gửi công ty cổ phần venereus về việc: cung cấp thông tin các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch theo đề nghị của Công ty Cổ phần Venereus	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
33	Khu đô thị mới Xuân Canh	ONT	UBND huyện Đồng Anh	56,80			Đồng Anh	Xuân Canh, Đồng Hội	1. Sở QHKT : có văn bản 5200/QHKT-BSH ngày 25/10/2023 2. Sở Giáo dục : có văn bản 4000/SGĐT-KHTC ngày 27/10/2023 3. Sở Công Thương : có văn bản 5375/SCT-KHTCTH ngày 25/10/2023 4. Sở Giao Thông : có văn bản 5900/SGTVT-KHTC ngày 27/10/2023.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
34	Xây dựng khu đô thị mới G1	ONT	UBND huyện Đồng Anh	45,30			Đồng Anh	Nam Hồng	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đồng Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
35	Xây dựng khu đô thị mới G3	ONT	UBND huyện Đồng Anh	79,90			Đồng Anh	Đại Mạch, Kim Chung	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đồng Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện kết luận chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy tại Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đồng Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									Huyện; Thông báo số 1798-TB/TU ngày 17/7/2024 của Thành Ủy Hà Nội Kết luận của Ban Thường vụ Thành Ủy Về chủ trương đầu tư dự án	
36	Xây dựng khu đô thị mới G4	ONT	UBND huyện Đông Anh	95,80			Đông Anh	Kim Chung	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
37	Xây dựng khu đô thị mới G5	ONT	UBND huyện Đông Anh	57,30			Đông Anh	Nam Hồng	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện kết luận chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy tại Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
38	Xây dựng khu đô thị mới G8	ONT	UBND huyện Đông Anh	46,60			Đông Anh	Kim Chung	- Thông báo số 1753-TB/TU ngày 14/6/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương đầu tư dự án đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới G8, xã Kim Chung, huyện Đông Anh; - Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND thành phố HN Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới G8, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
39	Xây dựng khu đô thị mới G10	ONT	UBND huyện Đông Anh	32,80			Đông Anh	Kim Nỗ	Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố; Văn bản số 2487/KH&ĐT-NNS ngày 15/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc đề xuất một số dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở trên địa	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									bản huyện Đông Anh; Quy hoạch phân khu N4 tại Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND TP Hà Nội; TB số 2210/TB-KH&ĐT ngày 05/12/2023 của Sở KH&ĐT gửi Công ty CP Thái Nam Land về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư "Khu đô thị mới G10" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội; VB số 2056/QHKT-BSH ngày 16/05/2024 của Sở QHKT gửi Sở KH&ĐT về việc tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất dự án đầu tư "Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới G10 (Khu đô thị mới Tây Nam sông Thiệp" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh - Lần 2;	
40	Xây dựng khu đô thị mới G12	ONT	UBND huyện Đông Anh	39,70			Đông Anh	Mai Lâm	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện kết luận chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy tại Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố - Văn bản số 2487/KH&ĐT-NNS ngày 15/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc đề xuất một số dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở trên địa bàn huyện Đông Anh.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
41	Xây dựng khu đô thị mới G13	ONT	UBND huyện Đông Anh	44,20			Đông Anh	Đông Hội, Mai Lâm	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện kết luận chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy tại Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố - Văn bản số 2487/KH&ĐT-NNS ngày 15/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc đề xuất một số dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở trên địa bàn huyện Đông Anh.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
42	Xây dựng khu đô thị mới G14	ONT	UBND huyện Đông Anh	57,69			Đông Anh	Đông Hội	- Văn bản 561/UBND-TCKH ngày 18/3/2024 của UBND huyện Đông Anh Vv tham gia ý kiến hồ sơ đề xuất dự án đầu tư Xây dựng khu đô thị mới G14 tại xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện kết luận chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy tại Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	
43	Xây dựng khu đô thị mới G15	ONT	UBND huyện Đông Anh	23,45			Đông Anh	Đông Hội	Quyết định số 11211/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND huyện Đông Anh V/v điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn huyện (lần 2); Quy hoạch chi tiết khu vực thôn Lại Đà, xã Đông Hội, huyện Đông Anh tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND TP Hà Nội;	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
44	Xây dựng khu đô thị mới G17	ONT	UBND huyện Đông Anh	20,60			Đông Anh	Nam Hồng	Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố; Văn bản số 2487/KH&ĐT-NNS ngày 15/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc đề xuất một số dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở trên địa bàn huyện Đông Anh.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
45	Xây dựng khu đô thị mới G18	ONT	UBND huyện Đông Anh	48,20			Đông Anh	Nguyễn Khê	1. Quy hoạch phân khu N5 tại Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND TP Hà Nội 2. VB số 27.03/2024/ĐX-DA ngày 27/03/2024 của Công ty CP Terra Invest gửi UBND huyện Đông Anh về việc đề nghị cung cấp thông tin nguồn gốc hiện trạng và rà soát các dự án có trùng lặp (nếu có) trong ranh giới thực hiện dự án Khu đô thị mới G18 tại xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội 3. VB số 1047/UBND-TCKH ngày 07/05/2024 của UBND huyện Đông Anh gửi Công ty Cổ phần Terra Invest về việc cung cấp thông tin các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch theo đề nghị của công ty cổ phần Terra Invest.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
46	Khu đô thị G9 (Khu đô thị Tây Bắc Sông Thiếp)	ODT	UBND huyện Đông Anh	51,32			Đông Anh	Kim Nỗ	Văn bản số 5462/KH&ĐT-ĐT ngày 18/10/2023 đề nghị tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ đề xuất dự án đầu tư: Khu đô thị G9" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quy hoạch phân khu N4 tại Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND TP Hà Nội;	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									TB số 2192/TB-KH&ĐT ngày 04/12/2023 của Sở KH&ĐT gửi Công ty cổ phần Thái Nam Land về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư "Khu đô thị G9" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; TB số 932/TB-KH&ĐT ngày 09/05/2024 của Sở KH&ĐT gửi Công ty cổ phần Thái Nam Land về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư "Khu đô thị mới G9" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh.	
47	Công viên TDTT	DKV	UBND huyện Đông Anh	136,03			Đông Anh	Kim Nỗ, Vân Nội	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí Phó chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176-TB/TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện kết luận chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy tại Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy; Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/06/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư
48	Khu nhà ở xã hội tập trung tại xã Đại Mạch	ONT	UBND huyện Đông Anh	94,63			Đông Anh	Đại Mạch	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư
49	Khu nhà ở xã hội tập trung tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ONT	UBND huyện Đông Anh	44,72			Đông Anh	Tiên Dương	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên	Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện. Đã được UBND Thành phố phê duyệt QHCT 1:500 tại quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 07/5/2018	
50	Khu nhà ở xã hội tập trung tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (Green Link City)	ONT	UBND huyện Đông Anh	39,50			Đông Anh	Tiên Dương	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện. Đã được UBND Thành phố phê duyệt QHCT 1:500 tại quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 12/6/2019	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
51	Trạm trung chuyển đa phương thức	DGT	UBND huyện Đông Anh	14,80			Đông Anh	Tiên Dương, Nguyên Khê	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội - Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
52	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Nguyên Khê, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DKV+ DTT+ MNC	UBND huyện Đông Anh	23,80			Đông Anh	Nguyên Khê, Xuân Nộn	- Thông báo số 128/TB-VP ngày 12/3/2021 của UBND Thành phố về việc kết luận của đồng chí PCT UBND thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp nghe các Sở, ngành Thành phố báo cáo về đề xuất của Huyện ủy Đông Anh liên quan đến công tác đầu tư trên địa bàn Huyện thực hiện Thông báo số 96/TB/TU ngày 29/12/2020 của Thành ủy Hà Nội	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

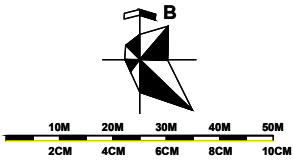
STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									- Thông báo kết luận số 176/TB-TU ngày 19/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tình hình, kết quả triển khai thực hiện một số dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, Thông báo số 362/TB-VP ngày 23/6/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND huyện Đông Anh về việc giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện.	
53	Xây dựng khu cây xanh, dịch vụ sinh thái, vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng Kim Chung, huyện Đông Anh	DKV	UBND huyện Đông Anh	7,70			Đông Anh	Kim Chung	Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND huyện Đông Anh Vv điều chỉnh bổ sung quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND Huyện về việc Giao nhiệm vụ lập, hoàn thiện hồ sơ đề xuất, tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện một số dự án trên địa bàn Huyện Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị GN, tỷ lệ 1/5000	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
54	Khu đô thị mới cao cấp Đông Anh	ONT	UBND huyện Đông Anh	62,44			Đông Anh	Vĩnh Ngọc	- Văn bản số 1200/TB-KH&ĐT ngày 14/6/2024 của Sở KH&ĐT về việc giải quyết hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị mới cao cấp Đông Anh - Quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài, tỷ lệ 1/500 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày 02/12/2015.	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
55	Dự án khu nhà ở xã hội X1	ONT	UBND huyện Đông Anh	35,89			Đông Anh	Mai Lâm	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch phân khu N9; Văn bản số 33/2024/CV-PTDA ngày 02/10/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng đô thị Tân Thái Bình Dương gửi UBND huyện Đông Anh về việc kiểm tra rà soát hiện trạng thông tin nguồn gốc đất và các dự án có trong ranh giới dự án khu nhà ở xã hội X1 (nếu có) tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
56	Dự án khu nhà ở xã hội Đại Mạch	ONT	UBND huyện Đông Anh	107,00			Đông Anh	Đại Mạch	Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch phân khu N4; Văn bản số 34/2024/CV-PTDA ngày 02/10/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng đô thị Tân Thái Bình Dương gửi UBND huyện Đông Anh về việc kiểm tra rà soát hiện trạng thông tin nguồn gốc đất và các dự án có trong ranh giới dự án khu nhà ở xã hội Đại Mạch (nếu có) tại xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, Hà Nội	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>
57	Dự án Đầu tư Xây dựng Kho hàng hóa và trung tâm tiếp vận Bắc Hồng	DGT; TMD	UBND huyện Đông Anh	30,50			Đông Anh	Bắc Hồng	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị GN tỷ lệ 1/5000; Văn bản số 07/2024/ĐX-DA ngày 28/3/2024 của Công ty Cổ phần Venereus gửi UBND huyện Đông Anh về việc kiểm tra rà soát hiện trạng nguồn gốc đất và các dự án có trong ranh giới dự án kho hàng hóa và Trung tâm tiếp vận Bắc Hồng (Nếu có) tại xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Văn bản số 1046/UBND-TCKH ngày 07/05/2024 của UBND huyện Đông Anh gửi công ty Cổ phần Venereus về việc cung cấp thông tin	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
									các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch theo đề nghị của công ty cổ phần Venereus; Văn bản số 10/2024/ĐX-DA ngày 30/5/2024/ của Công ty Venereus gửi UBND huyện Đông Anh về việc đề nghị cập nhật diện tích dự án ĐTXD kho hàng hóa và trung tâm tiếp vận Bắc Hồng tại xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	
58	Xây dựng khu đô thị mới G7	ONT	UBND huyện Đông Anh	86,76			Đông Anh	Kim Chung; Kim Nỗ	Thông báo kết luận của ban Thường vụ huyện ủy số 595-TB-HU ngày 20/5/2024 của huyện ủy Đông Anh về việc tham gia ý kiến với hồ sơ đề xuất dự án " Xây dựng khu đô thị G7" tại xã Kim Chung, Kim Nỗ, huyện Đông Anh	<i>Dự án thuộc trường hợp đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</i>

Phụ lục 02:**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 THUỘC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 67 LUẬT ĐẤT ĐAI***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

ST T	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Vị trí		Căn cứ pháp lý <i>(Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)</i>	Ghi chú
					Địa danh cấp huyện	Địa danh cấp xã		
1	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai							
1	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đông Anh	SKK	Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)	300,00	Đông Anh	các xã: Nguyên Khê, Xuân Nội, Thụy Lâm, Liên Hà và thị trấn Đông Anh	Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 5/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đông Anh, TP Hà Nội	

TỔNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG



ĐẤT HÀ TẮNG KỸ THUẬT
THỰC HIỆN THEO DỰ ÁN RIÊNG

ĐẤT CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ
THỰC HIỆN THEO DỰ ÁN RIÊNG

Ghi chú:

SƠ ĐỒ CHIA TỜ

	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC THỊNH
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI

DỰ ÁN: GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG DƯỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG,
HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT DG-S

HỒ SƠ THỎA THUẬN

THỰC HIỆN	TRẦN VĂN HOÀNG	
KIỂM TRA	BÙI VĂN QUÂN	
CHỦ TRÌ TK	TRẦN VĂN TUYẾN	
ONTK	NGUYỄN KHOA THÁNH	

HÀ NỘI, NGÀY: ... THÁNG ... NĂM 2025

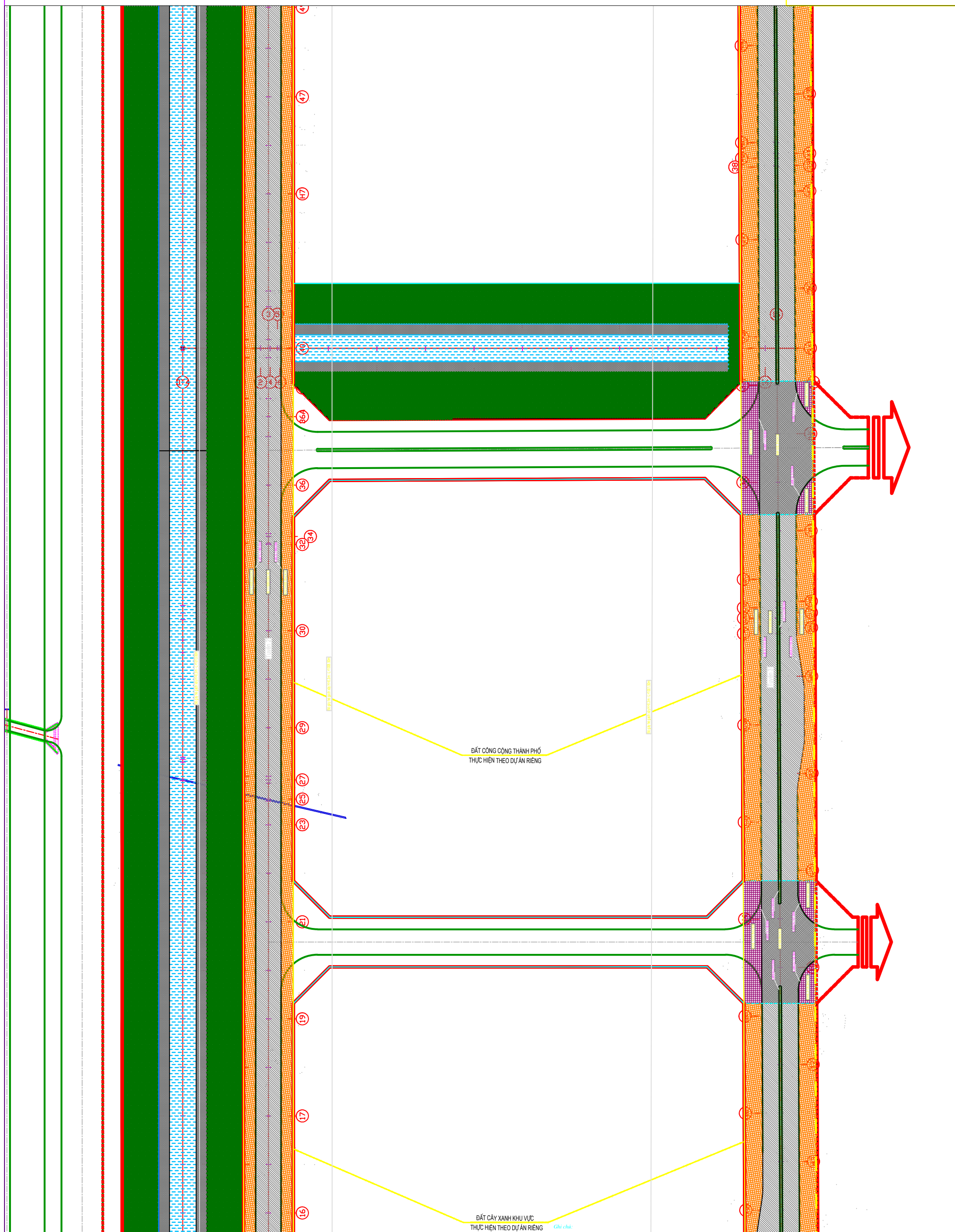
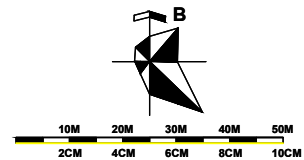
P. GIÁM ĐỐC

HÀ NGỌC CHÍNH

TỔNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG

Tỷ lệ bản vẽ: 1:500
Lần xuất bản: 01

Bản vẽ số: 000001/2025
Ngày xuất bản: 2025

ĐẤT CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ
THỰC HIỆN THEO DỰ ÁN RIÊNG

ĐẤT CÂY XANH KHU VỰC
THỰC HIỆN THEO DỰ ÁN RIÊNG

Ghi chú:

SƠ ĐỒ CHIA TỜ

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
XÃ PHÚC THỊNH**

 **CÔNG TY CP TV BT XD NGỌC MINH**

DỰ ÁN: GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG,
HA TẦNG KỸ THUẬT Ô ĐẤT DG-9

HỒ SƠ THỎA THUẬN

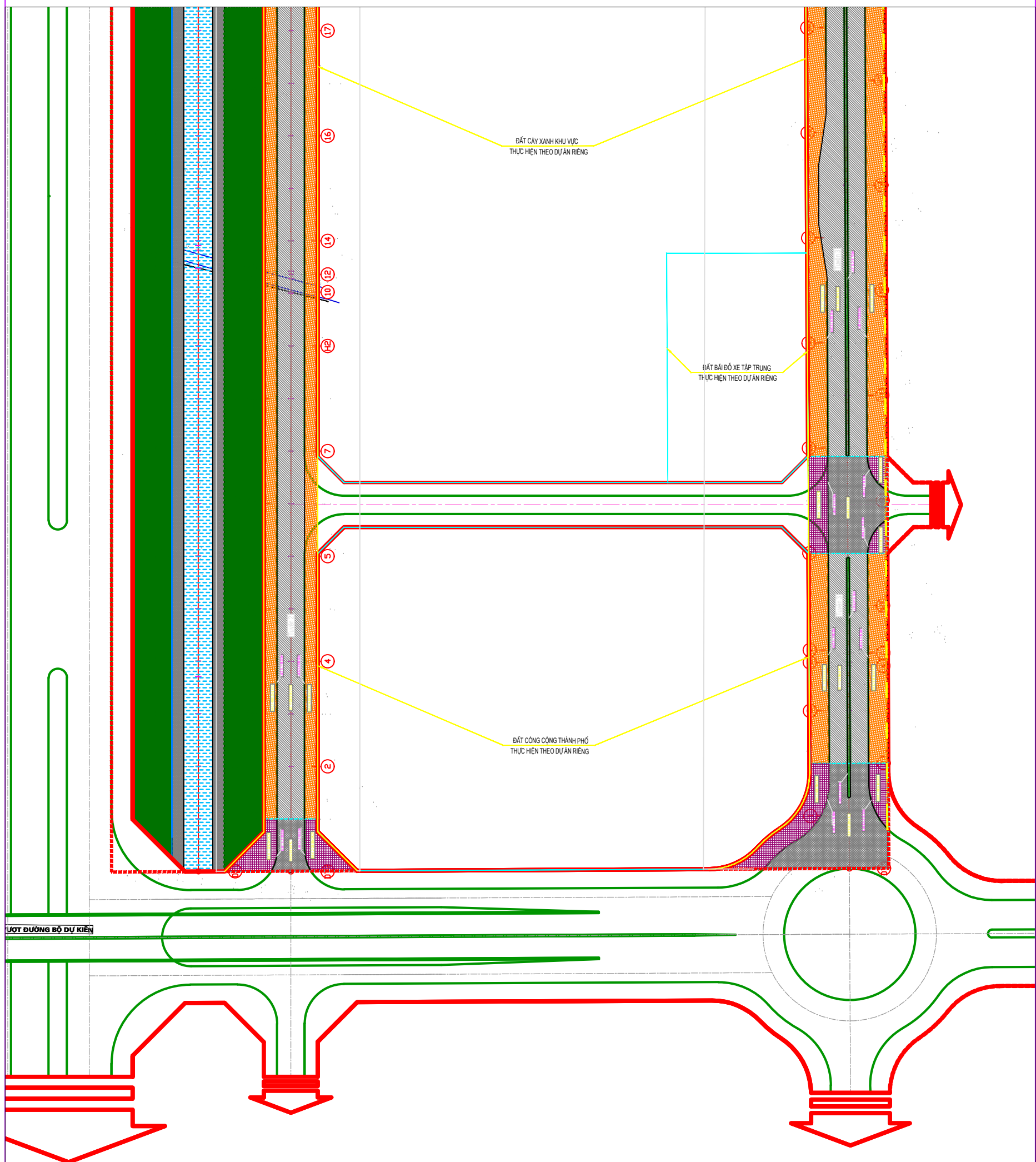
THỰC HIỆN	TRẦN VĂN HOẠT	
KIỂM TRA	BÙI VĂN QUẢN	
CHỦ TRÌ TK	TRẦN VĂN TUYẾN	
CNTK	NGUYỄN NHỎ THẦN	

HÀ NỘI, NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2025

HÀ NGỌC CHÍNH

TỔNG MẪY BÌNH GIẢI THUẬN

Tỷ lệ bản vẽ: 1:500	Bản vẽ số: TMBGT: 02/03
Lần xuất bản: 01	Ngày xuất bản: / /



SƠ ĐỒ CHIA TỶ

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
XÃ PHÚC THỊNH**

 **CÔNG TY CP TV BT XD NGỌC MINH**

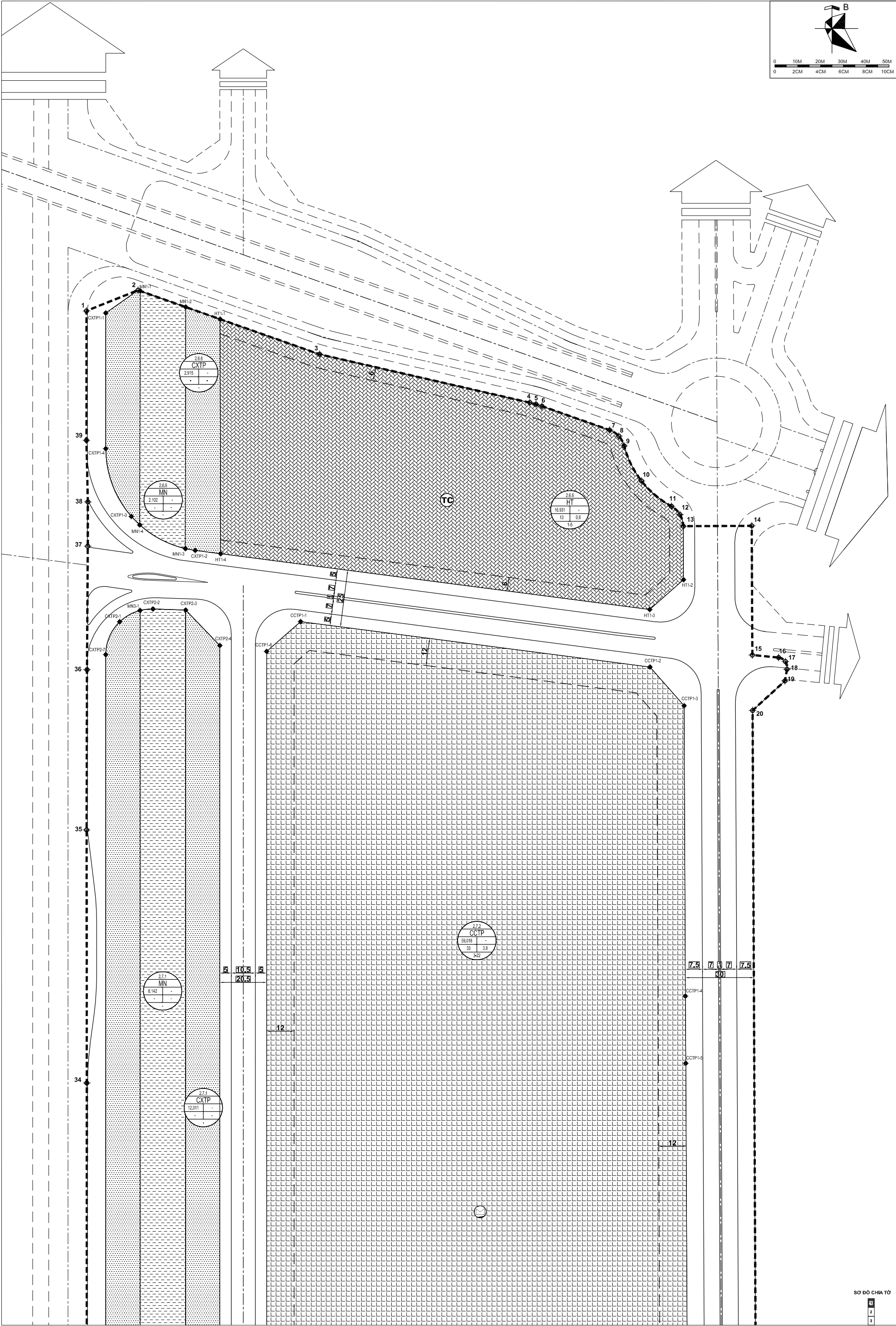
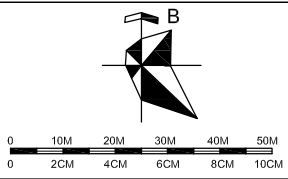
**DỰ ÁN: GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT ĐG-9**

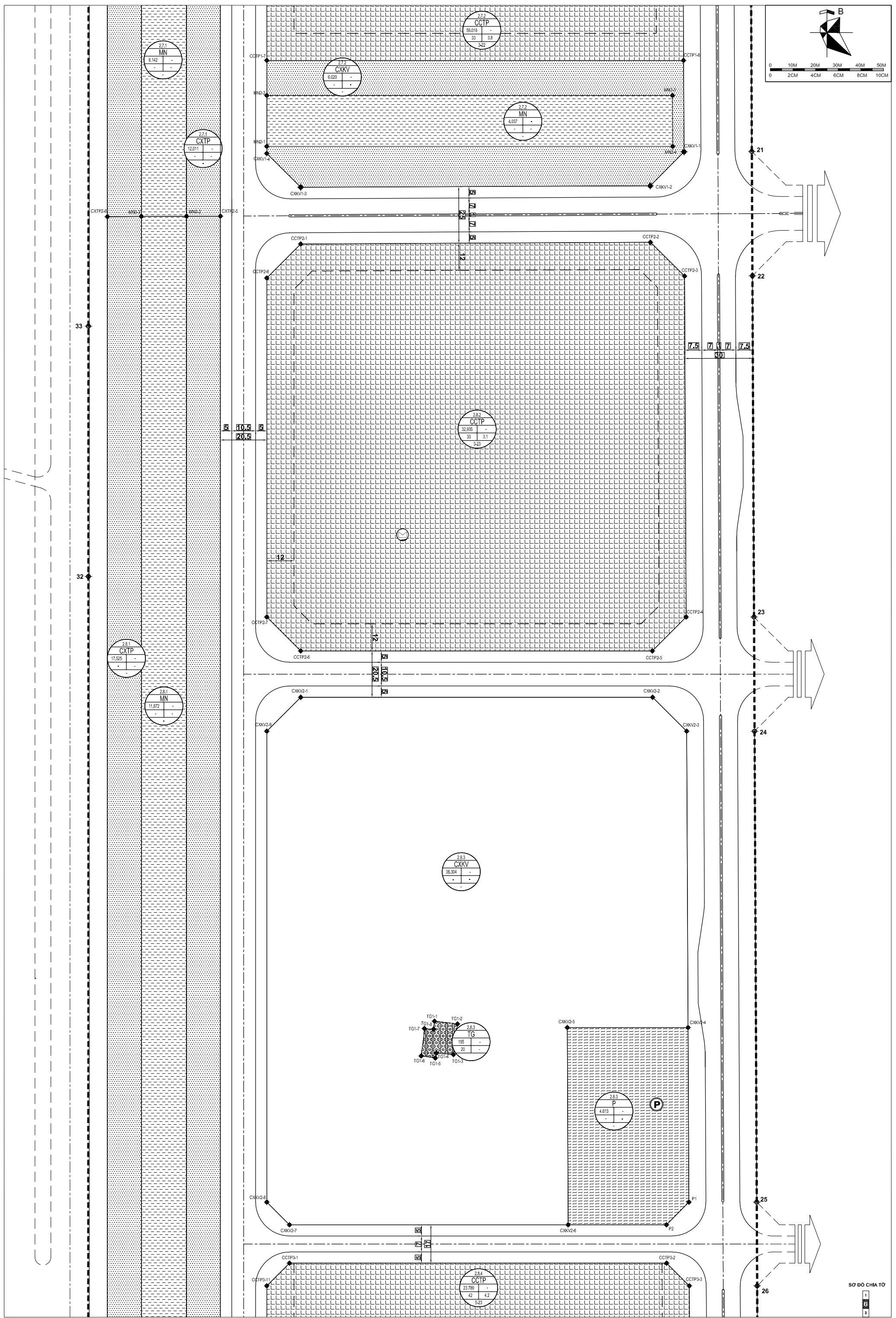
THỰC HIỆN	TRẦN VĂN HOẠT	
KIỂM TRA	BÙI VĂN QUẢN	
CHỦ TRÌ TK	TRẦN VĂN TUYẾN	
CNTK	NGUYỄN NHỎ THẦN	

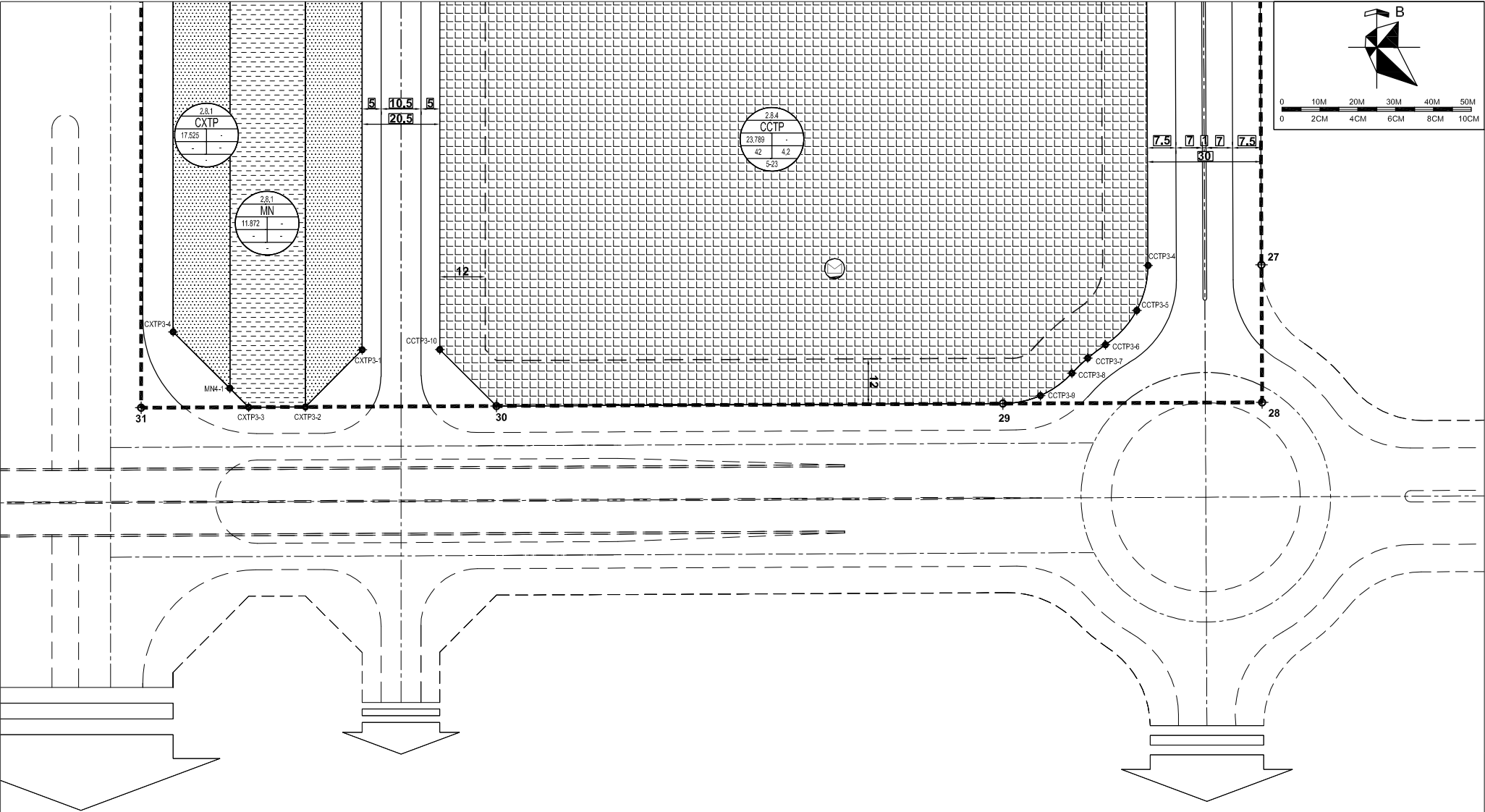
HÀ NỘI, NGÀY ... THÁNG ... NĂM 202...
P. GIÁM ĐỐC

HÀ NGỌC CHÍNH

TỔNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG	
Tỷ lệ bản vẽ: 1:500	Bản vẽ số: TMBGT-03/03
Lần xuất bản: 01	Ngày xuất bản: /2005

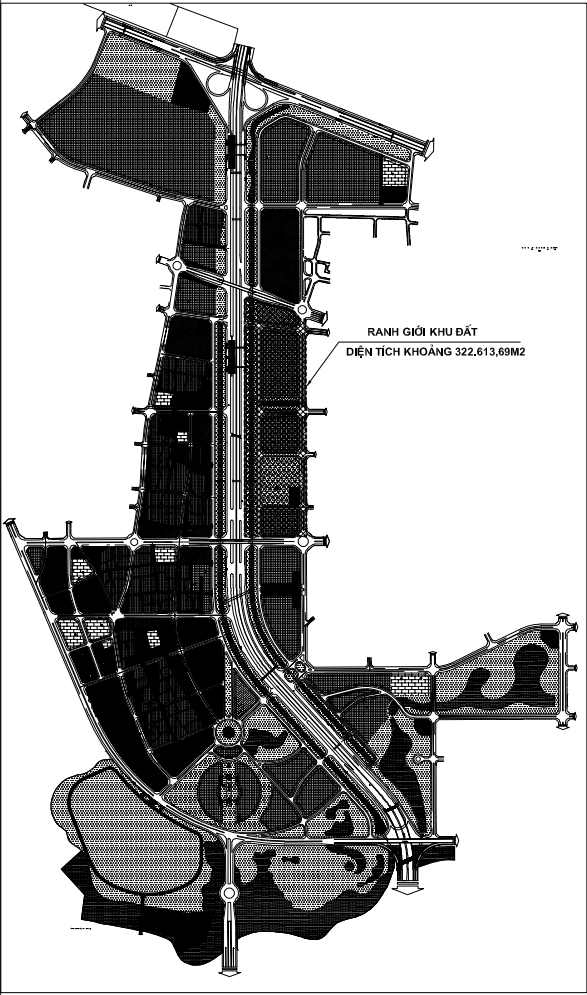






SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

TRÍCH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG NHẬT TÂN - NỘI BÀI TỶ LỆ 1/500 - ĐOẠN 2



BẢNG TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI DỰ ÁN

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2340248,45	584940,96
2	2340257,50	584963,54
3	2340229,41	585043,08
4	2340208,22	585135,17
5	2340207,52	585137,86
6	2340206,67	585140,50
7	2340196,20	585170,16
8	2340193,52	585174,20
9	2340189,26	585176,52
10	2340173,87	585184,10
11	2340162,81	585197,19
12	2340159,16	585200,97
13	2340154,07	585202,40
14	2340154,21	585232,40
15	2340097,62	585232,67
16	2340096,49	585244,20
17	2340094,71	585247,16
18	2340091,33	585247,86
19	2340086,27	585246,97
20	2340073,30	585232,78
21	2339739,20	585234,35
22	2339684,20	585234,61
23	2339533,22	585235,32
24	2339482,72	585235,56
25	2339274,36	585236,54
26	2339237,36	585236,71
27	2339153,87	585237,10
28	2339117,52	585237,27
29	2339117,19	585168,74
30	2339116,56	585034,90
31	2339116,09	584940,97
32	2339551,20	584941,04
33	2339661,89	584941,05
34	2339910,04	584941,11
35	2340020,88	584941,02
36	2340091,15	584941,18
37	2340145,29	584941,54
38	2340164,67	584941,56
39	2340191,70	584940,94

TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP VÀ MN	
	X	Y
CXTIP1-1	2340247,50	584949,41
2	2340257,50	584963,54
MN1-1	2340257,15	584964,52
MN1-2	2340250,12	584984,44
HT1-1	2340244,80	584999,50
HT1-4	2340141,99	584999,75
CXTIP1-2	2340143,44	584988,60
MN1-3	2340144,22	584984,27
MN1-4	2340154,62	584964,30
CXTIP1-3	2340158,35	584960,60
CXTIP1-4	2340188,07	584949,40

TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP VÀ MN	
	X	Y
CXTIP2-1	2340112,17	584955,50
MN3-1	2340117,15	584964,40
CXTIP2-2	2340117,78	584970,09
CXTIP2-3	2340117,29	584984,40
CXTIP2-4	2340101,77	584999,40
CXTIP2-5	2339710,59	584999,40
MN3-2	2339710,52	584984,40
MN3-3	2339710,43	584964,40
CXTIP2-6	2339710,36	584949,40
CXTIP2-7	2340097,79	584949,40

TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP VÀ MN	
	X	Y
CXTIP2-6	2339710,36	584949,40
MN3-3	2339710,43	584964,40
MN3-2	2339710,52	584984,40
CXTIP2-5	2339710,59	584999,40
CXTIP3-1	2339131,39	584999,40
CXTIP3-2	2339116,32	584984,40
CXTIP3-3	2339116,25	584969,40
MN4-1	2339121,23	584964,40
CXTIP3-4	2339136,16	584949,40

BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÔNG CHẾ RANH GIỚI LỖ ĐÁT

TÊN ĐIỂM	LỖ HT	
	X	Y
HT1-1	2340244,79	584999,52
3	2340229,41	585043,08
4	2340208,22	585135,17
5	2340207,52	585137,86
6	2340206,67	585140,50
7	2340196,20	585170,16
8	2340193,52	585174,20
9	2340189,26	585176,52
10	2340173,87	585184,10
11	2340162,81	585197,19
12	2340159,16	585200,97
13	2340154,07	585202,40
HT1-2	2340130,62	585202,51
HT1-3	2340117,55	585187,72
HT1-4	2340141,99	584999,75

TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP	
	X	Y
CXTIP1-1	2340112,23	585034,78
CXTIP1-2	2340092,32	585187,83
CXTIP1-3	2340075,39	585202,77
CXTIP1-4	2339948,09	585203,36
CXTIP1-5	2339918,65	585203,51
CXTIP1-6	2339779,44	585204,16
CXTIP1-7	2339779,44	585019,90
CXTIP1-8	2340099,16	585019,90

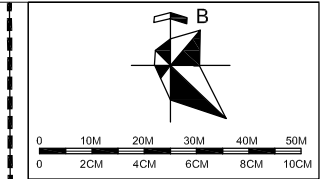
TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP VÀ MN	
	X	Y
CXTIP1-7	2339779,44	585019,90
CXTIP1-6	2339779,44	585204,16
CXTIP1-5	2339779,44	585204,35
CXTIP1-4	2339723,98	585189,42
CXTIP1-3	2339723,37	585034,90
CXTIP1-2	2339723,37	585019,90
MN2-1	2339741,45	585019,90
MN2-2	2339763,95	585019,90
MN2-3	2339763,95	585199,23
MN2-4	2339741,45	585199,34

TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP	
	X	Y
CXTIP2-1	2339698,26	585034,90
CXTIP2-2	2339698,98	585189,54
CXTIP2-3	2339684,06	585204,61
CXTIP2-4	2339533,22	585205,32
CXTIP2-5	2339518,22	585190,39
CXTIP2-6	2339518,22	585034,89
CXTIP2-7	2339533,22	585019,90
CXTIP2-8	2339683,19	585019,90

TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP	
	X	Y
CXTIP2-1	2339497,72	585034,89
CXTIP2-2	2339497,72	585190,49
CXTIP2-3	2339482,72	585205,56
CXTIP2-4	2339351,62	585206,17
CXTIP2-5	2339351,63	585152,74
CXTIP2-6	2339264,36	585153,15
CXTIP2-7	2339264,36	585029,90
CXTIP2-8	2339274,36	585019,90
CXTIP2-9	2339482,72	585019,90

TÊN ĐIỂM	LỖ P	
	X	Y
CXTIP2-5	2339351,63	585152,74
CXTIP2-4	2339351,62	585206,17
P1	2339274,36	585206,53
P2	2339264,36	585196,58
CXTIP2-6	2339264,36	585153,15

TÊN ĐIỂM	LỖ TG	
	X	Y
TG1-1	2339354,40	585094,05
TG1-2	2339353,18	585104,23
TG1-3	2339339,68	585102,41
TG1-4	2339340,35	585094,89
TG1-5	2339338,12	585094,40
TG1-6	2339339,07	585088,16
TG1-7	2339351,19	585089,57
TG1-8	2339350,86	585093,63



TÊN ĐIỂM	LỖ CXTIP	
	X	Y
CXTIP3-1	2339247,36	585029,90
CXTIP3-2	2339247,35	585196,67
CXTIP3-3	2339237,35	585206,71
CXTIP3-4	2339153,73	585207,11
CXTIP3-5	2339141,81	585204,14
CXTIP3-6	2339132,74	585195,86
CXTIP3-7	2339129,24	585191,18
CXTIP3-8	2339125,21	585186,98
CXTIP3-9	2339119,30	585178,69
29	2339117,19	585168,74
30	2339116,56	585034,90
CXTIP3-10	2339131,49	585019,90
CXTIP3-11	2339237,36	585019,90

CHI CHỮ

	RANH GIỚI DỰ ÁN
	ĐẤT BÀI ĐỒ XE TẬP TRUNG
	ĐẤT CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ (CCTP)
	ĐẤT CÂY XANH THÀNH PHỐ
	ĐẤT CÂY XANH KHU VỰC
	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
	ĐẤT DI TÍCH TÔN GIÁO TÍN NGƯỞNG (TG)
	MẶT NƯỚC
	MỐC GIỚI
	CHỈ DẪN ĐƯỜNG ĐÓ
	BỜ VẠ
	TÊN ĐƯỜNG QUY HOẠCH

KÍ HIỆU:



- A: KÝ HIỆU ĐOẠN TRÊN TUYẾN NHẬT TÂN - NỘI BÀI (1,2,3,4)
- B: THỦ TỤC QUY HOẠCH TRÊN ĐƯỜNG (1,2,3,4)
- C: THỦ TỤC QUY HOẠCH TRONG KHU (1,2,3,4)
- D: DIỆN TÍCH KHU, LỖ ĐẤT QUY HOẠCH (1,2,3,4)
- E: SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN TRONG LỖ ĐẤT QUY HOẠCH (1,2,3,4)
- F: MẶT ĐỒ XÂY DỰNG TRONG LỖ ĐẤT QUY HOẠCH (1,2,3,4)
- G: HẸ SỞ SỬ DỤNG ĐẤT TRONG LỖ ĐẤT QUY HOẠCH (1,2,3,4)
- H: KÝ HIỆU CHỈ DẪN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG LỖ ĐẤT QUY HOẠCH (1,2,3,4)
- I: SƠ ĐỒ THỦ TỤC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG LỖ ĐẤT QUY HOẠCH (1,2,3,4)

CƠ QUAN XÁC NHẬN:

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC THỊNH

KÊM THEO VĂN BẢN SỐ: /KT-NGAY / 2025

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC THỊNH

KÊM THEO VĂN BẢN SỐ: /BOLDA-ĐẠI NGÀY / 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT ĐG-9

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC THỊNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TỔNG MẶT BẰNG

BẢN VẼ: TMB | GHÉP: 03A0 | TỶ LỆ: 1/500 | HT:...../2025

THIẾT KẾ: BUI VĂN QUÂN

CHỦ TRÌ TK: TRẦN VĂN TUYẾN

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN NHÓ THÂN

Q.L KỸ THUẬT: HÀ NGỌC CHÍNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

HÀ NGỌC CHÍNH

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NGỌC MINH

VĂN PHÒNG: TOWER A, TTT-HOÀNG GIAO THỦY - PHƯỜNG HỒN HẠ - TP. HÀ NỘI

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- QUYẾT ĐỊNH SỐ 6630/QĐ-UBND NGÀY 02/12/2015 CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG NHẬT TÂN - NỘI BÀI, TỶ LỆ 1/500 - ĐOẠN 1, ĐOẠN 2, ĐOẠN 3.
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 6730/QĐ-UBND NGÀY 12/5/2025 CỦA UBND HUYỆN ĐỒNG ANH VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN: GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT ĐG-9.

PHẠM VI, RANH GIỚI DỰ ÁN:

- PHẠM VI, RANH GIỚI DỰ ÁN GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT ĐG-9 CÓ DIỆN TÍCH KHOẢNG: 322.613,69M².
- ĐƯỢC XÁC ĐỊNH BỞI 39 MỐC TỪ MỐC 1, 2, 3, 4, ..., 39 VẼ 1 KÝ:
- + ĐẤT CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ: KHOẢNG 115.742,00 M² CHIẾM 35,88% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT (TRẠM TRUNG CHUYỂN XE BUÝT): KHOẢNG 16.931,00 M² CHIẾM 5,25% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỞNG: KHOẢNG 195,00 M² CHIẾM 0,06% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT CÂY XANH THÀNH PHỐ: KHOẢNG 32.451,00 M² CHIẾM 10,06% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT CÂY XANH KHU VỰC: KHOẢNG 44.324,00 M² CHIẾM 13,74% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT BÀI ĐỒ XE TẬP TRUNG: KHOẢNG 4.613,00 M² CHIẾM 1,43% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT MẶT NƯỚC: KHOẢNG 26.153,00 M² CHIẾM 8,11% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;
- + ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG: KHOẢNG 82.204,69 M² CHIẾM 25,48% DIỆN TÍCH QUY HOẠCH;

GHI CHÚ:

- * SƠ LIỆU CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ XEM TẠI BẢNG THÔNG KẾ.
- * CÁC MỐC ĐƯỢC XÁC ĐỊNH BẢNG TỌA ĐỘ QUỐC GIA VN2000, KÍCH THUỐC HIỆN TRÊN BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MÉT.

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC THỊNH XÁC NHẬN

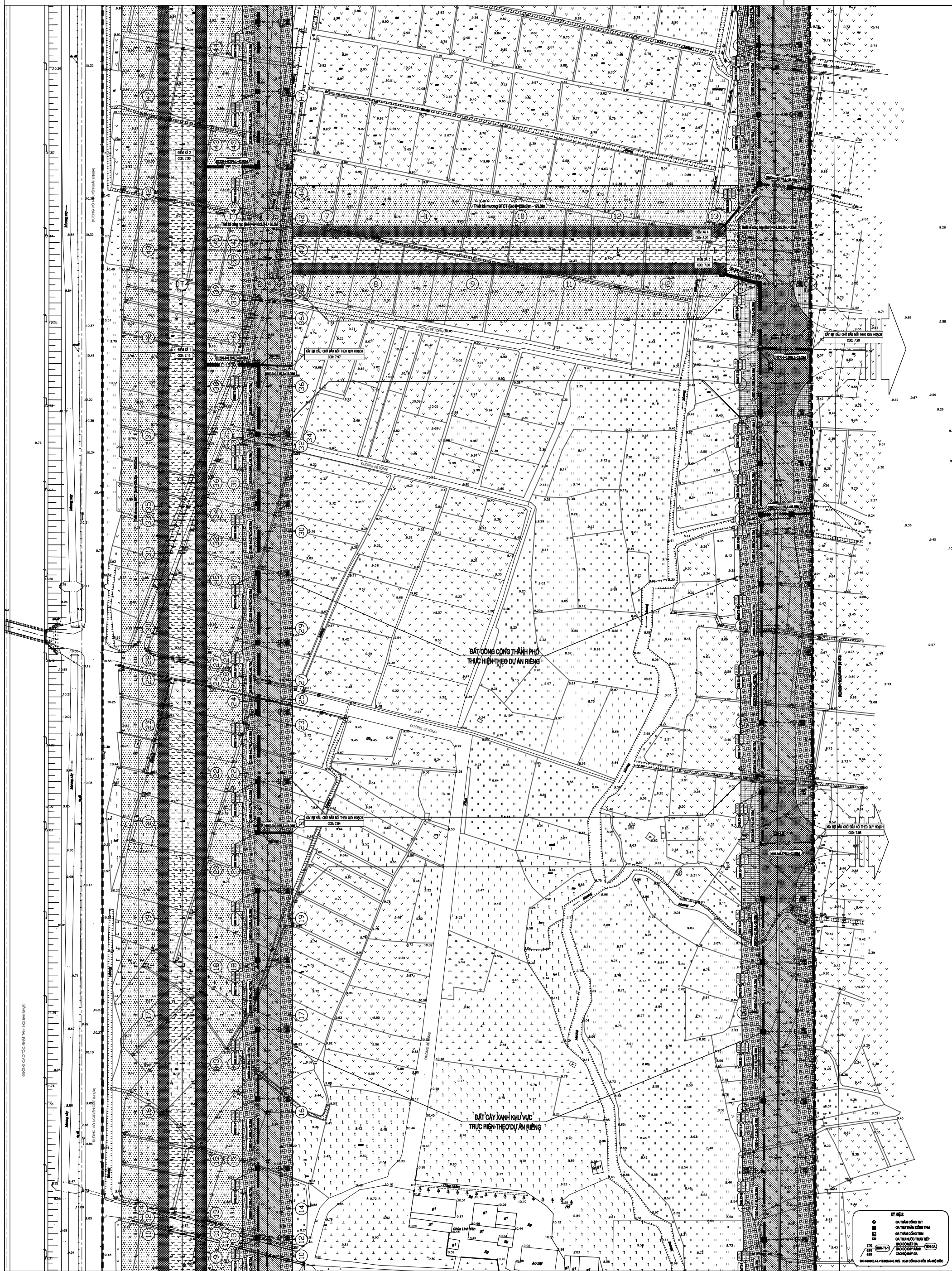
XÁC NHẬN BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: GPMB, XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT ĐG-9

PHỤ HỢP VỚI QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG HAI BÊN TUYẾN ĐƯỜNG NHẬT TÂN - NỘI BÀI, TỶ LỆ 1/500 - ĐOẠN 1, ĐOẠN 2, ĐOẠN 3 ĐÃ ĐƯỢC UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 6630/QĐ-UBND NGÀY 02/12/2015.

PHÚC THỊNH, NGÀY / / 2025

SƠ ĐỒ CHỈ DẪN





Yếu tố bản vẽ: 1.500	Bản vẽ số: TMBTNM: 02/03

TRƯỜNG CAO TỐC NHẬT TÂN - NỘI BÀI (NHJA)